BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 38 /2013/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2013*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Lạng Sơn;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Website Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐĐBĐVN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH LẠNG SƠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38 /2013/TT-BTNMT ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh tỉnh Lạng Sơn được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Lạng Sơn và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

g) Trường hợp địa danh mới được bổ sung vào Danh mục và chưa có trên bản đồ địa hình quy định tại mục 1 Phần này thì phải thể hiện đầy đủ tên địa danh, nhóm đối tượng, tên ĐVHC cấp xã, tên ĐVHC cấp huyện.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Phần II

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH LẠNG SƠN

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Lạng Sơn	3
2	Huyện Bắc Sơn	5
3	Huyện Bình Gia	17
4	Huyện Cao Lộc	30
5	Huyện Chi Lăng	43
6	Huyện Đình Lập	58
7	Huyện Hữu Lũng	68
8	Huyện Lộc Bình	82
9	Huyện Tràng Định	98
10	Huyện Văn Lãng	115
11	Huyện Văn Quan	128

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Ba Toa	KX	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 45"	106° 44' 49"					F-48-58-A-d
khối Đèo Giang	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 48"	106° 44' 51"					F-48-58-A-d
chùa Tiên	KX	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 14"	106° 45' 13"					F-48-58-B+46-D
khối Trần Hưng Đạo	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 37"	106° 44' 49"					F-48-58-A-d
khối Trần Quang Khải 1	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 06"	106° 44' 15"					F-48-58-A-d
khối Trần Quang Khải 2	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn							
núi Văn Vĩ	SV	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 49' 28"	106° 45' 32"					F-48-58-B+46-D
làng Khòn Lải	DC	P. Đông Kinh	TP. Lạng Sơn	21° 50' 27"	106° 45' 36"					F-48-58-B+46-D
khối 2	DC	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 41"	106° 45' 32"					F-48-58-B+46-D
khối 5	DC	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 48"	106° 45' 29"					F-48-58-B+46-D
khối 6	DC	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 49"	106° 45' 10"					F-48-58-B+46-D
chợ Kỳ Lừa	KX	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 34"	106° 45' 11"					F-48-58-B+46-D
khối 6	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 08"	106° 44' 41"					F-48-58-A-d
khối 7	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 39"	106° 44' 52"					F-48-58-A-d
khối 9	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 01"	106° 44' 47"					F-48-58-A-d
khối 10	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 50' 58"	106° 45' 02"					F-48-58-A-d
cầu Bến Bắc	KX	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 50' 56"	106° 44' 50"					F-48-58-A-d
động Tam Thanh	SV	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 21"	106° 44' 36"					F-48-58-A-d
núi Tô Thị	SV	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 22"	106° 44' 38"					F-48-58-A-d
khối 6	DC	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 29"	106° 46' 29"					F-48-58-B+46-D
khối 8	DC	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 25"	106° 46' 18"					F-48-58-B+46-D
khối 9	DC	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 36"	106° 46' 15"					F-48-58-B+46-D
chợ Đông Kinh	KX	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 11"	106° 45' 26"					F-48-58-B+46-D
núi Phai Vệ	SV	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 09"	106° 45' 43"					F-48-58-B+46-D
bản Áng	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 51' 48"	106° 43' 42"					F-48-58-A-d
thôn Chi Mạc - Nà Kéo	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 54"	106° 44' 28"					F-48-58-A
thôn Đoỏng Én	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 14"	106° 45' 05"					F-48-58-A
khao Hổ	SV	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 54' 46"	106° 44' 26"					F-48-58-A
thôn Hoàng Thanh	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 51' 36"	106° 44' 30"					F-48-58-A-d
thôn Khòn Pịt	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 42"	106° 44' 45"					F-48-58-A
bản Khuổi Khuốc	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 12"	106° 43' 12"					F-48-58-A-d
bản Khuổi Phát	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 50"	106° 43' 03"					F-48-58-A
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn			21° 50' 52"	106° 44' 20"	21° 52' 20"	106° 42' 20"	F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lục Khoang	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 31"	106° 45' 21"					F-48-58-B+46-D
bản Mới	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 59"	106° 44' 06"					F-48-58-A
bản Nà Đon	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 54' 54"	106° 44' 21"					F-48-58-A
thôn Nà Lượt	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 39"	106° 44' 48"					F-48-58-A
bản Nà Pàn	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 49"	106° 44' 29"					F-48-58-A-d
thôn Nà Sèn - Tổng Huổng	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 51' 58"	106° 44' 15"					F-48-58-A-d
đập Nà Tâm	TV	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 54' 12"	106° 44' 38"					F-48-58-A
thôn Nà Tâm - Lục Mi	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 55"	106° 44' 43"					F-48-58-A
thôn Pàn Pẻ	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 06"	106° 44' 47"					F-48-58-A-d
bản Phai Trần	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 02"	106° 45' 07"					F-48-58-B+46-D
thôn Quán Hồ - Phả Lạn	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 42"	106° 44' 16"					F-48-58-A
thôn Tàng Khảm	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 26"	106° 44' 02"					F-48-58-A
thôn Vĩ Thượng	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 24"	106° 45' 10"					F-48-58-B+46-D
làng Bình Cằm	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 43"	106° 47' 13"					F-48-58-B+46-D
thôn Khòn Pát	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 40"	106° 46' 34"					F-48-58-B+46-D
thôn Khòn Phổ	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 54"	106° 45' 58"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn			21° 50' 28"	106° 47' 50"	21° 50' 05"	106° 45' 35"	F-48-58-B+46-D
hồ Lẩu Xá	TV	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 20"	106° 47' 55"					F-48-58-B+46-D
thôn Mai Thành	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 20"	106° 46' 08"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Chuông 1	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn							
thôn Nà Chuông 2	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn							
làng Pá Lải	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 33"	106° 45' 49"					F-48-58-B+46-D
thôn Phai Duốc	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 39"	106° 46' 39"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Đứa	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 23"	106° 46' 25"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Mỏ	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 37"	106° 46' 21"					F-48-58-B+46-D
thôn Rọ Phải	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 52"	106° 45' 37"					F-48-58-B+46-D
thôn Trung Cấp	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 14"	106° 47' 18"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Nhằng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 52' 11"	106° 42' 47"					F-48-58-A-d
bản Cao Kiệt	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 18"	106° 43' 28"					F-48-58-A-d
bản Khau Dài	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 06"	106° 43' 29"					F-48-58-A-d
thôn Khau Puồng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 13"	106° 42' 51"					F-48-58-A-d
bản Khòn Thia	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 06"	106° 42' 34"					F-48-58-A-d
bản Khuôn Nghiều	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 19"	106° 42' 43"					F-48-58-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Khuôn Nhà	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 57"	106° 43' 16"					F-48-58-A-d
bản Khuôn SLác	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 15"	106° 44' 08"					F-48-58-A-d
sông Kỳ Cùng	TV	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn			21° 52' 15"	106° 42' 02"	21° 50' 35"	106° 43' 55"	F-48-58-A-d
bản Loỏng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 01"	106° 43' 37"					F-48-58-A-d
thôn Nà Me	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 51' 01"	106° 43' 21"					F-48-58-A-d
bản Nà Poọng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 44"	106° 44' 07"					F-48-58-A-d
bản Nà Pùng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 47' 38"	106° 42' 18"					F-48-58-A-d
bản Nà Quang	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 51' 24"	106° 43' 11"					F-48-58-A-d
bản Pác Cáp	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 33"	106° 43' 09"					F-48-58-A-d
bản Pác Moòng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 59"	106° 43' 28"					F-48-58-A-d
bản Phai Yên	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 51' 19"	106° 42' 38"					F-48-58-A-d
bản Phiêng Cù	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 59"	106° 43' 26"					F-48-58-A-d
khau Puồng	SV	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 26"	106° 42' 37"					F-48-58-A-d
suối Quảng Lạc	TV	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn			21° 47' 39"	106° 42' 00"	21° 50' 35"	106° 43' 55"	F-48-58-A-d
cầu Quán Loóng	KX	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 06"	106° 44' 12"					F-48-58-A-d
cầu Bắc Sơn	KX	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 07"	106° 19' 05"					F-48-57-B-a
núi Bó Sáng	SV	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 39"	106° 19' 04"					F-48-57-B-a
cầu Nà Cướm	KX	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 10"	106° 19' 24"					F-48-57-B-a
suối Nặm Dù	TV	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn			21° 54' 25"	106° 19' 42"	21° 54' 29"	106° 18' 16"	F-48-57-B-a
thôn Vĩnh Thuận	DC	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 27"	106° 18' 27"					F-48-57-B-a
thôn Yên Lãng	DC	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 27"	106° 19' 04"					F-48-57-B-a
đường tỉnh 241	KX	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn			21° 52' 07"	106° 21' 42"	21° 54' 07"	106° 20' 22"	F-48-57-B-a
thôn Bắc Sơn 1	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 50"	106° 20' 38"					F-48-57-B-a
thôn Bắc Sơn 2	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 58"	106° 20' 28"					F-48-57-B-a
thôn Đông Đằng 1	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 16"	106° 21' 08"					F-48-57-B-a
thôn Đông Đằng 2	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 22"	106° 21' 00"					F-48-57-B-a
thôn Lân Hát	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 02"	106° 21' 50"					F-48-57-B-a
thôn Mỏ Hao	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 11"	106° 21' 37"					F-48-57-B-c
thôn Nội Hòa	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 44"	106° 21' 14"					F-48-57-B-a
suối Phai Trang	TV	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn			21° 52' 08"	106° 21' 44"	21° 53' 12"	106° 20' 49"	F-48-57-B-a
suối Rá Riềng	TV	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn			21° 53' 12"	106° 20' 49"	21° 54' 04"	106° 20' 16"	F-48-57-B-a
núi Tán Rượi	SV	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 30"	106° 21' 25"					F-48-57-B-a
thôn Trí Yên	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 14"	106° 20' 40"					F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1B	KX	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn			21° 48' 21"	106° 10' 11"	21° 50' 41"	106° 12' 39"	F-48-57-A-d
thôn Bình An	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 41"	106° 11' 57"					F-48-57-A-d
đèo Bò Đái	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 13"	106° 11' 23"					F-48-57-A-d
núi Cạm Càng	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 30"	106° 09' 30"					F-48-57-A-d
suối Cáp	TV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn			21° 49' 56"	106° 11' 02"	21° 49' 33"	106° 10' 52"	F-48-57-A-d
núi Chiu Uyt	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 05"	106° 09' 29"					F-48-57-A-d
thôn Hoan Thượng	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 10"	106° 09' 28"					F-48-57-A-d
suối Hoan Thượng	TV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn			21° 48' 58"	106° 09' 39"	21° 48' 19"	106° 09' 42"	F-48-57-A-d
thôn Hoan Trung 1	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 59"	106° 10' 58"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Phong 1	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 20"	106° 11' 56"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Phong 2	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 39"	106° 12' 33"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Phong 3	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 24"	106° 12' 33"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Phong 4	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 08"	106° 12' 29"					F-48-57-A-d
thôn Hương Cốc 1	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 25"	106° 11' 01"					F-48-57-A-d
thôn Hương Cốc 2	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 09"	106° 11' 41"					F-48-57-A-d
đèo Keng Tiếm	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 49"	106° 13' 23"					F-48-57-A-d
núi Khưa Mu	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 51' 19"	106° 11' 25"					F-48-57-A-d
núi Lân Bường	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 28"	106° 10' 57"					F-48-57-A-d
thôn Lân Vi	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 26"	106° 12' 14"					F-48-57-A-d
núi Ma	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 54"	106° 09' 09"					F-48-57-A-d
núi Nà Bon	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 28"	106° 12' 36"					F-48-57-A-d
thôn Pá Te	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 32"	106° 10' 15"					F-48-57-A-d
núi Phai Páng	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 59"	106° 10' 12"					F-48-57-A-d
núi Sa Bảng	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 58"	106° 11' 32"					F-48-57-A-d
thôn Áng Nộc	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 57"	106° 19' 18"					F-48-57-B-c
suối Bản Ghè	TV	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn			21° 51' 06"	106° 18' 09"	21° 50' 38"	106° 18' 25"	F-48-57-B-c
thôn Bình Thượng	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 43"	106° 19' 12"					F-48-57-B-c
thôn Dục Thúm	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 52' 10"	106° 20' 27"					F-48-57-B-c
suối Dục Thúm	TV	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn			21° 51' 58"	106° 18' 58"	21° 52' 07"	106° 20' 21"	F-48-57-B-c
thôn Lân Nghiến	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 05"	106° 17' 12"					F-48-57-B-c
thôn Làng Khau	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 46"	106° 20' 02"					F-48-57-B-c
thôn Nà Nọt	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 51"	106° 20' 33"					F-48-57-B-c
thôn Táp Già	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 52"	106° 17' 35"					F-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1B	KX	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn			21° 52' 39"	106° 12' 47"	21° 54' 31"	106° 17' 51"	F-48-57-A-b
suối Bản Sao	TV	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn			21° 53' 45"	106° 13' 39"	21° 54' 38"	106° 13' 21"	F-48-57-A-b
thôn Bó Đấy	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 53' 43"	106° 14' 46"					F-48-57-A-b
thôn Bó Mạ	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 53' 56"	106° 15' 07"					F-48-57-B-a
núi Gón Cáu	SV	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 53' 34"	106° 12' 47"					F-48-57-A-b
bản Khău Mo	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 21"	106° 15' 04"					F-48-57-B-a
thôn Khau Ràng	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 53' 40"	106° 14' 12"					F-48-57-A-b
thôn Khuôn Ngần	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 08"	106° 14' 52"					F-48-57-A-b
thôn Lân Páng	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 34"	106° 16' 33"					F-48-57-B-a
thôn Lân Rò	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 55' 12"	106° 16' 41"					F-48-57-B-a
suối Lân Rò	TV	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn			21° 54' 31"	106° 17' 48"	21° 54' 42"	106° 16' 57"	F-48-57-B-a
cầu Mương Mèo	KX	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 40"	106° 16' 15"					F-48-57-B-a
thôn Nà Giáo	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 53' 52"	106° 14' 27"					F-48-57-A-b
bản Nà Lại	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 53' 00"	106° 12' 38"					F-48-57-A-b
cầu Nà Mừa 1	KX	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 21"	106° 15' 32"					F-48-57-B-a
cầu Nà Mừa 2	KX	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 17"	106° 15' 26"					F-48-57-B-a
thôn Nà Nhì	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 53' 21"	106° 13' 21"					F-48-57-A-b
đèo Nặm Dù	SV	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 31"	106° 17' 51"					F-48-57-B-a
cầu Nguyễn	KX	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 32"	106° 15' 48"					F-48-57-B-a
núi Pắc Chao	SV	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 18"	106° 16' 10"					F-48-57-B-a
thôn Pác Yếng	DC	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 33"	106° 15' 39"					F-48-57-B-a
cầu Pó Hương	KX	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 38"	106° 16' 34"					F-48-57-B-a
đập Pò Rái	KX	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 09"	106° 14' 44"					F-48-57-A-b
núi Sa Khăm	SV	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 11"	106° 16' 53"					F-48-57-B-a
núi Toong Chai	SV	xã Đồng Ỷ	H. Bắc Sơn	21° 54' 37"	106° 14' 34"					F-48-57-A-b
đường tỉnh 241	KX	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn			21° 49' 59"	106° 19' 29"	21° 52' 07"		F-48-57-B-c
bản Bó Bín	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 51"	106° 20' 04"					F-48-57-B-c
đèo Búp Chuối	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 52' 12"	106° 23' 05"					F-48-57-B-d
núi Búp Chuối	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 52' 23"	106° 23' 46"					F-48-57-B-d
núi Cái Khoáng	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 26"	106° 23' 45"					F-48-57-B-d
núi Co Cái (Ko Cái)	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 10"	106° 22' 42"					F-48-57-B-d
núi Khoản Huyền	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 06"	106° 23' 13"					F-48-57-B-d
núi Lăng Mồ	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 01"	106° 22' 08"					F-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lương Minh	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 39"	106° 22' 07"					F-48-57-B-c
thôn Ma Hiu	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 11"	106° 20' 25"					F-48-57-B-c
thôn Minh Đán	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 59"	106° 21' 46"					F-48-57-B-c
thôn Mỏ Nhài	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 23"	106° 21' 00"					F-48-57-B-c
thôn Nà Nuầy	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 49' 55"	106° 19' 53"					F-48-57-B-c
núi Nà Roọc	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 24"	106° 21' 37"					F-48-57-B-c
bản Nà Tuấy	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 02"	106° 20' 38"					F-48-57-B-c
thôn Nông Lục	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 28"	106° 21' 35"					F-48-57-B-c
đỉnh Nông Lục	KX	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 35"	106° 21' 37"					F-48-57-B-c
suối Phai Lân	TV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn			21° 49' 57"	106° 20' 15"	21° 50' 58"	106° 21' 23"	F-48-57-B-c
hồ Tam Hoa	TV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 29"	106° 20' 20"					F-48-57-B-c
thôn Tiên Hội	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 19"	106° 21' 02"					F-48-57-B-c
suối Tiên Hội	TV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn			21° 50' 58"	106° 21' 23"	21° 52' 08"	106° 21' 44"	F-48-57-B-c
bản Toóc Mương	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 23"	106° 20' 07"					F-48-57-B-c
thôn Xuân Giao	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 24"	106° 21' 26"					F-48-57-B-c
hồ Bắc Mỏ	TV	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 40"	106° 18' 10"					F-48-57-B-a
cầu Gò Nộc	KX	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 55"	106° 19' 24"					F-48-57-B-a
thôn Hữu Vĩnh 1	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 46"	106° 19' 06"					F-48-57-B-a
thôn Hữu Vĩnh 2	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 35"	106° 19' 22"					F-48-57-B-a
thôn Lân King	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 52' 44"	106° 19' 13"					F-48-57-B-a
thôn Lân Páng	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 52' 39"	106° 19' 53"					F-48-57-B-a
núi Mỏ Ẳng	SV	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 25"	106° 18' 45"					F-48-57-B-a
thôn Nà Hó	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 57"	106° 18' 16"					F-48-57-B-a
thôn Pắc Lũng	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 29"	106° 18' 56"					F-48-57-B-a
thôn Pác Mỏ	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 38"	106° 18' 02"					F-48-57-B-a
thôn Tá Liếng	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 47"	106° 18' 29"					F-48-57-B-a
thôn An Ninh 1	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 11"	106° 19' 45"					F-48-57-B-a
thôn An Ninh 2	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 36"	106° 19' 34"					F-48-57-B-a
thôn Bản Đăng	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 56' 47"	106° 18' 57"					F-48-57-B-a
thôn Bản Liếng	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 07"	106° 17' 49"					F-48-57-B-a
thôn Bản Thí	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 57' 21"	106° 18' 54"					F-48-57-B-a
núi Bó Qua	SV	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 07"	106° 19' 31"					F-48-57-B-a
khuổi Cái	TV	xã Long Đống	H. Bắc Sơn			21° 55' 09"	106° 15' 56"	21° 55' 56"	106° 15' 48"	F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Gỗ	KX	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 09"	106° 19' 52"					F-48-57-B-a
đèo Kéo Ngoà	SV	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 56' 30"	106° 18' 31"					F-48-57-B-a
thôn Lân Luông	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 52"	106° 20' 24"					F-48-57-B-a
thôn Long Hưng	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 54' 51"	106° 19' 47"					F-48-57-B-a
thôn Minh Quang	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 56' 02"	106° 19' 29"					F-48-57-B-a
thôn Nà Rào	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 54' 56"	106° 19' 10"					F-48-57-B-a
đèo Nàng Tiên	SV	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 57' 02"	106° 19' 16"					F-48-57-B-a
thôn Ngọc Môn	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 56' 34"	106° 17' 47"					F-48-57-B-a
suối Pắc Khuổi	TV	xã Long Đống	H. Bắc Sơn			21° 55' 06"	106° 17' 39"	21° 55' 56"	106° 16' 45"	F-48-57-B-a
thôn Rạ Lá	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 56' 05"	106° 18' 18"					F-48-57-B-a
đèo Tam Canh	SV	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 33"	106° 20' 10"					F-48-57-B-a
thôn Tân Rã	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 42"	106° 17' 29"					F-48-57-B-a
suối Tân Rã	TV	xã Long Đống	H. Bắc Sơn			21° 55' 36"	106° 17' 58"	21° 55' 59"	106° 17' 18"	F-48-57-B-a
thôn Thuỷ Hội	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 55' 43"	106° 15' 53"					F-48-57-B-a
thôn Tiên Đáo 1	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 54' 37"	106° 19' 37"					F-48-57-B-a
thôn Tiên Đáo 2	DC	xã Long Đống	H. Bắc Sơn	21° 54' 50"	106° 19' 31"					F-48-57-B-a
đường tỉnh 241	KX	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn			21° 45' 27"	106° 13' 17"	21° 46' 39"	106° 17' 13"	F-48-57-A-d
thôn An Uý	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 50"	106° 14' 26"					F-48-57-A-d
thôn Dộc Máy	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 11"	106° 18' 30"					F-48-57-B-c
bản Đắc Hạ	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 18"	106° 17' 18"					F-48-57-B-c
bản Đắc Trung	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 42"	106° 18' 00"					F-48-57-B-c
thôn Địa Phận	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 30"	106° 16' 48"					F-48-57-B-c
thôn Gia Hòa	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 51"	106° 15' 13"					F-48-57-B-c
núi Kho Lân Đăm	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 44' 57"	106° 15' 01"					F-48-57-D-a
bản Lân Páng	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 47' 49"	106° 13' 34"					F-48-57-A-d
thôn Làng Khả	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 47' 23"	106° 13' 31"					F-48-57-A-d
làng Lập Lìu	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 26"	106° 17' 36"					F-48-57-B-c
thôn Mỹ Ba	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 14"	106° 15' 35"					F-48-57-B-c
thôn Nà Tu	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 03"	106° 16' 08"					F-48-57-B-c
núi Pá Đấy	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 57"	106° 13' 35"					F-48-57-A-d
núi Pá Nứa	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 44' 41"	106° 14' 32"					F-48-57-C-b
làng Quán	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 54"	106° 15' 34"					F-48-57-B-c
đèo Tân Thành	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 27"	106° 13' 17"					F-48-57-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Tát Uý	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 47' 24"	106° 14' 05"					F-48-57-A-d
thôn Thái Bằng 1	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 39"	106° 13' 46"					F-48-57-A-d
thôn Thái Bằng 2	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 44"	106° 14' 39"					F-48-57-A-d
suối Thái Hòa	TV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn			21° 46' 06"	106° 15' 18"	21° 45' 16"	106° 13' 12"	F-48-57-A-d
đèo Bốn Đỉnh	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 54"	106° 18' 00"					F-48-57-D-a
núi Canh Tung	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 07"	106° 19' 10"					F-48-57-D-a
làng Cô Kê	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 18"	106° 14' 17"					F-48-57-C-b
suối Cô Kê	TV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn			21° 42' 37"	106° 14' 06"	21° 41' 28"	106° 13' 50"	F-48-57-C-b
làng Cô Thi	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 17"	106° 15' 54"					F-48-57-D-a
suối Đấy	TV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn			21° 42' 20"	106° 15' 28"	21° 42' 43"	106° 15' 48"	F-48-57-D-a
thôn Đồng Tiến	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 27"	106° 16' 13"					F-48-57-D-a
suối Hoãn	TV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn			21° 43' 56"	106° 14' 42"	21° 43' 21"	106° 14' 35"	F-48-57-C-b
đèo Khưa Lay	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 44' 08"	106° 15' 34"					F-48-57-D-a
làng Lân Giềng	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 34"	106° 18' 05"					F-48-57-D-a
làng Lân Lác	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 34"	106° 16' 55"					F-48-57-D-a
làng Lân Lừa	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 57"	106° 16' 39"					F-48-57-D-a
làng Lân Nẳng	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 40' 42"	106° 13' 35"					F48-57-C-b
thôn Làng Chu	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 58"	106° 15' 15"					F-48-57-D-a
thôn Làng Đấy	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 54"	106° 16' 19"					F-48-57-D-a
thôn Làng Đồng	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 45' 15"	106° 16' 47"					F-48-57-B-c
làng Lầu	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 57"	106° 17' 08"					F-48-57-D-a
làng Mùng Lầu	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 44' 12"	106° 18' 02"					F-48-57-D-a
thôn Nà Niệc	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 53"	106° 17' 36"					F-48-57-D-a
thôn Pá Lét	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 02"	106° 15' 30"					F-48-57-D-a
núi Pá Lét	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 25"	106° 15' 56"					F-48-57-D-a
làng Phù Luông	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 13"	106° 13' 48"					F-48-57-C-b
núi Tá Han	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 54"	106° 18' 31"					F-48-57-D-a
đèo Ta Hang	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 03"	106° 18' 50"					F-48-57-D-a
núi Vóp	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 44' 02"	106° 17' 03"					F-48-57-D-a
thôn Đon Riệc 2	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 23"	106° 20' 27"					F-48-57-B-a
núi Dục Cúm	SV	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 42"	106° 21' 49"					F-48-57-B-a
làng Lân Đấy	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 55' 05"	106° 20' 32"					F-48-57-B-a
làng Lân Hát	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 28"	106° 21' 29"					F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Nà Lay	SV	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 49"	106° 19' 50"					F-48-57-B-a
thôn Nà Riềng 2	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 30"	106° 20' 19"					F-48-57-B-a
cầu Rá Riềng	KX	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 14"	106° 20' 15"					F-48-57-B-a
núi Sa Mon	SV	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 48"	106° 20' 33"					F-48-57-B-a
thôn Tân Sơn	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 54"	106° 20' 09"					F-48-57-B-a
thôn Bó Tát	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 07"	106° 14' 24"					F-48-57-A-d
núi Bó Tát	SV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 21"	106° 14' 30"					F-48-57-A-d
thôn Cầu Hin	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 45"	106° 15' 40"					F-48-57-B-c
thôn Đon Uý	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 14"	106° 15' 25"					F-48-57-B-c
thôn Dục Pán	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 24"	106° 14' 53"					F-48-57-A-d
đèo Keng Tiếm	SV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 49"	106° 13' 23"					F-48-57-A-d
làng Mỏ Rẹ	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 01"	106° 15' 11"					F-48-57-B-c
làng Nà Pán	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 21"	106° 15' 32"					F-48-57-B-c
làng Nà Tứ	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 08"	106° 15' 43"					F-48-57-B-c
thôn Nam Hương	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 46"	106° 15' 20"					F-48-57-B-c
suối Nam Hương	TV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn			21° 50' 47"	106° 16' 16"	21° 49' 26"	106° 15' 27"	F-48-57-B-c
suối Ràng Khám	TV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn			21° 49' 16"	106° 15' 23"	21° 47' 35"	106° 14' 16"	F-48-57-B-c
làng Sa Khao	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 54"	106° 15' 18"					F-48-57-B-c
núi Sa Khao	SV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 37"	106° 14' 37"					F-48-57-A-d
đèo Keng Nghiều	SV	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 31"	106° 16' 28"					F-48-57-B-c
thôn Lân Riều	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 34"	106° 15' 34"					F-48-57-B-c
khau Luông	SV	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 55"	106° 15' 01"					F-48-57-B-c
thôn Mỏ Đầu	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 46"	106° 16' 38"					F-48-57-B-c
thôn Mỏ Khuyn	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 12"	106° 16' 27"					F-48-57-B-c
thôn Mỏ Pia	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 53' 18"	106° 16' 01"					F-48-57-B-a
thôn Nà Luông	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 58"	106° 16' 01"					F-48-57-B-c
làng Nà Nâm	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 52' 01"	106° 15' 45"					F-48-57-B-c
thôn Nà Riển	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 19"	106° 16' 04"					F-48-57-B-c
làng Nà Yêu	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 52' 52"	106° 16' 58"					F-48-57-B-a
núi Sa Gieng	SV	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 53' 09"	106° 15' 38"					F-48-57-B-a
thôn Thẩm Luông	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 52' 19"	106° 16' 33"					F-48-57-B-c
khau Cái	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 28"	106° 12' 35"					F-48-57-C-b
suối Hoan	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 46' 37"	106° 11' 36"	21° 43' 56"	106° 14' 42"	F-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Húng Rù	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 43' 33"	106° 14' 31"					F-48-57-C-b
suối Khuyết	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 46' 26"	106° 13' 34"	21° 45' 16"	106° 13' 12"	F-48-57-A-d
bản Lân Hoài	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 51"	106° 12' 11"					F-48-57-C-b
núi Lân Hoài	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 45' 07"	106° 12' 14"					F-48-57-A-d
núi Lân Lường	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 44"	106° 13' 43"					F-48-57-C-b
suối Mật	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 44' 03"	106° 12' 10"	21° 44' 41"	106° 12' 29"	F-48-57-C-b
thôn Nà Gỗ	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 22"	106° 13' 40"					F-48-57-C-b
thôn Nà Thí	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 05"	106° 14' 26"					F-48-57-C-b
suối Phàn	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 45' 13"	106° 11' 19"	21° 45' 30"	106° 12' 38"	F-48-57-A-d
núi Phia Thìn	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 45' 05"	106° 13' 11"					F-48-57-A-d
núi Pho Tì	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 45' 32"	106° 10' 05"					F-48-57-A-d
thôn Phong Thịnh	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 45' 31"	106° 12' 54"					F-48-57-A-d
suối Roòng	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 46' 56"	106° 12' 09"	21° 45' 37"	106° 12' 25"	F-48-57-A-d
bản Suối Mật	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 51"	106° 12' 52"					F-48-57-C-b
thôn Tân Vũ	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 46' 11"	106° 11' 56"					F-48-57-A-d
núi Văn Khánh	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 17"	106° 14' 22"					F-48-57-C-b
thôn Yên Thành	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 55"	106° 13' 12"					F-48-57-C-b
thôn Bắc Mỏ	DC	xã Tân Trì	H. Bắc Sơn	21° 50' 37"	106° 07' 24"					F-48-57-A-c
thôn Bản Hoàng	DC	xã Tân Trì	H. Bắc Sơn	21° 50' 57"	106° 08' 24"					F-48-57-A-d
thôn Bình An	DC	xã Tân Trì	H. Bắc Sơn	21° 51' 54"	106° 06' 42"					F-48-57-A-c
khuổi Bốc	TV	xã Tân Trì	H. Bắc Sơn			21° 51' 59"	106° 10' 45"	21° 52' 08"	106° 09' 53"	F-48-57-A-d
đèo Bụt	SV	xã Tân Trì	H. Bắc Sơn	21° 50' 44"	106° 09' 43"					F-48-57-A-d
khuổi Cái	TV	xã Tân Trì	H. Bắc Sơn			21° 53' 03"	106° 07' 54"	21° 53' 38"	106° 09' 07"	F-48-57-A-b
khau Co	SV	xã Tân Trì	H. Bắc Sơn	21° 51' 16"	106° 06' 54"					F-48-57-A-c
làng Hoàng Keng	DC	xã Tân Trì	H. Bắc Sơn	21° 52' 19"	106° 10' 26"					F-48-57-A-d
thôn Khau Bao	DC	xã Tân Trì	H. Bắc Sơn	21° 53' 01"	106° 10' 25"					F-48-57-A-b
thôn Long Bài	DC	xã Tân Trì	H. Bắc Sơn	21° 50' 48"	106° 08' 37"					F-48-57-A-d
bản Luồng Phái	DC	xã Tân Trì	H. Bắc Sơn	21° 52' 11"	106° 06' 55"					F-48-57-A-c
thôn Minh Sơn	DC	xã Tân Trì	H. Bắc Sơn	21° 50' 51"	106° 07' 14"					F-48-57-A-c
thôn Nà Càng	DC	xã Tân Trì	H. Bắc Sơn	21° 52' 24"	106° 09' 29"					F-48-57-A-d
bản Nà Lân	DC	xã Tân Trì	H. Bắc Sơn	21° 52' 15"	106° 08' 40"					F-48-57-A-d
bản Nà Lói	DC	xã Tân Trì	H. Bắc Sơn	21° 51' 51"	106° 08' 50"					F-48-57-A-d
thôn Nà Lung	DC	xã Tân Trì	H. Bắc Sơn	21° 51' 04"	106° 07' 32"					F-48-57-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Nà Mâu	SV	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 52' 15"	106° 09' 47"					F-48-57-A-d
suối Nay	TV	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn			21° 52' 31"	106° 10' 56"	21° 53' 33"	106° 09' 31"	F-48-57-A-b
suối Nghinh Tường	TV	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn			21° 48' 42"	106° 07' 10"	21° 49' 35"	106° 06' 20"	F-48-57-A-c
làng Ngọc Lâu	DC	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 52' 46"	106° 09' 03"					F-48-57-A-b
thôn Ngọc Lâu	DC	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 51' 21"	106° 09' 31"					F-48-57-A-d
suối Phai Mường	TV	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn			21° 50' 57"	106° 08' 39"	21° 52' 50"	106° 08' 52"	F-48-57-A-d
núi Phia Vô	SV	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 51' 41"	106° 09' 21"					F-48-57-A-d
núi Phò Khạm	SV	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 50' 46"	106° 09' 24"					F-48-57-A-d
khau Pia	SV	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 50' 51"	106° 09' 49"					F-48-57-A-d
núi Pia Tin	SV	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 53' 33"	106° 06' 46"					F-48-57-A-a
khau Piao	SV	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 51' 36"	106° 10' 27"					F-48-57-A-d
thôn Pò Đồn	DC	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 50' 54"	106° 08' 54"					F-48-57-A-d
thôn Suối Tát	DC	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 53' 31"	106° 09' 30"					F-48-57-A-b
thôn Suối Tín	DC	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 53' 15"	106° 08' 09"					F-48-57-A-b
núi Tam Tấu	SV	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 54' 45"	106° 08' 09"					F-48-57-A-b
suối Tát	TV	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn			21° 52' 11"	106° 09' 30"	21° 52' 50"	106° 08' 52"	F-48-57-A-b
thôn Thâm Phè	DC	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 50' 06"	106° 08' 24"					F-48-57-A-d
thôn Thâm Si	DC	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 49' 21"	106° 05' 48"					F-48-57-A-c
suối Tó	TV	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn			21° 53' 38"	106° 09' 07"	21° 54' 44"	106° 10' 04"	F-48-57-A-b
núi Trà Cà	SV	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 54' 09"	106° 08' 11"					F-48-57-A-b
làng Tuống Lão	DC	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 54' 34"	106° 09' 48"					F-48-57-A-b
khau Vạ	SV	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 50' 55"	106° 10' 29"					F-48-57-A-d
thôn Vũ Thắng A	DC	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 52' 24"	106° 10' 08"					F-48-57-A-d
thôn Vũ Thắng B	DC	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 51' 54"	106° 10' 00"					F-48-57-A-d
thôn Yên Mỹ	DC	xã Tân Trị	H. Bắc Sơn	21° 50' 41"	106° 08' 10"					F-48-57-A-d
làng Cốc Pái	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 32"	106° 21' 48"					F-48-57-B-c
đèo Keng Căng	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 46' 44"	106° 22' 01"					F-48-57-B-c
núi Keng Giàn	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 31"	106° 23' 19"					F-48-57-B-d
đèo Keng Nhuội	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 43' 12"	106° 20' 02"					F-48-57-D-a
đèo Khoản Huyền	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 59"	106° 22' 59"					F-48-57-B-d
núi Khoang Cướm	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 58"	106° 23' 20"					F-48-57-B-d
thôn Lân Cà 1	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							
thôn Lân Cà 2	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Lân Cấm	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 41"	106° 23' 04"					F-48-57-B-d
núi Lân Cấm	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 42"	106° 23' 35"					F-48-57-B-d
làng Lân Đấy	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 11"	106° 20' 46"					F-48-57-D-a
thôn Lân Gà 1	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							
thôn Lân Gà 2	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							
thôn Lân Gặt	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 34"	106° 22' 48"					F-48-57-B-d
thôn Lân Hoèn	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 15"	106° 21' 39"					F-48-57-D-a
núi Lân Lúc	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 52"	106° 21' 41"					F-48-57-B-c
núi Lân Nà	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 55"	106° 21' 58"					F-48-57-B-c
làng Lân Nặm	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 27"	106° 20' 12"					F-48-57-B-c
núi Lân Nặm	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 15"	106° 21' 06"					F-48-57-B-c
đèo Lân Phi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 39"	106° 20' 11"					F-48-57-B-c
núi Lân Phi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 35"	106° 20' 17"					F-48-57-B-c
núi Lân Po	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 54"	106° 20' 42"					F-48-57-B-c
làng Lân Rì	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 43' 52"	106° 20' 40"					F-48-57-D-a
đèo Lân Rượi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 42"	106° 20' 43"					F-48-57-B-c
núi Lân Rượi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 38"	106° 20' 45"					F-48-57-B-c
làng Lân Tưa	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 42"	106° 21' 07"					F-48-57-D-a
đèo Lân Tưa	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 41"	106° 20' 57"					F-48-57-D-a
thôn Làng Huyền	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 35"	106° 21' 16"					F-48-57-B-c
thôn Làng Mỏ	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 48' 00"	106° 21' 54"					F-48-57-B-c
thôn Làng Rộng	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 15"	106° 21' 26"					F-48-57-B-c
thôn Làng Thẳm	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 13"	106° 21' 28"					F-48-57-B-c
núi Nàng Tiên	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 26"	106° 21' 54"					F-48-57-B-c
thôn Noóc Mò	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 46' 53"	106° 20' 02"					F-48-57-B-c
làng Pá Khắt	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 46' 40"	106° 19' 24"					F-48-57-B-c
thôn Pá Ó	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 48' 26"	106° 19' 59"					F-48-57-B-c
núi Phạ Lác	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 30"	106° 22' 19"					F-48-57-B-c
suối Phai Lầu	TV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn			21° 45' 48"	106° 20' 24"	21° 47' 28"	106° 21' 27"	F-48-57-B-c
hồ Phai Thuống	TV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 42"	106° 20' 38"					F-48-57-B-c
thôn Thâm Vớt	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 46' 33"	106° 20' 51"					F-48-57-B-c
núi Xa Eng	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 48' 50"	106° 21' 43"					F-48-57-B-c
thôn Bản Cầm	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 05"	106° 13' 37"					F-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Cẩm	TV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn			21° 55' 04"	106° 13' 31"	21° 56' 33"	106° 13' 43"	F-48-57-A-b
thôn Bản Khuông	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 53' 47"	106° 11' 27"					F-48-57-A-b
thôn Bản Soong	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 44"	106° 12' 31"					F-48-57-A-b
khuổi Cay	TV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn			21° 54' 07"	106° 12' 17"	21° 55' 37"	106° 12' 51"	F-48-57-A-b
núi Cò Luồng	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 48"	106° 13' 58"					F-48-57-A-b
núi Cúc Vạt	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 04"	106° 13' 30"					F-48-57-A-b
khau Khá	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 52' 48"	106° 11' 35"					F-48-57-A-b
bản Khau Bao	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 53' 06"	106° 11' 29"					F-48-57-A-b
làng Khuổi Dạ	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 07"	106° 14' 14"					F-48-57-A-b
làng Khuổi Tâm	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 56"	106° 11' 21"					F-48-57-A-b
thôn Khuôn	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 54' 12"	106° 11' 19"					F-48-57-A-b
thôn Lọ Riềng	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 39"	106° 13' 01"					F-48-57-A-b
làng Nà Soọc	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 04"	106° 12' 48"					F-48-57-A-b
bản Nà U	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 46"	106° 13' 36"					F-48-57-A-b
núi Pò Cái	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 00"	106° 12' 41"					F-48-57-A-b
núi Pò Luông	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 32"	106° 12' 39"					F-48-57-A-b
núi Quan Mốc	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 57"	106° 12' 33"					F-48-57-A-b
khau Rầm	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 23"	106° 11' 43"					F-48-57-A-b
suối Vạn Thuỷ	TV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn			21° 54' 53"	106° 10' 29"	21° 56' 45"	106° 13' 51"	F-48-57-A-b
khau Xin	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 39"	106° 13' 06"					F-48-57-A-b
làng Xoong Mèo	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 51"	106° 11' 55"					F-48-57-A-b
đường tỉnh 241	KX	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn			21° 46' 39"	106° 17' 13"	21° 49' 59"	106° 19' 29"	F-48-57-B-c
thôn Bản Đắc	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 47' 33"	106° 19' 01"					F-48-57-B-c
suối Bản Đắc	TV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn			21° 47' 04"	106° 18' 40"	21° 46' 56"	106° 18' 10"	F-48-57-B-c
thôn Bảo Luân	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 20"	106° 18' 46"					F-48-57-B-c
đèo Kéo Gàn	SV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 41"	106° 18' 06"					F-48-57-B-c
làng Khau	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 06"	106° 17' 41"					F-48-57-B-c
làng Khiến	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 26"	106° 17' 36"					F-48-57-B-c
thôn Làng Dọc 1	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 48' 42"	106° 17' 17"					F-48-57-B-c
thôn Liên Hương	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 02"	106° 16' 52"					F-48-57-B-c
thôn Liên Lạc 1	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
thôn Liên Lạc 2	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
suối Nà Khoang	TV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn			21° 50' 26"	106° 18' 41"	21° 50' 08"	106° 16' 40"	F-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Nà Lày	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 50' 25"	106° 18' 26"					F-48-57-B-c
làng Rào	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 09"	106° 17' 21"					F-48-57-B-c
thôn Sông Hóa 1	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
thôn Sông Hóa 2	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
làng Suối Bốc	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 46' 59"	106° 16' 43"					F-48-57-B-c
thôn Suối Luông	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 47' 03"	106° 18' 51"					F-48-57-B-c
hồ Vũ Lăng	TV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 24"	106° 18' 02"					F-48-57-B-c
đường tỉnh 241	KX	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 47' 41"	106° 09' 42"	21° 46' 37"	106° 11' 34"	F-48-57-A-d
núi Bó Diệc	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 46"	106° 10' 26"					F-48-57-A-d
núi Cạm Càng	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 00"	106° 08' 47"					F-48-57-A-d
núi Co Bây	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 36"	106° 10' 00"					F-48-57-A-d
suối Hoan	TV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 47' 39"	106° 10' 38"	21° 47' 13"	106° 11' 07"	F-48-57-A-d
suối Hoan	TV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 47' 13"	106° 11' 07"	21° 46' 37"	106° 11' 36"	F-48-57-A-d
thôn Kha Hạ	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 36"	106° 11' 55"					F-48-57-A-d
núi Khau Luông	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 46' 55"	106° 12' 50"					F-48-57-A-d
thôn Khuôn Bồng	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 31"	106° 06' 56"					F-48-57-A-c
thôn Lân Kẽm	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 38"	106° 08' 49"					F-48-57-A-d
núi Lũng Om	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 05"	106° 11' 18"					F-48-57-A-d
núi Lũng Pán	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 21"	106° 06' 54"					F-48-57-A-c
thôn Minh Tiến	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 10"	106° 08' 48"					F-48-57-A-d
thôn Ngả Hai	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 43"	106° 09' 45"					F-48-57-A-d
khuổi Nọi	TV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 46' 18"	106° 09' 31"	21° 47' 36"	106° 10' 22"	F-48-57-A-d
thôn Quang Thái	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 46' 55"	106° 08' 26"					F-48-57-A-d
thôn Quang Tiến	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 40"	106° 10' 30"					F-48-57-A-d
thôn Thống Nhất	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 13"	106° 08' 11"					F-48-57-A-d
đèo Thống Nhất	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 30"	106° 08' 43"					F-48-57-A-d
thôn Vũ Lâm	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 17"	106° 09' 25"					F-48-57-A-d
quốc lộ 1B	KX	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn			21° 50' 41"	106° 12' 39"	21° 52' 39"	106° 12' 47"	F-48-57-A-d
suối Bà Đông	TV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn			21° 51' 58"	106° 13' 15"	21° 52' 52"	106° 14' 29"	F-48-57-A-d
núi Bó Giá	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 24"	106° 14' 32"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Sơn	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 05"	106° 12' 41"					F-48-57-A-d
núi Keng Chón (Ceng Chón)	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 25"	106° 14' 01"					F-48-57-A-d
đèo Keng Gà	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 04"	106° 14' 29"					F-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khưa Mu	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 11"	106° 11' 43"					F-48-57-A-d
khau Kiêng	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 36"	106° 11' 28"					F-48-57-A-d
núi Nà Bao	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 48"	106° 14' 09"					F-48-57-A-b
thôn Nà Danh	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 50"	106° 12' 52"					F-48-57-A-d
thôn Nà Giá	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 37"	106° 13' 52"					F-48-57-A-b
thôn Nà Pán	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 19"	106° 12' 51"					F-48-57-A-d
thôn Nà Qué	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 27"	106° 12' 56"					F-48-57-A-d
thôn Nà Rộng	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 11"	106° 13' 42"					F-48-57-A-d
thôn Phúc Tiến	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 16"	106° 12' 31"					F-48-57-A-d
núi Thắm Vài	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 20"	106° 13' 21"					F-48-57-A-d
cầu Đông Mạ	KX	TT. Bình Gia	H. Bình Gia	21° 57' 09"	106° 22' 25"					F-48-57-B-a
làng Lũng Nọi	DC	TT. Bình Gia	H. Bình Gia	21° 57' 11"	106° 22' 25"					F-48-57-B-a
làng Phai Cam	DC	TT. Bình Gia	H. Bình Gia	21° 57' 39"	106° 21' 54"					F-48-57-B-a
thôn Bản Khoang	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 53"	106° 29' 10"					F-48-57-B-b
thôn Bản Pát	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 19"	106° 30' 46"					F-48-58-A-a
suối Bản Pi Oà (Bản Pyòa)	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 56' 22"	106° 28' 57"	21° 56' 08"	106° 29' 31"	F-48-57-B-b
thôn Bản Pìa	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 56' 12"	106° 29' 24"					F-48-57-B-b
suối Bình La	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 56' 05"	106° 29' 34"	21° 54' 47"	106° 29' 47"	F-48-57-B-b
núi Chong Tu	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 56' 33"	106° 30' 30"					F-48-58-A-a
thôn Cốc Phường	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 57' 39"	106° 27' 57"					F-48-57-B-b
suối Cốc Phường	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 58' 43"	106° 27' 59"	21° 57' 15"	106° 28' 55"	F-48-57-B-b
núi Khun Pi Ật (Khun Piật)	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 02"	106° 29' 02"					F-48-57-B-b
thôn Khuổi Luông	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 57' 03"	106° 28' 57"					F-48-57-B-b
khau Làng	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 34"	106° 31' 52"					F-48-58-A-a
núi Ma Thái	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 55' 17"	106° 32' 14"					F-48-58-A-a
núi Mạy Cứa	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 56' 14"	106° 31' 24"					F-48-58-A-a
suối Nà Văng	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 56' 25"	106° 31' 41"	21° 55' 24"	106° 30' 57"	F-48-58-A-a
suối Nưa Thong	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 58' 12"	106° 28' 48"	21° 57' 13"	106° 28' 51"	F-48-57-B-b
bản Nưa Thoong	DC	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 57' 49"	106° 29' 13"					F-48-57-B-b
suối Quan Thu	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 56' 29"	106° 30' 58"	21° 54' 49"	106° 29' 48"	F-48-58-A-a
núi Sam Siêu	SV	xã Bình La	H. Bình Gia	21° 58' 32"	106° 27' 28"					F-48-57-B-b
suối Trung Thượng	TV	xã Bình La	H. Bình Gia			21° 55' 25"	106° 30' 56"	21° 55' 03"	106° 30' 24"	F-48-58-A-a
thôn Bản Duộc	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 59' 08"	106° 15' 31"					F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Bản Duộc	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 02"	106° 16' 26"					F-48-57-B-a
suối Bản Duộc	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 58' 04"	106° 15' 59"	21° 59' 12"	106° 14' 35"	F-48-57-B-a
suối Bản Duộc	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 57' 55"	106° 16' 48"	21° 58' 04"	106° 15' 59"	F-48-57-B-a
khau Bao	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 26"	106° 12' 24"					F-48-57-A-b
núi Khau Hai	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 57' 14"	106° 17' 24"					F-48-57-B-a
khuổi Khinh	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 56' 45"	106° 13' 51"	21° 58' 33"	106° 13' 30"	F-48-57-A-b
bản Khúc Khuyết	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 38"	106° 13' 44"					F-48-57-A-b
núi Khuổi Cuồng	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	22° 01' 04"	106° 12' 13"					F-48-45-C-d
bản Khuổi Khiếc	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 59' 35"	106° 11' 02"					F-48-57-A-b
thôn Khuổi Khinh	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 56' 58"	106° 13' 55"					F-48-57-A-b
thôn Khuổi Nhuần	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 57"	106° 12' 41"					F-48-57-A-b
núi Ma Này	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	22° 00' 07"	106° 12' 44"					F-48-45-C-d
suối Mạy Đẩy	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			22° 01' 22"	106° 11' 17"	22° 00' 00"	106° 11' 47"	F-48-45-C-d
núi Mạy Khoang	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 57' 18"	106° 12' 45"					F-48-57-A-b
bản Nà Chỉ	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 21"	106° 14' 33"					F-48-57-A-b
suối Nà Chỉ	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 56' 45"	106° 15' 12"	21° 58' 36"	106° 13' 52"	F-48-57-A-b
suối Nà Dát	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 58' 21"	106° 12' 11"	21° 58' 55"	106° 12' 37"	F-48-57-A-b
bản Nà Lào	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 59' 17"	106° 12' 06"					F-48-57-A-b
khuổi Nhuần	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 59' 18"	106° 11' 56"	21° 58' 38"	106° 13' 01"	F-48-57-A-b
bản Phiêng Hà	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 17"	106° 12' 47"					F-48-57-A-b
thôn Tà Chu	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 59' 14"	106° 14' 30"					F-48-57-A-b
suối Tà Chu	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 58' 36"	106° 13' 52"	22° 00' 04"	106° 14' 47"	F-48-57-A-b
bản Tà Vàng	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 10"	106° 13' 31"					F-48-57-A-b
khuổi Tang	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			22° 00' 17"	106° 13' 14"	21° 58' 56"	106° 12' 43"	F-48-57-A-b
thôn Bản Cù	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 21"	106° 20' 55"					F-48-45-D-a
suối Bản Cù	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 08' 53"	106° 21' 53"	22° 08' 08"	106° 21' 04"	F-48-45-D-a
thôn Bằng Giang 1	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 56"	106° 20' 57"					F-48-45-D-a
thôn Bằng Giang 2	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 09' 49"	106° 20' 56"					F-48-45-D-a
núi Bó Quan	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 08"	106° 26' 12"					F-48-45-D
suối Cảo Chòm	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 13' 16"	106° 23' 59"	22° 11' 10"	106° 23' 23"	F-48-45-D
khau Chổm	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 11' 56"	106° 23' 28"					F-48-45-D
thôn Đội Cấn 1	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 11' 03"	106° 22' 16"					F-48-45-D-a
thôn Đội Cấn 2	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 11' 28"	106° 23' 29"					F-48-45-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Kéo Tù	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 13' 21"	106° 23' 28"					F-48-45-D
núi Khuổi Pàn	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 09' 16"	106° 23' 37"					F-48-45-D
núi Kốc Po	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 40"	106° 23' 28"					F-48-45-D
khuổi Lìn	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 12' 58"	106° 20' 37"	22° 12' 02"	106° 20' 33"	F-48-45-D-a
thôn Nà Lò	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 00"	106° 21' 18"					F-48-45-D-a
thôn Nà Pàn	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 07' 22"	106° 21' 14"					F48-45-D-c
khuổi Ngào	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 12' 19"	106° 22' 15"	22° 10' 11"	106° 22' 30"	F-48-45-D-a
núi Phinh Lốc	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 10' 18"	106° 24' 01"					F-48-45-D
thôn Tân Lập	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 07' 07"	106° 21' 43"					F-48-45-D-c
khuổi Thẩm	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 11' 14"	106° 21' 18"	22° 10' 40"	106° 20' 08"	F-48-45-D-a
thôn Vĩnh Quang	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 09' 29"	106° 26' 40"					F-48-45-D
suối Vĩnh Quang	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 09' 21"	106° 25' 32"	22° 07' 37"	106° 25' 58"	F-48-45-D
thôn Bản Phân	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 26"	106° 19' 40"					F-48-57-B-a
suối Bản Phân	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia			22° 00' 05"	106° 20' 24"	21° 59' 34"	106° 19' 13"	F-48-57-B-a
đèo Khau Ra	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 19"	106° 20' 16"					F-48-57-B-a
khao Khuổi Hang	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 43"	106° 21' 50"					F-48-57-B-a
núi Khuổi Hò	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 31"	106° 21' 38"					F-48-45-D-c
suối Khuổi Ký	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia			21° 57' 02"	106° 20' 52"	21° 57' 02"	106° 21' 34"	F-48-57-B-a
núi Khuổi Luồng	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 53"	106° 21' 41"					F-48-45-D-c
núi Lũng Nhù	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 16"	106° 21' 13"					F-48-45-D-c
bản Nà Cui	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 27"	106° 21' 11"					F-48-57-B-a
bản Nà Rường	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 56' 56"	106° 21' 25"					F-48-57-B-a
thôn Phai Danh	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 21"	106° 22' 23"					F-48-57-B-a
hồ Phai Danh	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 58' 27"	106° 22' 08"					F-48-57-B-a
núi Phia Củm	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 39"	106° 20' 56"					F-48-45-D-c
bản Phia Không	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 56' 04"	106° 21' 01"					F-48-57-B-a
đèo Phia Không	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 55' 53"	106° 20' 58"					F-48-57-B-a
núi Phia Không	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 56' 08"	106° 21' 28"					F-48-57-B-a
núi Rơi	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 09"	106° 22' 22"					F-48-45-D-c
bản Thẩm Sáng	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 58' 40"	106° 21' 29"					F-48-57-B-a
suối Thẩm Sáng	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia			21° 59' 37"	106° 21' 17"	21° 59' 12"	106° 21' 29"	F-48-57-B-a
thôn Thuần Như	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 58' 18"	106° 21' 33"					F-48-57-B-a
suối Thuần Như	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia			21° 58' 49"	106° 21' 30"	21° 57' 34"	106° 21' 35"	F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tòng Chu	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 57' 20"	106° 21' 35"					F-48-57-B-a
đường tỉnh 226	KX	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 04' 21"	106° 23' 58"	22° 08' 05"	106° 24' 01"	F-48-45-D-d
đường tỉnh 231	KX	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 05' 02"	106° 23' 36"	22° 04' 32"	106° 26' 17"	F-48-45-D-d
sông Bắc Giang	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 07' 35"	106° 20' 56"	22° 07' 12"	106° 28' 16"	F-48-45-D-d
suối Bắc Me	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 05' 53"	106° 21' 57"	22° 06' 23"	106° 22' 38"	F-48-45-D-c
suối Cao Lan	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 04' 20"	106° 23' 54"	22° 05' 35"	106° 23' 23"	F-48-45-D-d
suối Cốc Lùng	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 09' 11"	106° 27' 37"	22° 08' 40"	106° 27' 31"	F-48-45-D
khuổi Đắc	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 06' 15"	106° 20' 49"	22° 06' 47"	106° 21' 41"	F-48-45-D
bản Khau Phại	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 43"	106° 28' 34"					F-48-45-D
thôn Khuổi Khuy	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 07' 01"	106° 24' 01"					F-48-45-D-d
khuổi Khuy	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 07' 59"	106° 24' 12"	22° 05' 55"	106° 23' 58"	F-48-45-D-d
thôn Kim Đồng	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 06' 40"	106° 20' 42"					F-48-45-D-c
khuổi Linh	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 07' 53"	106° 24' 47"	22° 06' 25"	106° 25' 13"	F-48-45-D-d
khau Lính	SV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 07' 29"	106° 24' 57"					F-48-45-D-d
thôn Nà Buổn	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 15"	106° 23' 24"					F-48-45-D-d
thôn Nà Cạp	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 03"	106° 25' 55"					F-48-45-D-d
bản Nà Đeng	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 49"	106° 24' 53"					F-48-45-D-d
thôn Nà Háng	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 43"	106° 23' 53"					F-48-45-D-d
thôn Nà Kít	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 14"	106° 25' 08"					F-48-45-D-d
thôn Nà Nát	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 50"	106° 23' 00"					F-48-45-D-d
thôn Nà Sla	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 38"	106° 27' 32"					F-48-45-D
bản Nà Sli	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 03"	106° 23' 22"					F-48-45-D-d
thôn Nà Ven	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 46"	106° 23' 20"					F-48-45-D-d
suối Nà Ven	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 08' 02"	106° 23' 38"	22° 05' 52"	106° 23' 06"	F-48-45-D-d
thôn Nặm Slin	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 30"	106° 23' 52"					F-48-45-D-d
khau Phại	SV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 52"	106° 28' 01"					F-48-45-D
bản Pò Mỵ	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 04"	106° 23' 39"					F-48-45-D-d
bản Quyến	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 06' 40"	106° 26' 50"					F-48-45-D-d
núi Thọ Văn	SV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 07"	106° 27' 58"					F-48-45-D
bản Văn Can	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 30"	106° 25' 37"					F-48-45-D-d
thôn Văn Mịch	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 26"	106° 23' 20"					F-48-45-D-d
cầu Văn Mịch	KX	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 42"	106° 23' 28"					F-48-45-D-d
thôn Vằng Phia	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 07' 04"	106° 27' 05"					F-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Vĩnh Quang	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 07' 37"	106° 25' 58"	22° 06' 41"	106° 26' 20"	F-48-45-D-d
thôn Bản Hoay	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 58' 13"	106° 25' 45"					F-48-57-B-b
thôn Bản Huấn	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 56' 07"	106° 27' 17"					F-48-57-B-b
suối Bản Huấn	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 56' 54"	106° 27' 17"	21° 56' 20"	106° 27' 11"	F-48-57-B-b
thôn Bản Nghiệc	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 55' 25"	106° 27' 22"					F-48-57-B-b
suối Cốc Múc	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 57' 22"	106° 25' 22"	21° 56' 56"	106° 25' 30"	F-48-57-B-b
núi Cốc Sa	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 08"	106° 27' 46"					F-48-57-B-b
thôn Còn Quan	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 55' 08"	106° 28' 20"					F-48-57-B-b
sông Còn Quan	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 56' 00"	106° 27' 20"	21° 54' 06"	106° 28' 45"	F-48-57-B-b
suối Còn Tẩu Ư (Còn Tẩư)	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 56' 41"	106° 25' 17"	21° 56' 56"	106° 25' 30"	F-48-57-B-b
núi Khuôn Tát	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 55' 46"	106° 28' 00"					F-48-57-B-b
bản Mồ Hấu	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 22"	106° 28' 41"					F-48-57-B-b
thôn Nà Bản	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 56' 52"	106° 26' 07"					F-48-57-B-b
suối Nà Bản	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 57' 57"	106° 26' 19"	21° 56' 47"	106° 26' 12"	F-48-57-B-b
thôn Nà Dẫn	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 09"	106° 28' 39"					F-48-57-B-b
bản Nà Kéo	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 05"	106° 29' 02"					F-48-57-B-b
thôn Nà Khoang	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 43"	106° 28' 18"					F-48-57-B-b
thôn Nà Ngùa	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 56' 25"	106° 26' 28"					F-48-57-B-b
suối Nà Ngùa	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 56' 09"	106° 25' 52"	21° 56' 20"	106° 26' 23"	F-48-57-B-b
bản Nà Om	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 54' 21"	106° 28' 27"					F-48-57-B-b
thôn Nam Tiến	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 57' 27"	106° 25' 18"					F-48-57-B-b
suối Phi Phạ	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia			21° 54' 06"	106° 28' 45"	21° 54' 05"	106° 28' 44"	F-48-57-B-b
núi Pò Thu Kiều	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 57' 44"	106° 26' 15"					F-48-57-B-b
khau Quân	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Gia	21° 58' 25"	106° 25' 03"					F-48-57-B-b
thôn Bản Chu	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 12' 08"	106° 19' 15"					F-48-45-D-a
khuổi Buông	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 13' 52"	106° 19' 05"	22° 12' 59"	106° 18' 32"	F-48-45-D-a
khuổi Dầy	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			245° 78' 60"	63° 71' 40"	245° 56' 20"	63° 59' 50"	F-48-45-D-a
suối Hưng Đạo	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 14' 46"	106° 15' 47"	22° 11' 27"	106° 19' 39"	F-48-45-D-a
suối Kéo Liềng	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 08' 26"	106° 20' 58"	22° 07' 08"	106° 21' 19"	F-48-45-D-a
khuổi Khiếc	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 14' 30"	106° 18' 18"	22° 13' 34"	106° 17' 41"	F-48-45-D-a
thôn Nà Bưa	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 12' 59"	106° 18' 32"					F-48-45-D-a
thôn Nà Dạ	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 14' 10"	106° 16' 55"					F-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuỗi Nà Dạ	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 14' 60"	106° 17' 23"	22° 14' 02"	106° 16' 57"	F-48-45-D-a
thôn Pác Khiếc	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 13' 40"	106° 17' 40"					F-48-45-D-a
thôn Pàn Deng	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 11' 12"	106° 19' 27"					F-48-45-D-a
thôn Pàn Slèo	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 11' 50"	106° 20' 16"					F-48-45-D-a
đường tỉnh 226	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia			21° 59' 30"	106° 23' 31"	22° 04' 21"	106° 23' 58"	F-48-45-D-d
thôn Bản Hỏi	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 04' 54"	106° 24' 38"					F-48-45-D-d
thôn Bản Tăn	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 01' 43"	106° 22' 34"					F-48-45-D-d
thôn Bản Tiến	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 56"	106° 24' 34"					F-48-45-D-d
suối Cao Lan	TV	xã Minh Khai	H. Bình Gia			22° 00' 05"	106° 23' 38"	22° 04' 20"	106° 23' 54"	F-48-45-D-d
cầu Cao Lan	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 05"	106° 23' 39"					F-48-45-D-d
núi Đông Ké	SV	xã Minh Khai	H. Bình Gia	21° 59' 40"	106° 25' 02"					F-48-57-B-b
núi Đông Nim	SV	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 01' 30"	106° 22' 05"					F-48-45-D-c
đèo Khau Phụ	SV	xã Minh Khai	H. Bình Gia	21° 59' 30"	106° 23' 31"					F-48-57-B-b
khuỗi Khem	TV	xã Minh Khai	H. Bình Gia			22° 00' 21"	106° 25' 21"	22° 01' 10"	106° 25' 56"	F-48-45-D-d
thôn Khuỗi Con	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 11"	106° 23' 16"					F-48-45-D-d
thôn Khuỗi Ổ	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 01' 47"	106° 24' 15"					F-48-45-D-d
thôn Nà Khuông	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 57"	106° 25' 57"					F-48-45-D-d
thôn Nà Mạ	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 55"	106° 23' 30"					F-48-45-D-d
thôn Nà Mười	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 04' 11"	106° 23' 52"					F-48-45-D-d
thôn Nà Nèn	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 47"	106° 25' 21"					F-48-45-D-d
cầu Nà Thú	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 57"	106° 23' 42"					F-48-45-D-d
cầu Nà Toòng	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 03' 26"	106° 23' 43"					F-48-45-D-d
thôn Pàn Pẻn 1	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 19"	106° 24' 16"					F-48-45-D-d
thôn Pàn Pẻn 2	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 47"	106° 23' 44"					F-48-45-D-d
thôn Phiêng Nưa	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	21° 59' 24"	106° 26' 02"					F-48-57-B-b
thôn Bản Muống	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 58' 32"	106° 18' 35"					F-48-57-B-a
suối Bản Quá	TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 56' 17"	106° 17' 42"	21° 55' 59"	106° 17' 18"	F-48-57-B-a
khuỗi Càn	TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 59' 27"	106° 16' 53"	21° 59' 46"	106° 15' 58"	F-48-57-B-a
thôn Cốc Mặn	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 58' 41"	106° 18' 44"					F-48-57-B-a
thôn Đồng Hương	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 58' 57"	106° 18' 03"					F-48-57-B-a
bản Khuỗi Càn	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 59' 56"	106° 15' 55"					F-48-57-B-a
khuỗi Ki	TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 58' 18"	106° 17' 15"	21° 58' 53"	106° 17' 34"	F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Cam	TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 59' 08"	106° 17' 29"	21° 59' 58"	106° 17' 35"	F-48-57-B-a
thôn Nà Cướm	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 56' 09"	106° 16' 33"					F-48-57-B-a
suối Nà Cướm	TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 56' 39"	106° 17' 17"	21° 56' 01"	106° 16' 41"	F-48-57-B-a
thôn Nà Vò	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 58' 24"	106° 18' 44"					F-48-57-B-a
thôn Nà Vường	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 58' 32"	106° 18' 41"					F-48-57-B-a
bản Quá	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 56' 03"	106° 17' 17"					F-48-57-B-a
khuổi Quân	TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 57' 47"	106° 17' 51"	21° 58' 53"	106° 17' 38"	F-48-57-B-a
thôn Viên Minh	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 59' 52"	106° 16' 32"					F-48-57-B-a
suối Bắc Me	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia			22° 03' 05"	106° 22' 20"	22° 05' 53"	106° 21' 57"	F-48-45-D-c
thôn Bản Quần	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 02' 44"	106° 20' 45"					F-48-45-D-c
suối Bản Quần	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia			22° 02' 42"	106° 20' 26"	22° 03' 26"	106° 19' 59"	F-48-45-D-c
thôn Đình Cam	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 03' 52"	106° 19' 53"					F-48-45-D-c
suối Đình Cam	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia			22° 03' 26"	106° 19' 59"	22° 05' 30"	106° 21' 36"	F-48-45-D-c
thôn Kèo Giềng	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 05' 24"	106° 20' 06"					F-48-45-D-c
núi Khau Mạ	SV	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 03' 56"	106° 20' 52"					F-48-45-D-d
thôn Mò Mè	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 04' 44"	106° 19' 53"					F-48-45-D-c
thôn Nà Ngần	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 02' 34"	106° 18' 55"					F-48-45-D-c
suối Nà Ngần	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia			22° 02' 34"	106° 18' 55"	22° 03' 26"	106° 19' 59"	F-48-45-D-c
thôn Nà Tèo	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 03' 15"	106° 19' 46"					F-48-45-D-c
thôn Nà Tồng	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 04' 01"	106° 21' 26"					F-48-45-D-c
suối Nà Tồng	TV	xã Quang Trung	H. Bình Gia			22° 03' 38"	106° 22' 18"	21° 03' 05"	106° 22' 21"	F-48-45-D-c
thôn Pác Giắm	DC	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 05' 23"	106° 21' 33"					F-48-45-D-c
núi Pò Pán	SV	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 05' 09"	106° 22' 16"					F-48-45-D-c
núi Tình Lay	SV	xã Quang Trung	H. Bình Gia	22° 04' 15"	106° 22' 12"					F-48-45-D-c
sông Bắc Giang	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 10' 30"	106° 16' 34"	22° 07' 35"	106° 20' 56"	F-48-45-D-a
núi Cột Cờ	SV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 09' 29"	106° 20' 04"					F-48-45-D-a
suối Hát Lọc	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 10' 12"	106° 17' 44"	22° 10' 07"	106° 17' 24"	F-48-45-D-a
bản Khuổi Là	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 09' 24"	106° 15' 57"					F-48-45-D-a
thôn Khuổi Ngành	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 22"	106° 20' 00"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Slâm	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 22"	106° 16' 29"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Slang	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 07' 32"	106° 15' 35"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Toong	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 21"	106° 17' 17"					F-48-45-D-a
khuổi Là	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 09' 14"	106° 15' 12"	22° 09' 33"	106° 17' 09"	F-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Liềng	SV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 07' 17"	106° 20' 32"					F48-45-D-c
khuổi Lùng	SV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 51"	106° 19' 42"					F-48-45-D-a
thôn Nà Kéo	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 09' 34"	106° 16' 58"					F-48-45-D-a
thôn Nà Lùng	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 09' 15"	106° 18' 18"					F-48-45-D-a
suối Pác Cáp	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 09' 30"	106° 19' 00"	22° 08' 09"	106° 20' 00"	F-48-45-D-a
bản Sang Dưới	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 23"	106° 15' 26"					F-48-45-D-a
khuổi Slang	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 07' 48"	106° 15' 27"	22° 09' 14"	106° 15' 12"	F-48-45-D-a
khuổi Slum	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 07' 58"	106° 13' 54"	22° 08' 46"	106° 14' 27"	F-48-45-C-b
khuổi Toong	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 07' 49"	106° 16' 56"	22° 08' 46"	106° 17' 22"	F-48-45-D-a
bản Vằng Puộc	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 07' 39"	106° 20' 29"					F-48-45-D-a
khuổi Bủng	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 55' 53"	106° 10' 02"	21° 55' 01"	106° 10' 13"	F-48-57-A-b
khuổi Cắt	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 56' 41"	106° 10' 05"	21° 57' 46"	106° 10' 42"	F-48-57-A-b
bản Cốc Pục	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 43"	106° 07' 50"					F-48-57-A-b
khuổi Cọn	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 57' 20"	106° 10' 42"	21° 57' 46"	106° 10' 42"	F-48-57-A-b
khuổi Điện	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 55' 03"	106° 09' 41"	21° 55' 01"	106° 10' 13"	F-48-57-A-b
khuổi Hẩu	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 56' 22"	106° 08' 51"	21° 57' 43"	106° 08' 41"	F-48-57-A-b
núi Kéo Dỉn	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 14"	106° 07' 11"					F-48-57-A-a
thôn Khuổi Bổng	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 55' 03"	106° 10' 15"					F-48-57-A-b
thôn Khuổi Cắt	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 32"	106° 10' 21"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Cọn	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 14"	106° 10' 34"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Liềng	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 56' 00"	106° 08' 47"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Mùi	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 52"	106° 10' 21"					F-48-57-A-b
thôn Khuổi Nà	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 56' 27"	106° 07' 41"					F-48-57-A-b
thôn Khuổi Phung	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 08"	106° 08' 28"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Tỏi	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 07"	106° 11' 31"					F-48-57-A-b
núi Làu Bạu	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 55' 21"	106° 08' 37"					F-48-57-A-b
khuổi Liềng	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 54' 50"	106° 08' 01"	21° 56' 22"	106° 08' 51"	F-48-57-A-b
bản Lũng Lì	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 57"	106° 07' 18"					F-48-57-A-a
núi Lũng Lì	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 56' 41"	106° 06' 46"	21° 57' 43"	106° 08' 41"	F-48-57-A-b
bản Mạy Deng	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 50"	106° 11' 52"					F-48-57-A-b
núi May Khoang	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 18"	106° 12' 45"					F-48-57-A-b
suối Mạy Khoang	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 57' 21"	106° 11' 13"	21° 57' 36"	106° 11' 58"	F-48-57-A-b
khuổi Mùi	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 57' 58"	106° 10' 26"	21° 57' 55"	106° 10' 45"	F-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Nà	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 56' 28"	106° 07' 43"	21° 56' 22"	106° 08' 51"	F-48-57-A-b
thôn Nà Mang	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 28"	106° 10' 43"					F-48-57-A-b
bản Phiêng Hà	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 01"	106° 12' 32"					F-48-57-A-b
suối Phiêng Hà	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 59' 00"	106° 10' 35"	21° 57' 08"	106° 12' 54"	F-48-57-A-b
núi Pia Ká	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 54' 52"	106° 07' 36"					F-48-57-A-b
núi Pò Dàu Slậu	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 55' 49"	106° 09' 47"					F-48-57-A-b
núi Pò Khuổi Lùng	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 55' 26"	106° 09' 35"					F-48-57-A-b
núi Pò Phạ Khiếc	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 56' 18"	106° 09' 29"					F-48-57-A-b
núi Pò Tằng Khằng	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 37"	106° 11' 13"					F-48-57-A-b
bản Quang	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 20"	106° 08' 31"					F-48-57-A-b
quốc lộ 1B	KX	xã Tân Văn	H. Bình Gia			21° 56' 32"	106° 24' 28"	21° 52' 17"	106° 26' 13"	F-48-57-B-b
thôn Bản Đao	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 18"	106° 25' 44"					F-48-57-B-b
thôn Bản Đáp	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 52' 22"	106° 26' 01"					F-48-57-B-d
cầu Bản Đáp	KX	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 52' 39"	106° 26' 04"					F-48-57-B-b
thôn Bản Nâng	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 30"	106° 26' 39"					F-48-57-B-b
suối Cáp	TV	xã Tân Văn	H. Bình Gia			21° 53' 36"	106° 26' 38"	21° 53' 56"	106° 26' 57"	F-48-57-B-b
núi Cốc Phát	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 59"	106° 26' 44"					F-48-57-B-b
thôn Còn Tẩu Ư (Còn Tẩu)	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 56' 09"	106° 25' 01"					F-48-57-B-b
đèo Gạm Nha	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 35"	106° 24' 50"					F-48-57-B-b
thôn Giao Thủy	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 56' 48"	106° 25' 03"					F-48-57-B-b
núi Hin Khang	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 31"	106° 26' 58"					F-48-57-B-b
thôn Kéo Coong	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 18"	106° 25' 22"					F-48-57-B-b
núi Kéo Rầm	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 34"	106° 25' 39"					F-48-57-B-b
thôn Lân Khinh	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 09"	106° 24' 15"					F-48-57-B-b
núi Mỏ Roòng	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 07"	106° 25' 15"					F-48-57-B-b
thôn Nà Dài	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 18"	106° 26' 30"					F-48-57-B-b
suối Nà Dài	TV	xã Tân Văn	H. Bình Gia			21° 54' 46"	106° 26' 06"	21° 53' 13"	106° 25' 59"	F-48-57-B-b
thôn Nà Đồng	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 36"	106° 26' 08"					F-48-57-B-b
núi Nà Giáo	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 41"	106° 25' 45"					F-48-57-B-b
suối Nà Giảo	TV	xã Tân Văn	H. Bình Gia			21° 53' 56"	106° 26' 57"	21° 54' 23"	106° 27' 25"	F-48-57-B-b
cầu Nà Pái	KX	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 56' 33"	106° 24' 55"					F-48-57-B-b
thôn Nà Pài	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 56' 39"	106° 24' 41"					F-48-57-B-b
cầu Nà Quân	KX	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 26"	106° 26' 13"					F-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Vước	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 56"	106° 25' 00"					F-48-57-B-b
thôn Pá Péc	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 55' 15"	106° 25' 04"					F-48-57-B-b
núi Phia Giàng	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 52"	106° 24' 14"					F-48-57-B-b
núi Phia Hón	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 19"	106° 25' 19"					F-48-57-B-b
núi Pò Tường	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 55' 00"	106° 25' 42"					F-48-57-B-b
thôn Suối Cáp	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 07"	106° 26' 23"					F-48-57-B-b
thôn Trà Lẩu	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 55' 37"	106° 25' 03"					F-48-57-B-b
quốc lộ 279	KX	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 05' 03"	106° 08' 20"	106° 13' 36"	22° 01' 42"	F-48-45-C-d
thôn Ba Biển	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 31"	106° 10' 53"					F-48-45-C-d
thôn Cặm Tắm	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 01' 36"	106° 12' 45"					F-48-45-C-d
khuổi Cầu	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 05' 20"	106° 10' 17"	22° 04' 01"	106° 10' 07"	F-48-45-C-d
núi Kéo Trào	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 35"	106° 06' 33"					F-48-45-C-c
bản Khuổi Giàng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 01"	106° 12' 46"					F-48-45-C-d
bản Khuổi Lào	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 04' 10"	106° 13' 01"					F-48-45-C-d
bản Khuổi Luông	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 22"	106° 12' 18"					F-48-45-C-d
núi Khuổi Ón	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 22"	106° 13' 56"					F-48-45-C-d
suối Khuổi Sấn	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 02' 53"	106° 08' 52"	22° 03' 35"	106° 09' 54"	F-48-45-C-d
thôn Lân Luông	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 42"	106° 06' 31"					F-48-45-C-c
khuổi Lào	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 04' 07"	106° 13' 00"	22° 02' 55"	106° 12' 48"	F-48-45-C-d
khuổi Lù	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 01' 51"	106° 11' 31"	22° 02' 05"	106° 13' 18"	F-48-45-C-d
khau Lùng Qua	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 52"	106° 07' 38"					F-48-45-C-d
thôn Nà Lẹng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 11"	106° 13' 21"					F-48-45-C-d
thôn Nà Tàn	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 04' 31"	106° 08' 16"					F-48-45-C-d
khuổi Nà Tàn	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 03' 55"	106° 07' 05"	22° 04' 29"	106° 08' 28"	F-48-45-C-d
khau Slam Lải	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 05' 00"	106° 07' 58"					F-48-45-C-d
khau Tẳng	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 04' 26"	106° 09' 54"					F-48-45-C-d
thôn Thạch Lùng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 53"	106° 07' 20"					F-48-45-C-c
thôn Thâm Khôn	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 59"	106° 09' 20"					F-48-45-C-d
khau Vạt	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 55"	106° 07' 47"					F-48-45-C-d
núi Xa Ngầm Con	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 06' 47"	106° 10' 07"					F-48-45-C-d
thôn Yên Hùng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 35"	106° 12' 19"					F-48-45-C-d
suối Yên Hùng	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 03' 28"	106° 11' 07"	22° 03' 11"	106° 11' 08"	F-48-45-C-d
thôn Bắc Hóa	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	21° 59' 53"	106° 10' 16"					F-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bắc Hóa	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			22° 00' 43"	106° 08' 16"	21° 59' 18"	106° 09' 52"	F-48-45-C-d
thôn Bản Thàng	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 13"	106° 08' 04"					F-48-45-C-d
thôn Ca Siều	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 16"	106° 07' 20"					F-48-45-C-c
núi Cột Cờ	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 55"	106° 09' 30"					F-48-45-C-d
khuổi Hẩu	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			21° 58' 06"	106° 08' 41"	21° 59' 18"	106° 09' 52"	F-48-57-A-b
núi Kéo Trào	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 02' 37"	106° 06' 28"					F-48-45-C-c
thôn Khuổi Hẩu	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	21° 58' 51"	106° 09' 18"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Khâu	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 52"	106° 10' 11"					F-48-45-C-d
bản Khuổi Síu	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 02' 17"	106° 07' 12"					F-48-45-C-c
khuổi Kiếc	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			22° 00' 50"	106° 10' 12"	21° 59' 42"	106° 10' 55"	F-48-45-C-d
nậm Làm Xa	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			21° 59' 10"	106° 06' 60"	21° 58' 58"	106° 09' 17"	F-48-57-A-b
bản Lộ Sao	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 21"	106° 08' 06"					F-48-45-C-d
khau Lùng Qua	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 03' 10"	106° 07' 05"					F-48-45-C-c
thôn Nà Lù	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 30"	106° 06' 39"					F-48-45-C-c
bản Nà Ngà	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 58"	106° 07' 04"					F-48-45-C-c
bản Nha Cảng	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	21° 59' 12"	106° 10' 02"					F-48-57-A-b
suối Nhả Cảng	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			21° 59' 18"	106° 09' 52"	21° 59' 00"	106° 10' 35"	F-48-57-A-b
núi Pò Vòm	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 43"	106° 10' 13"					F-48-45-C-d
khuổi Síu	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			22° 02' 60"	106° 07' 14"	22° 01' 59"	106° 06' 57"	F-48-45-C-c
bản Tẩu Reng	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 37"	106° 09' 16"					F-48-45-C-d
thôn Tổng Nộc	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 24"	106° 07' 25"					F-48-45-C-c
quốc lộ 279	KX	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 42"	106° 13' 36"	21° 59' 34"	106° 19' 14"	F-48-45-D-c
thôn Bản Chúc	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 28"	106° 18' 28"					F-48-45-D-c
suối Bản Chúc	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 06"	106° 18' 43"	22° 00' 32"	106° 16' 50"	F-48-45-D-c
khuổi Hắp	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 04' 31"	106° 15' 57"	22° 03' 57"	106° 16' 20"	F-48-45-D-c
bản Khuổi Càn	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 05"	106° 15' 56"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Cưởm	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 40"	106° 15' 54"					F-48-45-D-c
bản Khuổi Đắc	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 34"	106° 19' 24"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Hắp	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 04' 01"	106° 16' 07"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Khuy	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 02' 16"	106° 16' 37"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Lù	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 05"	106° 17' 16"					F-48-45-D-c
núi Khuổi Lý	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 03' 03"	106° 13' 22"					F-48-45-C-d
núi Khuổi Moòng	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 04' 00"	106° 16' 07"					F-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Y	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 16"	106° 17' 50"					F-48-45-D-c
khuổi Khuy	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 02' 08"	106° 16' 33"	22° 02' 51"	106° 15' 39"	F-48-45-D-c
khuổi Lù	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 21"	106° 17' 02"	22° 00' 25"	106° 16' 54"	F-48-45-D-c
thôn Nà Lốc	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 28"	106° 16' 44"					F-48-45-D-c
thôn Pác Khuông	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 47"	106° 15' 53"					F-48-45-D-c
sông Pác Khuông	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 00' 04"	106° 14' 47"	22° 04' 24"	106° 17' 06"	F-48-45-D-c
cầu Pác Khuông	KX	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 42"	106° 15' 49"					F-48-45-D-c
thôn Pác Là	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 03' 26"	106° 15' 04"					F-48-45-D-c
thôn Pác Luống	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 03' 36"	106° 17' 13"					F-48-45-D-c
suối Pác Luống	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 03' 11"	106° 17' 19"	22° 04' 09"	106° 17' 18"	F-48-45-D-c
núi Pàn Cheng	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 02' 34"	106° 18' 16"					F-48-45-D-c
núi Phia Lèn	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 04' 20"	106° 14' 24"					F-48-45-C-d
núi Phia Món	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 57"	106° 16' 28"					F-48-45-D-c
thôn Pò Sè	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 50"	106° 15' 00"					F-48-45-C-d
khau Slác	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 01"	106° 13' 48"					F-48-45-C-d
núi Thám	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 35"	106° 19' 15"					F-48-45-D-c
khau Thán	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 04' 24"	106° 17' 52"					F-48-45-D-c
suối Thiện Hoà	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 41"	106° 13' 33"	22° 00' 43"	106° 15' 08"	F-48-45-C-d
núi Thoáng Bóc	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 43"	106° 14' 23"					F-48-45-C-d
thôn Vằng Sâu	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 02' 49"	106° 14' 09"					F-48-45-C-d
khuổi Y	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 33"	106° 17' 55"	22° 00' 25"	106° 17' 07"	F-48-45-D-c
đường tỉnh 226	KX	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia			21° 57' 10"	106° 22' 31"	21° 59' 30"	106° 24' 28"	F-48-57-B-b
quốc lộ 1B	KX	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia			21° 57' 10"	106° 22' 31"	21° 56' 32"	106° 24' 28"	F-48-57-B-b
núi Dộc Cướm	SV	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 55' 35"	106° 23' 56"					F-48-57-B-b
thôn Ngọc Quyến	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 56' 49"	106° 22' 57"					F-48-57-B-b
thôn Ngọc Trí	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 57' 24"	106° 22' 49"					F-48-57-B-b
thôn Pắc Nàng	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 58' 21"	106° 23' 25"					F-48-57-B-b
núi Pác Sào	SV	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 57' 05"	106° 23' 16"					F-48-57-B-b
thôn Tân Thành	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 56' 30"	106° 23' 41"					F-48-57-B-b
thôn Yên Bình	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 58' 48"	106° 23' 28"					F-48-57-B-b
suối Yên Bình	TV	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia			21° 58' 28"	106° 23' 16"	21° 57' 57"	106° 23' 13"	F-48-57-B-b
sông Bắc Giang	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 13' 17"	106° 13' 57"	22° 10' 30"	106° 16' 34"	F-48-45-D-a
khuổi Chì	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 09' 53"	106° 15' 15"	22° 10' 20"	106° 15' 56"	F-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuỗi Đàng	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 13' 52"	106° 15' 44"	22° 12' 25"	106° 15' 36"	F-48-45-D-a
khau Dụi	SV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 11' 25"	106° 15' 27"					F-48-45-D-a
bản Khuỗi Đàng	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 57"	106° 15' 40"					F-48-45-D-a
thôn Khuỗi Dụi	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 10' 55"	106° 15' 22"					F-48-45-D-a
thôn Khuỗi Luông	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 00"	106° 14' 37"					F-48-45-C-b
thôn Khuỗi Màn	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 30"	106° 13' 46"					F-48-45-C-b
khuỗi Màn	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 11' 45"	106° 13' 16"	22° 12' 10"	106° 13' 55"	F-48-45-C-b
núi Phia Báng	SV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 10' 31"	106° 13' 48"					F-48-45-C-b
núi Phia Mạ	SV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 22"	106° 14' 34"					F-48-45-C-b
khuỗi Quang	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 11' 42"	106° 17' 50"	22° 11' 50"	106° 17' 03"	F-48-45-D-a
khuỗi Sâu	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 12' 30"	106° 16' 45"	22° 11' 52"	106° 16' 55"	F-48-45-D-a
bản Soong Phụ	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 50"	106° 14' 28"					F-48-45-C-b
khuỗi Tèn	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 13' 00"	106° 15' 18"	22° 12' 27"	106° 14' 58"	F-48-45-D-a
thôn Vằng Mần	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 00"	106° 16' 33"					F-48-45-D-a
thôn Vằng Ún	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 11' 11"	106° 16' 58"					F-48-45-D-a
thôn Bản Mè	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 04' 53"	106° 17' 20"					F-48-45-D-c
thôn bản Pe	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 48"	106° 13' 37"					F-48-45-C-d
núi Cạm Mẳng	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 50"	106° 20' 10"					F-48-45-D-c
núi Đông Lào	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 34"	106° 15' 11"					F-48-45-D-c
khuỗi Kép	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 06' 29"	106° 14' 34"	22° 05' 43"	106° 13' 56"	F-48-45-C-d
khuỗi Khoan	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 07' 09"	106° 12' 00"	22° 06' 32"	106° 12' 32"	F-48-45-C-d
thôn Khuỗi Chặng	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 10"	106° 19' 00"					F-48-45-D-c
thôn Khuỗi Cọ	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 59"	106° 19' 17"					F-48-45-D-c
bản Khuỗi Kép	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 06"	106° 14' 00"					F-48-45-C-d
bản Khuỗi Ma	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 57"	106° 17' 28"					F-48-45-D-c
bản Khuỗi Quang	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 31"	106° 18' 15"					F-48-45-D-c
núi Khuỗi Quang	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 55"	106° 17' 15"					F-48-45-D-c
thôn Khuỗi Sắp	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 07' 15"	106° 12' 19"					F-48-45-C-d
khau Liềng	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 07' 17"	106° 18' 41"					F-48-45-D-c
khuỗi Ma	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 06' 51"	106° 18' 15"	22° 06' 24"	106° 18' 48"	F-48-45-D-c
khuỗi Nà	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 06' 34"	106° 12' 56"	22° 04' 51"	106° 17' 21"	F-48-45-D-c
bản Nà Lào	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 44"	106° 15' 47"					F-48-45-D-c
bản Nà Pang	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 31"	106° 16' 04"					F-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Quang	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 20"	106° 16' 04"					F-48-45-D-c
thôn Nà Quăng	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 13"	106° 14' 40"					F-48-45-C-d
bản Nà Sâm	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 15"	106° 12' 23"					F-48-45-C-d
bản Nà Tâm	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 16"	106° 15' 13"					F-48-45-D-c
bản Pác Xoong	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 46"	106° 18' 43"					F-48-45-D-c
thôn Pò Mầm	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 34"	106° 16' 32"					F-48-45-D-c
núi Sa Quang	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 07' 19"	106° 17' 56"					F-48-45-D-c
bản Sam Choi	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 39"	106° 19' 17"					F-48-45-D-c
bản Thu Kiều	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 33"	106° 13' 15"					F-48-45-C-d
núi Xa Ngàm	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 07' 11"	106° 11' 02"					F-48-45-C-d
sông Yên Lỗ	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 04' 24"	106° 17' 06"	22° 07' 36"	106° 19' 30"	F-48-45-D-c
khối 1	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 22"	106° 45' 53"					F-48-58-B+46-D
khối 2	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 14"	106° 45' 48"					F-48-58-B+46-D
khối 4	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 05"	106° 46' 01"					F-48-58-B+46-D
khối 8	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 04"	106° 46' 26"					F-48-58-B+46-D
khối 9	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 12"	106° 46' 17"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 1A	KX	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc			21° 51' 30"	106° 46' 04"	21° 52' 33"	106° 45' 20"	F-48-58-B+46-D
quốc lộ 1A	KX	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc			21° 58' 32"	106° 42' 34"	21° 56' 36"	106° 42' 01"	F-48-58-A
khu Dây Thép	DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 15"	106° 41' 44"					F-48-58-A
đồi Đồn	SV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 56"	106° 42' 05"					F-48-58-A
suối Đồng Đăng	TV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc			21° 57' 34"	106° 42' 25"	21° 56' 40"	106° 41' 24"	F-48-58-A
ga Đồng Đăng	KX	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 56' 38"	106° 41' 43"					F-48-58-A
khu Ga	DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 56' 33"	106° 41' 42"					F-48-58-A
cửa khẩu Hữu Nghị	KX	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 58' 30"	106° 42' 32"					F-48-58-A
thôn Kéo Kham	DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 26"	106° 42' 08"					F-48-58-A
núi Khỉ Héo	SV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 35"	106° 41' 51"					F-48-58-A
núi Lán Vài	SV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 58' 04"	106° 42' 16"					F-48-58-A
khu Nam Quan	DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 09"	106° 41' 47"					F-48-58-A
bó Slảng	SV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 58' 14"	106° 42' 16"					F-48-58-A
khu Vườn Sái	DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 56' 26"	106° 42' 07"					F-48-58-A
đường tỉnh 235D	KX	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 58' 12"	106° 42' 47"	21° 59' 27"	106° 45' 00"	F-48-58-A
thôn Cò Luồng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 16"	106° 43' 22"					F-48-58-A
núi Co Min	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 37"	106° 43' 15"					F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Co Mòi	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 57' 29"	106° 43' 01"	21° 57' 34"	106° 42' 28"	F-48-58-A
núi Cốc Chác	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 29"	106° 46' 11"					F-48-58-B+46-D
thôn Cốc Tào	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 01"	106° 44' 51"					F-48-58-A
thôn Cốc Toòng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 32"	106° 44' 27"					F-48-58-A
khuổi Đẩy	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			22° 00' 00"	106° 44' 59"	22° 00' 29"	106° 46' 30"	F-48-58-B+46-D
suối Đông Ké	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			22° 00' 00"	106° 44' 12"	21° 58' 53"	106° 44' 34"	F-48-58-A
bản Già Mộc	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 57"	106° 45' 58"					F-48-58-B+46-D
núi Già Mộc	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 00"	106° 46' 41"					F-48-58-B+46-D
khuổi He	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 58' 49"	106° 43' 31"	21° 58' 34"	106° 43' 47"	F-48-58-A
khau Keo	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 57' 38"	106° 44' 35"					F-48-58-A
thôn Kéo Có	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 12"	106° 43' 54"					F-48-58-A
đồi Khau Sliểm	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 56' 56"	106° 42' 57"					F-48-58-A
khau Khẻ	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 44"	106° 45' 40"					F-48-58-B+46-D
thôn Khòn Háng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 49"	106° 45' 36"					F-48-58-B+46-D
thôn Khòn Kéo	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 06"	106° 44' 53"					F-48-58-A
bản Khuổi Tao	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 57' 31"	106° 43' 50"					F-48-58-A
bản Lì Tắng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 47"	106° 45' 05"					F-48-58-B+46-D
núi Ma Khoét	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 03"	106° 46' 44"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Ân	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 52"	106° 45' 51"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Hé	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 58' 45"	106° 43' 14"	21° 58' 11"	106° 43' 20"	F-48-58-A
bản Nà Ke	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 58"	106° 44' 20"					F-48-58-A
núi Nà Kéo	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 57' 12"	106° 42' 37"					F-48-58-A
bản Nà Làng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 02"	106° 46' 19"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pàn	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 02"	106° 43' 05"					F-48-58-A
bản Nà Phẩy	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 15"	106° 44' 41"					F-48-58-A
suối Nà Tát	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 58' 41"	106° 45' 00"	21° 58' 12"	106° 42' 45"	F-48-58-A
bản Pá Deng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 42"	106° 43' 54"					F-48-58-A
núi Pá Táu	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 56' 57"	106° 44' 20"					F-48-58-A
suối Pác Luộc	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 57' 55"	106° 43' 50"	21° 58' 13"	106° 43' 28"	F-48-58-A
thôn Phạc Tảng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 40"	106° 44' 08"					F-48-58-A
bản Pò Coọc	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 09"	106° 44' 19"					F-48-58-A
thôn Pò Nhùng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 06"	106° 46' 02"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Pha	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 04"	106° 45' 11"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Trí	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 59"	106° 39' 30"					F-48-58-A
thôn Bản Slắng	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 18"	106° 39' 02"					F-48-58-A
thôn Chục Pình	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 29"	106° 39' 17"					F-48-58-A
núi Cốc Khảo	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 27"	106° 40' 00"					F-48-58-A
thôn Còn Coóc	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 26"	106° 39' 43"					F-48-58-A
núi Đông Ké	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 31"	106° 38' 51"					F-48-58-A
núi Giảng Xá	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 46"	106° 38' 26"					F-48-58-A
núi Giảng Xá	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 52' 56"	106° 40' 06"					F-48-58-A
đèo Kéo Slĩnh	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 18"	106° 39' 19"					F-48-58-A
đập Khánh Khê	KX	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 52' 44"	106° 39' 21"					F-48-58-A
dãy Khảo Lương	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 34"	106° 39' 35"					F-48-58-A
thôn Khau Khe	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 44"	106° 37' 51"					F-48-58-A
sông Kỳ Cùng	TV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc			21° 52' 21"	106° 39' 54"	21° 53' 03"	106° 37' 27"	F-48-58-A
thôn Lùng Pảng	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 53"	106° 39' 10"					F-48-58-A
thôn Pá Pách	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 52' 54"	106° 39' 16"					F-48-58-A
thôn Pò Đồn	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 05"	106° 39' 23"					F-48-58-A
thôn Xuân Lũng	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 09"	106° 38' 13"					F-48-58-A
đường tỉnh 235	KX	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc			21° 54' 09"	106° 56' 07"	21° 56' 05"	106° 56' 53"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Đon	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 07"	106° 55' 27"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Rằn	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 02"	106° 54' 05"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Vàng	KX	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 53' 52"	106° 56' 32"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Xâm	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 16"	106° 54' 33"					F-48-58-B+46-D
suối Bò Nhúng	TV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc			21° 58' 14"	106° 53' 18"	21° 58' 15"	106° 54' 16"	F-48-58-B+46-D
bản Co Riền	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 57' 36"	106° 54' 45"					F-48-58-B+46-D
suối Cò Riền	TV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc			21° 57' 09"	106° 54' 17"	21° 58' 15"	106° 54' 16"	F-48-58-B+46-D
suối Co Riềng	TV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc			21° 54' 04"	106° 52' 59"	21° 54' 39"	106° 52' 32"	F-48-58-B+46-D
bản Co Sâu	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 55' 34"	106° 56' 38"					F-48-58-B+46-D
thôn Còn Nàn	SV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 53' 39"	106° 57' 08"					F-48-58-B+46-D
núi Dà Nàng	SV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 55' 06"	106° 55' 04"					F-48-58-B+46-D
bản Kéo Lượt	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 55' 59"	106° 54' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Lị	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 01"	106° 55' 47"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Bó	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 32"	106° 52' 52"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Dảo	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 57' 05"	106° 54' 22"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Hộc	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 56' 26"	106° 53' 01"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Luộc	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 56' 32"	106° 53' 26"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Mặn	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 55' 54"	106° 52' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Nâm	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 56' 38"	106° 53' 59"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Rảo	TV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc			21° 56' 39"	106° 55' 29"	21° 56' 38"	106° 54' 20"	F-48-58-B+46-D
thôn Nà Thâm	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 56' 03"	106° 52' 58"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Va	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 57' 15"	106° 54' 24"					F-48-58-B+46-D
núi Ngàm Đắc	SV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 56' 49"	106° 55' 17"					F-48-58-B+46-D
thôn Pá Cuổng	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 22"	106° 55' 14"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Cam	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 03"	106° 55' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Cáu	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 02"	106° 56' 58"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Nhùng	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 58' 11"	106° 54' 19"					F-48-58-B+46-D
thôn Sông Danh	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 52"	106° 53' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Luông	DC	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 54' 17"	106° 56' 28"					F-48-58-B+46-D
núi Toong Trình	SV	xã Cao Lâu	H. Cao Lộc	21° 56' 41"	106° 52' 39"					F-48-58-B+46-D
núi Đông Chắn	SV	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 51' 11"	106° 52' 27"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Tao	DC	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 52' 46"	106° 54' 55"					F-48-58-B+46-D
thôn Phiêng Luông	DC	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 52' 06"	106° 51' 32"					F-48-58-B+46-D
núi Sam Hào	SV	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 51' 57"	106° 51' 38"					F-48-58-B+46-D
khuổi Tao	TV	xã Công Sơn	H. Cao Lộc			21° 51' 40"	106° 54' 16"	21° 51' 45"	106° 52' 54"	F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 48' 49"	106° 50' 36"	21° 51' 17"	106° 47' 21"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Lìm	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 26"	106° 49' 23"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Ngà	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 48' 56"	106° 50' 20"					F-48-58-B+46-D
bản Càng Nộc	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 16"	106° 49' 19"					F-48-58-B+46-D
bản Co Sla	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 59"	106° 48' 57"					F-48-58-B+46-D
bản Kéo Chùa	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 48' 56"	106° 50' 24"					F-48-58-B+46-D
núi Khao Táng	SV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 56"	106° 49' 49"					F-48-58-B+46-D
bản Khau Mu	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 48' 54"	106° 50' 11"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Hanh	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 35"	106° 49' 56"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Lượt	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 51"	106° 48' 23"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Sang	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 14"	106° 50' 05"					F-48-58-B+46-D
bản Khuân Rù	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 48"	106° 48' 27"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 48' 44"	106° 50' 27"	21° 50' 20"	106° 47' 55"	F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Lầy Nọi	SV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 45"	106° 51' 17"					F-48-58-B+46-D
bản Lầy Thúa	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 06"	106° 49' 56"					F-48-58-B+46-D
núi Luồng Chanh	SV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 00"	106° 48' 58"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Bó	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 48"	106° 49' 43"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Lình	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 12"	106° 48' 38"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Lùng	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 40"	106° 49' 38"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Pán	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 23"	106° 49' 15"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Pán	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 51' 40"	106° 49' 47"	21° 49' 39"	106° 49' 11"	F-48-58-B+46-D
bản Nà Rào	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 28"	106° 50' 45"					F-48-58-B+46-D
khuổi Ngà	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 50' 41"	106° 51' 26"	21° 48' 59"	106° 49' 56"	F-48-58-B+46-D
suối Phai Kiệu	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 52' 36"	106° 49' 15"	21° 50' 25"	106° 47' 53"	F-48-58-B+46-D
bản Pò Lìn	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 12"	106° 50' 26"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Riềng	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 16"	106° 49' 35"					F-48-58-B+46-D
thôn Quán Hàng	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 31"	106° 48' 20"					F-48-58-B+46-D
thôn Tềnh Slung	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 56"	106° 49' 47"					F-48-58-B+46-D
suối Tềnh Slung	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 51' 26"	106° 50' 55"	21° 50' 25"	106° 47' 53"	F-48-58-B+46-D
bản Thâm Chẳng	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 48' 31"	106° 50' 18"					F-48-58-B+46-D
thôn Bó Khuông	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 52"	106° 51' 30"					F-48-58-B+46-D
núi Chi Mong	SV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 52' 35"	106° 50' 06"					F-48-58-B+46-D
thôn Co Liềng	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 54' 00"	106° 52' 47"					F-48-58-B+46-D
bản Co Phường	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 48"	106° 52' 50"					F-48-58-B+46-D
suối Co Riềng	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 53' 35"	106° 52' 52"	21° 54' 39"	106° 52' 32"	F-48-58-B+46-D
khuổi Hái	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 52' 24"	106° 52' 33"	21° 53' 37"	106° 52' 51"	F-48-58-B+46-D
núi Hóc Mu	SV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 54' 17"	106° 50' 54"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Đứa	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 35"	106° 53' 02"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Phầy	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 54' 38"	106° 52' 00"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Tèn	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	106° 50' 29"					F-48-58-B+46-D
thôn Pác Bó	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 17"	106° 50' 29"					F-48-58-B+46-D
suối Pác Bó	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 52' 41"	106° 50' 46"	21° 53' 29"	106° 50' 22"	F-48-58-B+46-D
khuổi Phầy	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 54' 34"	106° 51' 40"	21° 54' 39"	106° 52' 32"	F-48-58-B+46-D
khuổi Sần	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 52' 47"	106° 51' 38"	21° 53' 51"	106° 51' 08"	F-48-58-B+46-D
bản Sí Huần	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 08"	106° 50' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Thin Lài	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 10"	106° 49' 49"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Tòng Riền	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 53' 44"	106° 50' 44"	21° 53' 59"	106° 51' 27"	F-48-58-B+46-D
đường tỉnh 235	KX	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 53' 16"	106° 49' 31"	21° 52' 26"	106° 47' 03"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Cầm	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 40"	106° 47' 17"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Lành	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 53' 51"	106° 48' 43"	21° 54' 22"	106° 48' 19"	F-48-58-B+46-D
thôn Chè Lân	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	106° 49' 26"					F-48-58-B+46-D
thôn Co Cam	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 33"	106° 48' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Co Chí	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 54' 31"	106° 47' 53"					F-48-58-B+46-D
bản Đông Nọi	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 15"	106° 49' 03"					F-48-58-B+46-D
thôn Kéo Cặp	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 55"	106° 47' 26"					F-48-58-B+46-D
bản Khâu Song	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 58"	106° 48' 23"					F-48-58-B+46-D
bản Khuân Van	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 01"	106° 48' 06"					F-48-58-B+46-D
bản Khuôn Linh	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 32"	106° 47' 55"					F-48-58-B+46-D
suối Lục Luông	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 54' 22"	106° 48' 19"	21° 54' 37"	106° 48' 19"	F-48-58-B+46-D
bản Nà Bó	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 44"	106° 47' 00"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Bó	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 54' 49"	106° 47' 31"	21° 52' 38"	106° 46' 59"	F-48-58-B+46-D
bản Nà Khác	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 33"	106° 46' 41"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Ngột	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 10"	106° 47' 08"					F-48-58-B+46-D
bản Nặm Dân	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 29"	106° 47' 20"					F-48-58-B+46-D
bản Pàn Danh	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 54' 03"	106° 49' 33"					F-48-58-B+46-D
bản Pàn Khoang	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 54' 07"	106° 47' 27"					F-48-58-B+46-D
suối Phai Kiệu	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 52' 36"	106° 49' 15"	21° 51' 59"	106° 48' 37"	F-48-58-B+46-D
bản Phai Tấm	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 11"	106° 48' 46"					F-48-58-B+46-D
núi Sam Pò	SV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 06"	106° 47' 40"					F-48-58-B+46-D
thôn Tằm Liền	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 34"	106° 48' 49"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Chang	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 51"	106° 48' 15"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Thốc	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 38"	106° 48' 10"					F-48-58-B+46-D
thôn Còn Khoang	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 01"	106° 40' 58"					F-48-58-A
thôn Còn Quyền	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 45"	106° 40' 59"					F-48-58-A
núi Hang Soòng	SV	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 47"	106° 40' 19"					F-48-58-A
thôn Nà Chà	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 53"	106° 40' 37"					F-48-58-A
thôn Nà Lầm	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 32"	106° 40' 54"					F-48-58-A
thôn Nà Luộc	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 16"	106° 39' 52"					F-48-58-A
núi Nà Luồng	SV	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 26"	106° 39' 29"					F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pá Phiêng	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 45"	106° 40' 52"					F-48-58-A
thôn Pá Poải (Pá Pjài)	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 58"	106° 41' 17"					F-48-58-A
núi Sinh Minh	TV	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc			21° 55' 16"	106° 40' 14"	21° 56' 14"	106° 41' 33"	F-48-58-A
thôn Tềnh Chè	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 08"	106° 40' 06"					F-48-58-A
đường tỉnh 234	KX	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc			21° 53' 49"	106° 46' 27"	21° 52' 37"	106° 45' 39"	F-48-58-B+46-D
bản Bó Ma	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 52' 47"	106° 45' 20"					F-48-58-B+46-D
núi Kéo Phầy	SV	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	106° 46' 17"					F-48-58-B+46-D
thôn Kéo Tào	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 51' 24"	106° 47' 05"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Ca	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 52' 54"	106° 46' 30"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Nùng	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 51' 55"	106° 46' 55"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Phan	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 53' 15"	106° 46' 37"					F-48-58-B+46-D
thôn Phai Luông	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 52' 59"	106° 45' 53"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Dọn	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 54' 44"	106° 49' 18"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Dọn	TV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc			21° 54' 15"	106° 49' 18"	21° 55' 15"	106° 48' 53"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Giếng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 12"	106° 51' 23"					F-48-58-B+46-D
bản Bản Héc	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 18"	106° 49' 10"					F-48-58-B+46-D
bản Bản Riền	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 48"	106° 49' 28"					F-48-58-B+46-D
bản Bó Mạ	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 39"	106° 50' 46"					F-48-58-B+46-D
bản Cỗ Lương	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 54' 18"	106° 49' 04"					F-48-58-B+46-D
bản Còn Teng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 13"	106° 48' 42"					F-48-58-B+46-D
nặm Keng	TV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc			21° 55' 48"	106° 50' 55"	21° 57' 13"	106° 50' 56"	F-48-58-B+46-D
núi Khau Bó	SV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 32"	106° 48' 01"					F-48-58-B+46-D
núi Khau Vài	SV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 54"	106° 48' 50"					F-48-58-B+46-D
thôn Lục Hốc	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 01"	106° 51' 03"					F-48-58-B+46-D
thôn Lục Luông	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 54' 56"	106° 48' 00"					F-48-58-B+46-D
suối Lục Luông	TV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc			21° 54' 37"	106° 48' 21"	21° 55' 15"	106° 48' 53"	F-48-58-B+46-D
thôn Lục Ngoãng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 33"	106° 48' 36"					F-48-58-B+46-D
thôn Lục Tát	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 19"	106° 50' 06"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Mò	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 16"	106° 51' 07"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Tém	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 30"	106° 49' 10"					F-48-58-B+46-D
bản Pàn Lại	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 57"	106° 49' 58"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Pằng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 20"	106° 51' 41"					F-48-58-B+46-D
núi Toong Trinh	SV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 41"	106° 52' 39"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1A	KX	xã Phú Xá	H. Cao Lộc			21° 56' 36"	106° 42' 01"	21° 55' 55"	106° 42' 39"	F-48-58-A
thôn Còn Bó	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 55' 39"	106° 41' 44"					F-48-58-A
bản Còn Chang	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 40"	106° 41' 11"					F-48-58-A
bản Còn Chủ	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 53"	106° 41' 13"					F-48-58-A
thôn Còn Kẹn	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 53' 45"	106° 40' 29"					F-48-58-A
bản Còn Tòng	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 55' 52"	106° 42' 00"					F-48-58-A
núi Hang Lạn	SV	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	106° 41' 15"					F-48-58-A
thôn Lộc Hồ	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 30"	106° 40' 55"					F-48-58-A
thôn Nà Slìn	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 14"	106° 41' 10"					F-48-58-A
dãy Núi Tém	SV	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 47"	106° 40' 34"					F-48-58-A
thôn Pác Lùng	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 59"	106° 40' 47"					F-48-58-A
suối Pò Bơ	TV	xã Phú Xá	H. Cao Lộc			21° 56' 41"	106° 42' 50"	21° 56' 44"	106° 41' 47"	F-48-58-A
thôn Thâm Mò Bliếp	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 56' 12"	106° 41' 47"					F-48-58-A
thôn Hang Riềng	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 52' 21"	106° 40' 31"					F-48-58-A-d
thôn Khuổi Mạ	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 52' 29"	106° 42' 18"					F-48-58-A-d
sông Kỳ Cùng	TV	xã Song Giáp	H. Cao Lộc			21° 52' 19"	106° 42' 19"	21° 52' 21"	106° 39' 54"	F-48-58-A-d
khau Mạ	SV	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 53' 22"	106° 42' 47"					F-48-58-A
núi Mạy Xiếc	SV	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 53' 07"	106° 41' 36"					F-48-58-A
thôn Nà Ngườm	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 53' 04"	106° 41' 17"					F-48-58-A
thôn Nà Tậu	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 52' 14"	106° 41' 24"					F-48-58-A-d
thôn Slam Kha	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 53' 04"	106° 40' 45"					F-48-58-A
thôn An Rinh 1	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc							
thôn An Rinh 2	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc							
suối Bản Mới	TV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc			21° 47' 52"	106° 48' 49"	21° 49' 19"	106° 48' 50"	F-48-58-B+46-D
khau Cà	SV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 49' 05"	106° 47' 52"					F-48-58-B+46-D
bản Choong Là	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 33"	106° 49' 35"					F-48-58-B+46-D
núi Kéo Ái	SV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 47' 55"	106° 48' 35"					F-48-58-B+46-D
bản Khau Trang	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 47' 52"	106° 49' 34"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Trang	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 49' 10"	106° 48' 41"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc			21° 48' 44"	106° 50' 27"	21° 50' 20"	106° 47' 55"	F-48-58-B+46-D
hồ Lệ Minh	TV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 27"	106° 48' 42"					F-48-58-B+46-D
núi Mè Mải	SV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 23"	106° 48' 20"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pinh	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 50' 07"	106° 47' 57"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Phố Ngầu	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 59"	106° 49' 30"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Lẹng	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 49' 11"	106° 49' 00"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Trần	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 49' 26"	106° 48' 32"					F-48-58-B+46-D
thôn Tam Độ	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 47' 25"	106° 49' 21"					F-48-58-B+46-D
thôn Tằm Nguyên	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 15"	106° 50' 28"					F-48-58-B+46-D
bản Tằm Thoang	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 47' 52"	106° 50' 16"					F-48-58-B+46-D
ga Tân Liên	KX	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 48"	106° 49' 24"					F-48-58-B+46-D
bản Thồng Vèn	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 57"	106° 48' 50"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Cấm	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 46' 38"	106° 39' 04"	21° 46' 44"	106° 39' 55"	F-48-58-A-d
thôn Bản Cầm	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 36"	106° 39' 32"					F-48-58-A-d
khau Chịn	SV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 51"	106° 38' 31"					F-48-58-A-d
bản Cốc Bây	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 59"	106° 40' 23"					F-48-58-A-d
thôn Còn Pheo	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 43"	106° 42' 12"					F-48-58-A-d
bản Kéo Cà	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 28"	106° 40' 32"					F-48-58-A-d
thôn Lục Môn	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 11"	106° 38' 26"					F-48-58-A-d
suối Nà Don	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 46' 44"	106° 39' 55"	21° 46' 25"	106° 40' 37"	F-48-58-A-d
bản Nà Đon	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 43"	106° 40' 06"					F-48-58-A-d
suối Nà Múc	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 46' 25"	106° 40' 37"	21° 46' 48"	106° 40' 56"	F-48-58-A-d
bản Nà Múc A	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 47"	106° 40' 40"					F-48-58-A-d
bản Nà Múc B	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 49"	106° 41' 37"					F-48-58-A-d
bản Nà Nam	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 29"	106° 41' 35"					F-48-58-A-d
bản Nà Quần	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 09"	106° 42' 13"					F-48-58-A-d
suối Pác Ve	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 47' 37"	106° 39' 56"	21° 47' 10"	106° 40' 52"	F-48-58-A-d
cầu Pác Vé	KX	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	106° 40' 20"	21° 45' 49"					F-48-58-A-d
bản Pồ Hốc	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 37"	106° 39' 45"					F-48-58-A-d
bản Quanh Quýt	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 33"	106° 41' 14"					F-48-58-A-d
thôn Sài Hồ	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 44' 41"	106° 39' 40"					F-48-58-C-b
đèo Sài Hồ	SV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 44' 53"	106° 39' 04"					F-48-58-C-b
bản Suối Cáp	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 44' 53"	106° 38' 41"					F-48-58-C-b
cầu Tằm Danh	KX	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	106° 40' 33"	21° 46' 24"					F-48-58-A-d
thôn Tình Hồ	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 45' 14"	106° 39' 16"					F-48-58-A-d
thôn Tồng Han	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 45' 38"	106° 40' 56"					F-48-58-A-d
thôn Tồng Méo	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 21"	106° 41' 13"					F-48-58-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 238	KX	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc			21° 55' 48"	106° 47' 28"	21° 56' 51"	106° 48' 38"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Đầy	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 12"	106° 46' 42"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Mạc	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 50"	106° 47' 26"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Phường	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc			21° 56' 55"	106° 45' 20"	21° 55' 29"	106° 47' 15"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Roọc	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 22"	106° 46' 47"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Roọc	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc			21° 57' 19"	106° 46' 51"	21° 56' 58"	106° 48' 23"	F-48-58-B+46-D
bản Chang Khuổi	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 43"	106° 46' 07"					F-48-58-B+46-D
thôn Còn Quyền	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 12"	106° 46' 14"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuôn Cuổng	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 03"	106° 47' 38"					F-48-58-B+46-D
khau Lầu	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 47"	106° 46' 01"					F-48-58-B+46-D
núi Lính Đeng	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 43"	106° 47' 00"					F-48-58-B+46-D
bản Mu Ngạp	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 54' 53"	106° 46' 26"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Bó	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc							
thôn Nà Lệnh	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 41"	106° 47' 21"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Lệnh	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc			21° 55' 29"	106° 47' 15"	21° 55' 45"	106° 47' 37"	F-48-58-B+46-D
thôn Nà Mon	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 45"	106° 46' 28"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Nhàn	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 18"	106° 47' 39"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Piao	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 04"	106° 47' 17"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Sla	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 23"	106° 48' 10"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Vá	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 04"	106° 46' 11"					F-48-58-B+46-D
bản Phường	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 56"	106° 46' 23"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Chả	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 12"	106° 46' 40"					F-48-58-B+46-D
núi Tâm Tường	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 58' 03"	106° 45' 59"					F-48-58-B+46-D
khau Vài	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 37"	106° 45' 14"					F-48-58-B+46-D
bản Bản Lòa	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 53"	106° 51' 51"					F-48-58-B+46-D
bản Bản Nhạc	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 23"	106° 50' 11"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Rọi	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 44"	106° 48' 35"					F-48-58-B+46-D
bản Boóc	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 06"	106° 48' 59"					F-48-58-B+46-D
núi Cô Chi	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 20"	106° 51' 55"					F-48-58-B+46-D
thôn Co Khuất	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 09"	106° 52' 13"					F-48-58-B+46-D
thôn Còn Phạc	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 09"	106° 47' 30"					F-48-58-B+46-D
suối Còn Phạc	TV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc			21° 57' 32"	106° 48' 20"	21° 59' 10"	106° 47' 58"	F-48-58-B+46-D
núi Đông Ké	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 43"	106° 49' 14"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Hiển	TV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc			21° 56' 55"	106° 50' 16"	21° 57' 19"	106° 50' 35"	F-48-58-B+46-D
núi Kéo Ham, Khuổi Sưởng	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 17"	106° 51' 20"					F-48-58-B+46-D
núi Kéo Mạy Ổi	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 57"	106° 50' 10"					F-48-58-B+46-D
núi Khau Tặc	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 13"	106° 52' 24"					F-48-58-B+46-D
núi Khâu Tác	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 47"	106° 47' 38"					F-48-58-B+46-D
núi Khối Uổn	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 46"	106° 52' 32"					F-48-58-B+46-D
núi Khuôn Phụng	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 59"	106° 46' 55"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Làng	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 06"	106° 49' 13"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Làng	TV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc			21° 57' 17"	106° 49' 10"	21° 57' 19"	106° 50' 35"	F-48-58-B+46-D
núi Nà Mỵ	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 48"	106° 51' 20"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Phạ	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 48"	106° 51' 10"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pheo	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 28"	106° 50' 29"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Quyền	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 27"	106° 48' 32"					F-48-58-B+46-D
núi Thiên Lập	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 33"	106° 53' 03"					F-48-58-B+46-D
núi Thin Đăm	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 39"	106° 50' 42"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 1A	KX	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc			21° 55' 55"	106° 42' 39"	21° 54' 25"	106° 43' 51"	F-48-58-A
bản Cốc Cháu	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 08"	106° 41' 38"					F-48-58-A
bản Còn Cọong	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 47"	106° 42' 27"					F-48-58-A
thôn Còn Pheo	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 57"	106° 41' 49"					F-48-58-A
thôn Còn Tòng	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 46"	106° 43' 18"					F-48-58-A
núi Hin Khao	SV	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 56' 31"	106° 42' 48"					F-48-58-A
núi Khau Ngòm	SV	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 53' 51"	106° 43' 36"					F-48-58-A
thôn Khuổi Khê	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 53' 45"	106° 43' 21"					F-48-58-A
suối Khuổi Mươi	TV	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc			21° 55' 41"	106° 42' 14"	21° 55' 21"	106° 42' 21"	F-48-58-A
thôn Khuổi Mười	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 21"	106° 43' 06"					F-48-58-A
thôn Nà Hỏ	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 40"	106° 43' 46"					F-48-58-A
thôn Nà Lại	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 53' 29"	106° 41' 48"					F-48-58-A
thôn Nà Pàn	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 17"	106° 43' 05"					F-48-58-A
thôn Nà Piài (Nà Pjai)	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 31"	106° 42' 47"					F-48-58-A
bản Phai Cải	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 27"	106° 43' 45"					F-48-58-A
bản Phai Lẹng	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 48"	106° 43' 07"					F-48-58-A
thôn Pò Nghiều	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 00"	106° 43' 04"					F-48-58-A
thôn Tam Lung	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 01"	106° 43' 25"					F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Thâm Lỏng	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 11"	106° 43' 07"					F-48-58-A
suối Tồng Hênh	TV	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc			21° 55' 16"	106° 42' 59"	21° 55' 41"	106° 42' 14"	F-48-58-A
thôn Báo Slao	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 52' 52"	106° 42' 30"					F-48-58-A-d
thôn Bản Tàn	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 55"	106° 40' 08"					F-48-58-A-d
suối Bản Tàn	TV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc			21° 48' 08"	106° 40' 18"	21° 49' 08"	106° 40' 19"	F-48-58-A-d
bản Kéo Bang	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 31"	106° 38' 40"					F-48-58-A-d
thôn Khòn Bó	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 49' 38"	106° 41' 38"					F-48-58-A-d
thôn Khôn Chủ	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 59"	106° 41' 11"					F-48-58-A-d
suối Khòn Riền	TV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc			21° 48' 38"	106° 41' 37"	21° 50' 03"	106° 41' 06"	F-48-58-A-d
bản Khuôn Danh	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 50"	106° 41' 41"					F-48-58-A-d
thôn Lục Niễng	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 14"	106° 39' 53"					F-48-58-A-d
thôn Nà Ca	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 39"	106° 40' 32"					F-48-58-A-d
thôn Nà Lìn	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 50' 06"	106° 41' 16"					F-48-58-A-d
suối Nà Lìn	TV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc			21° 49' 45"	106° 40' 17"	21° 49' 49"	106° 40' 37"	F-48-58-A-d
bản Nà Mạ	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 40"	106° 40' 01"					F-48-58-A-d
bản Nà Sâu	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 49' 11"	106° 40' 16"					F-48-58-A-d
núi Nhọt Pha	SV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 47' 58"	106° 41' 46"					F-48-58-A-d
bản Nưa Muồn	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 47' 59"	106° 39' 02"					F-48-58-A-d
khau Ràng	SV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 50' 28"	106° 40' 30"					F-48-58-A-d
bản Vần Mình	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 49' 59"	106° 40' 44"					F-48-58-A-d
thôn Ba Sơn	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	107° 00' 59"					F-48-59-A
suối Bản Lẻ	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 53' 26"	106° 58' 52"	21° 54' 10"	106° 58' 49"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Lề	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 23"	106° 59' 01"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Ngoã	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 52' 54"	107° 00' 31"	21° 54' 19"	106° 59' 21"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Ngõa	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 45"	106° 59' 36"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Ranh	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 52' 28"	106° 56' 30"	21° 53' 56"	106° 57' 50"	F-48-58-B+46-D
thôn Co Chí	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	107° 00' 13"					F-48-59-A
thôn Co Khuông	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 18"	106° 58' 28"					F-48-58-B+46-D
suối Co Khuông	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 52' 25"	106° 57' 45"	21° 53' 26"	106° 58' 52"	F-48-58-B+46-D
bản Còn Chủ	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 12"	107° 02' 42"					F-48-59-A
bản Đông Pầu	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 21"	106° 59' 13"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Tát	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 41"	107° 02' 35"					F-48-59-A
bản Lũng Vài	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 52' 50"	106° 56' 36"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Mò Lèo	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 42"	106° 58' 47"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Rầm	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 02"	106° 58' 48"					F-48-58-B,46-D
bản Nà Sia	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 12"	106° 58' 22"					F-48-58-B+46-D
bản Phiêng Hà	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 43"	107° 00' 04"					F-48-59-A
bản Phiêng Háng	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 55' 26"	106° 59' 03"					F-48-58-B+46-D
núi Pi Ang	SV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 56' 00"	106° 58' 54"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Mã	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 16"	107° 02' 17"					F-48-59-A
suối Pò Mã	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 53' 52"	107° 03' 23"	21° 54' 19"	107° 02' 03"	F-48-59-A
bản Pò Qua	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 33"	107° 00' 30"					F-48-59-A
thôn Pò Riềng	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 22"	107° 01' 59"					F-48-59-A
suối Pò Riềng	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 53' 14"	107° 01' 34"	21° 54' 16"	107° 02' 01"	F-48-59-A
bản Sả Thướn	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 48"	106° 59' 44"					F-48-58-B+46-D
khuổi Tát	SV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 59"	107° 03' 04"					F-48-59-A
khuổi Tát	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 54' 40"	107° 02' 33"	21° 54' 44"	107° 01' 49"	F-48-59-A
thôn Tẩư Lìn	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 34"	106° 57' 23"					F-48-58-B+46-D
thôn Thạch Khuyên	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 46"	107° 00' 46"					F-48-59-A
suối Thạch Khuyên	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 53' 07"	107° 00' 50"	21° 54' 59"	106° 59' 39"	F-48-59-A
bản Thâm Còn	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 00"	107° 01' 12"					F-48-59-A
khau Phạ	SV	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 45' 43"	106° 44' 47"					F-48-58-A-d
suối Bản Bảm	TV	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc			21° 48' 04"	106° 46' 50"	21° 49' 08"	106° 46' 39"	F-48-58-B+46-D
thôn Kéo Khoác	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 48' 44"	106° 45' 36"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Cải	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 37"	106° 45' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Lục Then	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 56"	106° 45' 05"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Háo	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 50"	106° 45' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Sáy	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 08"	106° 45' 27"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Soong	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 55"	106° 45' 53"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Thà	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 28"	106° 44' 34"					F-48-58-A-d
suối Tát Uẩn	TV	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc			21° 46' 44"	106° 45' 17"	21° 48' 04"	106° 46' 50"	F-48-58-B+46-D
thôn Tát Uổn	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 32"	106° 46' 34"					F-48-58-B+46-D
bản Vằng Khoác	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 53"	106° 46' 06"					F-48-58-B+46-D
bản Yên Hạ	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 48' 30"	106° 47' 52"					F-48-58-B+46-D
thôn Yên Thành	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 49' 17"	106° 45' 47"					F-48-58-B+46-D
thôn Yên Thuỷ 1	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 48' 11"	106° 46' 52"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Yên Thuỷ 2	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 19"	106° 46' 48"					F-48-58-B+46-D
ga Yên Trạch	KX	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	106° 45' 33"	21° 48' 38"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 1A	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng			21° 33' 33"	106° 28' 15"	21° 35' 02"	106° 30' 51"	F-48-57-D-d
thôn Cây Hồng	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 16"	106° 29' 23"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Bành	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 29"	106° 30' 16"					F-48-58-C-c
thôn Lân Bông	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 49"	106° 28' 33"					F-48-57-D-d
thôn Làng Vặc	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 14"	106° 30' 24"					F-48-58-C-c
núi Ngù	SV	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 06"	106° 29' 09"					F-48-57-D-d
thôn Pha Lác	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 45"	106° 30' 12"					F-48-58-C-c
thôn Phố Sặt	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 41"	106° 30' 29"					F-48-58-C-c
núi Soi Sây	SV	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 22"	106° 28' 55"					F-48-57-D-d
cầu Sông Hoá	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 59"	106° 28' 53"					F-48-57-D-d
ga Sông Hóa	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 31"	106° 29' 17"					F-48-57-D-d
cầu Sông Hoá 2	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 55"	106° 28' 46"					F-48-57-D-d
thôn Trung Mai	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 28"	106° 28' 38"					F-48-57-D-d
thôn Xóm Ná	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 57"	106° 29' 44"					F-48-57-D-d
thôn Yên Thịnh	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 46"	106° 28' 55"					F-48-57-D-d
đường tỉnh 234 A	KX	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng			21° 39' 06"	106° 34' 03"	21° 39' 49"	106° 35' 22"	F-48-58-C-a
đèo Bén	SV	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 40' 01"	106° 34' 36"					F-48-58-C-a
khu Chính	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 32"	106° 34' 30"					F-48-58-C-a
ga Đồng Mỏ	KX	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 11"	106° 34' 42"					F-48-58-C-a
khu Ga	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 09"	106° 34' 35"					F-48-58-C-a
khu Hòa Bình	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 12"	106° 34' 17"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Cút	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 40' 15"	106° 34' 51"					F-48-58-C-a
làng Lũng Than	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 33' 58"					F-48-58-C-a
làng Mỏ Chảo	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 46"	106° 34' 55"					F-48-58-C-a
làng Nà Đon	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 22"	106° 34' 22"					F-48-58-C-a
đèo Rộ	SV	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 33' 49"					F-48-58-C-a
khu Thống Nhất	DC	TT. Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	21° 39' 42"	106° 35' 10"					F-48-58-C-a
thôn Bắc Khánh	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 50"	106° 41' 55"					F-48-58-C-b
thôn Bắc Phù	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 34"	106° 39' 28"					F-48-58-C-b
ga Bắc Thuỷ	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 53"	106° 39' 50"					F-48-58-C-b
thôn Háng Cút	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 53"	106° 39' 45"					F-48-58-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khâu Lần	SV	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 22"	106° 39' 53"					F-48-58-C-b
thôn Khòn Phường	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 48"	106° 41' 05"					F-48-58-C-b
cầu Khun Cum	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 00"	106° 40' 14"					F-48-58-C-b
thôn Khuổi Kháo	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 16"	106° 40' 59"					F-48-58-C-b
núi Lằng Cắc	SV	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 51"	106° 41' 25"					F-48-58-C-b
bản Lặp Lụng	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 39"	106° 40' 40"					F-48-58-C-b
bản Mạy Tàn	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 44"	106° 41' 08"					F-48-58-C-b
bản Nà Cộng	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 24"	106° 40' 08"					F-48-58-C-b
bản Nà Dạ	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 09"	106° 40' 27"					F-48-58-C-b
núi Pô Khên	SV	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 02"	106° 41' 01"					F-48-58-C-b
cầu Sài Hồ 5	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 07"	106° 41' 05"					F-48-58-C-b
cầu Sài Hồ 6	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 22"	106° 40' 40"					F-48-58-C-b
bản Thin Khao	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 38"	106° 41' 34"					F-48-58-C-b
bản Tình Kéo	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 26"	106° 40' 42"					F-48-58-C-b
thôn Tồng Cút	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 39"	106° 39' 20"					F-48-58-C-b
bản Bó Nam	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 00"	106° 29' 25"					F-48-57-D-b
đèo Cướm	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 45' 04"	106° 28' 29"					F-48-57-B-d
núi Đoỏng Cải	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 45' 16"	106° 29' 30"					F-48-57-B-d
núi Già Suồng	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 31"	106° 29' 24"					F-48-57-D-b
bản Kéo Nhì	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 06"	106° 29' 02"					F-48-57-D-b
thôn Kéo Nọi	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 30"	106° 29' 11"					F-48-57-D-b
thôn Kéo Phầy	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 03"	106° 29' 54"					F-48-57-D-b
thôn Kéo Phị	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 31"	106° 29' 40"					F-48-57-D-b
cầu Kéo Phị	KX	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 23"	106° 29' 34"					F-48-57-D-b
thôn Khúng Khính	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 26"	106° 29' 16"					F-48-57-D-b
thôn Làng Chiêng	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 07"	106° 30' 19"					F-48-58-C-a
thôn Làng Giao	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 42' 46"	106° 29' 50"					F-48-57-D-b
thôn Làng Tuống	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 42' 57"	106° 30' 20"					F-48-58-C-a
núi Lũng Bầu	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 30"	106° 29' 12"					F-48-57-D-b
đèo Lũng Đẩy	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 49"	106° 28' 07"					F-48-57-D-b
thôn Pá Tào	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 42"	106° 28' 32"					F-48-57-D-b
bản Tham Trang	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 02"	106° 27' 39"					F-48-57-D-b
núi Thang Lùng	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 16"	106° 28' 44"					F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thồng Nọoc	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 50"	106° 30' 06"					F-48-58-C-a
suối Bo Loóng	TV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng			21° 41' 56"	106° 30' 21"	21° 42' 10"	106° 30' 20"	F-48-58-C-a
thôn Đồng Chùa	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 16"	106° 30' 16"					F-48-58-C-a
thôn Đông Quan	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 26"	106° 29' 53"					F-48-57-D-b
làng Khau Đeng	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 50"	106° 31' 07"					F-48-58-C-a
thôn Khau Tao	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 10"	106° 30' 58"					F-48-58-C-a
thôn Khòn Nưa	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 17"	106° 30' 50"					F-48-58-C-a
thôn Khòn Vạc	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 30' 37"					F-48-58-C-a
thôn Làng Khoác	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 04"	106° 29' 46"					F-48-57-D-b
núi Làng Khoác	SV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 11"	106° 29' 14"					F-48-57-D-b
núi Lăng Lườn	SV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 55"	106° 29' 10"					F-48-57-D-b
làng Lũng Chè	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 17"	106° 28' 14"					F-48-57-D-b
làng Lũng Kheo	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 18"	106° 27' 51"					F-48-57-D-b
làng Lũng Khút	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 30"	106° 29' 15"					F-48-57-D-b
làng Lũng Vai	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 28' 21"					F-48-57-D-b
núi Lũng Xóm	SV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 29' 33"					F-48-57-D-b
thôn Nà Canh	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 03"	106° 30' 24"					F-48-58-C-a
làng Nà Pe	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 59"	106° 30' 49"					F-48-58-C-a
làng Nùng Găm	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 38"	106° 27' 52"					F-48-57-D-b
thôn Phai Xá	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 26"	106° 31' 38"					F-48-58-C-a
cầu Ải Chi Lăng	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 59"	106° 32' 37"					F-48-58-C-c
thôn Ba Đàn	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 21"	106° 31' 27"					F-48-58-C-c
thôn Bãi Hào	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 47"	106° 32' 30"					F-48-58-C-c
đập Bãi Hào	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 55"	106° 32' 47"					F-48-58-C-c
dãy Cai Kinh	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 45"	106° 30' 33"					F-48-58-C-c
cầu Chi Lăng	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 28"	106° 31' 14"					F-48-58-C-c
ga Chi Lăng	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 09"	106° 31' 54"					F-48-58-C-c
làng Cốc Mìn	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 37' 02"	106° 32' 47"					F-48-58-C-c
đèo Cơm Nắm	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 42"	106° 32' 33"					F-48-58-C-c
thôn Đồng Đĩnh	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 26"	106° 31' 48"					F-48-58-C-c
thôn Đồng Hoá	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 07"	106° 31' 19"					F-48-58-C-c
thôn Đồng Ngầu	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 38"	106° 31' 37"					F-48-58-C-c
đèo Lân Li	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 07"	106° 31' 19"					F-48-58-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Làng Cằng	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 38"	106° 31' 32"					F-48-58-C-c
làng Làng Đã	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 41"	106° 31' 45"					F-48-58-C-c
thôn làng Đồn	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 34"	106° 31' 54"					F-48-58-C-c
thôn Làng Nghĩa	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 55"	106° 31' 25"					F-48-58-C-c
làng Linh Ba	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 51"	106° 30' 55"					F-48-58-C-c
làng Nà Nông	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 40"	106° 32' 24"					F-48-58-C-c
thôn Quán Bầu	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 10"	106° 31' 35"					F-48-58-C-c
thôn Quán Thanh	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 56"	106° 32' 16"					F-48-58-C-c
núi Quỷ Môn Quan	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 37' 05"	106° 32' 30"					F-48-58-C-c
làng Thành Kho	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 30"	106° 31' 06"					F-48-58-C-c
sông Thương	TV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng			21° 34' 56"	106° 30' 39"	21° 37' 18"	106° 32' 25"	F-48-58-C-c
thôn Xóm Mới A	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 17"	106° 32' 18"					F-48-58-C-c
thôn Xóm Mới B	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 55"	106° 32' 42"					F-48-58-C-c
đèo Cấm	SV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 41' 56"	106° 42' 43"					F-48-58-C-b
làng Cốc Có	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 31"	106° 45' 30"					F-48-58-D-a
đèo Đông Lèn	SV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 23"	106° 42' 36"					F-48-58-C-b
bản Khau Phụng	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 41' 57"	106° 44' 17"					F-48-58-C-b
bản Khau Pình	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 04"	106° 44' 19"					F-48-58-C-b
thôn Làng Thành	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 15"	106° 45' 12"					F-48-58-D-a
thôn Nà Cải	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 02"	106° 44' 03"					F-48-58-C-b
thôn Nà Dạ	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 12"	106° 44' 46"					F-48-58-C-b
suối Nà Dạ	TV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng			21° 43' 43"	106° 45' 08"	21° 43' 54"	106° 45' 32"	F-48-58-D-a
thôn Nà Hà	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 59"	106° 46' 03"					F-48-58-B
suối Nà Hà	TV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng			21° 44' 04"	106° 45' 32"	21° 44' 11"	106° 45' 43"	F-48-58-D-a
thôn Nà Lầm	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 53"	106° 45' 41"					F-48-58-D-a
suối Nà Lầm	TV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng			21° 42' 55"	106° 47' 05"	21° 44' 11"	106° 45' 43"	F-48-58-D-a
làng Nà Mần	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 34"	106° 45' 58"					F-48-58-D-a
làng Nà Nhạn	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 45"	106° 45' 53"					F-48-58-D-a
làng Nà Nhì	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 08"	106° 45' 43"					F-48-58-D-a
thôn Nà Pất	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 43"	106° 45' 36"					F-48-58-D-a
suối Nà Pất	TV	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng			21° 41' 29"	106° 45' 41"	21° 44' 04"	106° 45' 32"	F-48-58-D-a
thôn Nà Tình	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 53"	106° 44' 21"					F-48-58-C-b
làng Pắc Có	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 41"	106° 45' 35"					F-48-58-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Pắc Đét	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 22"	106° 46' 44"					F-48-58-D-a
thôn Pác Ma	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 39"	106° 46' 16"					F-48-58-D-a
làng Pò Đen	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 50"	106° 46' 04"					F-48-58-D-a
bản Pò Lèn	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 41' 42"	106° 44' 06"					F-48-58-C-b
làng Pò Luyến	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 41' 50"	106° 45' 36"					F-48-58-D-a
bản Thai Đảng	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 02"	106° 43' 29"					F-48-58-C-b
quốc lộ 279	KX	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng			21° 45' 06"	106° 32' 33"	21° 42' 14"	106° 32' 51"	F-48-58-C-a
làng Bó Chinh	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 16"	106° 34' 31"					F-48-58-C-a
làng Bó Lầu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 01"	106° 32' 43"					F-48-58-A-c
đèo Ca	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 27"	106° 33' 27"					F-48-58-C-a
suối Cầu Bóng	TV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng			21° 43' 06"	106° 33' 12"	21° 45' 00"	106° 33' 15"	F-48-58-C-a
thôn Cầu Boóng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 29"	106° 32' 28"					F-48-58-C-a
làng Đầu Cầu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 07"	106° 32' 29"					F-48-58-C-a
làng Đông Deng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 25"	106° 31' 08"					F-48-58-C-a
thôn Đông Pầu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 24"	106° 32' 56"					F-48-58-C-a
đèo Khau Choong	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 45"	106° 31' 01"					F-48-58-C-a
bản Khòn Nưa	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 01"	106° 33' 06"					F-48-58-A-c
làng Khòn Tẩu Ư (Khòn Tẩu)	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 05"	106° 32' 54"					F-48-58-A-c
thôn Làng Dộc	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 48"	106° 32' 57"					F-48-58-C-a
thôn Làng Giang	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 08"	106° 32' 59"					F-48-58-C-a
thôn Làng Mỏ	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 09"	106° 32' 09"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Mần	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 52"	106° 31' 45"					F-48-58-C-a
làng Lũng Mất	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 37"	106° 31' 27"					F-48-58-C-a
làng Lũng Nghiều	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 20"	106° 34' 05"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Nưa	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 41"	106° 33' 41"					F-48-58-C-a
làng Lũng Pì	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 39"	106° 34' 16"					F-48-58-C-a
đèo Lũng Quan	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 09"	106° 33' 58"					F-48-58-C-a
làng Mỏ Tạo	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 48"	106° 32' 25"					F-48-58-C-a
làng Nả Chùa	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 12"	106° 32' 15"					F-48-58-C-a
thôn Nà Mần	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 03"	106° 31' 37"					F-48-58-C-a
thôn Nam Nội Ngoài	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 36"	106° 33' 15"					F-48-58-C-a
thôn Nam Nội Trong	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 53"	106° 33' 22"					F-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hang Nậm Tốc	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 05"	106° 33' 27"					F-48-58-A-c
thôn Phai Đeng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 57"	106° 32' 46"					F-48-58-C-a
làng Phai Lầy	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 13"	106° 31' 42"					F-48-58-C-a
làng Pháng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 40"	106° 32' 29"					F-48-58-C-a
làng Phúc Lũng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 01"	106° 32' 55"					F-48-58-C-a
làng Tân Hấu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 50"	106° 33' 31"					F-48-58-C-a
đập Vài Cà	KX	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 48"	106° 32' 20"					F-48-58-C-a
làng Bó Đin	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 31' 40"					F-48-58-C-a
đèo Bó Đin	SV	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng			21° 41' 04"	106° 31' 21"	21° 39' 47"	106° 31' 36"	F-48-58-C-a
đền Chầu Mười	KX	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 33' 22"					F-48-58-C-a
thôn Đơn Xa	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 51"	106° 31' 33"					F-48-58-C-a
làng Kẹm Càng	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 26"	106° 32' 10"					F-48-58-C-a
làng Khòn Đông	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 40"	106° 31' 31"					F-48-58-C-a
làng Khòn Ngai	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 43"	106° 33' 16"					F-48-58-C-a
thôn Làng Càng 1	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 41' 13"	106° 32' 26"					F-48-58-C-a
thôn Làng Càng 2	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 58"	106° 32' 41"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Do	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 10"	106° 32' 29"					F-48-58-C-a
làng Lũng Hà	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 32' 50"					F-48-58-C-a
làng Lũng Mòng	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 30"	106° 32' 48"					F-48-58-C-a
làng Lũng Nghiều	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 02"	106° 32' 35"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Túng	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 31' 30"					F-48-58-C-a
thôn Mỏ Ba	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 33' 32"					F-48-58-C-a
thôn Mỏ Cống	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 28"	106° 32' 36"					F-48-58-C-a
suối Nà Lá	TV	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng			21° 41' 15"	106° 32' 55"	21° 40' 48"	106° 33' 03"	F-48-58-C-a
thôn Pa Ràng	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 25"	106° 31' 05"					F-48-58-C-a
làng Phố Cụm	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 12"	106° 31' 14"					F-48-58-C-a
thôn Tùng Càn	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 53"	106° 33' 10"					F-48-58-C-a
làng Bó Luồng	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 05"	106° 43' 57"					F-48-58-C-d
suối Co Bơ	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 36' 01"	106° 46' 01"	21° 35' 41"	106° 45' 46"	F-48-58-D-c
làng Co Gạo	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 23"	106° 43' 40"					F-48-58-C-d
làng Co Hương	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 37"	106° 42' 30"					F-48-58-C-b
suối Cuông Nộc	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 38' 31"	106° 46' 03"	21° 37' 41"	106° 43' 54"	F-48-58-D-a
khau Giáo	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 33' 43"	106° 42' 36"					F-48-58-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Gioa	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 38"	106° 45' 38"					F-48-58-D-a
khau Hương	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 17"	106° 44' 36"					F-48-58-C-d
làng Kéo Nà	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 16"	106° 42' 17"					F-48-58-C-d
suối Lịt	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 38' 22"	106° 41' 55"	21° 37' 46"	106° 41' 04"	F-48-58-C-b
làng Lũng Ngàn	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 21"	106° 43' 31"					F-48-58-C-d
khau Lỵ	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 11"	106° 43' 44"					F-48-58-C-b
thôn Mè Thình	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 29"	106° 44' 43"					F-48-58-C-d
thôn Nà Lìa	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 30"	106° 44' 10"					F-48-58-C-d
làng Nà Thàn	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 57"	106° 45' 10"					F-48-58-D-c
làng Nà Thặng	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 16"	106° 45' 54"					F-48-58-D-c
suối Ó	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 36' 17"	106° 43' 08"	21° 36' 20"	106° 43' 18"	F-48-58-C-d
làng Pá La	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 04"	106° 42' 59"					F-48-58-C-b
làng Pá Phèo	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 46"	106° 44' 01"					F-48-58-C-b
làng Phai Rinh	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 05"	106° 43' 05"					F-48-58-C-d
suối Phục	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 39' 00"	106° 44' 46"	21° 39' 51"	106° 43' 14"	F-48-58-C-b
làng Quán Chiếu	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 28"	106° 43' 46"					F-48-58-C-d
khau Rạn	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 02"	106° 42' 43"					F-48-58-C-d
làng Suối Cáu	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 08"	106° 43' 14"					F-48-58-C-d
làng Suối Dầm	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 08"	106° 43' 15"					F-48-58-C-d
thôn Suối Mạ A	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 56"	106° 44' 31"					F-48-58-C-b
thôn Suối Mạ B	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 28"	106° 42' 51"					F-48-58-C-d
thôn Suối Mỏ	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 33"	106° 44' 44"					F-48-58-C-d
làng Suối Sạn	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 00"	106° 46' 07"					F-48-58-D-a
làng Suối Thấu	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 12"	106° 45' 43"					F-48-58-D-c
làng Suối Vầm	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 15"	106° 43' 19"					F-48-58-C-d
suối Thấu	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 36' 48"	106° 45' 00"	21° 37' 23"	106° 46' 02"	F-48-58-D-c
suối Xà	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 34' 00"	106° 43' 48"	21° 36' 17"	106° 43' 08"	F-48-58-C-d
thôn Bắc Phiềng	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 18"	106° 42' 15"					F-48-58-C-b
suối Bắc Phiềng	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			21° 40' 14"	106° 42' 37"	21° 40' 32"	106° 42' 12"	F-48-58-C-b
làng Bắc Roọc	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 08"	106° 41' 22"					F-48-58-C-b
đèo Cấm	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 57"	106° 42' 43"					F-48-58-C-b
suối Cấm Thù	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			21° 40' 27"	106° 41' 30"	21° 38' 54"	106° 39' 15"	F-48-58-C-b
thôn Co Lái	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 42' 08"					F-48-58-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Cô Lái	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			20° 40' 53"	106° 42' 10"	21° 40' 32"	106° 41' 59"	F-48-58-C-b
làng Cô Lị	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 36"	106° 41' 36"					F-48-58-C-b
làng Co Mười	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 08"	106° 40' 21"					F-48-58-C-b
làng Dọc Lát	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 11"	106° 39' 48"					F-48-58-C-b
thôn Hà Nam	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 12"	106° 40' 11"					F-48-58-C-b
làng Kéo Gà	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 39' 46"					F-48-58-C-b
đèo Kèo Lèo	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 45"	106° 42' 59"					F-48-58-C-b
làng Khau Xoong	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 05"	106° 39' 23"					F-48-58-C-b
núi Khuôn Kén	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 28"	106° 39' 05"					F-48-58-C-b
làng Nà Chuối	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 06"	106° 41' 33"					F-48-58-C-b
suối Nà Chuối	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			21° 40' 21"	106° 41' 37"	21° 41' 30"	106° 41' 23"	F-48-58-C-b
làng Nà Kham	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 02"	106° 41' 10"					F-48-58-C-b
làng Nà Lá	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 27"	106° 41' 25"					F-48-58-C-b
làng Nà Lầm	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 20"	106° 42' 16"					F-48-58-C-b
làng Nà Mồ	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 21"	106° 40' 14"					F-48-58-C-b
làng Rọ Bo	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 20"	106° 41' 11"					F-48-58-C-b
làng Rọ Cút	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 50"	106° 41' 00"					F-48-58-C-b
làng Rọc Sèn	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 51"	106° 40' 31"					F-48-58-C-b
núi Tam Tấu	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 35"	106° 39' 44"					F-48-58-C-b
làng Thầm Nạc	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 06"	106° 39' 23"					F-48-58-C-b
làng Trung Khìn	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 53"	106° 42' 39"					F-48-58-C-b
suối Trung Khìn	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			21° 41' 21"	106° 43' 21"	21° 40' 31"	106° 42' 12"	F-48-58-C-b
làng Tung Hon	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 48"	106° 40' 30"					F-48-58-C-b
làng Vình Tình	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 31"	106° 42' 07"					F-48-58-C-b
thôn Bản Lăm	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 04"	106° 44' 36"					F-48-58-C-b
khau Dầm	SV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 31"	106° 45' 01"					F-48-58-D-a
thôn Hợp Đường	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 36"	106° 44' 00"					F-48-58-C-b
núi Mạy Thang	SV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 39"	106° 44' 11"					F-48-58-C-b
bản Nư	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 44' 10"					F-48-58-C-b
thôn Thiên Cần	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 24"	106° 45' 13"					F-48-58-D-a
suối Vạn Tủng	TV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng			21° 40' 05"	106° 44' 30"	21° 40' 37"	106° 44' 01"	F-48-58-C-b
suối Vầng Hỳ	TV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng			21° 41' 00"	106° 44' 43"	21° 41' 27"	106° 45' 32"	F-48-58-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng			21° 40' 33"	106° 35' 59"	21° 41' 27"	106° 37' 35"	F-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Đồn Điền	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 21"	106° 36' 59"					F-48-58-C-a
làng Đồng Chùa	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 10"	106° 37' 18"					F-48-58-C-a
Khu du lịch Hang Gió	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 30"	106° 36' 29"					F-48-58-C-a
làng Hoà Mục	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 42"	106° 36' 58"					F-48-58-C-a
làng Khòn Choong	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 37' 32"					F-48-58-C-b
thôn Khòn Rẹ	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 02"	106° 37' 24"					F-48-58-C-a
làng Khòn Văn	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 42' 24"	106° 37' 34"					F-48-58-C-b
thôn Lạng Nắc	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 22"	106° 36' 45"					F-48-58-C-a
cầu Lạng Nắc	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 18"	106° 36' 40"					F-48-58-C-a
làng Lũng Khòm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 20"	106° 36' 37"					F-48-58-C-a
làng Nà Bẻng	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 59"	106° 36' 41"					F-48-58-C-a
làng Nà Lầm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 24"	106° 37' 20"					F-48-58-C-a
thôn Nà Lốc	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 33"	106° 36' 46"					F-48-58-C-a
thôn Nà Mùm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 44' 02"	106° 36' 53"					F-48-58-C-a
thôn Nà Sèn	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 21"	106° 36' 23"					F-48-58-C-a
thôn Sao Hạ	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 42' 55"	106° 36' 36"					F-48-58-C-a
thôn Sao Thượng A	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 30"	106° 36' 57"					F-48-58-C-a
thôn Sao Thượng B	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 44"	106° 36' 49"					F-48-58-C-a
làng Thồng Ngoà	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 44"	106° 36' 12"					F-48-58-C-a
sông Thương	TV	xã Mai Sao	H. Chi Lăng			21° 40' 31"	106° 36' 01"	21° 41' 22"	106° 37' 36"	F-48-58-C-a
thôn Tin Đèo	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 44' 06"	106° 37' 38"					F-48-58-C-b
làng Toòng Cóm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 36' 40"					F-48-58-C-a
cầu Vằng Kheo	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 36' 11"	106° 37' 18"					F-48-58-C-a
quốc lộ 1A	KX	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng			21° 41' 18"	106° 37' 37"	21° 42' 00"	106° 40' 20"	F-48-58-C-b
đèo Kéo Gà	SV	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 40' 40"	106° 39' 58"					F-48-58-C-b
làng Khau Lếch	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 40' 01"	106° 38' 31"					F-48-58-C-b
làng Khòn Khài	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 42' 04"	106° 39' 56"					F-48-58-C-b
làng Khòn Lẩu	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 56"	106° 39' 44"					F-48-58-C-b
làng Khòn Sào	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 48"	106° 39' 50"					F-48-58-C-b
thôn Khun Khoan	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 42' 05"	106° 38' 51"					F-48-58-C-b
thôn Khun Khuông	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 40' 13"	106° 38' 35"					F-48-58-C-b
thôn Khun Lông	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 34"	106° 39' 36"					F-48-58-C-b
thôn Khun Tiếm	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 20"	106° 38' 50"					F-48-58-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Làng Chiễng	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 39"	106° 37' 44"					F-48-58-C-b
thôn Lạng Giai	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 51"	106° 39' 29"					F-48-58-C-b
cầu Lạng Giai	KX	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 58"	106° 39' 48"					F-48-58-C-b
thôn Nà Khòn	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 28"	106° 37' 47"					F-48-58-C-b
làng Nà Phiệt	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 42' 05"	106° 39' 02"					F-48-58-C-b
thôn Pa Lái	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 46"	106° 38' 34"					F-48-58-C-b
sông Thương	TV	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng			21° 41' 22"	106° 37' 36"	21° 42' 02"	106° 40' 14"	F-48-58-C-b
làng Bờ Ải	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 01"	106° 35' 20"					F-48-58-C-c
suối Cái	TV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng			21° 37' 02"	106° 40' 43"	21° 36' 25"	106° 42' 09"	F-48-58-C-d
thôn Củ Na	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 11"	106° 39' 58"					F-48-58-C-d
làng Dọc Kít	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 49"	106° 38' 56"					F-48-58-C-b
núi Dọc Nghiến	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 22"	106° 36' 38"					F-48-58-C-c
làng Đin Đeng	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 36"	106° 37' 44"					F-48-58-C-b
thôn Đồng Ghè	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 21"	106° 35' 25"					F-48-58-C-c
thôn Đông Mồ	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 00"	106° 37' 55"					F-48-58-C-b
đèo Hoan	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 12"	106° 38' 11"					F-48-58-C-d
núi Khao Đâm	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 00"	106° 34' 47"					F-48-58-C-c
làng Khuôn Dầu	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 11"	106° 36' 24"					F-48-58-C-c
núi Khuôn Mạt	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 33"	106° 37' 50"					F-48-58-C-d
thôn Làng Hạ	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 34"	106° 35' 42"					F-48-58-C-c
thôn Làng Hăng	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 27"	106° 37' 06"					F-48-58-C-a
thôn Làng Mủn	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 57"	106° 38' 03"					F-48-58-C-b
thôn Làng Thượng	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 54"	106° 36' 07"					F-48-58-C-c
khau Lầu	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 15"	106° 40' 31"					F-48-58-C-d
suối Lịt	TV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng			21° 37' 51"	106° 41' 08"	21° 36' 19"	106° 39' 22"	F-48-58-C-d
thôn Lũng Châu	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 21"	106° 36' 35"					F-48-58-C-a
làng Nà Cai	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 35"	106° 38' 15"					F-48-58-C-b
làng Nà Ké	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 02"	106° 37' 34"					F-48-58-C-b
làng Nà Mồ	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 48"	106° 38' 36"					F-48-58-C-b
núi Nà Mồ	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 15"	106° 37' 28"					F-48-58-C-d
làng Nà Xoong	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 15"	106° 36' 38"					F-48-58-C-c
suối Pắc Piếng	TV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng			21° 38' 31"	106° 36' 15"	21° 37' 31"	106° 36' 57"	F-48-58-C-a
làng Suối Bốc	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 15"	106° 41' 16"					F-48-58-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Suối Cái	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 05"	106° 41' 35"					F-48-58-C-d
làng Suối Mu	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 22"	106° 38' 14"					F-48-58-C-b
núi Thái Hoạ	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 18"	106° 34' 05"					F-48-58-C-c
đèo Trang	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 11"	106° 34' 42"					F-48-58-C-c
núi Tu Lùng	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 16"	106° 34' 58"					F-48-58-C-c
cầu Tu Lùng	KX	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 52"	106° 35' 16"					F-48-58-C-c
làng Tung Pha	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 39"	106° 38' 43"					F-48-58-C-b
suối Vực Ngườm	TV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng			21° 37' 45"	106° 37' 47"	21° 36' 00"	106° 35' 13"	F-48-58-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 37' 04"	106° 32' 51"	21° 40' 22"	106° 36' 17"	F-48-58-C-c
thôn Chầm Pháng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 42"	106° 33' 41"					F-48-58-C-a
làng Còn Phiêng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 13"	106° 32' 51"					F-48-58-C-c
suối Dọc Trang	TV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 37' 11"	106° 34' 50"	21° 38' 15"	106° 33' 54"	F-48-58-C-a
làng Đan Chuông	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 34"	106° 34' 30"					F-48-58-C-a
thôn Đông Mồ	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 44"	106° 34' 35"					F-48-58-C-a
thôn Khuôn Áng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 02"	106° 35' 38"					F-48-58-C-a
suối Khuôn Áng	TV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 39' 05"	106° 35' 38"	21° 39' 34"	106° 35' 10"	F-48-58-C-a
đèo Khuôn Bạc	SV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 42"	106° 35' 48"					F-48-58-C-a
thôn Khuôn Phang	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 07"	106° 34' 59"					F-48-58-C-a
thôn Khuôn Thúng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 13"	106° 33' 58"					F-48-58-C-a
thôn Làng Coóc	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 58"	106° 35' 45"					F-48-58-C-a
thôn Làng Đăng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 28"	106° 35' 43"					F-48-58-C-a
cầu Làng Đăng	KX	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 37"	106° 35' 35"					F-48-58-C-a
thôn Làng Thành	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 21"	106° 33' 13"					F-48-58-C-c
đèo Lũng Tăng	SV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 56"	106° 33' 39"					F-48-58-C-a
thôn Mỏ Đá	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 35' 49"					F-48-58-C-a
làng Nà Pa	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 26"	106° 33' 55"					F-48-58-C-a
thôn Núi Đá	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 54"	106° 33' 55"					F-48-58-C-a
đèo Quao	SV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 03"	106° 34' 20"					F-48-58-C-c
thôn Than Muội	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 58"	106° 33' 00"					F-48-58-C-a
sông Thương	TV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 40' 31"	106° 36' 01"	21° 37' 04"	106° 32' 34"	F-48-58-C-a
làng Trung	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 23"	106° 34' 28"					F-48-58-C-a
làng Yên Quang	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 03"	106° 33' 59"					F-48-58-C-a
thôn Chợ Hoàng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 00"	106° 32' 41"					F-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Còn Khẻ	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 01"	106° 34' 02"					F-48-58-C-a
làng Còn Pằng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 59"	106° 33' 07"					F-48-58-C-a
làng Khòn Lân	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 54"	106° 34' 03"					F-48-58-C-a
thôn Khòn Nghiềng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 19"	106° 34' 16"					F-48-58-C-a
thôn Khòn Sâu	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 15"	106° 34' 10"					F-48-58-C-a
thôn Làng Nong	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 40' 59"	106° 34' 24"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Ca	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 31"	106° 34' 57"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Luông	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 32"	106° 35' 07"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Tắng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 57"	106° 34' 15"					F-48-58-C-a
làng Nà Áng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 05"	106° 34' 22"					F-48-58-C-a
thôn Nà Hoàng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 07"	106° 32' 53"					F-48-58-C-a
làng Nà Lùng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 12"	106° 35' 12"					F-48-58-C-a
thôn Nà Nưa	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 33' 34"					F-48-58-C-a
thôn Nà Sầu	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 24"	106° 34' 16"					F-48-58-C-a
thôn Quán Hàng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 02"	106° 34' 13"					F-48-58-C-a
suối Tòng Nọt	TV	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng			21° 42' 25"	106° 33' 41"	21° 41' 20"	106° 32' 53"	F-48-58-C-a
thôn Tồng Nọt	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 32"	106° 33' 02"					F-48-58-C-a
thôn Cô Hồng	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 44' 47"	106° 47' 46"					F-48-58-D-a
thôn Hang Vài	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 47' 34"	106° 48' 54"					F-48-58-B
núi Kéo Phạ	SV	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 04"	106° 49' 10"					F-48-58-B
núi Kéo Sao	SV	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 55"	106° 49' 28"					F-48-58-B
thôn Khau Thung	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 46' 41"	106° 48' 47"					F-48-58-B
thôn Khòn Nạo	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 58"	106° 48' 46"					F-48-58-B
thôn Làng Giông	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 54"	106° 48' 06"					F-48-58-B
làng Mạy Tặp	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 43' 43"	106° 47' 54"					F-48-58-D-a
suối Nà Hà	TV	xã Vân An	H. Chi Lăng			21° 45' 43"	106° 46' 49"	21° 45' 10"	106° 46' 09"	F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pàng	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 44' 21"	106° 47' 50"					F-48-58-D-a
thôn Nà Thưa	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 47' 21"	106° 48' 44"					F-48-58-B
suối Nà Thưa	TV	xã Vân An	H. Chi Lăng			21° 43' 04"	106° 48' 01"	21° 47' 52"	106° 48' 49"	F-48-58-B
thôn Phai Mò	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 46' 48"	106° 48' 05"					F-48-58-B
núi Phiêng Sang	SV	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 16"	106° 49' 36"					F-48-58-B
thôn Tá Riềng	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 46' 10"	106° 47' 44"					F-48-58-B
thôn Tà Sản	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 29"	106° 46' 20"					F-48-58-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Long	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 46' 41"	106° 48' 36"					F-48-58-D-a
thôn Tân Minh	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 24"	106° 48' 21"					F-48-58-B
khau Tậu	SV	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 46' 57"	106° 49' 20"					F-48-58-B
núi Téng Chẻn	SV	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 47' 17"	106° 48' 11"					F-48-58-B
thôn Túng Mẩn	DC	xã Vân An	H. Chi Lăng	21° 45' 58"	106° 46' 50"					F-48-58-B
núi Bó	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 46"	106° 28' 41"					F-48-57-D-b
núi Bó Nọi	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 09"	106° 29' 29"					F-48-57-D-b
núi Cải	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 23"	106° 28' 39"					F-48-57-D-b
làng Chang	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 05"	106° 26' 34"					F-48-57-D-b
làng Chọc Chạy	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 17"	106° 30' 47"					F-48-58-C-a
núi Chùa	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 27' 58"					F-48-57-D-b
núi Cốc Bay	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 17"	106° 29' 17"					F-48-57-D-b
đèo Cóc Chủ	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 25"	106° 27' 58"					F-48-57-D-b
núi Cốc Khé	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 42"	106° 26' 54"					F-48-57-D-b
núi Cốc Phầy	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 10"	106° 28' 01"					F-48-57-D-b
núi Cốc Thuốt	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 21"	106° 28' 15"					F-48-57-D-b
làng Đông	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 51"	106° 28' 00"					F-48-57-D-b
thôn Đông Khao	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 03"	106° 29' 52"					F-48-58-C-a
núi Đưng Hin	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 26"	106° 27' 45"					F-48-57-D-b
làng Gia	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 05"	106° 27' 36"					F-48-57-D-b
núi Hàm Rồng	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 19"	106° 27' 22"					F-48-57-D-b
làng Hoàng Sơn	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 37"	106° 30' 14"					F-48-58-C-a
thôn Khun Đút	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 36"	106° 26' 45"					F-48-57-D-b
làng Lá Gia	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 37' 31"	106° 26' 38"					F-48-57-D-b
làng Lân Man	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 11"	106° 25' 36"					F-48-57-D-b
thôn Làng Đăm	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 59"	106° 26' 49"					F-48-57-D-b
thôn Làng Hao	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 29"	106° 26' 14"					F-48-57-D-b
thôn Làng Thượng	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 05"	106° 29' 34"					F-48-57-D-b
làng Lũng Chao	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 09"	106° 30' 09"					F-48-58-C-a
núi Lùng Đắc	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 19"	106° 28' 21"					F-48-57-D-b
thôn Lũng Luông	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 41' 07"	106° 28' 52"					F-48-57-D-b
đèo Lũng Luông	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 37"	106° 28' 45"					F-48-57-D-b
núi Lũng Luông	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 55"	106° 29' 10"					F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lũng Na	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 27' 55"					F-48-57-D-b
núi Lũng Om	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 24"	106° 28' 36"					F-48-57-D-b
thôn Lũng Tàn	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 20"	106° 28' 19"					F-48-57-D-b
lân Lũng Thứ	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 24"	106° 28' 09"					F-48-57-D-b
thôn Mỏ Cấy	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 51"	106° 26' 35"					F-48-57-D-b
đèo Mỏ Cấy	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 23"	106° 27' 09"					F-48-57-D-b
làng Mỏ Kèng	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 32"	106° 28' 11"					F-48-57-D-b
thôn Mỏ Rọ	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 47"	106° 31' 01"					F-48-58-C-a
làng Nà Hỉn	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 14"	106° 27' 34"					F-48-57-D-b
thôn Nà Lai	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 10"	106° 27' 41"					F-48-57-D-b
thôn Nà Lặp	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 11"	106° 28' 34"					F-48-57-D-b
làng Nà Tẻng	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 37' 47"	106° 27' 06"					F-48-57-D-b
làng Nà Xia	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 33"	106° 29' 04"					F-48-57-D-b
núi Pá Lượt	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 59"	106° 28' 20"					F-48-57-D-b
núi Pha Sài	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 51"	106° 28' 26"					F-48-57-D-b
núi Phặt Sì	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 46"	106° 28' 58"					F-48-57-D-b
thôn Phố Cũ	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 45"	106° 30' 01"					F-48-58-C-a
thôn Phố Mới	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 39"	106° 29' 22"					F-48-57-D-b
làng Sà	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 12"	106° 27' 52"					F-48-57-D-b
làng San Mào	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 50"	106° 30' 35"					F-48-58-C-a
núi Sè	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 13"	106° 29' 08"					F-48-57-D-b
núi Ta Thị	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 31"	106° 26' 10"					F-48-57-D-b
núi Tác Ni	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 39"	106° 27' 21"					F-48-57-D-b
suối Tai Sên	TV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng			21° 38' 55"	106° 26' 37"	21° 37' 54"	106° 26' 29"	F-48-57-D
núi Xả Cáy	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 02"	106° 27' 00"					F-48-57-D-b
thôn Xa Đán	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 42"	106° 29' 00"					F-48-57-D-b
núi Xa Khao	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 19"	106° 27' 11"					F-48-57-D-b
núi Xa Khao Đưng Hin	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 28' 21"					F-48-57-D-b
núi Xa Ngang	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 21"	106° 26' 31"					F-48-57-D-b
quốc lộ 1A	KX	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng			21° 43' 12"	106° 41' 19"	21° 46' 40"	106° 44' 20"	F-48-58-C-b
thôn Bản Dù	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 29"	106° 42' 46"					F-48-58-C-b
thôn Bản Thí	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 14"	106° 43' 47"					F-48-58-A-d
ga Bản Thí	KX	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 02"	106° 43' 48"					F-48-58-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Bó Rượi	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 03"	106° 44' 27"					F-48-58-A-d
làng Cô Hiền	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 56"	106° 43' 35"					F-48-58-A-d
làng Cọn Kheng	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 10"	106° 42' 42"					F-48-58-A-d
làng Khau Chỉ	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 19"	106° 42' 52"					F-48-58-A-d
đèo Khau Phạ	SV	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 01"	106° 42' 46"					F-48-58-C-b
làng Nà Cam	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 25"	106° 43' 19"					F-48-58-A-d
làng Nà Khum	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 51"	106° 43' 51"					F-48-58-C-b
thôn Nà Lừu	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 15"	106° 43' 13"					F-48-58-C-b
làng Nà Moòng	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 44"	106° 42' 51"					F-48-58-A-d
làng Nà Pá	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 08"	106° 43' 11"					F-48-58-A-d
thôn Nà Pất	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 45"	106° 43' 29"					F-48-58-A-d
thôn Nà Phước	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 14"	106° 44' 01"					F-48-58-A-d
làng Nà Tải	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 03"	106° 44' 42"					F-48-58-A-d
làng Nà Táng	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 16"	106° 44' 18"					F-48-58-A-d
khau Pình	SV	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 34"	106° 44' 01"					F-48-58-C-b
cầu Sài Hồ 1	KX	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 08"	106° 42' 13"					F-48-58-C-b
cầu Sài Hồ 4	KX	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 20"	106° 41' 32"					F-48-58-C-b
thôn Tình Lùng	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 38"	106° 42' 55"					F-48-58-C-b
làng Viền Sái	DC	xã Vân Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 27"	106° 41' 37"					F-48-58-C-b
làng Bó Bẩn	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 15"	106° 28' 11"					F-48-57-D-d
làng Bo Loạc	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 41"	106° 28' 57"					F-48-57-D-d
núi Bó Mò	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 57"	106° 28' 43"					F-48-57-D-b
núi Bó Mù	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 40"	106° 27' 14"					F-48-57-D-d
làng Canh Tổng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 32"	106° 28' 19"					F-48-57-D-d
làng Đèo Tuống	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 21"	106° 29' 08"					F-48-57-D-b
làng Đin Đẻng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 35' 27"	106° 28' 14"					F-48-57-D-d
làng Đồng Tiến	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 57"	106° 29' 20"					F-48-57-D-b
thôn Giáp Thượng 1	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 20"	106° 29' 38"					F-48-57-D-b
thôn Giáp Thượng 2	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 40"	106° 29' 03"					F-48-57-D-b
làng Gốc Hương	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 18"	106° 28' 57"					F-48-57-D-d
núi Keng Vài	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 04"	106° 27' 10"					F-48-57-D-d
làng Lân Khựt	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 26' 11"					F-48-57-D-b
làng Lân Tấm	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 46"	106° 27' 07"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Lũng Áng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 12"	106° 29' 21"					F-48-57-D-d
làng Lũng Nọi	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 13"	106° 31' 25"					F-48-58-C-a
làng Lũng Tát	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 54"	106° 28' 35"					F-48-57-D-d
núi Lũng Vài	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 43"	106° 29' 28"					F-48-57-D-b
thôn Nà Cà 1	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 58"	106° 30' 39"					F-48-58-C-a
thôn Nà Cà 2	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 44"	106° 31' 10"					F-48-58-C-a
làng Nà Mèo	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 24"	106° 28' 26"					F-48-57-D-d
suối Nà Tang	TV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng			21° 37' 12"	106° 29' 55"	21° 35' 53"	106° 28' 32"	F-48-57-D-d
thôn Nam Lân 1	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 35"	106° 29' 07"					F-48-57-D-d
thôn Nam Lân 2	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 35' 36"	106° 28' 23"					F-48-57-D-d
làng Nặm Tà	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 16"	106° 29' 44"					F-48-57-D-b
núi Nặm Tà	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 04"	106° 29' 50"					F-48-57-D-b
suối Nặm Tà	TV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng			21° 37' 43"	106° 29' 25"	21° 38' 29"	106° 29' 42"	F-48-57-D-b
núi Pa Mịn	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 34' 25"	106° 26' 48"					F-48-57-D-d
núi Sa Sây	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 35' 22"	106° 28' 55"					F-48-57-D-d
thôn Thạch Lương	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 13"	106° 30' 07"					F-48-58-C-c
thôn Thần Lãng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 36"	106° 27' 38"					F-48-57-D-d
thôn Trung Tâm	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 23"	106° 29' 26"					F-48-57-D-d
làng Tùng Nau	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 18"	106° 27' 42"					F-48-57-D-d
làng Xa Cút	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 27"	106° 28' 27"					F-48-57-D-d
làng Xiệc	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 44"	106° 29' 15"					F-48-57-D-b
khu 1	DC	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 47"	107° 05' 52"					F-48-59-C-c
khu 2	DC	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 59"	107° 05' 43"					F-48-59-C-c
khu 3	DC	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 21"	107° 05' 15"					F-48-59-C-c
quốc lộ 31	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 33' 18"	107° 06' 25"	21° 32' 33"	107° 05' 26"	F-48-59-C-c
quôc lộ 4B	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 32' 31"	107° 06' 14"	21° 33' 27"	107° 05' 07"	F-48-59-C-c
suối Đình Lập	TV	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 32' 47"	107° 06' 08"	21° 32' 58"	107° 04' 43"	F-48-59-C-c
cầu Đình Lập 1	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 06"	107° 05' 32"					F-48-59-C-c
cầu Đình Lập 2	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 53"	107° 05' 42"					F-48-59-C-c
cầu Đình Lập 3	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 52"	107° 05' 53"					F-48-59-C-c
núi Khuổi In	SV	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 57"	107° 06' 00"					F-48-59-C-c
sông Lục Nam	TV	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 32' 35"	107° 06' 16"	21° 32' 37"	107° 05' 07"	F-48-59-C-c
cầu Nà Pheo	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 19"	107° 05' 22"					F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 1	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 48"	107° 02' 36"					F-48-71-A-a
khu 2	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 51"	107° 01' 54"					F-48-71-A-a
khu 3	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 53"	107° 01' 16"					F-48-71-A-a
khu 4	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 54"	107° 01' 13"					F-48-71-A-a
khu 5	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 35"	107° 01' 05"					F-48-71-A-a
khu 6	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 00"	107° 01' 22"					F-48-71-A-a
cầu 20	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 26"	107° 01' 00"					F-48-71-A-a
cầu 21	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 40"	107° 01' 09"					F-48-71-A-a
quốc lộ 31	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 29' 28"	107° 02' 34"	21° 27' 16"	107° 00' 44"	F-48-71-A-a
công ty CP chè Thái Bình - Lạng Sơn	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 58"	107° 01' 23"					F-48-71-A-a
sông Bản Mục	TV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 28' 15"	107° 00' 53"	21° 28' 34"	107° 00' 57"	F-48-71-A-a
suối Đông Sao	TV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 27' 25"	107° 00' 47"	21° 27' 34"	107° 00' 57"	F-48-71-A-a
sông Lục Nam	TV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 28' 52"	107° 02' 33"	21° 28' 59"	107° 01' 10"	F-48-71-A-a
cầu Pắc Làng	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 02"	107° 01' 28"					F-48-71-A-a
đồi Pốt	SV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 30"	107° 01' 07"					F-48-71-A-a
khau Trì	SV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 03"	107° 01' 46"					F-48-71-A-a
quốc lộ 4B	KX	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 52"	107° 12' 37"					F-48-71-A-b
thôn Bản Hả	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 13"	107° 14' 56"					F-48-71-B-a
cầu Bản Hả	KX	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 05"	107° 14' 59"					F-48-71-B-a
núi Khau Pha	SV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 54"	107° 11' 24"					F-48-71-A-b
thôn Khe Cảy	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 20"	107° 12' 50"					F-48-71-A-b
cầu Khe Cảy	KX	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 26"	107° 13' 13"					F-48-71-A-b
bản Khe Hả	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 23' 23"	107° 10' 55"					F-48-71-A-b
suối Khe Hả	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 23' 08"	107° 14' 35"	21° 24' 23"	107° 15' 44"	F-48-71-A-b
thôn Khe Lim	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 17"	107° 14' 46"					F-48-71-A-b
thôn Khe Mỏ	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 46"	107° 14' 15"					F-48-71-A-b
cầu Khe Mỏ	KX	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 55"	107° 14' 02"					F-48-71-A-b
thôn Khe Pạc	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 37"	107° 13' 41"					F-48-71-A-b
suối Khe Phạ	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 23' 24"	107° 11' 15"	21° 23' 24"	107° 10' 20"	F-48-71-A-b
thôn Khe Trời	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 11"	107° 12' 23"					F-48-71-A-b
suối Khe Trời	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 24' 12"	107° 12' 34"	21° 24' 55"	107° 14' 02"	F-48-71-A-b
thôn Khe Váp	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 03"	107° 10' 45"					F-48-71-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khe Váp	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 22' 38"	107° 10' 16"	21° 22' 06"	107° 10' 25"	F-48-71-A-b
làng Nà Pẻo	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 36"	107° 13' 01"					F-48-71-A-b
thôn Nà Phai	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 19"	107° 13' 29"					F-48-71-A-b
sông Phố Cũ	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 26' 00"	107° 12' 38"	21° 24' 39"	107° 15' 10"	F-48-71-A-b
thôn Bắc Xa	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 24"	107° 20' 29"					F-48-59-D
núi Bạch Thịnh	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 43' 33"	107° 16' 12"					F-48-59-D
thôn Bản Văn	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 37' 47"	107° 15' 14"					F-48-59-D
thôn Bản Háng	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 54"	107° 17' 24"					F-48-59-D
thôn Bản Mạ	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 41' 10"	107° 18' 30"					F-48-59-D
suối Bản Mạ	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 40' 17"	107° 19' 43"	21° 40' 51"	107° 17' 31"	F-48-59-D
suối Bản quầy	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 42' 32"	107° 15' 13"	21° 39' 52"	107° 16' 10"	F-48-59-D
thôn Bản Quầy	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 25"	107° 16' 00"					F-48-59-D
núi Cao Kiết Son	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 43' 09"	107° 15' 09"					F-48-59-D
bản Chè Mùng	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 09"	107° 19' 15"					F-48-59-D
suối Chè Mùng	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 38' 33"	107° 21' 31"	21° 40' 15"	107° 19' 43"	F-48-59-D
thôn Hạnh Phúc	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 01"	107° 16' 42"					F-48-59-D
thôn Kéo Cấn	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 37' 53"	107° 15' 53"					F-48-59-D
núi Kéo Máy	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 37' 15"	107° 19' 41"					F-48-59-D
suối Kéo Mây	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 36' 27"	107° 19' 15"	21° 38' 38"	107° 18' 44"	F-48-59-D
núi Khiếu Pài	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 44' 19"	107° 17' 33"					F-48-59-D
núi Kho Bủng	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 05"	107° 21' 31"					F-48-59-D
núi Khuổi Bật	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 33"	107° 19' 21"					F-48-59-D
cầu Khuổi Chanh	KX	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 15"	106° 18' 02"					F-48-59-D
thôn Khuổi Sâu	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 39' 13"	107° 17' 33"					F-48-59-D
suối khuổi Tà	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 37' 47"	107° 19' 35"	21° 37' 10"	107° 15' 55"	F-48-59-D
bản Khuổi Tà	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 38' 53"	107° 19' 05"					F-48-59-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 40' 51"	107° 17' 31"	21° 37' 46"	107° 14' 31"	F-48-59-D
núi Nà Khang	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 40' 18"	107° 17' 41"					F-48-59-D
thôn Nà Thuộc	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 38' 57"	107° 16' 04"					F-48-59-D
thôn Nè Pẻ	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 37' 26"	107° 15' 30"					F-48-59-D
núi Ngàn La	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 36' 42"	107° 19' 44"					F-48-59-D
núi Pác Cát	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 36' 30"	107° 18' 35"					F-48-59-D
suối Song Phe	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 42' 03"	107° 18' 20"	21° 41' 06"	107° 18' 22"	F-48-59-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tẩn Lầu	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 38' 32"	107° 16' 02"					F-48-59-D
thôn Tấp Tính	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập	21° 41' 32"	107° 17' 16"					F-48-59-D
suối Tấp Tính	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 43' 38"	107° 15' 58"	21° 40' 51"	107° 17' 31"	F-48-59-D
quốc lộ 31	KX	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 44' 01"	107° 11' 50"	21° 34' 09"	107° 07' 56"	F-48-59-C
thôn Bản Chắt	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 42' 50"	107° 10' 22"					F-48-59-C
thôn Bản Mọi	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 37' 58"	107° 07' 44"					F-48-59-C
suối Bản Mọi	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 37' 55"	107° 08' 05"	21° 38' 24"	107° 08' 40"	F-48-59-C
khau Bang	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	20° 49' 56"	107° 10' 11"					F-48-59-C
suối Còn Cà	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 37' 37"	107° 09' 46"	21° 38' 04"	107° 08' 59"	F-48-59-C
làng Còn Khưa	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 18"	107° 07' 55"					F-48-59-C-d
cầu Còn Khưa	KX	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 15"	107° 07' 58"					F-48-59-C-d
thôn Còn Phiêng	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 38' 36"	107° 06' 44"					F-48-59-C
suối Còn Phiêng	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 38' 35"	107° 06' 35"	21° 39' 49"	107° 07' 56"	F-48-59-C
núi Hua Phụ	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 38' 31"	107° 05' 24"					F-48-59-C
núi Kéo Kham	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 25"	107° 06' 12"					F-48-59-C-c
núi Kéo Vèo	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 42' 04"	107° 09' 29"					F-48-59-C
núi Khau Háy	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 37' 56"	107° 10' 10"					F-48-59-C
suối Khuổi Coong	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 34' 15"	107° 08' 57"	21° 35' 44"	107° 08' 47"	F-48-59-C
suối Khuổi Giảo	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 42' 13"	107° 14' 09"	21° 42' 31"	107° 12' 21"	F-48-59-C
núi Khuổi Ngòa	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 40' 11"	107° 06' 12"					F-48-59-C
núi Khuổi O	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 41' 28"	107° 07' 46"					F-48-59-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 38' 35"	107° 10' 25"	21° 40' 37"	107° 05' 53"	F-48-59-C
bản Lâm Trường 1	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 39' 41"	107° 09' 07"					F-48-59-C
núi Mạy Sùng	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 37' 60"	107° 05' 51"					F-48-59-C
núi Mu	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 40' 03"	107° 06' 07"					F-48-59-C
suối Nà Bó	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 36' 33"	107° 06' 09"	21° 35' 54"	107° 08' 22"	F-48-59-C
cầu Nà Khuông	KX	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 52"	107° 08' 26"					F-48-59-C-d
thôn Nà Lầm	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 42' 26"	107° 11' 05"					F-48-59-C
suối Nà Lầm	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 42' 31"	107° 12' 21"	21° 43' 04"	107° 09' 44"	F-48-59-C
thôn Nà Loòng	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 38' 15"	107° 08' 51"					F-48-59-C
suối Nà Loòng	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 38' 24"	107° 08' 40"	21° 39' 30"	107° 08' 57"	F-48-59-C
thôn Nà Lừa	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 37' 21"	107° 09' 02"					F-48-59-C-d
suối Nà Lừa	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 36' 49"	107° 08' 33"	21° 38' 04"	107° 08' 59"	F-48-59-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Nà Lừa	KX	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 37' 01"	107° 08' 37"					F-48-59-C-d
bản Nà Nghiều	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 58"	107° 08' 19"					F-48-59-C-d
suối Nà Nghiều	TV	xã Bính Xá	H. Đình Lập			21° 35' 44"	107° 08' 47"	21° 35' 51"	107° 08' 26"	F-48-59-C
cầu Nà Phạ	KX	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 36' 47"	107° 08' 30"					F-48-59-C-d
bản Nạ Phạ	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 36' 39"	107° 08' 28"					F-48-59-C-d
bản Nà Sang	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 37' 40"	107° 08' 43"					F-48-59-C
núi Nìu Lục Duốc	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 39' 41"	107° 07' 02"					F-48-59-C
thôn Pàn Mò	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 33"	107° 08' 13"					F-48-59-C-d
cầu Pàn Mò 2	KX	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 42"	107° 08' 19"					F-48-59-C-d
thôn Pò Háng	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 39' 41"	107° 09' 30"					F-48-59-C
thôn Pò Mất	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 34' 53"	107° 07' 46"					F-48-59-C-d
thôn Pò Phát	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 39' 57"	107° 07' 51"					F-48-59-C
núi Pò Phi Slương	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 44' 14"	107° 11' 21"					F-48-59-C
núi Pò Toong Pục	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 43' 21"	107° 12' 36"					F-48-59-C
khau Sam chom	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 36' 51"	107° 06' 23"					F-48-59-C
núi Slam Slấu	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 41' 27"	107° 06' 48"					F-48-59-C
thôn Tiên Phi	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 35' 48"	107° 08' 13"					F-48-59-C-d
thôn Trung tâm Lâm Nghiệp 2	DC	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 36' 22"	107° 08' 40"					F-48-59-C-d
khau Vuồng	SV	xã Bính Xá	H. Đình Lập	21° 34' 41"	107° 07' 03"					F-48-59-C-c
quốc lộ 4B	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			20° 58' 39"	107° 08' 09"	21° 25' 52"	107° 12' 37"	F-48-71-A-b
núi Kéo Tắm	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 30' 14"	107° 11' 46"					F-48-59-C-d
núi Khau Láng	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 58"	107° 12' 30"					F-48-71-A-b
suối Khe Cay	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 28' 26"	107° 10' 01"	21° 28' 26"	107° 10' 01"	F-48-71-A-b
thôn Khe Cù	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 28"	107° 10' 36"					F-48-71-A-b
suối Khe Cù	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 27' 38"	107° 10' 38"	21° 26' 44"	107° 09' 36"	F-48-71-A-b
cầu Khe Cù	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 38"	107° 10' 38"					F-48-71-A-b
thôn Khe Điêng	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 48"	107° 09' 29"					F-48-71-A-b
thôn Khe Luồng	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 42"	107° 11' 30"					F-48-71-A-b
suối Khe Luồng	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 29' 41"	107° 10' 56"	21° 27' 11"	107° 11' 33"	F-48-71-A-b
cầu Khe Mù	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 02"	107° 11' 13"					F-48-71-A-b
cầu Khe Mùn	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 19"	107° 10' 01"					F-48-71-A-b
suối Khe Pặn	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 29' 54"	107° 12' 41"	21° 26' 25"	107° 12' 24"	F-48-71-A-b
thôn Khe Pặn Giữa	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 50"	107° 12' 28"					F-48-71-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Mào Bao	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 06"	107° 10' 29"					F-48-71-A-b
núi Mo Á	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 30"	107° 08' 10"					F-48-71-A-b
thôn Nà Háng	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 07"	107° 11' 26"					F-48-71-A-b
thôn Nà Loỏng	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 04"	107° 11' 08"					F-48-71-A-b
thôn Nà Nát	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 26' 21"	107° 12' 17"					F-48-71-A-b
thôn Nà Van	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 15"	107° 09' 04"					F-48-71-A-b
cầu Nà Van	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 21"	107° 09' 07"					F-48-71-A-b
thôn Nà Ý	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 26' 49"	107° 11' 38"					F-48-71-A-b
suối Nam Luông	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 30' 27"	107° 08' 36"	21° 26' 01"	107° 12' 38"	F-48-71-A-b
núi Tầm Moòng	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 26' 40"	107° 08' 46"					F-48-71-A-b
quốc lộ 4B	KX	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 31' 34"	107° 07' 14"	20° 58' 39"	107° 08' 10"	F-48-59-C-d
thôn Bản Chuộn	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 10"	107° 05' 13"					F-48-59-C-c
suối Bản Chuộn	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 30' 51"	107° 05' 33"	21° 31' 30"	107° 05' 02"	F-48-59-C-c
suối Bản Pe	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 29' 26"	107° 05' 14"	21° 28' 33"	107° 06' 47"	F-48-71-A-a
thôn Bản Pia	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 05"	107° 06' 02"					F-48-71-A-a
bản Bản Xum	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 28' 34"	107° 04' 50"					F-48-71-A-a
núi Cặm Sác	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 17"	107° 06' 52"					F-48-59-C-c
núi Chom Luông	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 18"	107° 04' 57"					F-48-59-C-c
thôn Đồng Khoang	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 39"	107° 06' 22"					F-48-59-C-c
suối Đồng Khoang	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 30' 27"	107° 06' 24"	21° 27' 19"	107° 06' 35"	F-48-59-C-c; F-48-71-A-b
khau Kéo Phúc	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 19"	107° 06' 17"					F-48-59-C-c
thôn Khe Bó	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 45"	107° 07' 16"					F-48-71-A-a
suối Khe Bó	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 29' 52"	107° 06' 56"	21° 29' 52"	107° 06' 58"	F-48-71-A-a
bản Khe Luộng	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 28"	107° 03' 33"					F-48-71-A-a
sông Lục Nam	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 28' 52"	107° 02' 32"	21° 27' 09"	107° 03' 53"	F-48-71-A-a
núi Mao Lài	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 45"	107° 07' 39"					F-48-71-A-b
bản Nà Cà	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 28' 36"	107° 02' 56"					F-48-71-A-a
khau Phi Sương	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 30"	107° 07' 35"					F-48-59-C-d
núi Pò Điểm	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 10"	107° 02' 57"					F-48-71-A-a
thôn Quang Hoà	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 33"	107° 08' 04"					F-48-59-C-d
cầu Quang Hoà	KX	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 57"	107° 07' 49"					F-48-59-C-d
quốc lộ 31	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 34' 18"	107° 03' 11"	21° 34' 12"	107° 08' 10"	F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 4B	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập							
thôn Bản Chuông	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 29"	107° 03' 17"					F-48-59-C-c
cầu Bình Chương	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 01"	107° 04' 27"					F-48-59-C-c
thôn Bình Chương 1	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 13"	107° 04' 16"					F-48-59-C-c
bản Châu Mỏ	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 06"	107° 04' 29"					F-48-59-C-c
bản Còn Ấng	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 19"	107° 02' 59"					F-48-59-C-c
suối Còn Chí	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 35' 51"	107° 01' 31"	21° 35' 29"	107° 03' 09"	F-48-59-C-c
thôn Còn Đuống	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 50"	107° 04' 55"					F-48-59-C-c
thôn Còn Mò	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 34' 59"	107° 04' 35"					F-48-59-C-c
thôn Còn Quan	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 37' 47"	107° 03' 44"					F-48-59-C
thôn Còn Sung	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 36' 23"	107° 02' 02"					F-48-59-C-c
cầu Còn Sung	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 36' 27"	107° 02' 07"					F-48-59-C-c
bản Còn Tằm	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 52"	107° 02' 20"					F-48-59-C-c
suối Còn Tằm	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 33' 47"	107° 02' 28"	21° 32' 11"	107° 04' 22"	F-48-59-C-c
núi Coóc Ngành	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 36' 01"	107° 05' 10"					F-48-59-C-c
khau Dài	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 28"	107° 03' 05"					F-48-59-C-c
khuổi Hấu	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 33' 00"	107° 06' 25"	21° 32' 47"	107° 06' 07"	F-48-59-C-c
bản Kéo Cọ	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 38' 50"	107° 03' 31"					F-48-59-C
thôn Khe Mạ	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 04"	107° 06' 45"					F-48-59-C-c
thôn Khe Vuổng	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 23"	107° 06' 54"					F-48-59-C-c
cầu Khe Vuổng	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 23"	107° 06' 59"					F-48-59-C-c
núi Khuổi Cải	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 31' 19"	107° 04' 19"					F-48-59-C-c
thôn Kim Quán	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 41"	107° 04' 15"					F-48-59-C-c
suối Làng Em	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 34' 48"	107° 05' 11"	21° 35' 19"	107° 04' 08"	F-48-59-C-c
sông Lục Nam	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 38' 36"	107° 00' 14"	21° 32' 35"	107° 06' 16"	F-48-59-C-c
khuổi Luông	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 36' 19"	107° 05' 34"	21° 34' 25"	107° 04' 11"	F-48-59-C-c
khe Mạ	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 32' 25"	107° 07' 09"	21° 32' 35"	107° 06' 16"	F-48-59-C-c
núi Mè Mải	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 22"	107° 05' 29"					F-48-59-C-c
khuổi Mùn	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 36' 54"	107° 02' 44"	21° 35' 38"	107° 03' 01"	F-48-59-C-c
bản Nà Dặc	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 38' 14"	107° 03' 31"					F-48-59-C
núi Nà Khau	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 52"	107° 04' 21"					F-48-59-C-c
bản Nà Lắc	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 56"	107° 03' 23"					F-48-59-C-c
thôn Nà Pá	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 47"	107° 02' 58"					F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Nà Pá	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 40"	107° 03' 01"					F-48-59-C-c
núi Nà Tăng	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 13"	107° 05' 51"					F-48-59-C-c
suối Nà Tăng	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 31' 47"	107° 05' 57"	21° 31' 57"	107° 04' 31"	F-48-59-C-c
khuỗi Nhương	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 35' 02"	107° 01' 54"	21° 33' 47"	107° 02' 28"	F-48-59-C-c
núi Phạ Lác	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 56"	107° 03' 09"					F-48-59-C-c
thôn Phật Chỉ	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 28"	107° 06' 24"					F-48-59-C-c
thôn Pò Khoang	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 40' 27"	107° 04' 06"					F-48-59-C
thôn Pò Tấu	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 31' 17"	107° 03' 43"					F-48-59-C-c
cầu Pò Tấu	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 31' 15"	107° 03' 37"					F-48-59-C-c
bản Pò Vảnh	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 21"	107° 06' 21"					F-48-59-C-c
khau Sam Chom	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 37' 20"	107° 05' 29"					F-48-59-C-c
khuỗi Sáy	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 33' 15"	107° 06' 52"	21° 32' 35"	107° 06' 16"	F-48-59-C-c
núi Sum Ngần	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 36' 10"	107° 06' 09"					F-48-59-C-c
thôn Tà Hón	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 03"	107° 03' 50"					F-48-59-C-c
cầu Tà Hón	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 02"	107° 03' 55"					F-48-59-C-c
khau Úc	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 06"	107° 03' 34"					F-48-59-C-c
sông Đồng Quy	TV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập			21° 27' 19"	107° 06' 35"	21° 25' 02"	107° 07' 14"	F-48-71-A-a
núi Khe Buông	SV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 26' 20"	107° 06' 08"					F-48-71-A-a
núi Khe Dầu	SV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 24' 58"	107° 10' 33"					F-48-71-A-b
thôn Khe Lạn	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 24' 19"	107° 08' 46"					F-48-71-A-b
suối Khe Lạn	TV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập			21° 24' 10"	107° 08' 38"	21° 22' 55"	107° 08' 00"	F-48-71-A-b
thôn Nà Ngoà	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 26' 41"	107° 06' 40"					F-48-71-A-a
thôn Nà Quan	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 24' 49"	107° 07' 23"					F-48-71-A-a
thôn Nà Soong	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 25' 06"	107° 07' 07"					F-48-71-A-a
bản Pắc Coóc	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 23' 04"	107° 08' 02"					F-48-71-A-b
thôn Pắc Dầu	DC	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 23' 54"	107° 06' 54"					F-48-71-A-a
núi Pắc Dầu	SV	xã Đồng Thắng	H. Đình Lập	21° 24' 03"	107° 06' 05"					F-48-71-A-a
thôn Bản Chạo	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 39' 08"	107° 11' 52"					F-48-59-C
thôn Bản Có	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 35' 49"	107° 11' 28"					F-48-59-C-d
suối Bản Có	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 35' 24"	107° 11' 37"	21° 37' 02"	107° 11' 36"	F-48-59-C-d
thôn Bản Hang	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 36' 58"	107° 11' 29"					F-48-59-C-d
thôn Bản Lự	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 50"	107° 13' 60"					F-48-59-C
thôn Bản Mục	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 35' 10"	107° 12' 55"					F-48-59-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Mục	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 35' 08"	107° 13' 40"	21° 35' 10"	107° 11' 49"	F-48-59-C-d
thôn Bản Phục	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 13"	107° 11' 19"					F-48-59-C-d
thôn Bản Pìa	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 57"	107° 10' 52"					F-48-59-C
thôn Bản Táng	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 35' 41"	107° 14' 15"					F-48-59-C-d
suối Bản Táng	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 35' 53"	107° 14' 12"	21° 37' 47"	107° 13' 28"	F-48-59-C-d
bản Bản Tùm	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 34' 01"	107° 11' 22"					F-48-59-C-d
khe Bủng	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 34' 03"	107° 10' 28"	21° 34' 55"	107° 10' 56"	F-48-59-C-d
thôn Hin Đăm	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 33' 43"	107° 09' 13"					F-48-59-C-d
suối Khau Cát	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 41' 27"	107° 13' 16"	21° 38' 30"	107° 10' 59"	F-48-59-C
bản Khau Dìu	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 36' 47"	107° 12' 01"					F-48-59-C-d
núi Khau Láng	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	20° 35' 56"	107° 12' 20"					F-48-59-C-d
núi Khau Mè	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 38' 26"	107° 10' 09"					F-48-59-C
núi Khau Sao	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 33' 14"	107° 08' 24"					F-48-59-C-d
thôn Khe Bủng	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 33' 54"	107° 10' 05"					F-48-59-C-d
thôn Khe Luồng	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 31' 58"	107° 10' 31"					F-48-59-C-d
suối Khe Luồng	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 31' 05"	107° 12' 05"	21° 30' 23"	107° 11' 08"	F-48-59-C-d
suối Khe Moòng	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 33' 54"	107° 11' 59"	21° 35' 10"	107° 11' 49"	F-48-59-C-d
núi Khuổi Luông	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 41' 32"	107° 13' 26"					F-48-59-C
núi Khuổi Mỏ	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 15"	107° 14' 20"					F-48-59-C-d
sông Kỳ Cùng	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 37' 46"	107° 14' 31"	21° 38' 35"	107° 10' 25"	F-48-59-C
núi Mòng Vài	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 31' 06"	107° 11' 44"					F-48-59-C-d
thôn Pắc Thút	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 38"	107° 12' 57"					F-48-59-C
núi Quang Hoà	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 31' 29"	107° 10' 44"					F-48-59-C-d
khau Sung Khôn	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 40' 49"	107° 12' 15"					F-48-59-C
thôn Bản Lạn	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 24' 57"	107° 03' 08"					F-48-71-A-a
bản Bình Lâm	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 22' 03"	107° 01' 08"					F-48-71-A-c
bản Bình Thắng	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 23' 21"	107° 04' 54"					F-48-71-A-a
núi Cao Lương	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 27' 00"	107° 01' 41"					F-48-71-A-a
núi Cao Phây	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 26' 23"	107° 03' 34"					F-48-71-A-a
khuổi Chim	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 21' 08"	107° 02' 46"	21° 22' 23"	107° 01' 41"	F-48-71-A-c
núi Cốc Mười	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 21"	107° 02' 12"					F-48-71-A-c
khuổi Dăm	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 24' 12"	107° 00' 07"	21° 25' 34"	107° 01' 18"	F-48-71-A-a
khau Đông Sao	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 27' 41"	107° 02' 01"					F-48-71-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Giáng	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 22' 35"	106° 59' 47"					F-48-70-B-b
núi Khao Tân	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 24' 37"	106° 59' 25"					F-48-70-B-b
núi Khau Cải	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 11"	107° 02' 09"					F-48-71-A-a
bản Khe Buông	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 26' 22"	107° 05' 20"					F-48-71-A-a
suối Khe Buông	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 25' 58"	107° 05' 04"	21° 25' 03"	107° 03' 53"	F-48-71-A-a
thôn Khe Ca	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 26"	107° 01' 38"					F-48-71-A-c
thôn Khe Chim	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 32"	107° 02' 21"					F-48-71-A-c
thôn Khe Dăm	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 45"	107° 01' 02"					F-48-71-A-a
thôn Khe Lầm	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 24' 16"	107° 04' 45"					F-48-71-A-a
thôn Khe Sen	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 26"	107° 04' 07"					F-48-71-A-c
suối Khe Sen	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 21' 52"	107° 04' 11"	21° 22' 15"	107° 04' 32"	F-48-71-A-c
thôn Khe Xiếc	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 23' 25"	106° 59' 48"					F-48-70-B-b
khuổi Lầm	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 24' 28"	107° 05' 11"	21° 24' 29"	107° 04' 37"	F-48-71-A-a
khuổi Lặp	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 27' 21"	107° 02' 02"	21° 26' 12"	107° 01' 34"	F-48-71-A-a
sông Lục Nam	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 27' 09"	107° 03' 53"	21° 23' 24"	106° 59' 07"	F-48-71-A-a
khuổi Mười	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 21' 05"	107° 02' 14"	21° 21' 20"	107° 01' 46"	F-48-71-A-c
thôn Nà Cút	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 32"	107° 03' 56"					F-48-71-A-a
khau Na Đình	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 02"	107° 00' 19"					F-48-71-A-c
bản Nà Khu	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 49"	107° 03' 57"					F-48-71-A-a
thôn Pá Phấy	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 37"	107° 00' 14"					F-48-71-A-c
thôn Pắc Vằn	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 22' 53"	107° 01' 34"					F-48-71-A-a
khau Phạ Khả	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 20' 34"	107° 00' 57"					F-48-71-A-c
núi Phạ Lớ	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 26' 37"	107° 00' 37"					F-48-71-A-a
núi Pò Phầy	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 41"	107° 00' 25"					F-48-71-A-a
khuổi Soong	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 25' 58"	107° 00' 19"	21° 25' 41"	107° 01' 13"	F-48-71-A-a
quốc lộ 31	KX	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 31' 19"	107° 03' 11"	21° 29' 28"	107° 02' 34"	F-48-59-C-c
thôn Bản Chu	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 26' 53"	106° 58' 44"					F-48-70-B-b
thôn Bản Mục	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 00"	106° 59' 54"					F-48-70-B-b
thôn Bản Piềng	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 15"	106° 58' 33"					F-48-70-B-d
suối Đông Mồ	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 33' 23"	107° 00' 46"	21° 32' 50"	107° 01' 30"	F-48-59-C-c
núi Khau Cút	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 54"	107° 00' 51"					F-48-59-C-c
núi Khau O	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 46"	107° 00' 06"					F-48-71-A-a
núi Khau Trạng	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 36"	107° 02' 17"					F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khe Cháy	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 40"	107° 02' 19"					F-48-59-C-c
suối Khe Cháy	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 30' 59"	107° 01' 14"	21° 30' 39"	107° 02' 23"	F-48-59-C-c
cầu Khe Cháy	KX	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 33"	107° 02' 29"					F-48-59-C-c
suối Khe Đa	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 31' 29"	107° 01' 15"	21° 30' 59"	107° 01' 45"	F-48-59-C-c
thôn Khe Đa 1	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập							
thôn Khe Đa 2	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập							
thôn Khe Hin	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 26' 39"	106° 54' 31"					F-48-70-B-b
núi Khe Hin	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 33"	106° 57' 50"					F-48-70-B-b
thôn Khe Sân	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 33' 25"	107° 00' 42"					F-48-59-C-c
bản Khuổi Chộc	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 42"	107° 00' 04"					F-48-59-C-c
bản Khuổi Cọ	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 59"	106° 55' 23"					F-48-70-B-b
núi Khuổi Tàn	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 32' 30"	107° 01' 44"					F-48-59-C-c
sông Lục Nam	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 31' 17"	107° 03' 12"	21° 29' 27"	107° 02' 35"	F-48-59-C-c
khau Mào Lạnh	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 40"	107° 01' 25"					F-48-71-A-a
khau Mào Tằm	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 34' 08"	107° 01' 09"					F-48-59-C-c
bản Nà Hin	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 53"	106° 57' 34"					F-48-70-B-b
bản Nà Luông	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 44"	107° 02' 53"					F-48-59-C-c
bản Nà Phải	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 58"	106° 58' 07"					F-48-70-B-b
bản Nà Vàng	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 26' 04"	106° 57' 11"					F-48-70-B-b
hồ Pắc Làng	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 24"	107° 00' 38"					F-48-71-A-a
cầu Pắc Văng	KX	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 59"	107° 02' 52"					F-48-59-C-c
khau Phai Sáo	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 32"	107° 00' 03"					F-48-71-A-a
thôn Vằng Chộc	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 18"	107° 01' 30"					F-48-59-C-c
quốc lộ 1A	KX	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng			21° 30' 55"	106° 21' 15"	21° 29' 58"	106° 19' 50"	F-48-57-D-c
khu Cầu Mười	DC	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng	21° 30' 37"	106° 20' 02"					F-48-57-D-c
khu Na Đâu	DC	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng	21° 30' 53"	106° 20' 31"					F-48-57-D-c
khu Tân Mỹ	DC	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng	21° 30' 34"	106° 21' 25"					F-48-57-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng			21° 32' 38"	106° 22' 31"	21° 33' 21"	106° 26' 02"	F-48-57-D-d
thôn Ba Nàng	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 46"	106° 22' 56"					F-48-57-D-d
núi Cao Bằng	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 38"	106° 23' 46"					F-48-57-D-d
núi Chùa Am	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 16"	106° 23' 31"					F-48-57-D-d
thôn Đá Đỏ	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 31' 19"	106° 23' 35"					F-48-57-D-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 09"	106° 25' 09"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Ngầu	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 04"	106° 24' 04"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Thuốc	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 31"	106° 23' 21"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Trãnh	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 28"	106° 25' 52"					F-48-57-D-d
làng Giãn	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 04"	106° 24' 43"					F-48-57-D-d
thôn Hồng Châu	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 13"	106° 24' 09"					F-48-57-D-d
thôn Làng Bến	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 31' 45"	106° 23' 34"					F-48-57-D-d
đèo Lừa	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 35"	106° 24' 22"					F-48-57-D-d
sông Thương	TV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng			21° 31' 00"	106° 23' 17"	21° 32' 49"	106° 25' 54"	F-48-57-D-d
thôn Vân Tảo	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 27"	106° 25' 19"					F-48-57-D-d
núi Xà Vẹn	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 20"	106° 24' 24"					F-48-57-D-d
thôn Ao Lão	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 31' 02"	106° 17' 19"					F-48-57-D-c
rừng Bãi Lạc	KX	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 29' 39"	106° 17' 24"					F-48-69-B-a
thôn Bản Mới	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 15"	106° 17' 13"					F-48-57-D-c
thôn Cốc Lùng	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 31' 13"	106° 15' 51"					F-48-57-D-c
núi Cột Cờ	SV	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 29' 32"	106° 17' 10"					F-48-69-B-a
thôn Đồng Mỹ	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 30"	106° 16' 23"					F-48-57-D-c
thôn Gióng	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 31"	106° 14' 37"					F-48-57-C-d
thôn Lương	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 29' 57"	106° 15' 09"					F-48-69-B-a
thôn Phủ Đô	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 05"	106° 16' 45"					F-48-57-D-c
thôn Suối Tràng	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 55"	106° 16' 06"					F-48-57-D-c
suối Tràng	TV	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng			21° 31' 13"	106° 16' 19"	21° 30' 47"	106° 15' 55"	F-48-57-D-c
thôn Vận	DC	xã Đô Lương	H. Hữu Lũng	21° 31' 23"	106° 16' 29"					F-48-57-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng			21° 30' 55"	106° 21' 15"	21° 32' 37"	106° 22' 36"	F-48-57-D-d
thôn Bãi Vàng	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 25"	106° 20' 40"					F-48-57-D-c
thôn Bến Kim	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 08"	106° 22' 57"					F-48-57-D-d
làng Cây Chẩy	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 05"	106° 22' 51"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Heo	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 55"	106° 20' 30"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Lai	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 38"	106° 21' 29"					F-48-57-D-c
thôn Gốc Me	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 55"	106° 22' 09"					F-48-57-D-c
thôn Làng Cần	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 24"	106° 22' 16"					F-48-57-D-c
thôn Làng Ngóc	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 24"	106° 21' 16"					F-48-57-D-c
núi Nón	SV	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 14"	106° 21' 02"					F-48-57-D-c
đèo Phiếu	SV	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 33' 24"	106° 22' 12"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Rừng Dong	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 30' 55"	106° 21' 36"					F-48-57-D-c
thôn Sẩy Hạ	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 29' 52"	106° 21' 47"					F-48-69-B-a
thôn Sẩy Thượng	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 30' 11"	106° 22' 02"					F-48-57-D-c
làng Ba Trăm	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 45"	106° 12' 59"					F-48-57-C-d
trại Cao	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 22"	106° 10' 26"					F-48-57-C-d
hồ Chiến thắng	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 49"	106° 10' 45"					F-48-57-C-d
mương Chiến Thắng	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng			21° 30' 46"	106° 12' 24"	21° 30' 55"	106° 10' 49"	F-48-57-C-d
làng Công Sư	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 13"	106° 10' 33"					F-48-57-C-d
thôn Địa Phận	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 12' 28"					F-48-57-C-d
suối Lân Bạc	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng			21° 31' 14"	106° 11' 28"	21° 30' 52"	106° 10' 40"	F-48-57-C-d
thôn Lân Chàm - Đèo Cáo	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 55"	106° 11' 14"					F-48-57-C-d
thôn Lân Luông	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 06"	106° 12' 07"					F-48-57-C-d
thôn Làng Cà	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 21"	106° 12' 47"					F-48-57-C-d
thôn Làng Gia	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 25"	106° 11' 58"					F-48-57-C-d
thôn Làng Quặng	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 47"	106° 11' 12"					F-48-57-C-d
thôn Liên Phương	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 32"	106° 12' 47"					F-48-57-C-d
thôn Mỏ Ám	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 10' 49"					F-48-57-C-d
suối Mỏ Hương	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng			21° 31' 53"	106° 10' 41"	21° 31' 21"	106° 10' 41"	F-48-57-C-d
trại giam Ngọc Lý 1	KX	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 12"	106° 12' 53"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Gia	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 24"	106° 23' 40"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Sơn	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 39"	106° 24' 07"					F-48-57-D-d
làng Gia Thọ	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 10"	106° 22' 28"					F-48-69-B-b
làng Nà Lẹng	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 37"	106° 22' 57"					F-48-69-B-b
làng Nà Tằm	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 41"	106° 24' 27"					F-48-57-D-d
thôn Na Ví	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 09"	106° 23' 03"					F-48-57-D-d
thôn Phố Vị	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 40"	106° 22' 39"					F-48-69-B-b
thôn Sơn Hồ	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 56"	106° 22' 47"					F-48-69-B-b
thôn Tám Nhăm	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 13"	106° 23' 46"					F-48-57-D-d
thôn Tân Hoa	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 29"	106° 21' 58"					F-48-69-B-a
sông Thương	TV	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng			21° 31' 00"	106° 23' 10"	21° 28' 35"	106° 22' 04"	F-48-57-D-d
thôn Trại Nhạn	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 07"	106° 22' 51"					F-48-69-B-b
núi Bến Ngan	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 35' 42"	106° 16' 43"					F-48-57-D-c
núi Canh Thang	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 21"	106° 18' 29"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Lốc	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 20"	106° 17' 32"					F-48-57-D-c
núi Hút Tre	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 26"	106° 20' 18"					F-48-57-D-a
đèo Kênh Thang	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 31"	106° 18' 17"					F-48-57-D-c
núi Kha	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 55"	106° 19' 01"					F-48-57-D-a
núi Lái Xe	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 40"	106° 17' 42"					F-48-57-D-c
đèo Lân Càng	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 18"	106° 19' 02"					F-48-57-D-a
núi Lân Càng	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 17"	106° 19' 14"					F-48-57-D-a
núi Lân De	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 40"	106° 17' 17"					F-48-57-D-a
núi Lân Đồ	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 45"	106° 19' 56"					F-48-57-D-a
núi Lân Rươi	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 09"	106° 18' 21"					F-48-57-D-a
núi Ngang	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 44"	106° 16' 07"					F-48-57-D-a
thôn Non Hương	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 14"	106° 17' 57"					F-48-57-D-c
thôn Tô Hiệu	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 49"	106° 16' 33"					F-48-57-D-c
thôn Trăng	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 38"	106° 17' 06"					F-48-57-D-c
sông Trung	TV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng			21° 35' 00"	106° 16' 31"	21° 34' 56"	106° 16' 35"	F-48-57-D-c
thôn Vĩnh Yên	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 12"	106° 17' 12"					F-48-57-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng							
suối Cây Đu	TV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng			21° 33' 14"	106° 28' 49"	21° 31' 25"	106° 29' 52"	F-48-57-D-d
xóm Cây Hồng	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 28"	106° 28' 37"					F-48-57-D-d
thôn Chầm Non	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 53"	106° 26' 43"					F-48-57-D-d
thôn Chín Sáu	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 48"	106° 27' 43"					F-48-57-D-d
thôn Chín Tư	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 42"	106° 27' 03"					F-48-57-D-d
núi Đèo Bụt	SV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 37"	106° 28' 51"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Luông	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 53"	106° 29' 45"					F-48-57-D-d
xóm Gốc Đa	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 31"	106° 28' 06"					F-48-57-D-d
núi Khau Hồ	SV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 12"	106° 29' 45"					F-48-57-D-d
suối Luộc	TV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng			21° 32' 55"	106° 29' 49"	21° 32' 41"	106° 30' 27"	F-48-58-C-c
thôn Rừng Cấm	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 30"	106° 27' 11"					F-48-57-D-d
thôn Tam Hợp	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 20"	106° 28' 17"					F-48-57-D-d
thôn Tấng Mật	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 05"	106° 28' 58"					F-48-57-D-d
xóm Thịnh Hòa	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 16"	106° 29' 47"					F-48-57-D-d
sông Thương	TV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng			21° 33' 25"	106° 28' 15"	21° 32' 47"	106° 25' 54"	F-48-57-D-d
thôn Việt Thắng	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 17"	106° 27' 42"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Ẩng	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 34"	106° 28' 45"					F-48-57-D-d
xóm Ao Ca	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 09"	106° 26' 26"					F-48-57-D-d
xóm Ao Lợn	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 27' 20"					F-48-57-D-d
xóm Ao Trượng	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 57"	106° 27' 25"					F-48-57-D-d
đèo Bà	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 39"	106° 26' 32"					F-48-57-D-d
xóm Ba Khe	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 38"	106° 27' 10"					F-48-69-B-b
núi Cây Đào	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 29' 49"					F-48-57-D-d
thôn Đèo Bà	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 38"	106° 26' 17"					F-48-57-D-d
xóm Đồng Giàn	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 20"	106° 27' 35"					F-48-57-D-d
xóm Đồng Lâm	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 06"	106° 26' 47"					F-48-57-D-d
xóm Đồng Ngãng	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 28"	106° 27' 46"					F-48-57-D-d
núi Đông Sung	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 41"	106° 29' 09"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Tiến	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 20"	106° 27' 01"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Trong	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 14"	106° 26' 38"					F-48-57-D-d
núi Gia Cò	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 48"	106° 28' 41"					F-48-57-D-d
xóm Gốc Phường	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 54"	106° 26' 23"					F-48-69-B-b
đồi Gốc Thị	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 35"	106° 29' 13"					F-48-57-D-d
thôn Hố Mười	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 19"	106° 29' 35"					F-48-57-D-d
thôn Hố Quýt	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 56"	106° 28' 06"					F-48-69-B-b
thôn Hoà Bình	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 50"	106° 28' 00"					F-48-57-D-d
núi Khuôn Pinh	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 14"	106° 28' 48"					F-48-57-D-d
đập Khuôn Pinh	KX	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 29"	106° 28' 18"					F-48-69-B-b
xóm Làng Chảo	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 54"	106° 26' 56"					F-48-69-B-b
xóm Liên Ninh	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 51"	106° 27' 35"					F-48-57-D-d
xóm Minh Cường	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 21"	106° 27' 19"					F-48-69-B-b
suối Nghè	TV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng			21° 29' 60"	106° 22' 19"	21° 29' 28"	106° 27' 17"	F-48-69-B-b
xóm Ngọn Suối	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 25"	106° 28' 36"					F-48-69-B-b
thôn Suối Trà	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 29"	106° 29' 06"					F-48-57-D-d
suối Trà	TV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng			21° 32' 02"	106° 28' 45"	21° 31' 11"	106° 29' 00"	F-48-57-D-d
thôn Trại Dạ	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 26"	106° 27' 46"					F-48-69-B-b
núi Bảo Đài	SV	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 25' 00"	106° 21' 00"					F-48-69-B-a
suối Cát	TV	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng			21° 27' 46"	106° 22' 23"	21° 28' 01"	106° 21' 29"	F-48-69-B-a
thôn Cốc Lùng	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 28' 05"	106° 23' 13"					F-48-69-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đất Đỏ	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 26' 38"	106° 23' 03"					F-48-69-B-b
xóm Hố Tông	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 24' 26"	106° 20' 37"					F-48-69-B-a
xóm Hố Trì	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 24' 46"	106° 19' 57"					F-48-69-B-a
thôn Hố Vắt	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 28' 04"	106° 23' 49"					F-48-69-B-b
thôn Lán Thán	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 27' 30"	106° 22' 25"					F-48-69-B-b
xóm Mở Cửa	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 24' 58"	106° 20' 13"					F-48-69-B-a
thôn Phú Hòa	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 25' 53"	106° 23' 20"					F-48-69-B-b
thôn Suối Ngang	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 27' 08"	106° 21' 44"					F-48-69-B-a
xóm Tứ Xuyên	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 27' 24"	106° 22' 54"					F-48-69-B-b
thôn Vạn Thắng	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 25' 22"	106° 22' 37"					F-48-69-B-b
ga Voi Xô	KX	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 26' 26"	106° 20' 04"					F-48-69-B-a
suối Xe Điếu	TV	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng			21° 24' 20"	106° 20' 55"	21° 26' 26"	106° 19' 46"	F-48-69-B-a
thôn Xóm Chùa	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 28' 28"	106° 22' 23"					F-48-69-B-a
thôn Xóm Mới	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 26' 53"	106° 21' 55"					F-48-69-B-a
thôn Ao Bải	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 23"	106° 22' 46"					F-48-57-D-b
thôn Ba Lẹng	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 58"	106° 22' 37"					F-48-57-D-b
núi Buồng Hiêu	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 43"	106° 22' 36"					F-48-57-D-b
đèo Căng	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 16"	106° 23' 14"					F-48-57-D-a
núi Cảnh Tay	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 31"	106° 21' 16"					F-48-57-D-a
núi Canh Trung	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 34"	106° 21' 32"					F-48-57-D-a
núi Chũng Hồng	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 11"	106° 23' 15"					F-48-57-D-b
làng Cửa Chùa	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 24"	106° 22' 45"					F-48-57-D-b
suối Đồng Dưới	TV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng			21° 37' 50"	106° 22' 12"	21° 37' 59"	106° 23' 08"	F-48-57-D-a
làng Gò Mon	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 08"	106° 22' 29"					F-48-57-D-a
núi Khau Kinh	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 20"	106° 23' 39"					F-48-57-D-b
núi Lân Bương	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 10"	106° 22' 50"					F-48-57-D-b
làng Lân Cát	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 44' 40"	106° 22' 36"					F-48-57-D-b
thôn Lân Châu	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 44' 03"	106° 22' 46"					F-48-57-D-b
làng Lân Chục Tang	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 04"	106° 22' 47"					F-48-57-D-b
thôn Lân Coóc	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 39' 54"	106° 24' 40"					F-48-57-D-b
thôn Lân Đặt	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 58"	106° 22' 36"					F-48-57-D-a
đèo Lân Đặt	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 02"	106° 20' 26"					F-48-57-D-a
làng Lân Hắng	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 31"	106° 24' 49"					F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Lân Hảy Ngoài	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 28"	106° 21' 44"					F-48-57-D-a
làng Lân Hảy Trong	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 11"	106° 21' 09"					F-48-57-D-a
làng Lân Rầm	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 41"	106° 23' 05"					F-48-57-D-b
núi Lân Sóc	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 39' 48"	106° 21' 15"					F-48-57-D-a
thôn Làng Bên	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 51"	106° 22' 37"					F-48-57-D-b
thôn Làng Cướm	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 48"	106° 22' 27"					F-48-57-D-a
thôn Làng Que	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 24"	106° 22' 19"					F-48-57-D-a
đèo Lỗi Hùm	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 35"	106° 21' 25"					F-48-57-D-a
thôn Nà Noọc	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 15"	106° 24' 43"					F-48-57-D-b
đèo Nà Noọc	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 16"	106° 24' 42"					F-48-57-D-b
đèo Quéo	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 52"	106° 23' 31"					F-48-57-D-b
đèo Trá	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 39' 39"	106° 21' 45"					F-48-57-D-a
đồi Cây Thị	SV	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 14"	106° 19' 24"					F-48-69-B-a
thôn Chim	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 21"	106° 21' 32"					F-48-69-B-a
thôn Chùa	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 27"	106° 21' 52"					F-48-69-B-a
xóm Đồng Sậy	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 02"	106° 20' 06"					F-48-69-B-a
thôn Hẩu	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 27' 23"	106° 21' 02"					F-48-69-B-a
xóm Keo	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 13"	106° 20' 46"					F-48-69-B-a
thôn Mới	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 26' 58"	106° 19' 03"					F-48-69-B-a
trại Nèo Tíu	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 27' 19"	106° 20' 31"					F-48-69-B-a
sông Thương	TV	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng			21° 27' 08"	106° 18' 36"	21° 29' 08"	106° 21' 48"	F-48-69-B-a
đồi Tranh Vẽ	SV	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 50"	106° 21' 19"					F-48-69-B-a
xóm Xa	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 27' 03"	106° 20' 27"					F-48-69-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng			21° 26' 47"	106° 17' 26"	21° 29' 35"	106° 20' 06"	F-48-69-B-a
thôn Bến Lường	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 10"	106° 17' 32"					F-48-69-B-a
thôn Có Ngoài	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 15"	106° 19' 48"					F-48-69-B-a
thôn Có Trong	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 51"	106° 19' 01"					F-48-69-B-a
thôn Coóc Mò	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 22"	106° 19' 33"					F-48-57-D-c
xóm Diện	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 42"	106° 19' 34"					F-48-69-B-a
thôn Hố Mười	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 56"	106° 18' 25"					F-48-57-D-c
rừng Hố Rỗng	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 38"	106° 17' 06"					F-48-69-B-a
trường Lâm Nghiệp	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 58"	106° 17' 39"					F-48-69-B-a
đèo Lỗ Hỏm	SV	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 39"	106° 19' 02"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Lò Ngói	SV	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 02"	106° 19' 35"					F-48-69-B-a
xóm Lót	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 37"	106° 18' 46"					F-48-69-B-a
thôn Lót - Bồ Các	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 55"	106° 18' 45"					F-48-69-B-a
cầu Lường	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 26' 47"	106° 17' 26"					F-48-69-B-a
núi Tiên	SV	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 35"	106° 17' 44"					F-48-57-D-c
thôn Văn Miêu	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 21"	106° 17' 54"					F-48-69-B-a
thôn Bến Cát	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 52"	106° 16' 25"					F-48-57-D-c
thôn Bến Cốn	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 12"	106° 15' 45"					F-48-57-D-c
núi Con Ngỗng	SV	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 06"	106° 15' 32"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Bé	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 18"	106° 17' 46"					F-48-57-D-c
xóm Đồng Cằng	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 38"	106° 16' 34"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Lão	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 34' 05"	106° 16' 52"					F-48-57-D-c
xóm Đồng Phúc	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 17"	106° 17' 20"					F-48-57-D-c
thôn Hố Vạng	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 33"	106° 17' 28"					F-48-57-D-c
núi Một	SV	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 36"	106° 17' 24"					F-48-57-D-c
xóm Tân Tiến	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 32"	106° 17' 05"					F-48-57-D-c
sông Trung	TV	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng			21° 35' 00"	106° 16' 31"	21° 33' 07"	106° 17' 53"	F-48-57-D-c
xóm Vũng Dùng	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 54"	106° 16' 50"					F-48-57-D-c
thôn Duyên Tiến	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 32"	106° 19' 19"					F-48-57-D-c
núi Đá Ngăn	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 08"	106° 20' 07"					F-48-57-D-c
thôn Đoàn Kết	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 29"	106° 19' 45"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Hương	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 25"	106° 17' 59"					F-48-57-D-c
núi Lân Hoãn	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 06"	106° 19' 27"					F-48-57-D-c
núi Mỏ Phát	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 50"	106° 20' 24"					F-48-57-D-c
núi Một	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 57"	106° 19' 47"					F-48-57-D-c
thôn Tân Hoa	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 01"	106° 19' 57"					F-48-57-D-c
thôn Tân Hương	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 27"	106° 20' 04"					F-48-57-D-c
thôn Tân Tạo	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 39"	106° 18' 44"					F-48-57-D-c
thôn Tân Thịnh	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 13"	106° 18' 36"					F-48-57-D-c
thôn Trại Điếm	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 51"	106° 17' 46"					F-48-57-D-c
sông Trung	TV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng			21° 33' 07"	106° 17' 53"	21° 32' 31"	106° 20' 04"	F-48-57-D-c
thôn Tự Nhiên	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 45"	106° 20' 01"					F-48-57-D-c
thôn Bầm	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 56"	106° 12' 39"					F-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bờ Linh	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 54"	106° 12' 14"					F-48-57-C-b
thôn Bông	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 46"	106° 13' 10"					F-48-57-C-b
xóm Đồng Thia	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 24"	106° 11' 49"					F-48-57-C-d
xóm Hang Cao	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 31"	106° 11' 35"					F-48-57-C-b
thôn Kép	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 28"	106° 13' 39"					F-48-57-C-d
xóm Kép	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 50"	106° 13' 23"					F-48-57-C-b
núi Lân Vần	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 49"	106° 12' 03"					F-48-57-C-b
hồ Lân Vần	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 50"	106° 12' 21"					F-48-57-C-b
mương Lân Vần	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng			21° 37' 35"	106° 14' 44"	21° 38' 41"	106° 12' 13"	F-48-57-C-b
núi Lướt	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 03"	106° 12' 47"					F-48-57-C-b
xóm Mắc Cảy	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 18"	106° 12' 17"					F-48-57-C-b
núi Mỏ Nghiến	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 13"	106° 12' 17"					F-48-57-C-d
núi Nắm Cơm	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 40"	106° 12' 06"					F-48-57-C-b
suối Nậm Cơm	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng			21° 37' 24"	106° 11' 43"	21° 38' 17"	106° 12' 26"	F-48-57-C-b
suối Nĩu	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng			21° 37' 39"	106° 12' 58"	21° 37' 37"	106° 13' 43"	F-48-57-C-b
thôn Rãy	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 33"	106° 11' 57"					F-48-57-C-b
thôn Trăng	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 51"	106° 13' 47"					F-48-57-C-b
sông Trung	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng			21° 38' 41"	106° 11' 23"	21° 37' 30"	106° 13' 43"	F-48-57-C-b
thôn Dốc Mới 1	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 53"	106° 20' 09"					F-48-69-B-a
thôn Dốc Mới 2	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 34"	106° 20' 31"					F-48-69-B-a
thôn En	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 27"	106° 20' 32"					F-48-69-B-a
xóm Mới	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 46"	106° 20' 21"					F-48-69-B-a
thôn Na Hoa	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 37"	106° 21' 24"					F-48-69-B-a
thôn Ngòi Na	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 08"	106° 21' 09"					F-48-69-B-a
thôn Trường Sơn	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 57"	106° 20' 52"					F-48-69-B-a
suối Chùa	TV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng			21° 35' 15"	106° 14' 16"	21° 34' 54"	106° 13' 56"	F-48-57-C-d
thôn Đá Mài	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 00"	106° 13' 13"					F-48-57-C-d
núi Đèo Thạp	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 53"	106° 14' 26"					F-48-57-C-d
xóm Đồng Cạn	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 00"	106° 13' 56"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Mạ	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 30"	106° 14' 05"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Sinh	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 21"	106° 13' 20"					F-48-57-C-d
suối Đục	TV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng			21° 35' 28"	106° 13' 10"	21° 35' 25"	106° 14' 10"	F-48-57-C-d
xóm Hản	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 34' 45"	106° 14' 30"					F-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hợp Thành	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 22"	106° 14' 22"					F-48-57-C-d
đèo Lân Cần	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 15' 44"					F-48-57-D-c
núi Lân Cần	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 09"	106° 16' 02"					F-48-57-D-c
thôn Lân Mơ	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 34' 54"	106° 15' 01"					F-48-57-D-c
núi Lân Nứa	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 34"	106° 15' 57"					F-48-57-D-c
núi Lân Vài	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 34"	106° 15' 40"					F-48-57-D-c
thôn Lân Vầu	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 34' 39"	106° 14' 53"					F-48-57-C-d
suối Ô Ô	TV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng			21° 35' 16"	106° 12' 38"	21° 35' 28"	106° 13' 10"	F-48-57-C-d
thôn Tân Châu	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 07"	106° 14' 22"					F-48-57-C-d
thôn Ao Kham	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 58"	106° 25' 13"					F-48-69-B-b
làng Ao Mảng	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 50"	106° 25' 44"					F-48-69-B-b
thôn Bắc Lệ	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 41"	106° 25' 50"					F-48-57-D-d
đèo Bắn Bia	SV	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 31' 11"	106° 26' 00"					F-48-57-D-d
làng Cầu	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 48"	106° 25' 24"					F-48-69-B-b
làng Cầu Con	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 10"	106° 25' 07"					F-48-57-D-d
thôn Cây Sấu	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 15"	106° 26' 23"					F-48-69-B-b
thôn Đồng Cẩy	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 28' 58"	106° 24' 52"					F-48-69-B-b
làng Giầu Sang	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 34"	106° 24' 41"					F-48-57-D-d
làng Gốc Có	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 43"	106° 25' 47"					F-48-57-D-d
thôn Gốc Gạo	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 32"	106° 25' 30"					F-48-57-D-d
suối Khuôn Nghè	TV	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng			21° 29' 06"	106° 27' 04"	21° 27' 05"	107° 26' 53"	F-48-69-B-b
thôn Làng Cống	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 51"	106° 25' 53"					F-48-69-B-b
thôn Làng Ngôn	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 14"	106° 24' 37"					F-48-69-B-b
làng Lào Cai	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 28' 33"	106° 24' 54"					F-48-69-B-b
thôn Tân Phú	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 28' 57"	106° 26' 28"					F-48-69-B-b
suối Vị	TV	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng			21° 26' 40"	106° 24' 50"	21° 28' 26"	106° 24' 27"	F-48-69-B-b
thôn Vườn Chè	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 55"	106° 24' 47"					F-48-69-B-b
thôn Bàng	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 55"	106° 13' 33"					F-48-57-C-d
thôn Điễn Dưới	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 30"	106° 12' 58"					F-48-57-C-d
thôn Điễn Giữa	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 33"	106° 12' 39"					F-48-57-C-d
thôn Điễn Trên	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 25"	106° 12' 08"					F-48-57-C-d
suối Giao Thuỷ	TV	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng			21° 32' 07"	106° 11' 44"	21° 32' 46"	106° 12' 20"	F-48-57-C-d
thôn Lay 1	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 42"	106° 13' 07"					F-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lay 2	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 49"	106° 13' 41"					F-48-57-C-d
núi Một	SV	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 47"	106° 13' 57"					F-48-57-C-d
thôn Na Đàn	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 19"	106° 12' 57"					F-48-57-C-d
thôn Niêng	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 46"	106° 14' 00"					F-48-57-C-d
xóm Quýt	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 18"	106° 13' 09"					F-48-57-C-d
xóm Xa Khao	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 30"	106° 13' 30"					F-48-57-C-d
suối Cái	TV	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng			21° 33' 54"	106° 10' 22"	21° 34' 31"	106° 11' 21"	F-48-57-C-d
làng Chung Tiến	DC	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 34' 11"	106° 11' 15"					F-48-57-C-d
hồ Đắp Đề	TV	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 34' 49"	106° 11' 06"					F-48-57-C-d
làng Đèo Cáo	DC	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 33' 10"	106° 10' 50"					F-48-57-C-d
suối Đục	TV	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng			21° 34' 49"	106° 11' 41"	21° 34' 37"	106° 12' 35"	F-48-57-C-d
làng Gốc Tấm	DC	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 34' 56"	106° 11' 56"					F-48-57-C-d
làng Lân	DC	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 33' 39"	106° 11' 09"					F-48-57-C-d
thôn Làng Trang	DC	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 34' 27"	106° 11' 03"					F-48-57-C-d
đèo Ông Đống	SV	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 34' 11"	106° 10' 01"					F-48-57-C-d
thôn Quyết Thắng	DC	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 34' 54"	106° 11' 42"					F-48-57-C-d
thôn Quyết Tiến	DC	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 35' 16"	106° 12' 04"					F-48-57-C-d
đập Sấp	KX	xã Thiện Kỵ	H. Hữu Lũng	21° 34' 53"	106° 11' 06"					F-48-57-C-d
thôn Cảo	DC	xã Vân Nham	H. Hữu Lũng	21° 31' 17"	106° 13' 34"					F-48-57-C-d
suối Đập	TV	xã Vân Nham	H. Hữu Lũng			21° 31' 35"	106° 14' 30"	21° 30' 58"	106° 14' 37"	F-48-57-C-d
thôn Hét	DC	xã Vân Nham	H. Hữu Lũng	21° 32' 14"	106° 14' 40"					F-48-57-C-d
núi Làng Hét	SV	xã Vân Nham	H. Hữu Lũng	21° 33' 04"	106° 14' 33"					F-48-57-C-d
suối Mỏ Đinh	TV	xã Vân Nham	H. Hữu Lũng			21° 32' 06"	106° 14' 01"	21° 32' 18"	106° 14' 25"	F-48-57-C-d
thôn Phổng	DC	xã Vân Nham	H. Hữu Lũng	21° 31' 52"	106° 14' 09"					F-48-57-C-d
thôn Thuyền	DC	xã Vân Nham	H. Hữu Lũng	21° 32' 39"	106° 14' 34"					F-48-57-C-d
núi Châu Bẫu	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 48"	106° 14' 13"					F-48-57-C-b
núi Con Cá	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 21"	106° 14' 24"					F-48-57-C-d
núi Đĩa Suối	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 40"	106° 13' 42"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Bưa	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 49"	106° 16' 04"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Bụt	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 13"	106° 15' 52"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Xa	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 41"	106° 14' 41"					F-48-57-C-d
núi Hang Trái	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 16"	106° 15' 30"					F-48-57-D-a
thôn Hồng Gạo	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 13"	106° 14' 44"					F-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn La 1	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 29"	106° 15' 09"					F-48-57-D-a
đèo Lân Dỏ	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 17"	106° 16' 27"					F-48-57-D-a
núi Lân Dù	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 40' 00"	106° 15' 48"					F-48-57-D-a
núi Lân Kiềng	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 40' 25"	106° 15' 27"					F-48-57-D-a
đèo Lân Nứa	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 35' 54"	106° 15' 48"					F-48-57-D-c
núi Lân Rì	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 07"	106° 17' 28"					F-48-57-D-a
đèo Lân Vẹ	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 59"	106° 16' 55"					F-48-57-D-a
núi Lân Vẹ	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 52"	106° 16' 54"					F-48-57-D-a
thôn Làng Trang	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 50"	106° 14' 17"					F-48-57-C-d
đèo Máng Lợn	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 06"	106° 16' 06"					F-48-57-D-a
núi Mỏ Cồm	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 50"	106° 17' 30"					F-48-57-D-a
làng Nĩ	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 48"	106° 15' 13"					F-48-57-D-c
thôn Quý Xã	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 41"	106° 15' 38"					F-48-57-D-a
đèo Thạp	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 03"	106° 15' 09"					F-48-57-D-c
thôn Bãi Danh	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 24' 34"					F-48-57-D-d
đèo Cả	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 55"	106° 25' 50"					F-48-57-D-d
núi Cắng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 31"	106° 25' 15"					F-48-57-D-d
thôn Chục Bây	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 31"	106° 23' 57"					F-48-57-D-d
núi Chũng Nẩu	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 37' 15"	106° 23' 49"					F-48-57-D-d
núi Cửa Ngòa	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 13"	106° 25' 02"					F-48-57-D-d
đèo Đăng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 59"	106° 25' 57"					F-48-57-D-d
thôn Đằng	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 41"	106° 23' 16"					F-48-57-D-d
núi Đìa Nhẫn	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 56"	106° 24' 22"					F-48-57-D-d
núi Đỏ	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 18"	106° 22' 55"					F-48-57-D-d
núi Đồng Hút	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 38"	106° 26' 01"					F-48-57-D-d
núi Đồng Quyền	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 17"	106° 23' 48"					F-48-57-D-d
núi Gò Ngượm	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 03"	106° 25' 47"					F-48-57-D-d
thôn Hạ	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 13"	106° 23' 12"					F-48-57-D-d
núi Hang Cửi	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 02"	106° 22' 55"					F-48-57-D-d
núi Hang Đá Mài	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 25' 23"					F-48-57-D-d
núi Hang Hổng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 14"	106° 24' 09"					F-48-57-D-d
thôn Lân Nóng	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 37' 37"	106° 25' 38"					F-48-57-D-b
xóm Lân Rì	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 05"	106° 26' 21"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lân Thuổng	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 52"	106° 25' 39"					F-48-57-D-d
núi Lân Ván	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 33"	106° 26' 17"					F-48-57-D-d
núi Làng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 01"	106° 23' 55"					F-48-57-D-d
thôn Loi	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 49"	106° 25' 21"					F-48-57-D-d
đèo Loi	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 43"	106° 26' 10"					F-48-57-D-d
núi Lược	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 43"	106° 23' 12"					F-48-57-D-d
núi Luỹ	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 21"	106° 23' 36"					F-48-57-D-d
núi Mỏ	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 44"	106° 25' 46"					F-48-57-D-d
núi Mỏ Kẹt	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 51"	106° 24' 47"					F-48-57-D-d
núi Mỏ Phúc	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 47"	106° 22' 33"					F-48-57-D-d
núi Một	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 57"	106° 26' 18"					F-48-57-D-d
núi Nả	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 14"	106° 24' 24"					F-48-57-D-d
núi Nhà Mạt	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 55"	106° 24' 00"					F-48-57-D-d
núi Nhà Tanh	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 36"	106° 23' 40"					F-48-57-D-d
núi Nong Đớ	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 53"	106° 22' 42"					F-48-57-D-d
thôn Nong Thâm	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 36"	106° 22' 18"					F-48-57-D-d
núi Ót Cà	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 47"	106° 25' 44"					F-48-57-D-d
núi Phượng Hoàng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 16"	106° 23' 42"					F-48-57-D-d
núi Rừng Ma	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 57"	106° 25' 18"					F-48-57-D-d
núi Thác Trại	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 52"	106° 24' 35"					F-48-57-D-d
núi Thông	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 47"	106° 24' 13"					F-48-57-D-d
núi Tràm Sỏi	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 56"	106° 24' 16"					F-48-57-D-d
xóm Trong	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 25"	106° 25' 41"					F-48-57-D-d
núi Trục Bây	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 14"	106° 23' 46"					F-48-57-D-d
núi Vọng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 26"	106° 24' 18"					F-48-57-D-d
núi Vực Mìn	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 29"	106° 24' 54"					F-48-57-D-d
làng Ao Cả	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 47"	106° 23' 01"					F-48-57-D-b
núi Ao Dầm	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 53"	106° 23' 35"					F-48-57-D-b
đèo Bụt	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 20"	106° 21' 16"					F-48-57-D-a
núi Cây Găng	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 13"	106° 22' 59"					F-48-57-D-d
làng Cây Khế	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 27"	106° 20' 51"					F-48-57-D-c
núi Cây Lầu	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 42"	106° 22' 37"					F-48-57-D-b
thôn Chùa	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 12"	106° 20' 24"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Chùa Coong	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 36"	106° 21' 43"					F-48-57-D-a
làng Cóc Trong	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 38"	106° 24' 08"					F-48-57-D-b
thôn Diễn	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 32"	106° 21' 01"					F-48-57-D-a
núi Đàn Bò	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 22"	106° 22' 43"					F-48-57-D-b
thôn Đồng Áng	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 06"	106° 22' 06"					F-48-57-D-c
núi Đồng Là Mật	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 07"	106° 18' 52"					F-48-57-D-c
thôn Gạo Ngoài	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng							
thôn Gạo Trong	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng							
làng Giàng	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 44"	106° 21' 54"					F-48-57-D-a
thôn Gò Mãm	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 22"	106° 21' 27"					F-48-57-D-c
núi Hang Đao	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 37"	106° 23' 25"					F-48-57-D-b
núi Lân Ba Mìn	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 33"	106° 21' 25"					F-48-57-D-a
núi Lân Đù	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 39"	106° 20' 44"					F-48-57-D-a
núi Lân Lày	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 39' 04"	106° 22' 13"					F-48-57-D-a
núi Lân Luông	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 23"	106° 19' 26"					F-48-57-D-c
núi Lân Mạ	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 26"	106° 20' 57"					F-48-57-D-a
núi Lân Mỏ Mạ	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 43"	106° 21' 16"					F-48-57-D-c
đèo Lân Nghè	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 39' 35"	106° 22' 08"					F-48-57-D-a
núi Lân Nọc	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 48"	106° 21' 43"					F-48-57-D-c
núi Mỏ Mạ	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 16"	106° 21' 28"					F-48-57-D-c
đèo Trá	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 39' 39"	106° 21' 45"					F-48-57-D-a
núi Ao Khanh	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 30"	106° 20' 27"					F-48-57-D-c
thôn Ao Sen	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 58"	106° 21' 34"					F-48-57-D-c
núi Ao Sen	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 53"	106° 21' 46"					F-48-57-D-c
núi Bà Ký	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 35' 08"	106° 21' 40"					F-48-57-D-c
núi Bà Thịnh	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 58"	106° 20' 47"					F-48-57-D-c
làng Cây Hồng	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 46"	106° 20' 50"					F-48-57-D-c
thôn Cây Hồng - Mỏ Tối	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 50"	106° 20' 13"					F-48-57-D-c
thôn Chục Quan	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 35' 36"	106° 21' 58"					F-48-57-D-c
núi Đất Sét	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 52"	106° 19' 44"					F-48-57-D-c
núi Đề	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 19"	106° 19' 58"					F-48-57-D-c
núi Đồng Mát	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 18' 34"					F-48-57-D-c
làng Đông Yên	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 44"	106° 21' 30"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Gốc Sau	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 35"	106° 22' 00"					F-48-57-D-c
núi Hàm Rồng	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 25"	106° 21' 03"					F-48-57-D-c
núi Hang Hùm	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 40"	106° 21' 52"					F-48-57-D-c
thôn Lầm Hạ	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 42"	106° 21' 07"					F-48-57-D-c
thôn Lầm Thượng	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 59"	106° 21' 14"					F-48-57-D-c
núi Lâm Trâm	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 30"	106° 19' 37"					F-48-57-D-c
núi Lân Mỏ Tối	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 35' 06"	106° 19' 59"					F-48-57-D-c
núi Một	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 22"	106° 22' 14"					F-48-57-D-c
núi Năm Ngọn	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 41"	106° 20' 26"					F-48-57-D-c
núi Trà Diêm	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 33"	106° 21' 17"					F-48-57-D-c
núi Tục Tăng	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 33' 46"	106° 20' 56"					F-48-57-D-c
đường tỉnh 236	KX	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình			21° 45' 44"	106° 55' 42"	21° 45' 36"	106° 55' 16"	F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình			21° 46' 16"	106° 54' 23"	21° 44' 59"	106° 55' 44"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Kho	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 45' 12"	106° 55' 29"					F-48-58-B+46-D
thôn Chộc Vằng	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 44' 42"	106° 55' 42"					F-48-58-D-b
thôn Phiêng Quăn	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 46' 11"	106° 54' 33"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Mục	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 46' 49"	106° 55' 05"					F-48-58-B+46-D
khu 4	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 47"	106° 58' 16"					F-48-58-D-b
khu 5	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 38"	106° 58' 04"					F-48-58-D-b
khu 6	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 19"	106° 58' 11"					F-48-58-D-b
khu 7	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 34"	106° 58' 21"					F-48-58-D-b
khu 9	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 14"	106° 58' 25"					F-48-58-D-b
quốc lộ 4B	KX	TT. Na Dương	H. Lộc Bình							
bản Nà Cáy	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 19"	106° 58' 08"					F-48-58-D-b
hồ Nà Cáy	TV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 40' 59"	106° 57' 54"					F-48-58-D-b
bản Nà Đươi	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 48"	106° 58' 46"					F-48-58-D-b
mỏ than Na Dương	KX	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 42' 13"	106° 58' 06"					F-48-58-D-b
thôn Nà Phải	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 16"	106° 57' 06"					F-48-58-D-b
bản Nà Sản	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 40' 46"	106° 58' 36"					F-48-58-D-b
núi Nà Sản	SV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 40' 48"	106° 58' 15"					F-48-58-D-b
bản Nà Tặp	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 23"	106° 57' 20"					F-48-58-D-b
suối Pác Hán	TV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình			21° 40' 38"	106° 59' 21"	21° 40' 41"	106° 58' 41"	F-48-58-D-b
khuổi Phục	TV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình			21° 42' 11"	106° 58' 15"	21° 42' 34"	106° 57' 11"	F-48-58-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sơn Hà	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 57"	106° 57' 01"					F-48-58-D-b
làng Ao Lai	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 30' 41"	106° 53' 08"					F-48-58-D-d
thôn Co Hồng	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 24"	106° 56' 06"					F-48-58-D-d
làng Cốc Ngòa	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 30' 59"	106° 54' 12"					F-48-58-D-d
suối Cốc Sâu	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 36' 07"	106° 57' 12"	21° 36' 02"	106° 57' 45"	F-48-58-D-b
thôn Đông Lợi	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 10"	106° 57' 23"					F-48-58-D-d
núi Đông Mùn	SV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 59"	106° 58' 29"					F-48-58-D-d
thôn Đông Sung	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 31' 59"	106° 53' 22"					F-48-58-D-d
thôn Khau Kheo	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 35' 52"	106° 55' 58"					F-48-58-D-d
làng Khuổi Cháu	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 31' 01"	106° 52' 21"					F-48-58-D-c
thôn Khuổi Danh	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 03"	106° 54' 49"					F-48-58-D-d
thôn Khuổi Han	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 31' 29"	106° 57' 53"					F-48-58-D-d
thôn Khuổi Lợi	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 02"	106° 55' 03"					F-48-58-D-d
thôn Khuổi Pu	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 15"	106° 52' 42"					F-48-58-D-d
làng Khuổi Sỏm	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 37"	106° 55' 43"					F-48-58-D-d
thôn Khuổi Thướn	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 33' 16"	106° 55' 45"					F-48-58-D-d
suối Nà Cà	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 34' 04"	106° 56' 42"	21° 34' 21"	106° 56' 55"	F-48-58-D-d
làng Nà Chục	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 59"	106° 53' 06"					F-48-58-D-d
thôn Phạ Thác	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 51"	106° 57' 19"					F-48-58-D-d
làng Phay Phài	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 21"	106° 53' 08"					F-48-58-D-d
thôn Pia Lài	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 19"	106° 58' 38"					F-48-58-D-d
thôn Quang Khao	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 58"	106° 53' 49"					F-48-58-D-d
làng Soong Tài	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 50"	106° 52' 48"					F-48-58-D-d
suối Soong Tài	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 32' 33"	106° 52' 54"	21° 32' 22"	106° 53' 25"	F-48-58-D-d
làng Suối Vịt	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 24"	106° 53' 20"					F-48-58-D-d
núi Tạ Chủi Hủi	SV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 33' 09"	106° 53' 26"					F-48-58-D-d
làng Thau Long	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 35' 07"	106° 55' 08"					F-48-58-D-d
khuổi Thướn	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 32' 24"	106° 56' 18"	21° 32' 36"	106° 55' 59"	F-48-58-D-d
làng Vàng Li	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 35' 34"	106° 57' 45"					F-48-58-D-d
đường tỉnh 237A	KX	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình			21° 50' 04"	106° 53' 38"	21° 48' 24"	106° 51' 60"	F-48-58-B+46-D
núi Hua Lê	SV	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 49' 29"	106° 54' 06"					F-48-58-B+46-D
bản Kéo Mật	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 48' 14"	106° 52' 28"					F-48-58-B+46-D
thôn Khòn Khoang	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 48' 03"	106° 51' 31"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Ngần	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 48' 29"	106° 51' 60"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Pục	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 47' 52"	106° 51' 29"					F-48-58-B+46-D
khuổi Tẳng	TV	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình			21° 49' 07"	106° 53' 32"	21° 48' 10"	106° 51' 31"	F-48-58-B+46-D
đường tỉnh 237C	KX	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 46' 31"	106° 53' 08"	21° 47' 08"	106° 54' 03"	F-48-58-B+46-D
suối Cầu 20	TV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 48' 02"	106° 55' 18"	21° 46' 13"	106° 54' 03"	F-48-58-B+46-D
bản Háng Cáu	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 50"	106° 54' 33"					F-48-58-B+46-D
núi Hu Sla	SV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 28"	106° 55' 14"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Miện	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 28"	106° 54' 22"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Quắc	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 29"	106° 54' 18"					F-48-58-B+46-D
suối Khòn Thống	TV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 46' 48"	106° 55' 17"	21° 46' 03"	106° 54' 36"	F-48-58-B+46-D
bản Khôn Van	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 48' 02"	106° 55' 18"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 46' 31"	106° 53' 08"	21° 46' 09"	106° 54' 12"	F-48-58-B+46-D
bản Lăng Xè	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 50"	106° 53' 57"					F-48-58-B+46-D
thôn Phiêng Quăn	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 26"	106° 53' 42"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Mần	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 24"	106° 53' 57"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Vèn	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 13"	106° 54' 16"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Đông Quan	H. Lộc Bình			21° 43' 20"	106° 56' 56"	21° 42' 26"	106° 57' 08"	F-48-58-D-d
thôn Bản Nùng	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 42"	106° 54' 32"					F-48-58-D-b
thôn Bản Pịt	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 42' 09"	106° 55' 25"					F-48-58-D-b
bản Chặng Cánh	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 29"	106° 56' 12"					F-48-58-D-b
bản Cốc Pục	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 23"	106° 56' 15"					F-48-58-D-d
bản Cốc Sâu	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 47"	106° 57' 04"					F-48-58-D-d
thôn Hua Cầu	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 54"	106° 55' 58"					F-48-58-D-b
núi Keo Hách	SV	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 07"	106° 56' 42"					F-48-58-D-d
suối Khau Phầy	TV	xã Đông Quan	H. Lộc Bình			21° 41' 50"	106° 52' 54"	21° 41' 31"	106° 55' 21"	F-48-58-D-b
bản Khoang Mò	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 19"	106° 55' 30"					F-48-58-D-b
bản Khòn Cát	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 41"	106° 57' 34"					F-48-58-D-b
thôn Khòn Phạc	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 19"	106° 55' 57"					F-48-58-D-b
làng Khuổi Luổng	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 41' 08"	106° 55' 41"					F-48-58-D-b
bản Nà Khoang	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 43' 14"	106° 57' 05"					F-48-58-D-b
bản Nà Lâu	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 54"	106° 57' 13"					F-48-58-D-b
suối Nà Lâu	TV	xã Đông Quan	H. Lộc Bình			2° 13' 79"	106° 57' 36"	21° 37' 49"	106° 56' 33"	F-48-58-D-b
thôn Nà Miền	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 42' 46"	106° 57' 13"					F-48-58-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Sài	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 17"	106° 55' 54"					F-48-58-D-b
thôn Nà Toản	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 50"	106° 55' 45"					F-48-58-D-b
thôn Phá Lạn	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 38"	106° 55' 25"					F-48-58-D-b
thôn Phiêng Ét	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 41' 12"	106° 55' 06"					F-48-58-D-b
bản San	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 43"	106° 55' 33"					F-48-58-D-b
thôn Soong Sài	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 49"	106° 56' 14"					F-48-58-D-b
suối Tà San	TV	xã Đông Quan	H. Lộc Bình			21° 42' 46"	106° 55' 38"	21° 37' 49"	106° 56' 33"	F-48-58-D-b
thôn Thổng Mày	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 42' 20"	106° 55' 28"					F-48-58-D-b
thôn Thổng Niểng	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 27"	106° 55' 32"					F-48-58-D-b
bản Chuải	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 42' 48"	106° 50' 04"					F-48-58-D-a
bản Đoóc	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 44' 07"	106° 49' 46"					F-48-58-D-a
bản Hả	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 42' 46"	106° 48' 39"					F-48-58-D-a
suối Nà Hán	TV	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình			21° 43' 00"	106° 48' 42"	21° 43' 52"	106° 50' 26"	F-48-58-D-a
thôn Nà Kẹt	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 42' 35"	106° 50' 01"					F-48-58-D-a
thôn Nà Lái	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 43' 42"	106° 50' 26"					F-48-58-D-a
suối Nà Nong	TV	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình			21° 42' 15"	106° 50' 14"	21° 42' 38"	106° 50' 01"	F-48-58-D-a
thôn Tằm Pục	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 44' 03"	106° 50' 28"					F-48-58-D-a
bản Hoi	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 44' 58"	106° 56' 46"					F-48-58-D-b
bản Khiếng	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 57"	106° 57' 33"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Thống	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 50"	106° 56' 52"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Lẹp	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 12"	106° 57' 01"					F-48-58-B+46-D
bản Pắc Khiếng	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 45' 19"	106° 57' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Phiêng Phấy	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 47' 02"	106° 57' 26"					F-48-58-B+46-D
núi Pò Pôi	SV	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 45' 56"	106° 56' 08"					F-48-58-B+46-D
bản Quang	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 46"	106° 55' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Ry	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 34"	106° 56' 35"					F-48-58-B+46-D
bản Tằm Lốc	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 45' 42"	106° 56' 40"					F-48-58-B+46-D
khau Thuổn	SV	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 12"	106° 57' 30"					F-48-58-B+46-D
thôn Suối Lông	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 26"	106° 47' 21"					F-48-58-D-c
núi Ba Voi	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 34' 18"	106° 47' 23"					F-48-58-D-c
suối Cặm	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 34' 26"	106° 49' 39"	21° 33' 48"	106° 49' 36"	F-48-58-D-c
bản Co Lái	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 53"	106° 50' 41"					F-48-58-D-a
bản Đông Khuyên	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 46"	106° 46' 37"					F-48-58-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Đông Mò	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 54"	106° 49' 23"					F-48-58-D-a
bản Hin Ón	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 29"	106° 48' 03"					F-48-58-D-a
suối Hin Ón	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 38' 42"	106° 46' 56"	21° 38' 36"	106° 48' 48"	F-48-58-D-a
bản Khau Trang	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 56"	106° 47' 47"					F-48-58-D-a
bản Khuổi Đí	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 33"	106° 45' 30"					F-48-58-D-a
khau Lài	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 57"	106° 47' 26"					F-48-58-D-a
suối Lông	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 37' 30"	106° 48' 40"	21° 38' 05"	106° 49' 43"	F-48-58-D-a
khau Ma	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 43"	106° 46' 01"					F-48-58-D-a
suối Mí	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 37' 30"	106° 47' 42"	21° 38' 02"	106° 48' 08"	F-48-58-D-a
bản Mò Nằn	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 25"	106° 48' 03"					F-48-58-D-a
bản Nà Áng	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 18"	106° 48' 22"					F-48-58-D-c
bản Nà Cà	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 41"	106° 49' 42"					F-48-58-D-a
bản Nà Chán	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 42"	106° 47' 02"					F-48-58-D-a
bản Nà Kháo	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 33"	106° 46' 23"					F-48-58-D-a
bản Nà Khứp	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 59"	106° 49' 04"					F-48-58-D-a
bản Nà Lèo	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 30"	106° 47' 56"					F-48-58-D-a
bản Nà Mứ	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 24"	106° 49' 29"					F-48-58-D-a
bản Nà Tấng	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 40' 51"	106° 48' 44"					F-48-58-D-a
bản Nà Thàn	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 29"	106° 47' 16"					F-48-58-D-a
bản Nà Xá	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 03"	106° 46' 48"					F-48-58-D-a
suối Ngà	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 34' 18"	106° 47' 51"	21° 34' 00"	106° 48' 06"	F-48-58-D-c
bản Pác Cáp	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 13"	106° 47' 41"					F-48-58-D-a
bản Pác Lông	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 27"	106° 48' 43"					F-48-58-D-c
thôn Phai Bây	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 46"	106° 46' 29"					F-48-58-D-a
bản Phai Ma	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 36' 51"	106° 48' 09"					F-48-58-D-c
bản Pò Mò	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 45"	106° 47' 31"					F-48-58-D-a
bản Suối Gióa	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 27"	106° 50' 40"					F-48-58-D-a
bản Suối Ma	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 04"	106° 45' 58"					F-48-58-D-a
bản Suối Mèng	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 41' 08"	106° 46' 14"					F-48-58-D-a
thôn Suối Mí	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 36"	106° 47' 55"					F-48-58-D-a
bản Thẩm Dày	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 40' 25"	106° 46' 28"					F-48-58-D-a
khuổi Thồng	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 38' 48"	106° 49' 22"	21° 38' 05"	106° 49' 43"	F-48-58-D-a
khau Trang	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 19"	106° 47' 53"					F-48-58-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Vầm	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 40' 54"	106° 46' 28"	21° 41' 20"	106° 46' 03"	F-48-58-D-a
bản Vằng Phàu	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 28"	106° 48' 26"					F-48-58-D-a
sông Bản Thín	TV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình			21° 45' 18"	107° 01' 54"	21° 45' 02"	107° 00' 01"	F-48-59-A
bản Cảng	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 56"	106° 59' 17"					F-48-58-D-b
bản Chu	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 55"	106° 59' 51"					F-48-58-D-b
núi Đông SLiêng	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 05"	107° 02' 12"					F-48-59-A
núi Khau Láng	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 59"	107° 02' 01"					F-48-59-C
núi Khau Phòng	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 42"	107° 02' 41"					F-48-59-C
thôn Khòn Mỏ	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 07"	106° 59' 11"					F-48-58-D-b
bản Khòn Mu	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 21"	107° 00' 08"					F-48-59-A
sông Kỳ Cùng	TV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình			21° 45' 01"	106° 59' 32"	21° 44' 40"	107° 00' 00"	F-48-58-D-b
núi Mào Nho	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 14"	107° 02' 31"					F-48-59-C
bản Nặm Lè	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 55"	107° 01' 12"					F-48-59-C
núi Ngùm Slưa	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 47"	107° 00' 20"					F-48-59-A
bản Pắc Pé	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 46' 29"	107° 00' 12"					F-48-59-A
bản Pò Loỏng	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 30"	107° 01' 17"					F-48-59-C
bản Pò Ngòa	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 37"	107° 02' 34"					F-48-59-C
núi Pò Tùm	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 22"	107° 01' 31"					F-48-59-A
bản Tầm Chả	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 13"	107° 00' 41"					F-48-59-A
quốc lộ 4B	KX	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình			21° 38' 54"	106° 59' 59"	21° 40' 40"	106° 58' 42"	F-48-58-D-b
hồ Bản Chành	TV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 42"	106° 56' 35"					F-48-58-D-b
bản Chành	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 40' 19"	106° 56' 39"					F-48-58-D-b
khau Chay	SV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	22° 29' 43"	107° 01' 38"					F-48-59-C-c
bản Cổng Tăng	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 35' 48"	107° 00' 20"					F-48-59-C-c
thôn Cụng Khoai	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 38' 56"	106° 57' 25"					F-48-58-D-b
thôn Già Nàng	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 57"	106° 57' 59"					F-48-58-D-b
bản Kéo Cọ	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 08"	106° 59' 54"					F-48-58-D-b
thôn Kéo Pài	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 14"	106° 59' 38"					F-48-58-D-b
cầu Kéo Pài	KX	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 10"	106° 59' 38"					F-48-58-D-b
suối Khau Khảo	TV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình			21° 35' 03"	106° 59' 09"	21° 36' 32"	106° 58' 24"	F-48-58-D-d
bản Khau Mốc	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 38' 49"	106° 59' 00"					F-48-58-D-b
bản Khuổi Thó	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 51"	106° 59' 02"					F-48-58-D-b
thôn Khuổi Tà	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 34' 19"	106° 57' 44"					F-48-58-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Khuổi Thó	KX	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 45"	106° 59' 00"					F-48-58-D-b
bản Mạy Cuông	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 34' 30"	106° 58' 58"					F-48-58-D-d
suối Mậy Cuông	TV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình			21° 32' 60"	106° 59' 00"	21° 34' 57"	106° 58' 34"	F-48-58-D-d
bản Mạy Phấy	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 33' 17"	106° 58' 12"					F-48-58-D-d
làng Mương	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 35' 39"	106° 58' 31"					F-48-58-D-d
bản Nà Bó	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 37' 57"	106° 58' 38"					F-48-58-D-b
núi Nà Chai	SV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 40' 03"	106° 59' 42"					F-48-58-D-b
thôn Nà Mu	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 35' 50"	106° 59' 48"					F-48-58-D-d
bản Nà Nhe	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	22° 28' 59"	107° 00' 51"					F-48-59-C-c
bản Nà Nình	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 36' 32"	106° 58' 24"					F-48-58-D-d
thôn Nà Phi	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 40' 19"	106° 57' 11"					F-48-58-D-b
bản Nà Pú	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 56"	106° 57' 02"					F-48-58-D-b
bản Nà Tà	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 36' 58"	106° 58' 39"					F-48-58-D-d
thôn Nà U	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 40' 13"	106° 58' 55"					F-48-58-D-b
bản Nà Xỏm	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 33' 17"	106° 59' 18"					F-48-58-D-d
bản Phai Pùng	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 38' 27"	106° 59' 00"					F-48-58-D-b
bản Phai Vài	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 38' 01"	106° 58' 53"					F-48-58-D-b
khuổi Tà	TV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình			21° 34' 23"	106° 57' 28"	21° 35' 11"	106° 58' 08"	F-48-58-D-d
suối Tà Làng	TV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình			21° 36' 24"	106° 59' 34"	21° 36' 41"	106° 59' 04"	F-48-58-D-d
bản Tấu Ké	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 37' 23"	106° 59' 56"					F-48-58-D-d
núi Vài Hai	SV	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 40' 30"	106° 57' 34"					F-48-58-D-b
bản Xong Hồ	DC	xã Lợi Bác	H. Lộc Bình	21° 39' 23"	106° 56' 33"					F-48-58-D-b
bản Gia	DC	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình	21° 45' 22"	106° 55' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Khuổi Thút	DC	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình	21° 45' 23"	106° 53' 02"					F-48-58-B+46-D
suối Lừng	TV	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình			21° 44' 23"	106° 53' 55"	21° 45' 00"	106° 54' 15"	F-48-58-D-b
bản Pò Lèn	DC	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình	21° 45' 42"	106° 54' 33"					F-48-58-B+46-D
bản Thét	DC	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình	21° 44' 53"	106° 55' 24"					F-48-58-D-b
khuổi Thút	TV	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình			21° 45' 16"	106° 53' 12"	21° 46' 05"	106° 53' 20"	F-48-58-B+46-D
suối Bản Khoai	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 49' 08"	106° 58' 39"	21° 48' 08"	106° 58' 47"	F-48-58-B+46-D
núi Kéo Quảng	SV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 48"	106° 55' 46"					F-48-58-B+46-D
bản Khuổi Tẳng	DC	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 26"	106° 53' 53"					F-48-58-B+46-D
suối Lặp Pịa	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 49' 46"	106° 58' 17"	21° 49' 08"	106° 58' 39"	F-48-58-B+46-D
khuổi Lầy	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 50' 19"	106° 52' 41"	21° 49' 31"	106° 52' 21"	F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Long Đầu	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 49' 22"	106° 59' 38"	21° 48' 35"	106° 59' 27"	F-48-58-B+46-D
khu du lịch Mẫu Sơn	KX	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 49"	106° 54' 12"					F-48-58-B+46-D
núi Phya Mè	SV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 30"	106° 58' 42"					F-48-58-B+46-D
núi Pò Kim Ngân	SV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 49' 28"	107° 00' 32"					F-48-59-A
khuổi Tẳng	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 50' 16"	106° 54' 25"	21° 49' 57"	106° 53' 45"	F-48-58-B+46-D
bản Thâm Seo	DC	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 47' 56"	106° 55' 28"					F-48-58-B+46-D
núi Yên Mạ	SV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 23"	106° 53' 25"					F-48-58-B+46-D
thôn Bó Tảng	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 50"	106° 47' 42"					F-48-58-D-a
thôn Cốc Lại	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 05"	106° 47' 36"					F-48-58-D-a
núi Khau Phầy	SV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 40' 50"	106° 52' 00"					F-48-58-D-a
thôn Khau Vài	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 13"	106° 50' 08"					F-48-58-D-a
bản Khuôn Săm	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 26"	106° 50' 51"					F-48-58-D-a
suối Khuôn Săm	TV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình			21° 42' 25"	106° 50' 47"	21° 42' 54"	106° 50' 51"	F-48-58-D-a
thôn Nà Đắng	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 30"	106° 48' 17"					F-48-58-D-a
thôn Nà Hao	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 40' 18"	106° 51' 18"					F-48-58-D-a
thôn Nà Nong	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 36"	106° 50' 26"					F-48-58-D-a
suối Nà Nong	TV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình			21° 41' 17"	106° 50' 11"	21° 41' 40"	106° 50' 23"	F-48-58-D-a
bản Nà Tàng (Lùng Thàng)	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 03"	106° 51' 10"					F-48-58-D-a
thôn Nà Thì	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 01"	106° 49' 32"					F-48-58-D-a
suối Nà Thì	TV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình			21° 41' 17"	106° 49' 09"	21° 42' 08"	106° 49' 44"	F-48-58-D-a
thôn Tắc Uẩn	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 59"	106° 51' 10"					F-48-58-D-a
núi Chạ Tràm	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 54"	106° 52' 50"					F-48-58-D-b
thôn Cốc Sâu	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 45"	106° 51' 40"					F-48-58-D-a
núi Cốc Sâu	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 45"	106° 51' 19"					F-48-58-D-a
suối Khau Đày	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 40' 26"	106° 52' 52"	21° 40' 21"	106° 53' 05"	F-48-58-D-b
núi Khau Giàng	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 47"	106° 52' 47"					F-48-58-D-d
núi Khau Tòa	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 38"	106° 50' 44"					F-48-58-D-a
bản Khỉ Cáy	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 26"	106° 52' 55"					F-48-58-D-b
thôn Khòn Mùn	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 48"	106° 53' 20"					F-48-58-D-b
bản Khuổi Mản	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 40"	106° 52' 21"					F-48-58-D-a
bản Kim Cang	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 09"	106° 52' 20"					F-48-58-D-a
bản Mạy Danh	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 21"	106° 54' 55"					F-48-58-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Bân	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 00"	106° 53' 37"					F-48-58-D-b
thôn Nà Bẻ	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 38"	106° 53' 11"					F-48-58-D-d
bản Nà Inh	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 17"	106° 52' 48"					F-48-58-D-d
bản Nà Lỏng	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 37"	106° 52' 35"					F-48-58-D-b
thôn Nà Pá	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 53"	106° 54' 33"					F-48-58-D-b
bản Nà Phiêng	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 14"	106° 54' 53"					F-48-58-D-d
thôn Nà Sả	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 10"	106° 55' 00"					F-48-58-D-b
bản Nà Sả	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 40"	106° 54' 26"					F-48-58-D-d
bản Nà Tàn	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 21"	106° 53' 13"					F-48-58-D-d
thôn Nà Thay	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 07"	106° 54' 05"					F-48-58-D-b
thôn Nà To	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 16"	106° 53' 43"					F-48-58-D-d
thôn Nà Tủng	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 07"	106° 53' 32"					F-48-58-D-b
thôn Pác Cáp	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 22"	106° 54' 38"					F-48-58-D-d
bản Pác Vái	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 33"	106° 54' 13"					F-48-58-D-b
suối Phác Cáp	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 36' 07"	106° 53' 26"	21° 36' 15"	106° 55' 00"	F-48-58-D-d
bản Phai Diều	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 49"	106° 54' 28"					F-48-58-D-b
thôn Phai Mạt	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 17"	106° 52' 53"					F-48-58-D-b
suối Phai Mạt	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 38' 30"	106° 51' 58"	21° 38' 24"	106° 52' 27"	F-48-58-D-a
suối Song Luồng	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 35' 07"	106° 55' 57"	21° 35' 20"	106° 56' 22"	F-48-58-D-d
bản Suối Lạn	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 22"	106° 51' 07"					F-48-58-D-a
suối Thổng Lốc	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 39' 39"	106° 54' 01"	21° 39' 08"	106° 53' 56"	F-48-58-D-b
bản Tó	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 30"	106° 53' 41"					F-48-58-D-b
bản Vằng Lưởng	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 55"	106° 55' 51"					F-48-58-D-d
thôn Nà Chí	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 45' 29"	106° 51' 43"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Vàng	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 45' 59"	106° 52' 08"					F-48-58-B+46-D
núi Nộc Chấp	SV	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 46' 02"	106° 52' 58"					F-48-58-B+46-D
thôn Phiêng Vệ	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 46' 11"	106° 52' 15"					F-48-58-B+46-D
bản Tằm Cát	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 46' 26"	106° 52' 57"					F-48-58-B+46-D
bản Tằm Khuổi	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 45' 59"	106° 52' 24"					F-48-58-B+46-D
suối Tằm Khuổi	TV	xã Như Khuê	H. Lộc Bình			21° 45' 12"	106° 51' 48"	21° 46' 35"	106° 52' 28"	F-48-58-B+46-D
thôn Nà Mò	DC	xã Nhượng Bạn	H. Lộc Bình	21° 43' 46"	106° 53' 17"					F-48-58-D-b
thôn Nà Pán	DC	xã Nhượng Bạn	H. Lộc Bình	21° 44' 04"	106° 51' 56"					F-48-58-D-a
thôn Pò Mạ	DC	xã Nhượng Bạn	H. Lộc Bình	21° 42' 32"	106° 51' 41"					F-48-58-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Roọc	DC	xã Nhượng Bạn	H. Lộc Bình	21° 42' 44"	106° 51' 47"					F-48-58-D-a
khuổi Thuốt	TV	xã Nhượng Bạn	H. Lộc Bình			21° 43' 56"	106° 53' 17"	21° 44' 27"	106° 53' 26"	F-48-58-D-b
thôn Chộc Pháo	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 42' 58"	106° 55' 26"					F-48-58-D-b
khuổi Cút	TV	xã Quan Bản	H. Lộc Bình			21° 43' 17"	106° 57' 03"	21° 44' 04"	106° 56' 42"	F-48-58-D-b
thôn Khau Phầy	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 42' 49"	106° 52' 42"					F-48-58-D-b
thôn Khòn Mò	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 44' 20"	106° 56' 29"					F-48-58-D-b
thôn Lùng Va	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 43' 37"	106° 55' 41"					F-48-58-D-b
thôn Nà Ái	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 43' 09"	106° 55' 38"					F-48-58-D-b
thôn Nà Pè	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 43' 08"	106° 53' 42"					F-48-58-D-b
suối Nà Pè	TV	xã Quan Bản	H. Lộc Bình			21° 43' 17"	106° 54' 15"	21° 43' 06"	106° 55' 28"	F-48-58-D-b
bản Pò Nghiều	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 42' 51"	106° 55' 53"					F-48-58-D-b
suối Tà San	TV	xã Quan Bản	H. Lộc Bình			21° 37' 49"	106° 56' 33"	21° 44' 21"	106° 55' 28"	F-48-58-D-b
thôn Tồng Mìn	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 43' 50"	106° 55' 11"					F-48-58-D-b
khu 1	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 53"	106° 59' 21"					F-48-58-D-b
suối Bản Choong	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 39' 54"	107° 00' 54"	21° 41' 21"	107° 00' 01"	F-48-59-C
bản Co Cai	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 52"	107° 01' 24"					F-48-59-C
suối Co Cai	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 42' 52"	107° 02' 27"	21° 42' 48"	107° 01' 12"	F-48-59-C
bản Co Ói	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 53"	107° 02' 33"					F-48-59-C
bản Còn Lau	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 30"	107° 02' 44"					F-48-59-C
núi Ha Tạp	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 39' 48"	107° 00' 21"					F-48-59-C
núi Kẻo Phén	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 12"	107° 03' 14"					F-48-59-C
núi Khau Ca	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 58"	107° 02' 56"					F-48-59-C
bản Khòn Cháo	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 40"	107° 00' 04"					F-48-59-C
thôn Khòn Cháo	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 59"	106° 59' 40"					F-48-58-D-b
thôn Khòn Quanh	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 51"	106° 59' 18"					F-48-58-D-b
thôn Khòn Xè	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 13"	106° 59' 23"					F-48-58-D-b
suối Khòn Xè	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 42' 17"	106° 59' 13"	21° 42' 17"	106° 58' 26"	F-48-58-D-b
bản Màng	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 46"	107° 01' 03"					F-48-59-C
núi Nà Bon	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 38"	107° 01' 21"					F-48-59-C
bản Nà Chao	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 43' 11"	107° 00' 15"					F-48-59-C
bản Nà Dìn	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 31"	107° 00' 53"					F-48-59-C
mỏ than Na Dương	KX	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 07"	106° 58' 44"					F-48-58-D-b
bản Nà Khoang	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 53"	107° 01' 33"					F-48-59-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Làng	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 19"	107° 01' 45"					F-48-59-C
suối Nà Làng	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 37' 50"	107° 02' 16"	21° 38' 50"	107° 01' 40"	F-48-59-C
núi Na Liền	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 49"	107° 03' 19"					F-48-59-C
bản Nà Mò	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 52"	107° 02' 08"					F-48-59-C
suối Nà Mò	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 40' 37"	107° 01' 44"	21° 41' 58"	107° 01' 59"	F-48-59-C
núi Nà Ngần	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 15"	107° 02' 12"					F-48-59-C
suối Nà Phầy	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 38' 50"	107° 01' 40"	21° 39' 53"	107° 00' 28"	F-48-59-C
bản Nà Thâm	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 41"	107° 01' 14"					F-48-59-C
bản Nà Tìu	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 18"	107° 02' 30"					F-48-59-C
núi Pàn Phi	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 39' 01"	107° 02' 30"					F-48-59-C
bản Pò Nhàng	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 46"	107° 02' 55"					F-48-59-C
suối Pò Nhàng	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 40' 44"	107° 02' 54"	21° 41' 30"	107° 01' 59"	F-48-59-C
thôn Pò Sáy	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 37"	106° 58' 59"					F-48-58-D-b
hồ Tà Keo	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 26"	106° 59' 48"					F-48-59-C
bản Tà Lạn	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 39' 41"	107° 02' 50"					F-48-59-C
thôn Tổng Danh	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 54"	106° 58' 58"					F-48-58-D-b
suối Bản Chất	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 43' 04"	107° 09' 44"	21° 44' 13"	107° 09' 10"	F-48-59-C
suối Bản Lòng	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 44' 31"	107° 08' 28"	21° 45' 07"	107° 07' 59"	F-48-59-A
khau Chu	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 12"	107° 06' 08"					F-48-59-C
bản Co Lượt	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 44' 24"	107° 06' 47"					F-48-59-C
bản Còn Cảm	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 32"	107° 07' 33"					F-48-59-C
bản Còn Chào	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 33"	107° 07' 16"					F-48-59-C
bản Còn Chè	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 42' 55"	107° 08' 55"					F-48-59-C
bản Còn Cuồng	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 32"	107° 06' 43"					F-48-59-C
bản Còn Tổng	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 23"	107° 07' 46"					F-48-59-C
núi Hua Trạng	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 46' 52"	107° 06' 54"					F-48-59-A
núi Kéo Lạnh	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 44' 32"	107° 06' 54"					F-48-59-C
bản Lòng	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 44' 11"	107° 09' 15"					F-48-59-C
khau Luông	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 49"	107° 10' 22"					F-48-59-C
bản Nà Căng	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 46' 28"	107° 06' 46"					F-48-59-A
sông Nà Căng	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 45' 01"	107° 08' 02"	21° 45' 25"	107° 07' 22"	F-48-59-A
suối Nà Khoang	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 45' 14"	107° 09' 32"	21° 45' 22"	107° 07' 33"	F-48-59-A
thôn Nà Ổ	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 49"	107° 06' 12"					F-48-59-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Pắc Cát	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 42' 42"	107° 09' 00"	21° 44' 13"	107° 06' 18"	F-48-59-C
núi Phát Khâu	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 42' 18"	107° 08' 04"					F-48-59-C
bản Pò Bó	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 51"	107° 09' 25"					F-48-59-C
núi Pò Đông Luông	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 44' 38"	107° 10' 50"					F-48-59-C
núi Pò Khuổi	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 42' 14"	107° 07' 31"					F-48-59-C
thôn Pò Nâm	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 53"	107° 06' 50"					F-48-59-C
khau Quyêng	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 13"	107° 09' 05"					F-48-59-C
khau Sia	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 23"	107° 09' 56"					F-48-59-C
suối Tà Lòng	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 44' 31"	107° 08' 28"	21° 44' 20"	107° 09' 45"	F-48-59-C
núi Tích Sơn	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 45' 09"	107° 09' 18"					F-48-59-A
bản Bó Luồng	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 34"	107° 04' 53"					F-48-59-C
bản Căm Dài	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 43' 41"	107° 04' 07"					F-48-59-C
suối Cầu Tâm	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 44' 49"	107° 05' 21"	21° 44' 30"	107° 02' 54"	F-48-59-C
bản Hu	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 43"	107° 04' 34"					F-48-59-C
núi Hua Trạng	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 45' 20"	107° 03' 52"					F-48-59-A
khau Kẻ	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 45' 53"	106° 07' 40"					F-48-59-A
suối Khảo Chuông	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 44' 13"	107° 06' 18"	21° 44' 49"	107° 05' 21"	F-48-59-C
bản Khuổi Lỷ	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 41"	107° 03' 31"					F-48-59-C
suối Khuổi Mười	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 41' 02"	107° 03' 54"	21° 41' 42"	107° 04' 40"	F-48-59-C
suối Khuổi Phặc	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 42' 51"	107° 05' 15"	21° 42' 32"	107° 04' 39"	F-48-59-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 40' 37"	107° 05' 55"	21° 43' 25"	107° 03' 05"	F-48-59-C
núi Mò Slanh	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 43' 25"	107° 05' 19"					F-48-59-C
khau Mý	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 45' 21"	107° 04' 58"					F-48-59-A
núi Nà Dày	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 42' 19"	107° 03' 15"					F-48-59-C
bản Nà Dừa	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 42"	107° 04' 13"					F-48-59-C
thôn Nà Lầu	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 31"	107° 05' 50"					F-48-59-C
núi Nà SLiểm	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 42' 02"	107° 03' 43"					F-48-59-C
đèo Ông Đống	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 34' 11"	106° 10' 01"					F-48-57-C-d
bản Po Bàu	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 43"	107° 05' 24"					F-48-59-C
bản Pò Chong	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 28"	107° 05' 14"					F-48-59-C
núi Pò Co Lầu	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 17"	107° 05' 46"					F-48-59-C
núi Pò Ka Lại	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 39"	107° 06' 40"					F-48-59-C
bản Quyêng	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 42' 37"	107° 04' 35"					F-48-59-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Sinh Mình	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 14"	107° 04' 10"					F-48-59-C
núi SLùng SLắc	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 42' 53"	107° 05' 52"					F-48-59-C
bản Tầm Hán	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 43' 14"	107° 04' 29"					F-48-59-C
bản Tầm Pất	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 43' 15"	107° 03' 44"					F-48-59-C
núi Tẩn Lùng	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 34"	107° 06' 05"					F-48-59-C
đường tỉnh 237B	KX	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình			21° 45' 49"	106° 59' 33"	21° 45' 51"	106° 57' 39"	F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình			21° 44' 03"	106° 56' 21"	21° 44' 47"	106° 55' 54"	F-48-58-D-b
bản Cạo	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 30"	106° 55' 45"					F-48-58-D-b
khuổi Khoai	TV	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình			21° 46' 32"	106° 59' 04"	21° 45' 30"	106° 58' 57"	F-48-58-B+46-D
bản Khòn Mới	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 40"	106° 59' 15"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Trang	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 20"	106° 57' 38"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình			21° 45' 41"	106° 57' 32"	21° 44' 52"	106° 59' 22"	F-48-58-B+46-D
bản Mới A	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 02"	106° 58' 55"					F-48-58-D-b
bản Nà Già	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 43' 30"	107° 00' 27"					F-48-59-C-c
bản Phai Sen	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 05"	106° 57' 50"					F-48-58-B,46-D
hồ Phai Sen	TV	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 53"	106° 57' 53"					F-48-58-D-b
thôn Pò Coóc	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 40"	106° 56' 39"					F-48-58-D-b
bản Pò Khưa	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 47"	106° 58' 38"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Mới	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 30"	106° 57' 39"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Ngòa	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 46' 08"	106° 58' 45"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Qua	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 39"	106° 58' 18"					F-48-58-B+46-D
bản Poọng Cáu	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 19"	106° 58' 58"					F-48-58-B+46-D
bản Quấn	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 06"	106° 58' 42"					F-48-58-B+46-D
bản Quyến	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 11"	106° 58' 48"					F-48-58-B+46-D
thôn Rinh Chùa	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 58"	106° 58' 15"					F-48-58-D-b
bản Sì Nghiều	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 45' 35"	106° 58' 32"					F-48-58-B+46-D
bản Tấu	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 44' 35"	106° 57' 16"					F-48-58-D-b
bản Thồng Mạ	DC	xã Tú Đoạn	H. Lộc Bình	21° 43' 56"	107° 00' 29"					F-48-59-C-c
đường tỉnh 237B	KX	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 46' 34"	107° 05' 11"	21° 47' 16"	107° 02' 58"	F-48-59-A
sông Bản Thín	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 45' 35"	107° 07' 23"	21° 45' 18"	107° 01' 53"	F-48-59-A
bản Còn Nưa	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 42"	107° 06' 52"					F-48-59-A
bản Giếng	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 17"	107° 02' 29"					F-48-59-A
khau Hai	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 32"	107° 04' 20"					F-48-59-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Him Lặp	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 46' 03"	107° 02' 15"	21° 45' 57"	107° 03' 22"	F-48-59-A
núi Hin Cải	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 30"	107° 06' 12"					F-48-59-A
bản Kha Lài	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 00"	107° 02' 54"					F-48-59-A
suối Khuổi Lệ	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 45' 25"	107° 06' 53"	21° 45' 35"	107° 07' 23"	F-48-59-A
khau Liềng	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 11"	107° 07' 23"					F-48-59-A
bản Luồng	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 56"	107° 01' 37"					F-48-59-A
suối Nà SLiếc	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 47' 26"	107° 02' 57"	21° 47' 18"	107° 04' 25"	F-48-59-A
bản Na Vả	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 31"	107° 01' 26"					F-48-59-A
bản Nà Van	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 16"	107° 03' 03"					F-48-59-A
suối Nà Xá	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 46' 56"	107° 02' 47"	21° 47' 00"	107° 04' 15"	F-48-59-A
núi Pa Đí	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 48' 03"	107° 04' 33"					F-48-59-A
bản Phải	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 39"	107° 05' 17"					F-48-59-A
suối Phai Lạn	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 46' 55"	107° 01' 34"	21° 46' 02"	107° 00' 57"	F-48-59-A
bản Phiêng Pục	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 37"	107° 05' 31"					F-48-59-A
núi Pò Phiêng Háng	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 48' 12"	107° 04' 16"					F-48-59-A
bản Roọc	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 49"	107° 06' 33"					F-48-59-A
khau Tán	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 51"	107° 03' 46"					F-48-59-A
khuổi Tàn	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 47' 17"	107° 02' 07"	21° 46' 48"	107° 01' 21"	F-48-59-A
bản Thín	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 48' 07"	107° 03' 29"					F-48-59-A
khau Chân	SV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 54"	106° 49' 54"					F-48-58-B+46-D
khau Chôm	SV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 37"	106° 50' 13"					F-48-58-B+46-D
thôn Còn Cáu	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 46"	106° 50' 28"					F-48-58-B+46-D
thôn Còn Chả	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 28"	106° 50' 58"					F-48-58-B+46-D
suối Đông Phấy	TV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình			21° 45' 45"	106° 51' 04"	21° 47' 10"	106° 50' 47"	F-48-58-B+46-D
thôn Khau Mu	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 44"	106° 50' 13"					F-48-58-B+46-D
khau Lỏi	SV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 14"	106° 51' 42"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Đông	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 24"	106° 50' 02"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pàm	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 24"	106° 51' 47"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Rạo	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 22"	106° 50' 25"					F-48-58-B+46-D
thôn Ôn Cựu	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 10"	106° 50' 58"					F-48-58-B+46-D
núi Pá Danh	SV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 31"	106° 51' 41"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Lót	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 38"	106° 50' 44"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Phát	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 27"	106° 50' 09"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Sâm Lẹo	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 51"	106° 50' 34"					F-48-58-B+46-D
thôn Thăm Quang	DC	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 03"	106° 52' 09"					F-48-58-B+46-D
khau Thin	SV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 48"	106° 51' 44"					F-48-58-B+46-D
khau Vàng	SV	xã Vân Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 47"	106° 51' 16"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Lạu	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 36' 56"	106° 52' 17"					F-48-58-D-c
thôn Bản Pét	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 33' 53"	106° 51' 47"					F-48-58-D-c
thôn Bản Rìa	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 16"	106° 51' 09"					F-48-58-D-c
thôn Cốc Nhạn	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 41"	106° 51' 50"					F-48-58-D-c
bản Đèo Ải	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 33' 53"	106° 50' 55"					F-48-58-D-c
thôn Hang Ủ	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 36' 21"	106° 52' 03"					F-48-58-D-c
thôn Khuổi Lùng	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 58"	106° 52' 03"					F-48-58-D-c
bản Khuổi Thuồng	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 36' 31"	106° 50' 14"					F-48-58-D-c
suối Mành	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 32' 51"	106° 51' 23"	21° 32' 27"	106° 51' 01"	F-48-58-D-c
suối Nà Mèng	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 32' 25"	106° 51' 25"	21° 32' 27"	106° 51' 01"	F-48-58-D-c
bản Nà Năng	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 29"	106° 51' 36"					F-48-58-D-c
thôn Pắc Đông	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 35' 42"	106° 52' 08"					F-48-58-D-c
thôn Pắc Sàn	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 35' 39"	106° 51' 34"					F-48-58-D-c
bản Pò Chùa	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 22"	106° 51' 22"					F-48-58-D-c
thôn Pò Đồn	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 06"	106° 51' 12"					F-48-58-D-c
bản Pò Peo	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 33' 24"	106° 51' 46"					F-48-58-D-c
thôn Suối Mành	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 32' 56"	106° 51' 20"					F-48-58-D-c
thôn Thài Nhi	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 35' 12"	106° 51' 29"					F-48-58-D-c
sông Thài Nhì	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 35' 42"	106° 51' 23"	21° 33' 40"	106° 50' 11"	F-48-58-D-c
khuổi Thuồng	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 37' 29"	106° 50' 05"	21° 35' 42"	106° 51' 23"	F-48-58-D-c
thôn Kéo Hin	DC	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình	21° 48' 47"	106° 51' 34"					F-48-58-B+46-D
bản Lầy	DC	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình	21° 48' 43"	106° 51' 04"					F-48-58-B+46-D
khuổi Lầy	TV	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình			21° 49' 31"	106° 52' 21"	21° 48' 41"	106° 51' 14"	F-48-58-B+46-D
khuổi Nọi	TV	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình			21° 49' 59"	106° 51' 52"	21° 48' 41"	106° 51' 14"	F-48-58-B+46-D
thôn Phiêng Phúc	DC	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình	21° 47' 59"	106° 50' 44"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình			21° 48' 00"	106° 52' 38"	21° 47' 17"	106° 53' 43"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Mặn	DC	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình	21° 47' 41"	106° 53' 30"					F-48-58-B+46-D
bản Hang Vài	DC	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình	21° 47' 54"	106° 52' 43"					F-48-58-B+46-D
suối Lằng Ca	TV	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình			21° 49' 11"	106° 54' 18"	21° 47' 55"	106° 53' 38"	F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Mặn	TV	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình			21° 48' 44"	106° 53' 37"	21° 47' 34"	106° 53' 19"	F-48-58-B+46-D
bản Nà Chỉa	DC	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình	21° 47' 07"	106° 53' 24"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Hai	DC	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình	21° 47' 49"	106° 53' 24"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Là	DC	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình	21° 47' 18"	106° 53' 27"					F-48-58-B+46-D
khuổi Shi	TV	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình			21° 49' 19"	106° 54' 47"	21° 47' 55"	106° 53' 38"	F-48-58-B+46-D
bản Bẻ	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 44' 41"	106° 50' 20"					F-48-58-D-a
bản Bó Tảng	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 44' 52"	106° 50' 39"					F-48-58-D-a
thôn Coóc Bẻ	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 44' 26"	106° 50' 59"					F-48-58-D-a
thôn Kéo Thiềng	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 44' 42"	106° 51' 24"					F-48-58-D-a
thôn Khòn Nà	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 44' 44"	106° 51' 04"					F-48-58-D-a
khau Kính	SV	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 45' 12"	106° 50' 00"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Mạ	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 45' 05"	106° 51' 13"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Tằm	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 45' 25"	106° 50' 36"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Tu	DC	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình	21° 44' 41"	106° 50' 49"					F-48-58-D-a
suối Vằng Pục	TV	xã Xuân Tình	H. Lộc Bình			21° 44' 11"	106° 50' 41"	21° 44' 40"	106° 51' 25"	F-48-58-D-a
đường tỉnh 236	KX	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 47' 49"	106° 59' 59"	21° 47' 11"	106° 58' 19"	F-48-58-B+46-D
khau Chân	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 53"	107° 01' 34"					F-48-59-A
bản Chi Ma	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 55"	107° 01' 15"					F-48-59-A
cửa khẩu Chi Ma	KX	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 49' 04"	107° 01' 50"					F-48-59-A
bản Cốc Nhạn	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 39"	107° 00' 59"					F-48-59-A
bản Khoai	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 47' 18"	106° 58' 37"					F-48-58-B+46-D
bản Long Đầu	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 49' 22"	106° 59' 47"					F-48-58-B+46-D
suối Long Đầu	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 48' 35"	106° 59' 31"	21° 47' 34"	106° 59' 59"	F-48-59-A
thôn Nà Phát	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 15"	107° 02' 10"					F-48-59-A
thôn Nà Tàu	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 46' 59"	106° 59' 10"					F-48-58-B+46-D
đập Nà Tàu	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 46' 56"	106° 59' 13"					F-48-58-B+46-D
bản Pác Mạ	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 46' 58"	107° 00' 39"					F-48-59-A
suối Pắc Và	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 49' 37"	107° 00' 58"	21° 47' 57"	107° 02' 19"	F-48-59-A
suối Pắn Pé	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 46' 46"	107° 00' 25"	21° 46' 31"	107° 00' 09"	F-48-59-A
suối Phai Lạn	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 47' 57"	107° 00' 41"	21° 46' 37"	107° 00' 42"	F-48-59-A
núi Pò Co Giẳn	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 42"	107° 01' 42"					F-48-59-A
núi Pò Tằm	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 27"	107° 01' 25"					F-48-59-A
núi Pò Vỉn Và	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 48"	107° 02' 30"					F-48-59-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 1	DC	TT. Thất Khê	H. Tràng Định	22° 15' 28"	106° 28' 08"					F-48-45-B
khu 2	DC	TT. Thất Khê	H. Tràng Định	22° 15' 22"	106° 28' 25"					F-48-45-B
khu 3	DC	TT. Thất Khê	H. Tràng Định	22° 15' 22"	106° 28' 13"					F-48-45-B
khu 4	DC	TT. Thất Khê	H. Tràng Định	22° 15' 10"	106° 28' 27"					F-48-45-B
khu 5	DC	TT. Thất Khê	H. Tràng Định	22° 15' 38"	106° 27' 52"					F-48-45-B
khuổi Âu	TV	xã Bắc Ái	H. Tràng Định			22° 14' 34"	106° 20' 31"	22° 15' 02"	106° 19' 06"	F-48-45-D-a
thôn Cốc Sầy	DC	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 12' 25"	106° 24' 52"					F-48-45-D
thôn Khau Luông	DC	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 14' 17"	106° 20' 22"					F-48-45-D-a
thôn Khuổi Âu	DC	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 14' 41"	106° 19' 37"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Tó	DC	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 10' 34"	106° 25' 21"					F-48-45-D
thôn Khuổi Vai	DC	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 12' 03"	106° 25' 08"					F-48-45-D
núi Lục Cuốc	SV	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 11' 13"	106° 24' 50"					F-48-45-D
khau Mốc	SV	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 12' 05"	106° 25' 51"					F-48-45-D
núi Pò Đoỏng	SV	xã Bắc Ái	H. Tràng Định	22° 15' 09"	106° 18' 51"					F-48-45-B-c
bản Cắm Tiên	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 23' 01"	106° 12' 32"					F-48-45-A-b
bản Chòm Tang	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 24' 12"	106° 11' 47"					F-48-45-A-b
suối Chòm Tang	TV	xã Cao Minh	H. Tràng Định			22° 23' 56"	106° 11' 30"	22° 23' 13"	106° 12' 55"	F-48-45-A-b
thôn Kéo Danh	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 23' 14"	106° 12' 54"					F-48-45-A-b
bản Khuổi Già	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 21' 57"	106° 14' 30"					F-48-45-A-d
bản Khuổi Hẻo	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 21' 09"	106° 13' 46"					F-48-45-A-d
bản Khuổi Lài	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 20' 56"	106° 15' 38"					F-48-45-B-c
bản Khuổi Lếch	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 22' 55"	106° 11' 56"					F-48-45-A-b
thôn Khuổi Nặp	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 20' 45"	106° 14' 30"					F-48-45-A-d
bản Khuổi Pục	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 21' 36"	106° 13' 22"					F-48-45-A-d
thôn Khuổi Tó	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 22' 41"	106° 13' 45"					F-48-45-A-b
thôn Khuổi Vai	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 20' 07"	106° 15' 41"					F-48-45-B-c
khuổi Lài	TV	xã Cao Minh	H. Tràng Định			22° 20' 53"	106° 15' 39"	22° 20' 20"	106° 16' 25"	F-48-45-B-c
khuổi Làm	TV	xã Cao Minh	H. Tràng Định			22° 21' 05"	106° 13' 37"	22° 20' 24"	106° 14' 48"	F-48-45-A-d
khuổi Lếch	TV	xã Cao Minh	H. Tràng Định			22° 23' 23"	106° 11' 13"	22° 23' 13"	106° 12' 55"	F-48-45-A-b
bản Pắc Mòn	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 20' 20"	106° 16' 03"					F-48-45-B-c
khau Pò Chỉnh	SV	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 20' 27"	106° 15' 16"					F-48-45-B-c
khau Pú	SV	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 21' 04"	106° 13' 43"					F-48-45-A-d
khuổi Pục	TV	xã Cao Minh	H. Tràng Định			22° 21' 47"	106° 13' 17"	22° 22' 40"	106° 13' 53"	F-48-45-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vàng Can	DC	xã Cao Minh	H. Tràng Định	22° 20' 53"	106° 16' 22"					F-48-45-B-c
khuổi Ai	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 18' 43"	106° 23' 16"	22° 18' 38"	106° 25' 06"	F-48-45-B
quốc lộ 4A	KX	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 18' 16"	106° 27' 28"	22° 15' 43"	106° 27' 52"	F-48-45-B
sông Bắc Khê	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 16' 59"	106° 25' 33"	22° 15' 36"	106° 27' 49"	F-48-45-B
thôn Bản Mậy	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 21"	106° 26' 07"					F-48-45-B
cầu Bông Lau	KX	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 35"	106° 27' 29"					F-48-45-B
bản Chang	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 20"	106° 27' 53"					F-48-45-B
suối Chị	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 29"	106° 27' 15"					F-48-45-B
thôn Cốc Cưởm	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 15' 45"	106° 27' 59"					F-48-45-B
pò Dầu Khì	SV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 15' 53"	106° 26' 25"					F-48-45-B
thôn Đâu Linh	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 17"	106° 27' 35"					F-48-45-B
thôn Đoỏng Khọt	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 25"	106° 28' 14"					F-48-45-B
thôn Đoỏng Lìu	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 26"	106° 26' 45"					F-48-45-B
núi Đuốc Tát	SV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 15"	106° 26' 29"					F-48-45-B
thôn Hang Đông	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 15' 54"	106° 27' 49"					F-48-45-B
thôn Kéo Quang	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 58"	106° 27' 37"					F-48-45-B
núi Khuổi Bao	SV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 53"	106° 24' 03"					F-48-45-B
đập Khuổi Hin	KX	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 24"	106° 27' 17"					F-48-45-B
đập Khuổi Nghìn	KX	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 40"	106° 28' 03"					F-48-45-B
núi Lủng Nào	SV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 56"	106° 27' 33"					F-48-45-B
khau Luông	SV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 33"	106° 25' 42"					F-48-45-B
thôn Nà Cáy	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 09"	106° 27' 56"					F-48-45-B
thôn Nà Chát	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 07"	106° 26' 01"					F-48-45-B
thôn Nà Khưa	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 47"	106° 26' 33"					F-48-45-B
thôn Nà Pàng	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 18' 15"	106° 25' 20"					F-48-45-B
thôn Nà Puộc	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 06"	106° 27' 31"					F-48-45-B
khuổi Ngân	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 16' 20"	106° 28' 24"	22° 16' 07"	106° 28' 03"	F-48-45-B
khuổi Nghìn	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 17' 42"	106° 27' 59"	22° 16' 14"	106° 27' 46"	F-48-45-B
khuổi Ổ	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 18' 36"	106° 26' 16"	22° 16' 47"	106° 26' 40"	F-48-45-B
suối Pác Cáp	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 15' 40"	106° 27' 59"	22° 16' 07"	106° 28' 03"	F-48-45-B
bản Tạm	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 17' 03"	106° 26' 38"					F-48-45-B
sông Thà Cạo	TV	xã Chi Lăng	H. Tràng Định			22° 18' 38"	106° 25' 06"	22° 17' 08"	106° 26' 07"	F-48-45-B
thôn Xe Lán	DC	xã Chi Lăng	H. Tràng Định	22° 16' 27"	106° 27' 37"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 4A	KX	xã Chí Minh	H. Tràng Định			22° 21' 43"	106° 26' 22"	22° 20' 21"	106° 26' 59"	F-48-45-B
khuổi Bó	TV	xã Chí Minh	H. Tràng Định			22° 21' 49"	106° 24' 33"	22° 21' 17"	106° 23' 39"	F-48-45-B
khau Bốc	SV	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 18' 32"	106° 27' 19"					F-48-45-B
đèo Bông Lau	SV	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 20' 29"	106° 26' 56"					F-48-45-B
bản Ca	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 21' 51"	106° 23' 06"					F-48-45-B
bản Chang	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 20' 04"	106° 23' 17"					F-48-45-B
thôn Cốc Toòng	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 20' 35"	106° 25' 09"					F-48-45-B
khuổi Dạ	TV	xã Chí Minh	H. Tràng Định			22° 19' 36"	106° 23' 41"	22° 19' 55"	106° 24' 37"	F-48-45-B
khuổi Đăng	TV	xã Chí Minh	H. Tràng Định			22° 20' 03"	106° 22' 09"	22° 21' 05"	106° 23' 46"	F-48-45-B
núi Đông Slầm	SV	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 21' 11"	106° 21' 57"					F-48-45-B
bản Già Ngàn	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 19' 36"	106° 26' 05"					F-48-45-B
khau Khuổi Ai	SV	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 18' 54"	106° 23' 04"					F-48-45-B
thôn Khuổi Dạ	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 19' 33"	106° 22' 52"					F-48-45-B
thôn Khuổi Đăng	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 20' 47"	106° 23' 52"					F-48-45-B
thôn Khuổi Khuông	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 20' 53"	106° 21' 58"					F-48-45-B-c
thôn Khuổi Nà	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 19' 12"	106° 26' 31"					F-48-45-B
bản Khuổi Phạ	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 19' 41"	106° 23' 19"					F-48-45-B
khuổi Khuông	TV	xã Chí Minh	H. Tràng Định			22° 20' 58"	106° 21' 54"	22° 21' 20"	106° 23' 32"	F-48-45-B
thôn Lùng Phầy	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 21' 20"	106° 26' 14"					F-48-45-B
khuổi Moòng	TV	xã Chí Minh	H. Tràng Định			22° 20' 45"	106° 22' 22"	22° 21' 15"	106° 23' 34"	F-48-45-B
bản Nà Cạo	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 21' 19"	106° 23' 13"					F-48-45-B
thôn Nà Quân	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 20' 56"	106° 23' 53"					F-48-45-B
thôn Pác Bó	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 21' 54"	106° 24' 30"					F-48-45-B
khuổi Phường	TV	xã Chí Minh	H. Tràng Định			22° 19' 10"	106° 23' 39"	22° 19' 21"	106° 24' 53"	F-48-45-B
khau Piao	SV	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 20' 22"	106° 26' 43"					F-48-45-B
suối Thà Cạo	TV	xã Chí Minh	H. Tràng Định			22° 21' 56"	106° 23' 01"	22° 18' 40"	106° 25' 06"	F-48-45-B
thôn Thà Lừa	DC	xã Chí Minh	H. Tràng Định	22° 19' 55"	106° 24' 36"					F-48-45-B
khuổi Túng	TV	xã Chí Minh	H. Tràng Định			22° 19' 50"	106° 22' 28"	22° 20' 47"	106° 24' 01"	F-48-45-B
suối Năm Ăn	TV	xã Đại Đồng	H. Tràng Định			22° 16' 41"	106° 31' 52"	22° 14' 39"	106° 28' 54"	F-48-45-B
đường tỉnh 228A	KX	xã Đại Đồng	H. Tràng Định			22° 16' 39"	106° 31' 54"	22° 15' 17"	106° 28' 39"	F-48-46-A
đường tỉnh 4A	KX	xã Đại Đồng	H. Tràng Định			22° 15' 18"	106° 28' 36"	22° 14' 14"	106° 30' 02"	F-48-45-D
thôn Cắp Kẻ	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 14' 49"	106° 28' 41"					F-48-45-D
suối Cốc Phát	TV	xã Đại Đồng	H. Tràng Định			22° 17' 13"	106° 29' 41"	22° 14' 52"	106° 28' 37"	F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hang Mạ	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 00"	106° 28' 41"					F-48-45-B
thôn Khắc Đeng	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 14' 37"	106° 29' 29"					F-48-45-D
thôn Khau Ngù	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 17' 05"	106° 28' 42"					F-48-45-B
thôn Khòn Cà	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 14' 16"	106° 29' 19"					F-48-45-D
bản Khuổi Mu	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 14"	106° 31' 03"					F-48-46-A
bản Mạ	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 14' 27"	106° 29' 40"					F-48-45-D
khau Mi	SV	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 21"	106° 31' 54"					F-48-46-A
bản Mới	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 20"	106° 28' 31"					F-48-45-B
thôn Nà Cạn	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 31"	106° 28' 34"					F-48-45-B
thôn Nà Khuất	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 44"	106° 29' 16"					F-48-45-B
thôn Nà Nghiều	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 43"	106° 28' 10"					F-48-45-B
thôn Nà Phái	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 02"	106° 29' 10"					F-48-45-B
bản Nà Phiêng	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 27"	106° 31' 05"					F-48-46-A
thôn Nà Phục	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 16"	106° 29' 23"					F-48-45-B
thôn Nà Trại	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 18"	106° 28' 51"					F-48-45-B
thôn Nà Vài	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 51"	106° 28' 55"					F-48-45-B
khuổi Nặm	TV	xã Đại Đồng	H. Tràng Định			22° 16' 19"	106° 30' 02"	22° 15' 30"	106° 30' 00"	F-48-46-A
đập Nặm Quằng	KX	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 58"	106° 29' 37"					F-48-45-B
bản Pác Cam	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 30"	106° 31' 38"					F-48-46-A
suối Pác Chác	TV	xã Đại Đồng	H. Tràng Định			22° 15' 30"	106° 28' 08"	22° 15' 38"	106° 27' 59"	F-48-45-B
bản Phiêng Luông	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 14"	106° 30' 12"					F-48-46-A
thôn Pò Bó	DC	xã Đại Đồng	H. Tràng Định	22° 14' 45"	106° 29' 40"					F-48-45-D
thôn Bản Bau	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 12' 53"	106° 40' 04"					F-48-46-C
thôn Bản Chang	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 14' 55"	106° 37' 39"					F-48-46-C
thôn Bản Chè	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 14' 47"	106° 37' 56"					F-48-46-C
thôn Bản Deng	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 13' 46"	106° 36' 58"					F-48-46-C
thôn Bản Kéo	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 15' 09"	106° 39' 18"					F-48-46-A
thôn Bản Pheng	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 13' 34"	106° 36' 42"					F-48-46-C
thôn Bản Pùng	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 15' 38"	106° 39' 43"					F-48-46-A
suối Bản Pùng	TV	xã Đào Viên	H. Tràng Định			22° 14' 50"	106° 38' 22"	22° 16' 08"	106° 40' 15"	F-48-46-A
thôn Bản Tao	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 12' 39"	106° 38' 47"					F-48-46-C
thôn Cảo Vài	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 14' 12"	106° 41' 11"					F-48-46-C
bản Co Ca	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 10' 39"	106° 38' 23"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Coỏng Luông	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 11' 31"	106° 38' 18"					F-48-46-C
núi Kéo Chả	SV	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 13' 48"	106° 40' 59"					F-48-46-C
thôn Khuổi Cọ	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 11' 50"	106° 38' 03"					F-48-46-C
suối Khuổi Cọ	TV	xã Đào Viên	H. Tràng Định			22° 12' 12"	106° 38' 12"	22° 11' 35"	106° 38' 28"	F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Đào Viên	H. Tràng Định			22° 11' 06"	106° 38' 04"	22° 13' 15"	106° 42' 01"	F-48-46-C
khuổi Lạn	TV	xã Đào Viên	H. Tràng Định			22° 14' 04"	106° 41' 37"	22° 13' 04"	106° 41' 40"	F-48-46-C
bản Nà Coóc	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 12' 08"	106° 40' 07"					F-48-46-C
thôn Nà Khoang	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 16' 31"	106° 41' 07"					F-48-46-A
thôn Nà Nằm	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 11' 41"	106° 39' 19"					F-48-46-C
thôn Nà Ổi	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 13' 08"	106° 40' 39"					F-48-46-C
thôn Pác Lạn	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 12' 44"	106° 41' 41"					F-48-46-C
thôn Phiêng Piào	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 13' 15"	106° 37' 18"					F-48-46-C
thôn Phiêng Slỉnh	DC	xã Đào Viên	H. Tràng Định	22° 15' 06"	106° 38' 52"					F-48-46-A
suối Slam Ngàm	TV	xã Đào Viên	H. Tràng Định			22° 14' 47"	106° 40' 09"	22° 12' 24"	106° 40' 09"	F-48-46-C
khau Cà	SV	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 11' 43"	106° 26' 48"					F-48-45-D
bản Cáu	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 14' 25"	106° 27' 41"					F-48-45-D
thôn Cốc Lùng	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 10' 23"	106° 27' 33"					F-48-45-D
thôn Cốc Tảo	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 15' 30"	106° 27' 21"					F-48-45-B
núi Đông Mù	SV	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 12' 50"	106° 25' 48"					F-48-45-D
thôn Đoỏng Nà	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 15' 22"	106° 27' 35"					F-48-45-B
núi Hin Tẳng	SV	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 11' 59"	106° 27' 53"					F-48-45-D
thôn Kéo Lày	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 14' 56"	106° 28' 09"					F-48-45-D
thôn Khau Cà	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 11' 55"	106° 26' 12"					F-48-45-D
suối Khau Cà	TV	xã Đề Thám	H. Tràng Định			22° 12' 18"	106° 25' 50"	22° 11' 20"	106° 27' 01"	F-48-45-D
thôn Lính Đeng	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 15' 28"	106° 27' 56"					F-48-45-D
thôn Lùng Khẩu	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 14' 13"	106° 25' 44"					F-48-45-D
thôn Nà Ao 1	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định							F-48-45-B
thôn Nà Ao 2	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định							F-48-45-B
thôn Nà Căm	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 13' 39"	106° 25' 35"					F-48-45-D
thôn Nà Lầu	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 15' 48"	106° 27' 21"					F-48-45-B
thôn Nà Pài	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 14' 46"	106° 27' 52"					F-48-45-D
khuổi Nhùng	TV	xã Đề Thám	H. Tràng Định			22° 13' 28"	106° 24' 14"	22° 13' 43"	106° 24' 49"	F-48-45-D
thôn Pác Luồng	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 15' 05"	106° 28' 20"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pò Có	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 12' 53"	106° 26' 09"					F-48-45-D
bản Quyền	DC	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 13' 55"	106° 26' 38"					F-48-45-D
núi Sam Sao	SV	xã Đề Thám	H. Tràng Định	22° 11' 07"	106° 26' 13"					F-48-45-D
thôn Bản Ẩng	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 25' 37"	106° 15' 14"					F-48-45-B-a
thôn Bản Niềng	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 24' 51"	106° 13' 22"					F-48-45-A-b
khuổi Bon	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 21' 45"	106° 14' 56"	22° 21' 45"	106° 16' 05"	F-48-45-B-c
khau Bon	SV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 22' 02"	106° 15' 00"					F-48-45-B-c
khau Chả	SV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 24' 02"	106° 14' 29"					F-48-45-A-b
suối Đoàn Kết	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 26' 07"	106° 12' 41"	22° 22' 43"	106° 16' 18"	F-48-45-A-b
khuổi Đông	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 23' 11"	106° 14' 20"	22° 23' 51"	106° 14' 59"	F-48-45-A-b
khuổi Háo	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 25' 48"	106° 15' 27"	22° 25' 35"	106° 15' 14"	F-48-45-B-a
khau Khiếc	SV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 25' 09"	106° 12' 27"					F-48-45-A-b
khau Khín	SV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 23' 21"	106° 16' 33"					F-48-45-B-a
khuổi Khín	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 23' 53"	106° 15' 42"	22° 23' 29"	106° 15' 25"	F-48-45-B-a
khau Khít	SV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 22' 07"	106° 16' 52"					F-48-45-B-c
thôn Nà Bắc	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 21' 24"	106° 16' 33"					F-48-45-B-c
bản Nà Cải	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 23' 31"	106° 15' 18"					F-48-45-B-a
bản Nà Cạm	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 22' 36"	106° 16' 12"					F-48-45-B-a
thôn Nà Coóc	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 25' 21"	106° 13' 08"					F-48-45-A-b
bản Nà Cuổi	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 21' 47"	106° 16' 10"					F-48-45-B-c
bản Nà Hên	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 24' 04"	106° 13' 24"					F-48-45-A-b
bản Nà Nhằn	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 24' 40"	106° 14' 55"					F-48-45-A-b
thôn Nà Phặt	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 22' 03"	106° 15' 55"					F-48-45-B-c
thôn Nà Slản	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 23' 56"	106° 14' 58"					F-48-45-A-b
bản Nà Slèo	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 22' 08"	106° 15' 42"					F-48-45-B-c
bản Nà SLin	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 21' 20"	106° 16' 10"					F-48-45-B-c
bản Nà Sluồng	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 24' 07"	106° 14' 06"					F-48-45-A-b
thôn Nà Ún	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 22' 37"	106° 15' 14"					F-48-45-B-a
bản Nà Vàng	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 20' 58"	106° 16' 50"					F-48-45-B-c
suối Nặm Chẳng	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 23' 16"	106° 12' 57"	22° 24' 56"	106° 13' 30"	F-48-45-A-b
thôn Nặn Chẳng	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 23' 42"	106° 13' 29"					F-48-45-A-b
khuổi Nuồng	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 22' 05"	106° 14' 42"	22° 22' 04"	106° 15' 46"	F-48-45-B-c
cầu Pác Heng	KX	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 22' 08"	106° 15' 46"					F-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pác Khín	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 23' 05"	106° 15' 45"					F-48-45-B-a
bản Pác Lạ	DC	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định	22° 25' 55"	106° 12' 19"					F-48-45-A-b
khuổi Phụ	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 22' 39"	106° 16' 47"	22° 22' 43"	106° 16' 18"	F-48-45-B-a
khuổi Sấy	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 25' 50"	106° 13' 35"	22° 25' 16"	106° 13' 43"	F-48-45-A-b
khuổi SLuồng	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 22' 59"	106° 13' 57"	22° 24' 54"	106° 14' 18"	F-48-45-A-b
khuổi Vàng	TV	xã Đoàn Kết	H. Tràng Định			22° 21' 01"	106° 16' 57"	22° 20' 48"	106° 16' 30"	F-48-45-B-c
thôn Bản Chang	DC	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 17' 23"	106° 32' 29"					F-48-46-A
đồi Cải	SV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 19' 30"	106° 31' 21"					F-48-46-A
nậm Chà	TV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định			22° 20' 22"	106° 34' 04"	22° 19' 39"	106° 32' 31"	F-48-46-A
núi Co Lùng Lìn	SV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 20' 23"	106° 36' 34"					F-48-46-A
núi Đồn Cao Môn	SV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 19' 40"	106° 36' 56"					F-48-46-A
suối Đuốc Quang	TV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định			22° 20' 11"	106° 36' 53"	22° 19' 55"	106° 36' 08"	F-48-46-A
suối Khau Sâm	TV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định			22° 19' 55"	106° 36' 08"	22° 18' 54"	106° 32' 22"	F-48-46-A
bản Khuổi Nọi	DC	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 19' 46"	106° 35' 29"					F-48-46-A
thôn Kim Lỵ	DC	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 17' 52"	106° 32' 37"					F-48-46-A
suối Kỵ Nà	TV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định			22° 20' 45"	106° 31' 55"	22° 18' 54"	106° 32' 30"	F-48-46-A
khau Mười	SV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 20' 57"	106° 33' 12"					F-48-46-A
thôn Nà Đon	DC	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 16' 55"	106° 32' 29"					F-48-46-A
núi Nà Ké	SV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 19' 36"	106° 36' 14"					F-48-46-A
bản Nà Kẻ	DC	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 18' 57"	106° 33' 24"					F-48-46-A
thôn Nà Lẹng	DC	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 19' 00"	106° 33' 44"					F-48-46-A
suối Nặm Ăn	TV	xã Đội Cấn	H. Tràng Định			22° 18' 54"	106° 32' 22"	22° 16' 41"	106° 31' 52"	F-48-46-A
bản Nậm Chà	DC	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 20' 26"	106° 33' 55"					F-48-46-A
thôn Nặm Khoang	DC	xã Đội Cấn	H. Tràng Định	22° 19' 36"	106° 32' 25"					F-48-46-A
sông Bắc Khê	TV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định			22° 14' 28"	106° 28' 42"	22° 13' 52"	106° 29' 24"	F-48-45-D
thôn Bản Coong	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 12' 19"	106° 29' 23"					F-48-45-D
thôn Bản Piềng	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 13' 11"	106° 28' 47"					F-48-45-D
thôn Bản Pioòng	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 10' 26"	106° 28' 38"					F-48-45-D
bản Báu	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 13' 09"	106° 29' 25"					F-48-45-D
bản Chu	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 13' 37"	106° 29' 04"					F-48-45-D
thôn Cốc Càng	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 12' 36"	106° 28' 29"					F-48-45-D
khau Deng	SV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 11' 21"	106° 27' 53"					F-48-45-D
núi Đông Ba	SV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 13' 07"	106° 27' 23"					F-48-45-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đông Mẫn	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 12' 42"	106° 29' 30"					F-48-45-D
núi Hua Vài	SV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 11' 40"	106° 28' 40"					F-48-45-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định			22° 13' 52"	106° 29' 24"	22° 12' 02"	106° 30' 24"	F-48-45-D
núi Mạ Quỷnh	SV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 13' 28"	106° 27' 25"					F-48-45-D
thôn Nà Cà	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 14' 12"	106° 28' 21"					F-48-45-D
thôn Nà Chùa	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 14' 11"	106° 28' 40"					F-48-45-D
thôn Nà Khoang	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 12' 41"	106° 30' 03"					F-48-46-C
khau Nam	SV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 11' 34"	106° 27' 35"					F-48-45-D
núi Píc Khát	SV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 12' 34"	106° 26' 25"					F-48-45-D
khuổi Piềng	TV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định			22° 12' 35"	106° 26' 58"	22° 12' 42"	106° 29' 09"	F-48-45-D
khuổi Pioòng	TV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định			22° 11' 44"	106° 27' 53"	22° 10' 46"	106° 29' 30"	F-48-45-D
khuổi Sắng	TV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định			22° 10' 48"	106° 28' 24"	22° 09' 49"	106° 29' 19"	F-48-45-D
thôn Thà Tò	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 13' 19"	106° 29' 25"					F-48-45-D
thôn Thâm Luông	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 14' 33"	106° 28' 07"					F-48-45-D
hồ Thâm Luông	TV	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 14' 20"	106° 27' 53"					F-48-45-D
thôn Vài Pải	DC	xã Hùng Sơn	H. Tràng Định	22° 12' 22"	106° 29' 51"					F-48-45-D
khau Khách	SV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 11' 53"	106° 31' 44"					F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Hùng Việt	H. Tràng Định			22° 12' 57"	106° 30' 56"	22° 10' 25"	106° 32' 23"	F-48-46-C
sông Bắc Giang	TV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định			22° 08' 39"	106° 30' 14"	22° 11' 44"	106° 30' 34"	F-48-45-D
thôn Bản Nhàn	DC	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 11' 41"	106° 31' 05"					F-48-46-C
thôn Bản Tét	DC	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 10' 50"	106° 30' 40"					F-48-46-C
suối Đoỏng Đeng	TV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định			22° 12' 09"	106° 31' 42"	22° 12' 00"	106° 30' 41"	F-48-46-C
thôn Hát Khòn	DC	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 10' 42"	106° 31' 50"					F-48-46-C
đèo Khách	SV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 11' 11"	106° 31' 21"					F-48-46-C
khuổi Khách	TV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định			22° 11' 35"	106° 31' 59"	22° 11' 10"	106° 31' 14"	F-48-46-C
khau Khòn	SV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 10' 14"	106° 31' 37"					F-48-46-C
thôn Khuổi Khòn	DC	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 10' 06"	106° 31' 22"					F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định			22° 12' 02"	106° 30' 24"	22° 10' 24"	106° 32' 11"	F-48-46-C
suối Pác Mạ	TV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định			22° 10' 38"	106° 33' 00"	22° 10' 43"	106° 32' 11"	F-48-46-C
thôn Phạc Giàng	DC	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 11' 29"	106° 30' 41"					F-48-46-C
thôn Phiêng Chuông	DC	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 10' 48"	106° 29' 44"					F-48-45-D
thôn Pò Ca	DC	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 12' 26"	106° 31' 02"					F-48-46-C
khuổi Sắng	TV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định			22° 09' 49"	106° 29' 19"	22° 09' 52"	106° 29' 33"	F-48-45-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Tét	SV	xã Hùng Việt	H. Tràng Định	22° 09' 42"	106° 30' 24"					F-48-46-C
đường tỉnh 228C	KX	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định			22° 12' 28"	106° 33' 04"	22° 13' 13"	106° 30' 57"	F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định			22° 14' 14"	106° 30' 02"	22° 12' 57"	106° 30' 56"	F-48-46-C
thôn Bản Đuốc	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 14' 24"	106° 30' 23"					F-48-46-C
thôn Bản Nằm	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 13' 20"	106° 31' 10"					F-48-46-C
thôn Bản Phiàng	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 13' 48"	106° 32' 20"					F-48-46-C
thôn Bản Slàn	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 14' 05"	106° 31' 36"					F-48-46-C
thôn Bản Slùng	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 14' 13"	106° 31' 05"					F-48-46-C
thôn Bản Tấp	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 12' 30"	106° 33' 18"					F-48-46-C
thôn Bản Trại	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 14' 06"	106° 29' 48"					F-48-45-D
cầu Bản Trại	KX	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 14' 14"	106° 30' 11"					F-48-46-C
bản Bon	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 13' 07"	106° 32' 42"					F-48-46-C
khuổi Boóc	TV	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định			22° 15' 13"	106° 31' 32"	22° 14' 10"	106° 32' 03"	F-48-46-C
núi Cước Đeng	SV	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 13' 32"	106° 31' 41"					F-48-46-C
suối Hang Chà	TV	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định			22° 15' 05"	106° 31' 06"	22° 14' 28"	106° 31' 14"	F-48-46-C
đèo Kéo Đẩy	SV	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 12' 57"	106° 30' 56"					F-48-46-C
núi Khòn Kéo	SV	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 13' 28"	106° 30' 12"					F-48-46-C
thôn Khuổi Boóc	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 14' 13"	106° 32' 04"					F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định			22° 13' 52"	106° 29' 24"	22° 12' 00"	106° 33' 32"	F-48-46-C
suối Nà Bó	TV	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định			22° 15' 13"	106° 32' 19"	22° 14' 13"	106° 32' 22"	F-48-46-C
thôn Nà Kéo	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 13' 60"	106° 31' 57"					F-48-46-C
thôn Nà Sẩn	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 12' 27"	106° 33' 01"					F-48-46-C
bản Nà Trà	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 14' 35"	106° 30' 58"					F-48-46-C
suối Nậm Đảng	TV	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định			22° 15' 14"	106° 32' 33"	22° 14' 29"	106° 32' 41"	F-48-46-C
bản Pác Pán	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 13' 22"	106° 32' 23"					F-48-46-C
thôn Pò Loi	DC	xã Kháng Chiến	H. Tràng Định	22° 14' 21"	106° 32' 27"					F-48-46-C
khuổi Bây	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 25' 03"	106° 16' 03"	22° 24' 47"	106° 15' 16"	F-48-45-B-a
khuổi Cao	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 24' 13"	106° 16' 52"	22° 22' 56"	106° 17' 05"	F-48-45-B-a
núi Chông Mu	SV	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 27' 45"	106° 14' 15"					F-48-45-A-b
khuổi Háo	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 26' 33"	106° 16' 23"	22° 25' 55"	106° 15' 56"	F-48-45-B-a
thôn Khuổi Bây A	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định							
thôn Khuổi Bây B	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định							
thôn Khuổi Háo	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 25' 57"	106° 15' 37"					F-48-45-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Phụ A	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định							
thôn Khuổi Phụ B	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định							
thôn Khuổi Sấy	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 26' 31"	106° 13' 32"					F-48-45-A-b
bản Khuổi Slàng	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 26' 27"	106° 14' 38"					F-48-45-A-b
bản Mạ Thai	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 24' 52"	106° 17' 57"					F-48-45-B-a
suối Mạ Thai	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 24' 32"	106° 18' 07"	22° 24' 07"	106° 18' 17"	F-48-45-B-a
bản Nà Cà	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 24' 58"	106° 16' 11"					F-48-45-B-a
bản Nà Đảm	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 25' 15"	106° 17' 53"					F-48-45-B-a
khuổi Nuồng	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 26' 32"	106° 13' 58"	22° 25' 07"	106° 14' 09"	F-48-45-A-b
bản Phân Mẫn	DC	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 23' 54"	106° 18' 06"					F-48-45-B-a
núi Phân Mẫn	SV	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 24' 31"	106° 19' 01"					F-48-45-B-a
khuổi Phụ	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 24' 22"	106° 18' 37"	22° 22' 39"	106° 16' 47"	F-48-45-B-a
suối Phụ Nọi	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 23' 50"	106° 17' 15"	22° 23' 20"	106° 17' 43"	F-48-45-B-a
khuổi Sả	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 27' 07"	106° 14' 25"	22° 25' 55"	106° 14' 56"	F-48-45-A-b
khuổi Sấy	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 27' 07"	106° 13' 44"	22° 25' 50"	106° 13' 35"	F-48-45-A-b
núi Slam Coóc	SV	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 25' 18"	106° 16' 29"					F-48-45-B-a
suối Tát Lóng	TV	xã Khánh Long	H. Tràng Định			22° 24' 10"	106° 17' 54"	22° 24' 06"	106° 18' 02"	F-48-45-B-a
khau Tèo	SV	xã Khánh Long	H. Tràng Định	22° 24' 12"	106° 16' 58"					F-48-45-B-a
núi Bó Nộc	SV	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 18' 58"	106° 22' 21"					F-48-45-B-c
khau Cà	SV	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 20"	106° 24' 26"					F-48-45-B
núi Chỏn Nộc	SV	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 60"	106° 23' 36"					F-48-45-B
thôn Co Vài	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 48"	106° 21' 28"					F-48-45-B-c
khuổi Cò Vài	TV	xã Kim Đồng	H. Tràng Định			22° 13' 52"	106° 22' 14"	22° 15' 11"	106° 21' 24"	F-48-45-D
bản Kéo Bẻng	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 55"	106° 23' 03"					F-48-45-B
thôn Kéo Vèng	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 13' 19"	106° 22' 16"					F-48-45-D-a
thôn Khuổi Kệt	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 24"	106° 23' 13"					F-48-45-B
thôn Khuổi Só	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 54"	106° 25' 15"					F-48-45-B
thôn Khuổi Sượi	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 15' 39"	106° 23' 30"					F-48-45-B
khuổi Mài	TV	xã Kim Đồng	H. Tràng Định			22° 15' 48"	106° 21' 37"	22° 16' 15"	106° 22' 31"	F-48-45-B
nà Múc	TV	xã Kim Đồng	H. Tràng Định			22° 15' 26"	106° 22' 53"	22° 16' 15"	106° 22' 31"	F-48-45-B
khau Mười	SV	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 17' 24"	106° 24' 33"					F-48-45-B
thôn Nà Múc	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 14' 39"	106° 22' 58"					F-48-45-D
thôn Nà Sliềng	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 49"	106° 23' 38"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Soong	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 32"	106° 24' 39"					F-48-45-B
bản Nà Tấng	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 58"	106° 23' 40"					F-48-45-B
thôn Nà Thà	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 49"	106° 22' 35"					F-48-45-B
thôn Pác Đông	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 50"	106° 24' 25"					F-48-45-B
thôn Pàn Dào	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 20"	106° 22' 35"					F-48-45-B
núi Pản Van	SV	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 17' 24"	106° 23' 07"					F-48-45-B
khuổi Só	TV	xã Kim Đồng	H. Tràng Định			22° 15' 04"	106° 24' 17"	22° 15' 41"	106° 24' 58"	F-48-45-B
thôn Vằng Chạo	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 17' 46"	106° 22' 22"					F-48-45-B
thôn Ven Đin	DC	xã Kim Đồng	H. Tràng Định	22° 16' 51"	106° 25' 10"					F-48-45-B
đường tỉnh 228	KX	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định			22° 21' 19"	106° 31' 15"	22° 22' 29"	106° 34' 47"	F-48-46-A
thôn Bản Dảo	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 56"	106° 33' 28"					F-48-46-A
thôn Bản Dỉ	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 24' 48"	106° 33' 06"					F-48-46-A
thôn Bản Pệt	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 45"	106° 32' 06"					F-48-46-A
thôn Bản Phạc	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 25"	106° 32' 43"					F-48-46-A
thôn Bản Sái	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 47"	106° 31' 14"					F-48-46-A
suối Bản Sảng	TV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định			22° 23' 32"	106° 32' 39"	22° 22' 33"	106° 33' 06"	F-48-46-A
suối Bản Slàn	TV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định			22° 20' 19"	106° 28' 25"	22° 21' 21"	106° 28' 55"	F-48-45-B
thôn Bản Tồn	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 43"	106° 30' 02"					F-48-46-A
thôn Bó Luông	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 48"	106° 32' 56"					F-48-46-A
hồ Cao Lan	TV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 30"	106° 29' 01"					F-48-45-B
máng Cao Lan	TV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 59"	106° 30' 30"					F-48-46-A
núi Cẩu Nóc	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 24' 20"	106° 31' 33"					F-48-46-A
thôn Cô Slin	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 21"	106° 31' 33"					F-48-46-A
thôn Cốc Phia	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 06"	106° 32' 04"					F-48-46-A
núi Đán Đeng	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 24' 58"	106° 32' 19"					F-48-46-A
khau Đang	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 44"	106° 33' 29"					F-48-46-A
thôn Hang Đoỏng	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 56"	106° 32' 50"					F-48-46-A
đập Hua Khao	KX	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 52"	106° 32' 58"					F-48-46-A
đèo Keng Pèn	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 25' 17"	106° 33' 02"					F-48-46-A
đèo Keng Va	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 27"	106° 34' 49"					F-48-46-A
núi Kéo Cởm	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 19"	106° 29' 32"					F-48-45-B
phia Khao	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 24' 14"	106° 32' 36"					F-48-46-A
phia Khoang	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 19"	106° 34' 02"					F-48-46-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Long Thịnh	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 32"	106° 31' 29"					F-48-46-A
núi Lùng Cừ	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 56"	106° 32' 53"					F-48-46-A
núi Lùng Hin	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 17"	106° 35' 03"					F-48-46-A
núi Lùng Lìn	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 14"	106° 34' 25"					F-48-46-A
núi Lùng Nọt	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 24' 02"	106° 34' 09"					F-48-46-A
núi Lùng Pán	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 32"	106° 29' 11"					F-48-45-B
thôn Lùng Toòng	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 48"	106° 32' 08"					F-48-46-A
thôn Lũng Xá	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 40"	106° 30' 10"					F-48-46-A
núi Lùng Xác	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 24' 44"	106° 33' 34"					F-48-46-A
phia Mi	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 37"	106° 33' 01"					F-48-46-A
thôn Nà Bang	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 43"	106° 31' 34"					F-48-46-A
thôn Nà Nưa	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 37"	106° 34' 26"					F-48-46-A
thôn Nà Pàn	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 03"	106° 31' 21"					F-48-46-A
thôn Pác Bó	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 38"	106° 32' 36"					F-48-46-A
thôn Phia Sliếc	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 30"	106° 33' 38"					F-48-46-A
suối Phia Sliếc	TV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định			22° 25' 06"	106° 33' 16"	22° 23' 08"	106° 33' 57"	F-48-46-A
bản Pò Chà	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 02"	106° 33' 55"					F-48-46-A
thôn Pò Chả	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 34"	106° 30' 40"					F-48-46-A
thôn Pò Chạng	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 01"	106° 31' 33"					F-48-46-A
thôn Pò Cheng	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 10"	106° 30' 58"					F-48-46-A
thôn Pò Háng	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 45"	106° 30' 58"					F-48-46-A
phia Pú Ni	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 09"	106° 32' 31"					F-48-46-A
bản Slàn	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 46"	106° 29' 18"					F-48-45-B
khau Sliễm	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 22' 05"	106° 33' 39"					F-48-46-A
thôn Thâm Ho	DC	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 21' 28"	106° 30' 47"					F-48-46-A
núi Toòng	SV	xã Quốc Khánh	H. Tràng Định	22° 23' 19"	106° 31' 43"					F-48-46-A
núi Ba Xã	SV	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 10' 49"	106° 33' 16"					F-48-46-C
thôn Bản Slào	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 11' 06"	106° 34' 45"					F-48-46-C
thôn Bản Xỏm	TV	xã Quốc Việt	H. Tràng Định			22° 13' 33"	106° 36' 28"	22° 13' 01"	106° 34' 51"	F-48-46-C
khuổi Cắm	TV	xã Quốc Việt	H. Tràng Định			22° 10' 21"	106° 33' 50"	22° 11' 07"	106° 34' 59"	F-48-46-C
bản Háng Cáu	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 11' 16"	106° 36' 26"					F-48-46-C
thôn Kéo Phấy	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 13' 19"	106° 34' 45"					F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Quốc Việt	H. Tràng Định			22° 12' 00"	106° 33' 32"	22° 11' 06"	106° 38' 04"	F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Ca	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 13' 01"	106° 34' 39"					F-48-46-C
thôn Nà Dài	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 12' 27"	106° 34' 46"					F-48-46-C
thôn Nà Deng	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 11' 24"	106° 34' 12"					F-48-46-C
bản Nà Làng	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 10' 54"	106° 35' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Lình	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 11' 01"	106° 35' 44"					F-48-46-C
thôn Nà Nạ	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 11' 36"	106° 36' 14"					F-48-46-C
bản Nà Nhừ	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 13' 29"	106° 35' 16"					F-48-46-C
bản Nà Pò	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 12' 02"	106° 35' 57"					F-48-46-C
thôn Nà Sáng	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 12' 59"	106° 35' 19"					F-48-46-C
thôn Nà Slưa	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 10' 56"	106° 35' 14"					F-48-46-C
thôn Pác Nặm	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 12' 14"	106° 35' 15"					F-48-46-C
thôn Phạc Phùa	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 11' 56"	106° 35' 31"					F-48-46-C
thôn Phiêng Lẹng	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 12' 06"	106° 35' 27"					F-48-46-C
thôn Phiêng Mân	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 10' 58"	106° 36' 40"					F-48-46-C
thôn Phiêng Mò	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 10' 35"	106° 37' 11"					F-48-46-C
khuổi Piạc	TV	xã Quốc Việt	H. Tràng Định			22° 09' 49"	106° 35' 22"	22° 10' 29"	106° 36' 20"	F-48-46-C
thôn Pò Chả	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 12' 10"	106° 34' 11"					F-48-46-C
bản Pò Lạn	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 11' 40"	106° 35' 34"					F-48-46-C
thôn Pò Mặn	DC	xã Quốc Việt	H. Tràng Định	22° 10' 48"	106° 35' 35"					F-48-46-C
suối Trung Thành	TV	xã Quốc Việt	H. Tràng Định			22° 13' 32"	106° 34' 53"	22° 11' 49"	106° 36' 04"	F-48-46-C
thôn Bản Chang	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 17' 59"	106° 36' 57"					F-48-46-A
thôn Bản Cọ	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 17' 33"	106° 39' 18"					F-48-46-A
suối Bản Cọ	TV	xã Tân Minh	H. Tràng Định			22° 17' 50"	106° 39' 25"	22° 15' 50"	106° 38' 40"	F-48-46-A
thôn Bản Khén	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 17' 38"	106° 36' 32"					F-48-46-A
thôn Bản Kiêng	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 18' 03"	106° 36' 06"					F-48-46-A
thôn Bản Slẳng	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 16' 11"	106° 37' 39"					F-48-46-A
suối Chủng Slan	TV	xã Tân Minh	H. Tràng Định			22° 19' 06"	106° 36' 53"	22° 19' 35"	106° 36' 23"	F-48-46-A
bản Đon Chang	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 16' 43"	106° 36' 19"					F-48-46-A
bản Khuổi Nhàn	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 16' 32"	106° 36' 47"					F-48-46-A
thôn Nà Cuổi	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 15' 44"	106° 38' 00"					F-48-46-A
thôn Nà Lẹng	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 17' 14"	106° 38' 31"					F-48-46-A
bản Nà Ngoà	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 18' 59"	106° 37' 47"					F-48-46-A
thôn Nà Pùng	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 18' 47"	106° 37' 52"					F-48-46-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Pùng	TV	xã Tân Minh	H. Tràng Định			22° 19' 10"	106° 38' 04"	22° 16' 20"	106° 36' 35"	F-48-46-A
thôn Pò Khảo	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 16' 21"	106° 38' 25"					F-48-46-A
bản Pò Lạ	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 18' 44"	106° 35' 51"					F-48-46-A
núi Pò Lạ	SV	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 19' 30"	106° 37' 02"					F-48-46-A
bản Pò Seo	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 17' 24"	106° 38' 59"					F-48-46-A
thôn Thâm Cỏng	DC	xã Tân Minh	H. Tràng Định	22° 16' 33"	106° 39' 26"					F-48-46-A
suối Thâm Coỏng	TV	xã Tân Minh	H. Tràng Định			22° 17' 07"	106° 39' 60"	22° 15' 50"	106° 38' 40"	F-48-46-A
khuổi Bi Ấp (Biấp)	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 16' 51"	106° 19' 52"	22° 17' 07"	106° 20' 08"	F-48-45-B-c
thôn Áng Mò	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 18' 33"	106° 19' 13"					F-48-45-B-c
sông Bắc Khê	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 20' 17"	106° 16' 45"	22° 17' 36"	106° 21' 53"	F-48-45-B-c
bản Cạm Piẹt	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 20' 47"	106° 20' 52"					F-48-45-B-c
bản Châu	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 19' 05"	106° 18' 14"					F-48-45-B-c
khuổi Cù	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 20' 38"	106° 20' 42"	22° 20' 06"	106° 19' 58"	F-48-45-B-c
khuổi Khoay	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 16' 14"	106° 18' 13"	22° 18' 02"	106° 18' 42"	F-48-45-B-c
thôn Khuổi Bắp	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 16' 02"	106° 19' 20"					F-48-45-B-c
cầu Khuổi Cù	KX	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 18' 27"	106° 19' 30"					F-48-45-B-c
thôn Khuổi Kiền	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 18' 44"	106° 21' 14"					F-48-45-B-c
thôn Khuổi Slì	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 19' 30"	106° 18' 27"					F-48-45-B-c
cầu Khuổi Sliêng	KX	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 18' 17"	106° 19' 52"					F-48-45-B-c
khau Khuổi Sluồn	SV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 19' 42"	106° 19' 31"					F-48-45-B-c
khuổi Kiền	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 19' 08"	106° 21' 28"	22° 17' 52"	106° 20' 51"	F-48-45-B-c
khau Ná Háo	SV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 19' 11"	106° 19' 41"					F-48-45-B-c
thôn Nà Háo	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 18' 18"	106° 19' 51"					F-48-45-B-c
suối Nà Màn	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 15' 59"	106° 19' 21"	22° 16' 51"	106° 19' 52"	F-48-45-B-c
bản Nà Thia	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 20' 27"	106° 20' 16"					F-48-45-B-c
bản Pác Dào	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 20' 10"	106° 16' 54"					F-48-45-B-c
khau Phạ	SV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 19' 09"	106° 21' 04"					F-48-45-B-c
bản Phiêng Kìm	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 18' 45"	106° 19' 05"					F-48-45-B-c
thôn Pò Cại	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 19' 59"	106° 17' 41"					F-48-45-B-c
khau Pò Kiền	SV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 19' 37"	106° 20' 15"					F-48-45-B-c
bản Pò Nộc	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 17' 58"	106° 20' 44"					F-48-45-B-c
bản Pò Ỏm	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 20' 09"	106° 19' 42"					F-48-45-B-c
khuổi Rào	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 19' 05"	106° 16' 40"	22° 20' 12"	106° 16' 44"	F-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau SLiểm	SV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 20' 51"	106° 17' 33"					F-48-45-B-c
khuổi Sliêng	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 19' 10"	106° 20' 36"	22° 18' 12"	106° 19' 53"	F-48-45-B-c
khuổi Sluồn	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 20' 42"	106° 19' 06"	22° 18' 25"	106° 19' 31"	F-48-45-B-c
khuổi Slỳ	TV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định			22° 20' 58"	106° 18' 17"	22° 18' 44"	106° 18' 56"	F-48-45-B-c
thôn Tà Chang	DC	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 17' 36"	106° 20' 51"					F-48-45-B-c
khau Táng	SV	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 20' 10"	106° 17' 14"					F-48-45-B-c
cầu Thà Chang	KX	xã Tân Tiến	H. Tràng Định	22° 17' 31"	106° 21' 40"					F-48-45-B-c
sông Bắc Khê	TV	xã Tân Yên	H. Tràng Định			22° 20' 23"	106° 16' 32"	22° 20' 17"	106° 16' 45"	F-48-45-B-c
nặm Cắt	TV	xã Tân Yên	H. Tràng Định			22° 17' 15"	106° 16' 55"	22° 18' 42"	106° 16' 17"	F-48-45-B-c
núi Chón Quyn	SV	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 17' 59"	106° 16' 10"					F-48-45-B-c
khuổi Chửn	TV	xã Tân Yên	H. Tràng Định			22° 19' 46"	106° 13' 48"	22° 19' 38"	106° 14' 27"	F-48-45-A-d
thôn Cốc Tàn	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 15' 45"	106° 15' 01"					F-48-45-A-c
bản Hin Théc	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 19' 11"	106° 15' 09"					F-48-45-B-c
thôn Kéo Cà	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 17' 18"	106° 15' 47"					F-48-45-B-c
núi Kéo Cà	SV	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 18' 46"	106° 15' 40"					F-48-45-B-c
bản Kéo Tấy	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 16' 25"	106° 15' 17"					F-48-45-B-c
thôn Khau Mò	TV	xã Tân Yên	H. Tràng Định			22° 16' 22"	106° 16' 45"	22° 17' 08"	106° 16' 60"	F-48-45-B-c
khau Khem	SV	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 17' 22"	106° 13' 20"					F-48-45-A-d
thôn Khuổi Chửn	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 18' 44"	106° 13' 55"					F-48-45-A-d
bản Khuổi Khuyết	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 19' 44"	106° 13' 34"					F-48-45-A-d
bản Khuổi Mán	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 18' 21"	106° 15' 09"					F-48-45-B-c
bản Khuổi Pèn	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 20' 02"	106° 13' 46"					F-48-45-A-d
núi Khuổi Vài	SV	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 19' 15"	106° 15' 57"					F-48-45-B-c
khau Luông	SV	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 16' 52"	106° 16' 28"					F-48-45-B-c
khuổi Mán	TV	xã Tân Yên	H. Tràng Định			22° 17' 15"	106° 13' 34"	22° 18' 12"	106° 15' 18"	F-48-45-A-d
khuổi Mần	TV	xã Tân Yên	H. Tràng Định			22° 18' 12"	106° 15' 18"	22° 18' 42"	106° 16' 17"	F-48-45-B-c
khau Mào	SV	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 17' 45"	106° 17' 13"					F-48-45-B-c
thôn Nà Luông	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 19' 52"	106° 14' 25"					F-48-45-A-d
khuổi Pác Chửn	TV	xã Tân Yên	H. Tràng Định			22° 18' 29"	106° 13' 28"	22° 18' 35"	106° 14' 22"	F-48-45-A-d
bản Pác Dạ	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 17' 00"	106° 16' 58"					F-48-45-B-c
thôn Pác Đeng	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 18' 27"	106° 16' 24"					F-48-45-B-c
bản Pác Đin	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 18' 46"	106° 16' 17"					F-48-45-B-c
thôn Pác Mười	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 18' 09"	106° 15' 15"					F-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Pác Mười	TV	xã Tân Yên	H. Tràng Định			22° 16' 48"	106° 15' 23"	22° 18' 01"	106° 15' 14"	F-48-45-B-c
khau Phác	SV	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 15' 51"	106° 15' 56"					F-48-45-B-c
thôn Phia Khao	DC	xã Tân Yên	H. Tràng Định	22° 17' 30"	106° 16' 51"					F-48-45-B-c
đường tỉnh 228	KX	xã Tri Phương	H. Tràng Định			22° 17' 19"	106° 28' 35"	22° 21' 19"	106° 31' 15"	F-48-45-B
bản Kỵ	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 19' 39"	106° 30' 44"					F-48-46-A
suối Bản Bó	TV	xã Tri Phương	H. Tràng Định			22° 20' 05"	106° 27' 06"	22° 18' 47"	106° 27' 44"	F-48-45-B
bản Bó	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 60"	106° 27' 35"					F-48-45-B
núi Cốc Phia	SV	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 19' 00"	106° 29' 28"					F-48-45-B
suối Cốc Phia	TV	xã Tri Phương	H. Tràng Định			22° 19' 25"	106° 28' 45"	22° 18' 35"	106° 28' 06"	F-48-45-B
bản Cốc SLồm	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 25"	106° 28' 27"					F-48-45-B
bản Đoỏng	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 19' 52"	106° 30' 53"					F-48-46-A
núi Đuốc Đeng	SV	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 20' 08"	106° 28' 18"					F-48-45-B
khuổi Giàng	TV	xã Tri Phương	H. Tràng Định			22° 18' 31"	106° 29' 46"	22° 17' 17"	106° 28' 32"	F-48-45-B
bản Háng Deng	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 20' 45"	106° 30' 54"					F-48-46-A
thôn Kéo Quân	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 19' 12"	106° 29' 53"					F-48-45-B
bản Kéo Tàu	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 13"	106° 29' 47"					F-48-45-B
núi Khau Coóng	SV	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 19' 26"	106° 27' 34"					F-48-45-B
thôn Lũng Slàng	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 20' 27"	106° 27' 50"					F-48-45-B
khuổi Nà Chào	TV	xã Tri Phương	H. Tràng Định			22° 17' 31"	106° 30' 18"	22° 17' 24"	106° 29' 49"	F-48-46-A
thôn Nà Han	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 47"	106° 30' 02"					F-48-46-A
thôn Nà Mè	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 07"	106° 29' 02"					F-48-45-B
bản Nà Pài	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 19' 49"	106° 30' 32"					F-48-46-A
thôn Nà Phấy	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 51"	106° 28' 50"					F-48-45-B
bản Nà Tốn	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 20' 31"	106° 30' 43"					F-48-46-A
thôn Nà Vản	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 31"	106° 28' 53"					F-48-45-B
bản Ne	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 52"	106° 29' 50"					F-48-45-B
bản Pá Lầu	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 36"	106° 30' 21"					F-48-46-A
bản Phạc	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 22"	106° 28' 41"					F-48-45-B
bản Phai Sào	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 20' 53"	106° 30' 50"					F-48-46-A
bản Pò Chiêm	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 20' 52"	106° 31' 13"					F-48-46-A
thôn Rộc Mạ	DC	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 15"	106° 29' 23"					F-48-45-B
khuổi Sao	TV	xã Tri Phương	H. Tràng Định			22° 18' 47"	106° 27' 44"	22° 18' 08"	106° 27' 41"	F-48-45-B
núi Sảo Vài	SV	xã Tri Phương	H. Tràng Định	22° 18' 32"	106° 31' 22"					F-48-46-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Sloọc	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 20' 03"	106° 30' 36"					F-48-46-A
thôn Tàng Chang	DC	xã Trí Phương	H. Tràng Định	22° 18' 26"	106° 30' 08"					F-48-46-A
suối Thì Nằng	TV	xã Trí Phương	H. Tràng Định			22° 19' 58"	106° 28' 16"	22° 18' 47"	106° 27' 44"	F-48-45-B
đường tỉnh 229	KX	xã Trung Thành	H. Tràng Định			22° 13' 35"	106° 35' 04"	22° 14' 51"	106° 36' 04"	F-48-46-C
thôn Bản Sliễn	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 15' 11"	106° 35' 02"					F-48-46-A
suối Bản Vải	TV	xã Trung Thành	H. Tràng Định			22° 14' 52"	106° 34' 07"	22° 13' 25"	106° 33' 52"	F-48-46-C
thôn Bản Vèn	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 14' 40"	106° 35' 59"					F-48-46-C
bản Coóc	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 14' 45"	106° 36' 15"					F-48-46-C
bản Đông Pinh	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 14' 56"	106° 36' 39"					F-48-46-C
thôn Khuổi Khìn	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 15' 25"	106° 33' 19"					F-48-46-A
bản Khuổi Mi	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 16' 26"	106° 34' 17"					F-48-46-A
bản Nà Lạn	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 17' 28"	106° 34' 26"					F-48-46-A
thôn Nà Lý	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 13' 59"	106° 34' 22"					F-48-46-C
thôn Nà Pục	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 14' 48"	106° 35' 08"					F-48-46-C
thôn Pác Pàu	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 14' 51"	106° 36' 04"					F-48-46-C
bản Piềng	DC	xã Trung Thành	H. Tràng Định	22° 15' 53"	106° 36' 26"					F-48-46-A
suối Trung Thành	TV	xã Trung Thành	H. Tràng Định			22° 15' 48"	106° 36' 26"	22° 13' 32"	106° 34' 57"	F-48-46-C
khau Bắc	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 21' 47"	106° 17' 17"					F-48-45-B-c
khuổi Cạ	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định			22° 22' 11"	106° 18' 05"	22° 21' 60"	106° 18' 50"	F-48-45-B-c
thôn Đông Sào	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 24' 40"	106° 19' 39"					F-48-45-B-a
suối Đông Sào	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định			22° 24' 46"	106° 19' 38"	22° 23' 10"	106° 19' 13"	F-48-45-B-a
khuổi Hai	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định			22° 24' 05"	106° 19' 59"	22° 22' 48"	106° 19' 26"	F-48-45-B-a
thôn Khuổi Chang	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 23' 55"	106° 19' 01"					F-48-45-B-a
thôn Khuổi Hai	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 23' 19"	106° 20' 17"					F-48-45-B-a
bản Khuổi Sỏm	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 21' 38"	106° 19' 33"					F-48-45-B-c
thôn Khuổi Suồn	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 21' 15"	106° 19' 34"					F-48-45-B-c
núi Khuổi Sướng	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 23' 03"	106° 18' 29"					F-48-45-B-a
thôn Pác Đáp	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 22' 03"	106° 19' 57"					F-48-45-B-c
bản Pác Piêng	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 21' 15"	106° 18' 22"					F-48-45-B-c
thôn Pác Quang	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 22' 09"	106° 19' 12"					F-48-45-B-c
khau Phạ	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 22' 11"	106° 20' 53"					F-48-45-B-a
thôn Phiêng Han	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 22' 39"	106° 19' 22"					F-48-45-B-a
thôn Phiêng Sâu	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 21' 47"	106° 18' 49"					F-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Piêng	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định			22° 22' 05"	106° 17' 29"	22° 21' 48"	106° 17' 53"	F-48-45-B-c
thôn Pò Lầu	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định	22° 21' 33"	106° 18' 37"					F-48-45-B-c
khuổi Sluồn	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Tràng Định			22° 21' 56"	106° 19' 42"	22° 20' 42"	106° 19' 09"	F-48-45-B-c
khu 1	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 15"	106° 36' 47"					F-48-46-C
khu 2	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 25"	106° 36' 49"					F-48-46-C
khu 3	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 05"	106° 36' 52"					F-48-46-C
khu 4	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 33"	106° 36' 59"					F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng			22° 03' 41"	106° 36' 31"	22° 02' 50"	106° 37' 02"	F-48-46-C
thôn Bản Tích	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 38"	106° 36' 54"					F-48-46-C
suối Bản Dùa	TV	xã An Hùng	H. Văn Lãng			22° 04' 09"	106° 38' 09"	22° 05' 32"	106° 37' 53"	F-48-46-C
thôn Bản Gia	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 10"	106° 38' 18"					F-48-46-C
thôn Bản Lếch	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 05' 29"	106° 35' 58"					F-48-46-C
thôn Bản Rùa	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 05' 31"	106° 37' 48"					F-48-46-C
thôn Hu Ngoài	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 04' 15"	106° 36' 51"					F-48-46-C
thôn Hu Trong	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 04' 57"	106° 36' 36"					F-48-46-C
suối Khun Hu	TV	xã An Hùng	H. Văn Lãng			22° 05' 58"	106° 37' 15"	22° 04' 43"	106° 36' 41"	F-48-46-C
suối Khuổi Khẻ	TV	xã An Hùng	H. Văn Lãng			22° 05' 59"	106° 36' 23"	22° 05' 30"	106° 35' 49"	F-48-46-C
suối Khuổi Luông	TV	xã An Hùng	H. Văn Lãng			22° 05' 49"	106° 36' 40"	22° 05' 27"	106° 35' 25"	F-48-46-C
núi Khuôn Cheng	SV	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 05' 21"	106° 38' 30"					F-48-46-C
núi Liên Hang	SV	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 03' 49"	106° 38' 16"					F-48-46-C
núi Yên Mạ	SV	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 05' 57"	106° 36' 55"					F-48-46-C
núi Béo	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 28"	106° 32' 31"					F-48-46-C
thôn Co Liền	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 51"	106° 31' 18"					F-48-46-C
thôn Cốc Hắt	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 07' 22"	106° 29' 18"					F-48-45-D-d
thôn Cốc Pục	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 05' 49"	106° 31' 08"					F-48-46-C
suối Cốc Pục	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 04' 07"	106° 30' 39"	22° 06' 09"	106° 30' 25"	F-48-46-C
thôn Còn Slù	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 58"	106° 30' 45"					F-48-46-C
suối Còn Sù	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 05' 07"	106° 31' 18"	22° 06' 56"	106° 31' 14"	F-48-46-C
núi Kéo Ái	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 08' 38"	106° 31' 54"					F-48-46-C
thôn Khuổi Hoi	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 08' 04"	106° 31' 36"					F-48-46-C
núi Kim Kang	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 07' 02"	106° 28' 16"					F-48-45-D-d
suối Nà Hin	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 08' 12"	106° 31' 03"	22° 08' 36"	106° 30' 09"	F-48-46-C
thôn Nà Sòm	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 08' 08"	106° 29' 43"					F-48-45-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nặm Slù	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 07' 13"	106° 30' 41"					F-48-46-C
núi Pai Luông	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 08' 07"	106° 28' 43"					F-48-45-D
thôn Phiêng Luông	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 07"	106° 28' 46"					F-48-45-D-d
suối Phiêng Luông	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 06' 15"	106° 29' 42"	22° 05' 41"	106° 28' 59"	F-48-45-D-d
núi Pò Mốc Chiếp	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 05' 20"	106° 30' 37"					F-48-46-C
núi Pò Sơ Hàn (Pò Shàn)	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 09' 02"	106° 29' 26"					F-48-45-D
thôn Và Quang	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 27"	106° 30' 29"					F-48-46-C
khuổi Van	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 06' 28"	106° 29' 35"	22° 07' 39"	106° 29' 35"	F-48-45-D-d
khuổi Xá	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 06' 11"	106° 28' 34"	22° 07' 10"	106° 28' 44"	F-48-45-D-d
đường tỉnh 231	KX	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			22° 02' 24"	106° 28' 52"	22° 02' 05"	106° 29' 55"	F-48-45-D-d
suối Bản Án	TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			22° 01' 58"	106° 31' 36"	22° 02' 45"	106° 31' 50"	F-48-46-C
thôn Bản Cáp	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 01' 59"	106° 30' 35"					F-48-46-C
thôn Bản Pục	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 01' 23"	106° 31' 30"					F-48-46-C
thôn Bình Lập	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 56"	106° 30' 32"					F-48-46-C
núi Bô Diêm	SV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 58' 55"	106° 30' 21"					F-48-58-A-a
thôn Cốc Nhảng	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 59' 41"	106° 30' 17"					F-48-58-A-a
suối Còn Pheng (Kòn Pheng)	TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			21° 58' 48"	106° 28' 31"	21° 59' 30"	106° 29' 30"	F-48-57-B-b
thôn Cương Quyết	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 00' 18"	106° 29' 52"					F-48-45-D-d
bản Hu Kiều	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 58' 57"	106° 29' 32"					F-48-57-B-b
suối Hua Kiều	TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			21° 58' 33"	106° 28' 29"	21° 59' 30"	106° 29' 30"	F-48-57-B-b
núi Khôn Chả	SV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 01"	106° 31' 55"					F-48-46-C
bản Khôn Mắng	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 03"	106° 31' 10"					F-48-46-C
núi Khuôn Đắng	SV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 01' 01"	106° 32' 06"					F-48-46-C
suối Khuôn Loỏng	TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			21° 59' 07"	106° 31' 51"	21° 59' 58"	106° 31' 12"	F-48-58-A-a
thôn Kòn Pheng	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 59' 12"	10629'02					F-48-57-B-b
thôn Mạy Sao	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 42"	106° 31' 40"					F-48-46-C
suối Nà Giảo	TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			22° 02' 38"	106° 30' 21"	22° 02' 16"	106° 29' 33"	F-48-45-D-d
cầu Nà Giảo	KX	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 04"	106° 30' 38"					F-48-46-C
thôn Nặm Bao	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 01"	106° 29' 05"					F-48-45-D-d
suối Nặm Bao	TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			22° 02' 16"	106° 29' 33"	22° 02' 35"	106° 29' 33"	F-48-45-D-d
cầu Nặm Bao	KX	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 02"	106° 29' 27"					F-48-45-D-d
thôn Phai Nà	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 01' 02"	106° 30' 06"					F-48-46-C
bản Pò Danh	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 59' 57"	106° 29' 39"					F-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pò Mánh	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 01' 37"	106° 32' 09"					F-48-46-C
thôn Quảng Sơn	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 00' 13"	106° 30' 40"					F-48-46-C
núi Sì Chu	SV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 19"	106° 28' 37"					F-48-45-D-d
suối Tà Phảng	TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			22° 00' 11"	106° 30' 39"	22° 01' 21"	106° 31' 33"	F-48-46-C
bản Tát Dầm	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 59' 22"	106° 29' 30"					F-48-57-B-b
bản Thâm Phia	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 58' 48"	106° 28' 55"					F-48-57-B-b
suối Bắc Chầu	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng			21° 55' 48"	106° 36' 58"	21° 56' 59"	106° 37' 31"	F-48-58-A
bản Bản Đác	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 42"	106° 37' 54"					F-48-58-A
thôn Bó Chầu	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 49"	106° 37' 24"					F-48-58-A-a
bản Bó Lào	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 02"	106° 37' 23"					F-48-58-A
bản Cần Nong	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 33"	106° 37' 43"					F-48-58-A
núi Càng Nộc	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 35"	106° 37' 19"					F-48-58-A-a
bản Còn Lạn	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 17"	106° 37' 54"					F-48-58-A
bản Hang Lệ	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 53"	106° 37' 34"					F-48-58-A
núi Hang Nơ	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 58' 07"	106° 37' 51"					F-48-58-A
bản Kéo Cà	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 19"	106° 37' 10"					F-48-58-A-a
thôn Khâu Pạ	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 55' 13"	106° 38' 29"					F-48-58-A
núi Khau Tăng	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 55' 27"	106° 38' 31"					F-48-58-A
núi Lằng Ca	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 55' 40"	106° 39' 27"					F-48-58-A
thôn Nà Lùng	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 28"	106° 37' 48"					F-48-58-A
thôn Nà Pàn	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 13"	106° 38' 02"					F-48-58-A
đập Nà Pàn	KX	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 05"	106° 37' 59"					F-48-58-A
bản Pác Háy	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 41"	106° 37' 44"					F-48-58-A
bản Phặc Lạng	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 08"	106° 38' 01"					F-48-58-A
bản Phú Lẩu	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 12"	106° 37' 47"					F-48-58-A
bản Pò Bâm	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 07"	106° 37' 52"					F-48-58-A
núi Quan Viên	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 11"	106° 38' 18"					F-48-58-A
núi Soong Phày	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 37"	106° 38' 43"					F-48-58-A
khuổi Slân	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 01' 17"	106° 38' 49"	22° 01' 29"	106° 37' 54"	F-48-46-C
thôn Bản Lè	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 34"	106° 36' 30"					F-48-46-C
thôn Bản Ỏ	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	21° 59' 55"	106° 36' 43"					F-48-58-A-a
suối Bản Tích	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 03' 55"	106° 38' 01"	22° 03' 33"	106° 36' 44"	F-48-46-C
bản Cấp Kẻ	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 26"	106° 37' 32"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cốc Hắt	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 00' 20"	106° 37' 39"					F-48-46-C
suối Cốc Hắt	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 00' 17"	106° 37' 09"	22° 01' 13"	106° 37' 19"	F-48-46-C
bản Còn Nọoc	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 25"	106° 37' 44"					F-48-46-C
suối Hoàng Việt	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 01' 29"	106° 37' 54"	22° 02' 27"	106° 36' 01"	F-48-46-C
núi Kéo Nà Cà	SV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 38"	106° 38' 36"					F-48-46-C
bản Khơi Đa	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 49"	106° 38' 18"					F-48-46-C
thôn Khun Pinh	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 20"	106° 36' 36"					F-48-46-C
thôn Khun Slam	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 41"	106° 37' 14"					F-48-46-C
bản Khuôn Chu	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 53"	106° 37' 40"					F-48-46-C
suối Khuôn Liền	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 00' 42"	106° 37' 32"	22° 01' 13"	106° 37' 19"	F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			21° 59' 13"	106° 35' 45"	22° 03' 04"	106° 36' 31"	F-48-46-C
bản Lùng Cáu	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	21° 59' 14"	106° 39' 45"					F-48-58-A
suối Lũng Cùng	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 03' 30"	106° 38' 42"	22° 02' 15"	106° 37' 09"	F-48-46-C
thôn Nà Áng	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 42"	106° 36' 50"					F-48-46-C
bản Nà Cộng	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 35"	106° 38' 01"					F-48-46-C
thôn Nà Khách	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 03' 32"	106° 38' 07"					F-48-46-C
đập Nà Khách	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 03' 14"	106° 38' 00"					F-48-46-C
thôn Nà Mạt	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 53"	106° 37' 19"					F-48-46-C
thôn Nà Phai	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 10"	106° 36' 27"					F-48-46-C
thôn Nà Quynh	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 00' 26"	106° 35' 46"					F-48-46-C
bản Pác Đón	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 18"	106° 36' 18"					F-48-46-C
núi Pò Lầm Chấp	SV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 03' 04"	106° 38' 33"					F-48-46-C
thôn Pò Pheo	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 31"	106° 37' 22"					F-48-46-C
thôn Tà Piạc	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 00' 37"	106° 35' 02"					F-48-46-C
bản Tềnh Đồn	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 28"	106° 36' 24"					F-48-46-C
bản Tổng Chào	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 06"	106° 38' 14"					F-48-46-C
thôn Bản Bẻng	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 07"	106° 28' 43"					F-48-45-D-d
thôn Bản Kìa	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 01"	106° 28' 58"					F-48-45-D-d
thôn Bản Miằng	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 29"	106° 28' 49"					F-48-45-D-d
thôn Bình Dân	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 02' 40"	106° 27' 55"					F-48-45-D-d
nặm Bú	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 55"	106° 27' 27"	22° 05' 17"	106° 28' 55"	F-48-45-D-d
thôn Co Tào	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 05' 24"	106° 27' 41"					F-48-45-D-d
thôn Cốc Mặn	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 58"	106° 26' 52"					F-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Cốc Mặn	SV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 38"	106° 26' 56"					F-48-45-D-d
thôn Đông Chang	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 31"	106° 29' 42"					F-48-45-D-d
thôn Háng Van	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 02' 49"	106° 28' 43"					F-48-45-D-d
suối Hội Hoan	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 08"	106° 29' 07"	22° 05' 41"	106° 28' 59"	F-48-45-D-d
bản Khau Quan	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 05' 15"	106° 27' 35"					F-48-45-D-d
khuổi Khem	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 50"	106° 26' 51"	22° 05' 58"	106° 26' 45"	F-48-45-D-d
khuổi Khem	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 50"	106° 26' 51"	22° 03' 17"	106° 27' 20"	F-48-45-D-d
thôn Khuổi Rào	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 05' 23"	106° 26' 44"					F-48-45-D-d
suối Khuôn Nghiều	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 39"	106° 29' 33"	22° 04' 08"	106° 29' 20"	F-48-45-D-d
thôn Phiêng Liệt	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 54"	106° 29' 42"					F-48-45-D-d
bản Thẳm Bẻ	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 31"	106° 28' 04"					F-48-45-D-d
suối Thẳm Bẻ	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 26"	106° 27' 48"	22° 03' 48"	106° 28' 25"	F-48-45-D-d
khuổi Toọc	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 04' 38"	106° 27' 03"	22° 06' 11"	106° 28' 34"	F-48-45-D-d
thôn Bản Nhùng	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 57' 46"	106° 36' 27"					F-48-58-A-a
bản Cốc Hắt	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 59' 35"	106° 37' 19"					F-48-58-A-a
bản Keng Vài	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 57' 14"	106° 36' 23"					F-48-58-A-a
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng			21° 55' 00"	106° 35' 58"	21° 59' 13"	106° 35' 45"	F-48-58-A-a
suối Lậu Cáy	TV	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng			21° 58' 02"	106° 37' 09"	21° 58' 55"	106° 37' 01"	F-48-58-A-a
thôn Lùng Đúc	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 59"	106° 35' 52"					F-48-58-A-a
thôn Lùng Mười	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 58' 34"	106° 36' 53"					F-48-58-A-a
bản Lùng Vài	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 58' 20"	106° 36' 15"					F-48-58-A-a
thôn Nà Tao	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 12"	106° 36' 18"					F-48-58-A-a
thôn Pác Bó	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 22"	106° 36' 09"					F-48-58-A-a
thôn Pác Sàng	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 43"	106° 36' 09"					F-48-58-A-a
bản Quang Pải	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 58' 59"	106° 37' 03"					F-48-58-A-a
thôn Bản Van	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 02' 21"	106° 28' 02"					F-48-45-D-d
thôn Bình Độ	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 00' 21"	106° 27' 37"					F-48-45-D-d
thôn Đồng Tâm	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 01' 50"	106° 28' 05"					F-48-45-D-d
suối Hin Ngùm	TV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng			22° 00' 35"	106° 28' 35"	22° 01' 18"	106° 28' 09"	F-48-45-D-d
thôn Hòa Lạc	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 01' 22"	106° 27' 45"					F-48-45-D-d
núi Mảy Van	SV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 02' 21"	106° 27' 14"					F-48-45-D-d
thôn Năm Hép	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 02' 11"	106° 27' 04"					F-48-45-D-d
núi Sam Choi	SV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 01' 37"	106° 26' 06"					F-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau SLin	SV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 00' 49"	106° 26' 49"					F-48-45-D-d
thôn Tác Chiến	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	21° 59' 48"	106° 27' 42"					F-48-57-B-b
suối Tát Đeng	TV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng			22° 00' 43"	106° 27' 55"	22° 02' 29"	106° 28' 02"	F-48-45-D-d
thôn Còn Luông	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 56"	106° 37' 05"					F-48-58-A
thôn Còn Tẩu Ư (Còn Tẩu)	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 44"	106° 36' 48"					F-48-58-A
núi Kéo Cà	SV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 55' 28"	106° 36' 46"					F-48-58-A
núi Kéo Hua Cầu	SV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 55' 20"	106° 37' 44"					F-48-58-A
thôn Khun Phung	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 49"	106° 37' 44"					F-48-58-A
sông Kỳ Cùng	TV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng			21° 53' 03"	106° 37' 27"	21° 53' 00"	106° 37' 23"	F-48-58-A
suối Lọ Cải	TV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng			21° 55' 02"	106° 37' 05"	21° 54' 42"	106° 36' 28"	F-48-58-A
thôn Lương Thác	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 15"	106° 36' 25"					F-48-58-A
núi Nà Hốc	SV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 59"	106° 36' 12"					F-48-58-A
đường tỉnh 232	KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			220° 03' 25"	106° 36' 37"	220° 02' 08"	106° 34' 44"	F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			220° 05' 18"	106° 35' 21"	220° 03' 39"	106° 36' 31"	F-48-46-C
thôn Bản Làng	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 04' 37"	106° 35' 07"					F-48-46-C
thôn Bó Củng	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 05' 13"	106° 35' 23"					F-48-46-C
suối Cầu Tăm	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 03' 13"	106° 34' 33"	22° 04' 03"	106° 35' 01"	F-48-46-C
suối Kéo An	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 02' 10"	106° 34' 37"	22° 03' 21"	106° 35' 02"	F-48-46-C
thôn Kéo Van	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 22"	106° 35' 11"					F-48-46-C
thôn Khuôn Roọc	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 04' 08"	106° 34' 47"					F-48-46-C
suối Khuôn Roọc	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 04' 00"	106° 34' 07"	22° 04' 03"	106° 35' 01"	F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 02' 27"	106° 35' 59"	22° 05' 10"	106° 35' 07"	F-48-46-C
thôn Nà Chà	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 14"	106° 36' 19"					F-48-46-C
suối Nà Chà	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 02' 50"	106° 35' 23"	22° 03' 17"	106° 36' 24"	F-48-46-C
bản Nà Chuông	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 02' 16"	106° 34' 41"					F-48-46-C
thôn Nà Cưởm	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 35"	106° 36' 24"					F-48-46-C
cầu Na Sầm	KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	220° 03' 25"	106° 36' 37"					F-48-46-C
thôn Phiêng Khoang	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 43"	106° 35' 39"					F-48-46-C
thôn Pò Lầu	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 35"	106° 35' 27"					F-48-46-C
cầu Tăm	KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	220° 04' 03"	106° 35' 03"					F-48-46-C
thôn Thanh Hảo	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 04' 34"	106° 35' 36"					F-48-46-C
đường tỉnh 233	KX	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 08"	106° 41' 01"	21° 58' 38"	106° 40' 27"	F-48-58-A
quốc lộ 4A	KX	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			22° 01' 01"	106° 38' 15"	21° 57' 14"	106° 41' 30"	F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Cắc Cào	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 16"	106° 40' 03"					F-48-58-A
lũng Canh Phòng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 02"	106° 40' 50"					F-48-58-A
núi Cẩu Tập	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 49"	106° 40' 43"					F-48-58-A
bản Chang	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 42"	106° 39' 16"					F-48-58-A
suối Cốc Lính	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 58' 29"	106° 38' 37"	21° 59' 21"	106° 39' 18"	F-48-58-A
thôn Cốc Lĩnh	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 00"	106° 38' 56"					F-48-58-A
bản Cốc Mặn	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 11"	106° 38' 60"					F-48-58-A
thôn Cốc Nam	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 32"	106° 41' 20"					F-48-58-A
núi Đài 05	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 10"	106° 41' 02"					F-48-58-A
bản Háng Mới	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 58"	106° 39' 23"					F-48-58-A
suối Háng Pài	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 43"	106° 40' 38"	21° 58' 50"	106° 39' 56"	F-48-58-A
núi Hang Soòng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 30"	106° 40' 19"					F-48-58-A
núi Hin Còn	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 13"	106° 40' 52"					F-48-58-A
núi Kéo Cước	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 27"	106° 40' 19"					F-48-58-A
suối Khau Chặm	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 21"	106° 39' 04"	21° 58' 17"	106° 39' 45"	F-48-58-A
lũng Khơ Đa	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 34"	106° 41' 07"					F-48-58-A
đồi Khôn Lùng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 31"	106° 38' 31"					F-48-58-A
bản Khưa Đa	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 15"	106° 41' 12"					F-48-58-A
thôn Khun Chặm	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 52"	106° 38' 47"					F-48-58-A
thôn Khun Lùng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 59"	106° 38' 12"					F-48-58-A
thôn Khun Lỳ	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 38"	106° 39' 36"					F-48-58-A
suối Khun Lỳ	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 48"	106° 39' 53"	21° 58' 17"	106° 39' 45"	F-48-58-A
núi Lủng Cáu	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 35"	106° 39' 58"					F-48-58-A
núi Lũng Chang	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 55"	106° 39' 41"					F-48-58-A
núi Lủng Lừa	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 39"	106° 39' 40"					F-48-58-A
núi Lũng Vài	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 18"	106° 41' 24"					F-48-58-A
bản Ma Mèo	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 38"	106° 40' 25"					F-48-58-A
bản Nà Chò	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 32"	106° 38' 05"					F-48-46-C
thôn Nà Dẫn	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 25"	106° 40' 19"					F-48-58-A
bản Nà Đeng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 22"	106° 39' 57"					F-48-58-A
thôn Nà Kéo	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 51"	106° 38' 23"					F-48-46-C
suối Nà Leng	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			22° 00' 00"	106° 38' 25"	22° 00' 59"	106° 38' 14"	F-48-46-C
thôn Nà Lẹng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 55"	106° 38' 43"					F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Loòng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 10"	106° 40' 28"					F-48-58-A
thôn Nà Mò	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 06"	106° 40' 19"					F-48-58-A
bản Nà Nọi	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 28"	106° 39' 09"					F-48-58-A
bản Nà Pò	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 30"	106° 40' 06"					F-48-58-A
bản Nà Pục	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 11"	106° 39' 33"					F-48-58-A
bản Nà Sả	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 13"	106° 38' 49"					F-48-46-C
bản Nà Tó	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 36"	106° 40' 16"					F-48-58-A
bản Nà Ún	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 15"	106° 38' 14"					F-48-46-C
bản Nghiều Ngoạ	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 48"	106° 39' 56"					F-48-58-A
suối Pá Phiêng	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 14"	106° 40' 48"	21° 57' 43"	106° 40' 38"	F-48-58-A
núi Pá Thang	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 43"	106° 40' 13"					F-48-58-A
suối Pác Kẹt	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 59' 40"	106° 38' 10"	22° 00' 00"	106° 38' 25"	F-48-58-A
núi Pác Lính	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 58"	106° 38' 34"					F-48-58-A
suối Pác Lùng	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 58' 50"	106° 39' 56"	21° 59' 21"	106° 39' 18"	F-48-58-A
bản Pác Luống	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 05"	106° 38' 57"					F-48-46-C
thôn Pò Cại	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 03"	106° 39' 12"					F-48-58-A
thôn Pò Chài	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 01"	106° 40' 07"					F-48-58-A
suối Pò Chài	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 56' 30"	106° 40' 04"	21° 58' 07"	106° 40' 14"	F-48-58-A
bản Pò Lầy	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 21"	106° 39' 43"					F-48-58-A
núi Pò Luông	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 51"	106° 40' 34"					F-48-58-A
bản Pò Phần	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 09"	106° 39' 17"					F-48-58-A
thôn Tà Lài	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 48"	106° 40' 17"					F-48-58-A
đài tưởng niệm LS Tân Mỹ	KX	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 57"	106° 41' 41"					F-48-58-A
bản Thâm Chạng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 09"	106° 37' 46"					F-48-46-C
lũng Tì Bản	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 22"	106° 40' 12"					F-48-58-A
núi Toong Chinh	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 37"	106° 39' 19"					F-48-46-C
đồi Vằng Kéng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 53"	106° 39' 19"					F-48-58-A
suối Khuôn Khẻ	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 04' 31"	106° 31' 11"	22° 04' 48"	106° 31' 54"	F-48-46-C
thôn Bản Cấn	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 25"	106° 33' 18"					F-48-46-C
suối Bản Cấn	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 04' 20"	106° 32' 57"	22° 03' 57"	106° 33' 37"	F-48-46-C
thôn Bản Đang	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 49"	106° 31' 53"					F-48-46-C
thôn Bản Gioòng	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 48"	106° 33' 41"					F-48-46-C
suối Bản Gioòng	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 05' 03"	106° 33' 24"	22° 04' 01"	106° 33' 58"	F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Sao	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 03' 41"	106° 33' 14"	22° 03' 57"	106° 33' 37"	F-48-46-C
núi Cáy Thứn	SV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 05' 57"	106° 31' 42"					F-48-46-C
bản Giả Đa	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 25"	106° 33' 34"					F-48-46-C
núi Hang Mạy Sao	SV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 56"	106° 31' 00"					F-48-46-C
bản Kéo Phải	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 56"	106° 33' 10"					F-48-46-C
núi Khuổi Xá	SV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 40"	106° 33' 28"					F-48-46-C
bản Khuôn Dương	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 50"	106° 32' 03"					F-48-46-C
bản Khuôn Sâu	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 05' 30"	106° 33' 21"					F-48-46-C
suối Khuôn Su	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 05' 58"	106° 32' 19"	22° 04' 24"	106° 32' 38"	F-48-46-C
thôn Nà Luông	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 51"	106° 34' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Mần	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 05' 21"	106° 32' 20"					F-48-46-C
bản Nà Quật	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 26"	106° 32' 49"					F-48-46-C
thôn Nà Slảng	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 05' 58"	106° 32' 38"					F-48-46-C
bản Pác Sao	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 04"	106° 33' 60"					F-48-46-C
suối Pác Sao	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 03' 38"	106° 31' 14"	22° 03' 44"	106° 32' 05"	F-48-46-C
bản Phạ	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 22"	106° 33' 37"					F-48-46-C
bản Tăm	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 13' 17"	106° 32' 20"					F-48-46-C
thôn Bản Đuốc	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 46"	106° 39' 30"					F-48-46-C
suối Bản Đuốc	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 02' 03"	106° 40' 00"	22° 01' 46"	106° 39' 07"	F-48-46-C
thôn Bản Thẩu	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 40"	106° 39' 52"					F-48-46-C
lũng Cầu Tập	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	21° 59' 59"	106° 40' 33"					F-48-58-A
núi Chấp Chíu	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 45"	106° 37' 46"					F-48-46-C
núi Dình Pùn	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 28"	106° 42' 17"					F-48-46-C
suối Đăng Puông	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 01' 52"	106° 40' 06"	22° 01' 18"	106° 39' 15"	F-48-46-C
núi Khau Khú	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 02' 45"	106° 39' 36"					F-48-46-C
đồi Khàu Ngầu	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 03' 17"	106° 41' 43"					F-48-46-C
đồi Khau Phước	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 50"	106° 42' 20"					F-48-46-C
khuổi Lầy	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 02' 20"	106° 38' 56"	22° 01' 37"	106° 38' 52"	F-48-46-C
suối Nà Cuổi	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 02' 41"	106° 39' 53"	22° 01' 46"	106° 39' 07"	F-48-46-C
thôn Nà Han	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 12"	106° 40' 51"					F-48-46-C
thôn Nà Lầu	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 33"	106° 40' 40"					F-48-46-C
suối Nà Ngòa	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 01' 35"	106° 41' 00"	22° 01' 18"	106° 39' 15"	F-48-46-C
thôn Nà Tồng	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 19"	106° 40' 11"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phia Cần Séc	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 23"	106° 41' 05"					F-48-46-C
cửa khẩu Tân Thanh	KX	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 14"	106° 40' 51"					F-48-46-C
Khu KT Tân Thanh	KX	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 20"	106° 40' 33"					F-48-46-C
khuỗi Cạu	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 09' 24"	106° 33' 48"	22° 09' 36"	106° 33' 17"	F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 10' 25"	106° 32' 23"	22° 07' 57"	106° 34' 53"	F-48-46-C
thôn Bản Quan	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 57"	106° 32' 28"					F-48-46-C
cầu Bản Quan	KX	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 31"	106° 33' 01"					F-48-46-C
thôn Bó Mịn	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 51"	106° 34' 50"					F-48-46-C
khuỗi Chàng	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 08' 15"	106° 32' 23"	22° 09' 15"	106° 33' 01"	F-48-46-C
thôn Khòn Búm	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 24"	106° 33' 58"					F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 07' 42"	106° 33' 54"	22° 10' 25"	106° 32' 19"	F-48-46-C
khau Lếch	SV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 10' 20"	106° 33' 12"					F-48-46-C
thôn Nà Cạn	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 24"	106° 33' 06"					F-48-46-C
cầu Nà Cạn	KX	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 38"	106° 32' 52"					F-48-46-C
thôn Nà Là	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 07' 60"	106° 33' 47"					F-48-46-C
thôn Nà Lẹng	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 49"	106° 33' 16"					F-48-46-C
bản Nà Pia (Nà Pjia)	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 22"	106° 34' 57"					F-48-46-C
bản Nà Tèo	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 32"	106° 34' 12"					F-48-46-C
suối Pá Bây	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 08' 38"	106° 35' 23"	22° 08' 17"	106° 34' 08"	F-48-46-C
thôn Pá Mỵ	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 07' 47"	106° 33' 36"					F-48-46-C
suối Phai Ne	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 08' 52"	106° 32' 17"	22° 09' 49"	106° 32' 42"	F-48-46-C
đường tỉnh 232	KX	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 02' 08"	106° 34' 44"	22° 00' 35"	106° 34' 36"	F-48-46-C
thôn Bản Đon	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 25"	106° 33' 15"					F-48-46-C
thôn Bản Mìn	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 28"	106° 33' 47"					F-48-46-C
suối Bản Nam	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 00' 04"	106° 32' 56"	22° 00' 58"	106° 35' 02"	F-48-46-C
thôn Cốc Pàu	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 03' 24"	106° 33' 02"					F-48-46-C
núi Đông Slấn	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 60"	106° 34' 46"					F-48-46-C
đèo Hang Phạ	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 03' 10"	106° 33' 31"					F-48-46-C
suối Kéo An	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 01' 32"	106° 34' 04"	22° 03' 06"	106° 34' 32"	F-48-46-C
đèo Khoang Tồng	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 13"	106° 34' 25"					F-48-46-C
thôn Khun Bủng	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 26"	106° 33' 46"					F-48-46-C
suối Khuôn Bủng	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 01' 33"	106° 33' 51"	22° 00' 23"	106° 33' 37"	F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 00' 58"	106° 35' 02"	22° 02' 27"	106° 35' 59"	F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Mèng	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 38"	106° 32' 27"					F-48-46-C
thôn Nặm Tấu	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 58"	106° 34' 27"					F-48-46-C
cầu Nặm Tấu	KX	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 03' 08"	106° 34' 33"					F-48-46-C
thôn Pác Ca	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 45"	106° 35' 33"					F-48-46-C
núi Phia Sli	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 11"	106° 34' 19"					F-48-46-C
bản Pò Cuổi	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 00' 26"	106° 33' 38"					F-48-46-C
suối Tà Phảng	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 01' 30"	106° 32' 29"	22° 03' 06"	106° 34' 32"	F-48-46-C
thôn Tả Phang	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 49"	106° 33' 03"					F-48-46-C
thôn Tình Bó	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 58"	106° 32' 18"					F-48-46-C
thôn Bản Cáu	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 59"	106° 41' 31"					F-48-46-C
bản Bản Tát	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 06' 15"	106° 39' 59"					F-48-46-C
bản Còn Phia	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 17"	106° 41' 47"					F-48-46-C
bản Còn Slung	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 55"	106° 40' 06"					F-48-46-C
thôn Đăng Van	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 56"	106° 39' 41"					F-48-46-C
thôn Đon Trang	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 13"	106° 41' 15"					F-48-46-C
thôn Khau Khú	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 44"	106° 40' 01"					F-48-46-C
núi Khôn Nâm	SV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 06' 28"	106° 39' 45"					F-48-46-C
suối Khuổi Chạt	TV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng			22° 04' 01"	106° 38' 41"	22° 04' 28"	106° 39' 35"	F-48-46-C
núi Lũng Luông	SV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 43"	106° 41' 31"					F-48-46-C
bản Mầm Mèng	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 35"	106° 41' 03"					F-48-46-C
thôn Nà Cà	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 56"	106° 38' 51"					F-48-46-C
thôn Nà Han	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 57"	106° 40' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Liền	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 28"	106° 38' 52"					F-48-46-C
thôn Nà Phân	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 22"	106° 41' 08"					F-48-46-C
bản Nà Phường	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 36"	106° 42' 04"					F-48-46-C
bản Nà Po	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 13"	106° 39' 57"					F-48-46-C
đập Nà Sường	KX	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 18"	106° 40' 54"					F-48-46-C
cầu Nà Va	KX	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 20"	106° 40' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Vạc	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 25"	106° 40' 53"					F-48-46-C
bản Nà Xỏm	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 33"	106° 38' 55"					F-48-46-C
suối Nặm Niếng	TV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng			22° 02' 50"	106° 40' 42"	22° 04' 50"	106° 41' 20"	F-48-46-C
thôn Pá Chí	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 53"	106° 41' 57"					F-48-46-C
thôn Pác Cú	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 32"	106° 40' 40"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pàn Phước	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 37"	106° 41' 15"					F-48-46-C
thôn Pó Bửn	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 37"	106° 41' 50"					F-48-46-C
núi Pò Ngầm	SV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 01"	106° 42' 06"					F-48-46-C
núi Pò Soong	SV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 53"	106° 40' 35"					F-48-46-C
bản Slam Kha	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 17"	106° 38' 57"					F-48-46-C
thôn Tẳng Cạo	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 35"	106° 39' 27"					F-48-46-C
thôn Bản Pịa	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 14"	106° 37' 07"					F-48-46-C
thôn Bản Tả	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 15"	106° 40' 05"					F-48-46-C
suối Bản Tát	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 06' 26"	106° 40' 08"	22° 07' 01"	106° 39' 56"	F-48-46-C
bản Co Luồng	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 08' 07"	106° 40' 07"					F-48-46-C
núi Cốc Lăng	SV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 28"	106° 37' 12"					F-48-46-C
thôn Còn Ngoà	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 16"	106° 40' 52"					F-48-46-C
suối Khuổi Sáng	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 08' 10"	106° 40' 49"	22° 08' 22"	106° 40' 30"	F-48-46-C
thôn Khuổi Thâm	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 00"	106° 37' 44"					F-48-46-C
bản Nà Chanh	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 16"	106° 38' 19"					F-48-46-C
thôn Na Hình	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 08' 07"	106° 41' 10"					F-48-46-C
thôn Nà Luông	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 44"	106° 41' 07"					F-48-46-C
suối Nà Luông	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 06' 10"	106° 40' 27"	22° 08' 10"	106° 40' 49"	F-48-46-C
thôn Nà Mới	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 30"	106° 37' 29"					F-48-46-C
thôn Nà So	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 24"	106° 40' 59"					F-48-46-C
đập Nà Van	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 20"	106° 40' 43"					F-48-46-C
suối Pá Cáy	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 07' 43"	106° 39' 13"	22° 07' 38"	106° 39' 30"	F-48-46-C
thôn Pác Cáy	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 35"	106° 39' 29"					F-48-46-C
suối Pác Chanh	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 06' 28"	106° 38' 35"	22° 07' 17"	106° 39' 00"	F-48-46-C
bản Pò Mu	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 49"	106° 40' 60"					F-48-46-C
thôn Pò Pheo	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 24"	106° 38' 36"					F-48-46-C
suối Thâm Pàng	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 06' 12"	106° 37' 08"	22° 07' 18"	106° 38' 27"	F-48-46-C
thôn Thâm Pằng	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 15"	106° 37' 28"					F-48-46-C
thôn Thâm Slầm	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 34"	106° 39' 08"					F-48-46-C
đường tỉnh 229	KX	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng			22° 07' 40"	106° 35' 45"	22° 09' 58"	106° 36' 53"	F-48-46-C
thôn Bản Cháu	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 24"	106° 36' 38"					F-48-46-C
suối Bản Manh	TV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng			22° 09' 05"	106° 39' 10"	22° 10' 09"	106° 39' 37"	F-48-46-C
thôn Bản Pẻn	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 32"	106° 37' 10"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Đông Báu	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 10' 08"	106° 39' 34"					F-48-46-C
bản Đông Slấn	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 20"	106° 37' 51"					F-48-46-C
thôn Khuổi Chang	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 25"	106° 37' 28"					F-48-46-C
suối Khuôi Sáng	TV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng			22° 08' 22"	106° 40' 30"	22° 09' 54"	106° 40' 12"	F-48-46-C
khau Luông	SV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 15"	106° 41' 09"					F-48-46-C
bản Manh Nưa	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 54"	106° 38' 25"					F-48-46-C
bản Manh Tẩu Ư (Manh Tẩu)	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 00"	106° 38' 42"					F-48-46-C
bản Nà Lẹng	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 18"	106° 38' 46"					F-48-46-C
bản Nà Sla	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 51"	106° 37' 12"					F-48-46-C
bản Nà Tồng	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 46"	106° 40' 14"					F-48-46-C
thôn Pá Tặp	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 07' 42"	106° 35' 51"					F-48-46-C
núi Pò Cuốc	SV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 40"	106° 39' 24"					F-48-46-C
thôn Pò Hà	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 07' 58"	106° 36' 41"					F-48-46-C
bản Pò Lo	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 07"	106° 40' 27"					F-48-46-C
bản Pò Mặt	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 35"	106° 40' 22"					F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 07' 57"	106° 34' 53"	22° 05' 19"	106° 35' 21"	F-48-46-C
thôn Bản Gioong	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 38"	106° 34' 10"					F-48-46-C
thôn Bản Vạc	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 05"	106° 35' 34"					F-48-46-C
cầu Bó Củng	KX	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 19"	106° 35' 21"					F-48-46-C
đèo Kéo Pia	SV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 12"	106° 36' 44"					F-48-46-C
khuổi Khẻ	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 05' 59"	106° 36' 24"	22° 05' 50"	106° 35' 58"	F-48-46-C
bản Khòn Sâu	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 28"	106° 34' 24"					F-48-46-C
bản Khun Cùng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 15"	106° 34' 58"					F-48-46-C
thôn Khun Gioong	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 55"	106° 33' 22"					F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 05' 10"	106° 35' 09"	22° 07' 40"	106° 33' 54"	F-48-46-C
thôn Liệt Đâu Ư (Liệt Đâư)	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 07"	106° 35' 16"					F-48-46-C
thôn Liệt Noọc	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 55"	106° 35' 18"					F-48-46-C
suối Lọ Lải	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 06' 24"	106° 36' 47"	22° 06' 21"	106° 35' 24"	F-48-46-C
thôn Lũng Thuống	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 57"	106° 34' 58"					F-48-46-C
thôn Lũng Vài	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 42"	106° 35' 24"					F-48-46-C
hồ Lũng Vài	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 49"	106° 35' 23"					F-48-46-C
núi Mè Măng	SV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 27"	106° 36' 50"					F-48-46-C
núi Mỏ Toòng	SV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 44"	106° 32' 21"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Chi	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 20"	106° 34' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Chồng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 00"	106° 34' 38"					F-48-46-C
suối Nà Liệt	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 07' 11"	106° 36' 25"	22° 06' 21"	106° 35' 24"	F-48-46-C
thôn Nà Lừa	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 58"	106° 32' 38"					F-48-46-C
suối Nà Lừa	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 07' 15"	106° 32' 37"	22° 06' 54"	106° 34' 00"	F-48-46-C
thôn Nà Mèng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 06"	106° 34' 11"					F-48-46-C
thôn Nà Phai	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 33"	106° 34' 59"					F-48-46-C
thôn Pá Danh	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 25"	106° 34' 22"					F-48-46-C
thôn Pàn Khinh	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 49"	106° 34' 26"					F-48-46-C
thôn Phai Poóng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 51"	106° 34' 50"					F-48-46-C
thôn Tồng Kịt	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 28"	106° 34' 35"					F-48-46-C
quốc lộ 1B	KX	TT. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 51' 08"	106° 30' 42"	21° 52' 44"	106° 33' 12"	F-48-58-A-c
sông Bó Pia (Bó Pya)	TV	TT. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 51' 10"	106° 30' 42"	21° 52' 45"	106° 33' 12"	F-48-58-A-c
sông Bó Xuất	TV	TT. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 51' 20"	106° 31' 39"	21° 51' 52"	106° 32' 01"	F-48-58-A-c
cầu Đức Hinh	KX	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 46"	106° 32' 01"					F-48-58-A-c
phố Đức Hinh 1	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 59"	106° 31' 41"					F-48-58-A-c
phố Đức Hinh 2	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 46"	106° 31' 49"					F-48-58-A-c
phố Đức Tâm 1	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 48"	106° 32' 07"					F-48-58-A-c
phố Đức Thịnh	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 24"	106° 31' 51"					F-48-58-A-c
bản Khun Tát	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 37"	106° 32' 58"					F-48-58-A-a
sông Lù Lộc	TV	TT. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 52' 07"	106° 30' 30"	21° 51' 53"	106° 30' 57"	F-48-58-A-c
núi Pò LSung	SV	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 17"	106° 31' 32"					F-48-58-A-c
phố Tân An	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 52"	106° 32' 28"					F-48-58-A-c
phố Tân Long	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 38"	106° 30' 59"					F-48-58-A-c
phố Tân Minh	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 20"	106° 32' 40"					F-48-58-A-c
phố Tân Thanh 1	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 54"	106° 31' 10"					F-48-58-A-c
phố Tân Thanh 2	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 05"	106° 31' 19"					F-48-58-A-c
phố Tân Xuân	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 45"	106° 31' 10"					F-48-58-A-c
thôn Bản Sầm	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 49' 10"	106° 31' 56"					F-48-58-A-c
cầu Bản Sầm	KX	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 48' 51"	106° 31' 46"					F-48-58-A-c
núi Chá Căng	SV	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 49' 16"	106° 31' 04"					F-48-58-A-c
bản Cốc Lọ	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 33"	106° 31' 31"					F-48-58-A-c
bản Còn Mon	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 23"	106° 31' 51"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Đông Bẻng	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 07"	106° 31' 16"					F-48-58-A-c
bản Khòn Khoang	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 04"	106° 31' 37"					F-48-58-A-c
bản Khòn Làng	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 50"	106° 31' 24"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Mới	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 31' 50"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Nhừ	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 45"	106° 31' 07"					F-48-58-A-c
bản Khum Nặm	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 26"	106° 31' 29"					F-48-58-A-c
bản Lù Hút	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 32"	106° 31' 02"					F-48-58-A-c
bản Lũng Lặng	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 40"	106° 30' 25"					F-48-58-A-c
thôn Lũng Thước	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 48"	106° 30' 28"					F-48-58-A-c
suối Mơ	TV	xã Bình Phúc	H. Văn Quan			21° 46' 37"	106° 31' 19"	21° 49' 26"	106° 31' 41"	F-48-58-A-c
bản Nà Chè	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 40"	106° 31' 53"					F-48-58-A-c
thôn Nà Dài	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 32' 04"					F-48-58-A-c
thôn Nà Hấy	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 54"	106° 32' 11"					F-48-58-A-c
bản Nà Lèo	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 32"	106° 31' 17"					F-48-58-A-c
bản Nà Lò	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 48' 11"	106° 31' 42"					F-48-58-A-c
thôn Pắc Cắm	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 48' 20"	106° 31' 43"					F-48-58-A-c
đường tỉnh 239	KX	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 52' 39"	106° 35' 53"	21° 49' 47"	106° 35' 49"	F-48-58-A-c
thôn bản Noóc	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 09"	106° 36' 52"					F-48-58-A-c
núi Cốc Ngoà	SV	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 26"	106° 37' 38"					F-48-58-A-d
bản Cốc Phát	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 14"	106° 36' 03"					F-48-58-A-c
sông Cốc Phát	TV	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 52' 20"	106° 35' 49"	21° 50' 53"	106° 36' 08"	F-48-58-A-c
thôn Cốc Phường	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 49"	106° 36' 02"					F-48-58-A-c
bản Cốc Pục	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 29"	106° 37' 33"					F-48-58-A-d
thôn Đoỏng Đeng	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 50' 25"	106° 35' 49"					F-48-58-A-c
khuổi Mương	TV	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 51' 27"	106° 37' 24"	21° 51' 29"	106° 36' 46"	F-48-58-A-c
thôn Nà Chỏn	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 50' 55"	106° 36' 23"					F-48-58-A-c
bản Nà Choóc	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 13"	106° 37' 15"					F-48-58-A-c
thôn Nà Pài	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 35"	106° 35' 56"					F-48-58-A-a
thôn Nà Tèn	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 43"	106° 36' 17"					F-48-58-A-c
thôn Nà Thòa	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 50' 41"	106° 36' 00"					F-48-58-A-c
núi Phai Ngạn	SV	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 55"	106° 38' 01"					F-48-58-A-d
suối Phai Pản	TV	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 52' 41"	106° 36' 46"	21° 51' 52"	106° 36' 44"	F-48-58-A-c
thôn Phai Xả	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 24"	106° 36' 53"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1B	KX	xã Đại An	H. Văn Quan			21° 53' 01"	106° 34' 12"	21° 52' 45"	106° 34' 43"	F-48-58-A-a
thôn Bình Đăng B	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 55"	106° 33' 49"					F-48-58-A-c
thôn Còn Mìn	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 02"	106° 34' 25"					F-48-58-A-c
núi Đông Đăm	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 43"	106° 33' 50"					F-48-58-A-a
núi Đông Dưới	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 59"	106° 33' 12"					F-48-58-A-c
thôn Ích Hữu	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 52"	106° 33' 29"					F-48-58-A-c
bản Khòn Nưa	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 21"	106° 35' 13"					F-48-58-A-c
núi Lũng Ngần	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 15"	106° 32' 54"					F-48-58-A-c
bản Lùng Pa	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 59"	106° 34' 24"					F-48-58-A-a
bản Nà Áng	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 27"	106° 33' 40"					F-48-58-A-c
khau Ngọ	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 32"	106° 34' 56"					F-48-58-A-c
thôn Pá Tuồng	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 20"	106° 34' 04"					F-48-58-A-c
thôn Pác Lùng	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 09"	106° 34' 39"					F-48-58-A-c
bản Pò Điểm	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 58"	106° 35' 02"					F-48-58-A-c
núi Xa Khao	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 15"	106° 35' 12"					F-48-58-A-c
núi Xa Mật	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 51"	106° 35' 05"					F-48-58-A-c
thôn Xuân Quang	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 21"	106° 35' 00"					F-48-58-A-c
thôn Bắc Nam	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 44"	106° 41' 23"					F-48-58-A-d
thôn Bản Chạp	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 35"	106° 40' 14"					F-48-58-A-d
thôn Cốc Sáng	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 42"	106° 41' 11"					F-48-58-A-d
núi Khau Puồng	SV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 19"	106° 42' 34"					F-48-58-A-d
thôn Khuổi Nọi	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 29"	106° 42' 03"					F-48-58-A-d
núi Khuổi Phìn	SV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 08"	106° 42' 33"					F-48-58-A-d
sông Kỳ Cùng	TV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan			21° 52' 15"	106° 42' 00"	21° 52' 14"	106° 40' 14"	F-48-58-A-d
thôn Lùng Cúng	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 53"	106° 42' 29"					F-48-58-A-d
suối Nà Bản	TV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan			21° 50' 16"	106° 41' 18"	21° 51' 46"	106° 41' 37"	F-48-58-A-d
thôn Nà Bản	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 54"	106° 41' 28"					F-48-58-A-d
thôn Nà Dảo	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 02"	106° 40' 28"					F-48-58-A-d
thôn Pá Tuồng	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 05"	106° 40' 15"					F-48-58-A-d
thôn Phai Lừa	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 48"	106° 39' 31"					F-48-58-A-d
núi Boong Luông	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 30' 30"					F-48-58-A-a
thôn Còn Hẩu	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 34"	106° 31' 53"					F-48-58-A-a
bản Hạ Hao	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 20"	106° 30' 45"					F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hà Quảng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 58"	106° 32' 43"					F-48-58-A-a
núi Kéo Đông	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 55"	106° 30' 36"					F-48-58-A-a
thôn Lùng Rằng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 58"	106° 32' 16"					F-48-58-A-a
núi Nà Bon	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 55' 17"	106° 32' 13"					F-48-58-A-a
thôn Nà Văng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 33"	106° 31' 06"					F-48-58-A-a
suối Pá Náp	TV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan			21° 54' 02"	106° 30' 14"	21° 52' 43"	106° 31' 12"	F-48-58-A-a
núi SLẫu Lường	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 29"	106° 30' 31"					F-48-58-A-a
bản Thượng Hao	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 41"	106° 29' 51"					F-48-57-B-b
thôn Trung Thượng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 06"	106° 30' 23"					F-48-58-A-a
suối Trung Thượng	TV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan			21° 55' 04"	106° 30' 23"	21° 54' 02"	106° 30' 14"	F-48-58-A-a
núi Ăng Ngoặn	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 58"	106° 26' 25"					F-48-57-D-b
thôn Bản Chặng	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 52"	106° 26' 01"					F-48-57-D-b
thôn Bản Rượi	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 48"	106° 25' 21"					F-48-57-D-b
thôn Bản Xó	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 54"	106° 25' 30"					F-48-57-D-b
núi Bó Bang	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 53"	106° 24' 02"					F-48-57-D-b
bản Bó Duốc	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 52"	106° 25' 08"					F-48-57-D-b
đèo Cáng	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 17"	106° 23' 15"					F-48-57-D-b
bản Cốc Trò	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 00"	106° 25' 24"					F-48-57-D-b
thôn Đon Chợ	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 37"	106° 24' 39"					F-48-57-D-b
đèo Hản	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 40"	106° 26' 12"					F-48-57-D-b
núi Hin Ngần	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 55"	106° 25' 06"					F-48-57-D-b
đèo Kéo Hin	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 23"	106° 26' 52"					F-48-57-B-d
bản Khòn Hù	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 00"	106° 25' 52"					F-48-57-D-b
núi Khuôn Chiếng	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 15"	106° 24' 54"					F-48-57-D-b
bản Lân Bó	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 41' 39"	106° 25' 57"					F-48-57-D-b
núi Lùng Luông	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 15"	106° 25' 34"					F-48-57-D-b
núi Lũng Văn	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 57"	106° 25' 57"					F-48-57-D-b
thôn Nà Ne	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 30"	106° 25' 29"					F-48-57-B-d
núi Nà Nhum	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 21"	106° 26' 30"					F-48-57-B-d
đèo Nghiến	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 38"	106° 26' 20"					F-48-57-D-b
núi Pá Nứa	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 14"	106° 26' 27"					F-48-57-D-b
bản Pá Ta	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 46"	106° 25' 43"					F-48-57-D-b
núi Pá Ta	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 26"	106° 25' 38"					F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phiêng Vầy	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 50"	106° 26' 36"					F-48-57-D-b
bản Tấn Nùng	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 14"	106° 27' 26"					F-48-57-D-b
quốc lộ 1B	KX	xã Khánh Khê	H. Văn Quan			21° 52' 58"	106° 37' 30"	21° 52' 43"	106° 39' 18"	F-48-58-A
thôn Bản Khính	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 39"	106° 39' 13"					F-48-58-A
bản Chất Ngụt	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 06"	106° 39' 07"					F-48-58-A-d
thôn Cốc Ca	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 25"	106° 39' 18"					F-48-58-A-d
thôn Còn Khiển	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 44"	106° 37' 46"					F-48-58-A
thôn Đồng Chuông	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 39"	106° 37' 55"					F-48-58-A
cầu Khánh Khê	KX	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 52"	106° 39' 10"					F-48-58-A
bản Khung Phya	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 48"	106° 38' 24"					F-48-58-A
bản Khuổi Rượi	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 51' 44"	106° 39' 07"					F-48-58-A-d
suối Khuôn Pán	TV	xã Khánh Khê	H. Văn Quan			21° 51' 45"	106° 38' 31"	21° 52' 49"	106° 38' 43"	F-48-58-A
sông Kỳ Cùng	TV	xã Khánh Khê	H. Văn Quan			21° 52' 13"	106° 40' 14"	21° 53' 03"	106° 37' 27"	F-48-58-A
suối Lọ Vạt	TV	xã Khánh Khê	H. Văn Quan			21° 52' 05"	106° 37' 33"	21° 52' 57"	106° 37' 48"	F-48-58-A
thôn Nà Khau	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 33"	106° 38' 43"					F-48-58-A
thôn Nà Lốc	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 48"	106° 38' 09"					F-48-58-A
đập Thủy Luân	KX	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 43"	106° 39' 18"					F-48-58-A
quốc lộ 1B	KX	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 52' 17"	106° 26' 13"	21° 50' 05"	106° 28' 09"	F-48-57-B-d
thôn Bản Chầu	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 26' 44"					F-48-57-B-d
suối Bản Chầu	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 49' 33"	106° 26' 43"	21° 50' 10"	106° 27' 50"	F-48-57-B-d
thôn Bản Đú	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 52' 05"	106° 26' 14"					F-48-57-B-d
thôn Bản Kinh	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 27"	106° 25' 30"					F-48-57-B-d
bản Bản Sơ Han (Bản Shan)	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 37"	106° 26' 44"					F-48-57-B-d
suối Bản Sơ Han (Bản Shan)	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 49' 42"	106° 25' 47"	21° 50' 40"	106° 26' 59"	F-48-57-B-d
thôn Bản Téng	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 15"	106° 26' 55"					F-48-57-B-d
núi Khuôn Da	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 20"	106° 27' 22"					F-48-57-B-d
bản Lùng Còn	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 38"	106° 26' 13"					F-48-57-B-d
núi Lũng Lì	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 24"	106° 25' 13"					F-48-57-B-d
núi Lùng Toòng	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 08"	106° 25' 39"					F-48-57-B-d
sông Lương Năng	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 50' 40"	106° 26' 59"	21° 50' 04"	106° 28' 09"	F-48-57-B-d
thôn Nà Lượt	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 02"	106° 25' 49"					F-48-57-B-d
bản Nà Mè	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 23"	106° 27' 41"					F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Thang	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 48"	106° 26' 59"					F-48-57-B-d
núi Nàng Sơ Hiên (Nàng Shiên)	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 12"	106° 26' 31"					F-48-57-B-d
thôn Pá Hà	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 48' 37"	106° 25' 20"					F-48-57-B-d
núi Pá Hà	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 48' 53"	106° 24' 35"					F-48-57-B-d
suối Pá Hà	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 48' 25"	106° 24' 50"	21° 50' 03"	106° 25' 42"	F-48-57-B-d
bản Phai Quan	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 45"	106° 26' 56"					F-48-57-B-d
núi Pò Nà Sạng	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 52' 07"	106° 26' 58"					F-48-57-B-d
bản Soong Bai	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 42"	106° 27' 23"					F-48-57-B-d
bản Tùng Dày	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 49' 01"	106° 25' 23"					F-48-57-B-d
thôn Bản Nhang	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 18"	106° 30' 24"					F-48-58-A-a
thôn Giang Nưa	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 49"	106° 30' 35"					F-48-58-A-a
thôn Giang Tẩu Ư (Giang Tâư)	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 26"	106° 30' 05"					F-48-58-A-a
núi Khôn Nọc	SV	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 58' 19"	106° 30' 15"					F-48-58-A-a
bản Khuôn Sá	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 54"	106° 32' 24"					F-48-58-A-a
núi Nà Luông	SV	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 53"	106° 31' 43"					F-48-58-A-a
suối Phai Slảo	TV	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan			21° 57' 55"	106° 32' 05"	21° 58' 22"	106° 32' 31"	F-48-58-A-a
bản Tăm Đông	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 05"	106° 31' 34"					F-48-58-A-a
bản Tăm Tẩu Ư (Tăm Tẩu)	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 58' 15"	106° 32' 14"					F-48-58-A-a
thôn An Mạ	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 13"	106° 34' 41"					F-48-58-A-a
thôn Bản Đin	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 56' 04"	106° 35' 45"					F-48-58-A-a
thôn Bản Thẳm	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 57' 23"	106° 35' 52"					F-48-58-A-a
núi Khum Quốc	SV	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 33"	106° 35' 01"					F-48-58-A-a
thôn Khun Pàu	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 56' 03"	106° 35' 11"					F-48-58-A-a
sông Kỳ Cùng	TV	xã Song Giang	H. Văn Quan			21° 54' 30"	106° 35' 44"	21° 58' 16"	106° 36' 06"	F-48-58-A-a
núi Lùng Riềng	SV	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 41"	106° 34' 33"					F-48-58-A-a
sông Mô Pia	TV	xã Song Giang	H. Văn Quan			21° 55' 12"	106° 34' 39"	21° 55' 40"	106° 36' 00"	F-48-58-A-a
thôn Nà Lọ	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 06"	106° 35' 49"					F-48-58-A-a
thôn Nà Lược	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 58' 03"	106° 36' 19"					F-48-58-A-a
thôn Pác Làng	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 34"	106° 35' 55"					F-48-58-A-a
đường tỉnh 239	KX	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan			21° 49' 46"	106° 35' 49"	21° 47' 48"	106° 36' 26"	F-48-58-A-c
chợ Ba Xã	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 57"	106° 36' 21"					F-48-58-A-c
thôn Bản Nằng	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 48"	106° 37' 10"					F-48-58-A-c
hồ Bản Nằng	TV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 45"	106° 36' 57"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Bó Quất	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 04"	106° 36' 55"					F-48-58-A-c
khau Chông Mu	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 57"	106° 35' 18"					F-48-58-A-c
bản Kéo Kít	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 55"	106° 36' 27"					F-48-58-A-c
núi Kéo Rào	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 29"	106° 35' 16"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Cải	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 28"	106° 36' 17"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Ngoà	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 52"	106° 36' 15"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Pá	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 23"	106° 36' 39"					F-48-58-A-c
bản Khòn Sào	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 39"	106° 36' 07"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Sày	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 31"	106° 35' 46"					F-48-58-A-c
bản Khòn Xừa	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 45"	106° 35' 42"					F-48-58-A-c
bản Khưa Thúm	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 02"	106° 36' 38"					F-48-58-A-c
bản Khun Xóm	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 30"	106° 36' 00"					F-48-58-A-c
bản Lùng Cuổi	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 40"	106° 36' 19"					F-48-58-A-c
thôn Lùng Mán	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 11"	106° 34' 40"					F-48-58-A-c
thôn Lùng Pá	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 03"	106° 37' 18"					F-48-58-A-c
hang Lùng Yên	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 39"	106° 35' 08"					F-48-58-A-c
bản Nà Bó	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 42"	106° 36' 00"					F-48-58-A-c
bản Nà Lìn	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 15"	106° 36' 04"					F-48-58-A-c
bản Nặm Bó	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 37' 13"					F-48-58-A-c
bản Nặm Dạt	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 10"	106° 35' 47"					F-48-58-A-c
thôn Năm Lạt	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 35' 53"					F-48-58-A-c
núi Phai Mật	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 35' 53"					F-48-58-A-c
thôn Phai Rọ	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 13"	106° 35' 51"					F-48-58-A-c
khau Pì	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 19"	106° 37' 06"					F-48-58-A-c
bản Pò Mặn	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 19"	106° 36' 44"					F-48-58-A-c
thôn Pò Xè	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 50"	106° 36' 06"					F-48-58-A-c
khau Thán	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 31"	106° 35' 03"					F-48-58-A-c
đường tỉnh 232	KX	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan			22° 00' 35"	106° 34' 36"	21° 56' 59"	106° 33' 59"	F-48-46-C
thôn Bản Cháo	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 59' 29"	106° 34' 31"					F-48-58-A-a
thôn Bản Hẻo	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 34"	106° 34' 16"					F-48-58-A-a
bản Bó Danh	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 57' 54"	106° 34' 22"					F-48-58-A-a
núi Cốc Phung	SV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	22° 00' 28"	106° 32' 36"					F-48-46-C
thôn Còn Pù	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 57' 38"	106° 33' 23"					F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Còn Sát	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 56' 31"	106° 34' 18"					F-48-58-A-a
núi Khau Lỳ	SV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 56' 09"	106° 33' 40"					F-48-58-A-a
thôn Khun Thẩm	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 36"	106° 32' 38"					F-48-58-A-a
sông Kỳ Cùng	TV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan			21° 58' 16"	106° 36' 06"	22° 00' 58"	106° 35' 02"	F-48-58-A-a
bản Lùng Đin	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	22° 00' 11"	106° 34' 11"					F-48-46-C
bản Mò Khưa	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 02"	106° 34' 48"					F-48-58-A-a
bản Nà Ho	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 59' 20"	106° 33' 30"					F-48-58-A-a
thôn Nà Lắc	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 58"	106° 34' 44"					F-48-58-A-a
núi Nà Mu	TV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 33"	106° 33' 14"					F-48-58-A-a
suối Phai Slảo	TV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan			22° 00' 23"	106° 33' 37"	22° 00' 58"	106° 35' 02"	F-48-46-C
bản Phiêng Khắc	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	22° 00' 11"	106° 35' 11"					F-48-46-C
bản Cóc Loi	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 49' 21"	106° 38' 31"					F-48-58-A-d
thôn Khau Đắng	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 48' 46"	106° 38' 17"					F-48-58-A-d
bản Khau Muồn	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 48' 58"	106° 38' 36"					F-48-58-A-d
thôn Khau Ràng	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 49' 42"	106° 40' 00"					F-48-58-A-d
bản Khòn Cáu	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 49' 49"	106° 38' 08"					F-48-58-A-d
thôn Khòn Luộc	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 49' 47"	106° 38' 20"					F-48-58-A-d
suối Lùng Thương	TV	xã Tràng Các	H. Văn Quan			21° 50' 54"	106° 38' 49"	21° 49' 40"	106° 39' 33"	F-48-58-A-d
khau Moòng	SV	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 51' 11"	106° 38' 16"					F-48-58-A-d
thôn Nà Ái	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 49' 10"	106° 38' 47"					F-48-58-A-d
thôn Nà Khàn	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 50' 05"	106° 38' 07"					F-48-58-A-d
thôn Nà Lẹ	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 50' 56"	106° 37' 33"					F-48-58-A-d
suối Nà Lìn	TV	xã Tràng Các	H. Văn Quan			21° 49' 40"	106° 39' 33"	21° 49' 46"	106° 40' 17"	F-48-58-A-d
thôn Nà Phắt	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 50' 22"	106° 38' 07"					F-48-58-A-d
thôn Nà Tao	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 50' 16"	106° 39' 12"					F-48-58-A-d
thôn Nà Thườm	DC	xã Tràng Các	H. Văn Quan	21° 49' 22"	106° 39' 12"					F-48-58-A-d
suối Nà Thườm	TV	xã Tràng Các	H. Văn Quan			21° 48' 27"	106° 38' 01"	21° 49' 40"	106° 39' 33"	F-48-58-A-d
đường tỉnh 239	KX	xã Tràng Phái	H. Văn Quan			21° 47' 48"	106° 36' 26"	21° 45' 57"	106° 38' 31"	F-48-58-A-c
thôn Bản Háu	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 20"	106° 37' 25"					F-48-58-A-c
thôn Còn Chuông	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 03"	106° 36' 24"					F-48-58-A-c
làng Dưới	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 01"	106° 37' 07"					F-48-58-A-c
bản Đông Ké	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 31"	106° 36' 41"					F-48-58-A-c
bản Đồng Lâu	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 36' 09"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Khòn Đon	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 09"	106° 36' 42"					F-48-58-A-c
bản Khòn Mấn	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 29"	106° 37' 60"					F-48-58-A-d
bản Khòn Ngoà	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 37' 13"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Riềng	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 42"	106° 36' 38"					F-48-58-A-c
bản Khòn Sáng	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 12"	106° 37' 32"					F-48-58-A-d
bản Khòn Vạc	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 29"	106° 37' 04"					F-48-58-A-c
bản Khòn Yên	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 52"	106° 37' 35"					F-48-58-A-d
bản Lũng Hủ	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 30"	106° 34' 15"					F-48-58-A-c
bản Lùng Lỵ	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 37"	106° 37' 17"					F-48-58-A-c
thôn Lùng Thúm	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 12"	106° 35' 11"					F-48-58-A-c
bản Mò Pài	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 17"	106° 36' 42"					F-48-58-A-c
thôn Nà Chanh	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 40"	106° 37' 40"					F-48-58-A-d
bản Nà Khưa	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 36' 36"					F-48-58-A-c
bản Na Lẹng	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 38"	106° 35' 09"					F-48-58-A-c
bản Nà Lùm	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 59"	106° 35' 21"					F-48-58-A-c
bản Nà Pài	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 52"	106° 36' 25"					F-48-58-A-c
bản Nà Pò	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 38' 04"					F-48-58-A-d
hang Ngườm Nặm	SV	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 36"	106° 35' 03"					F-48-58-A-c
bản Pắc Đẩy	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 35"	106° 36' 26"					F-48-58-A-c
thôn Phai Làng	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 09"	106° 36' 51"					F-48-58-A-c
hang Phia Lộng (Phya Lộng)	SV	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 39"	106° 37' 06"					F-48-58-A-c
bản Pò Ổi	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 02"	106° 35' 37"					F-48-58-A-c
bản Pò Riềng	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 38"	106° 36' 51"					F-48-58-A-c
bản Sanh Chài	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 55"	106° 35' 12"					F-48-58-A-c
khau Sen	SV	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 33"	106° 37' 39"					F-48-58-A-d
bản Thâm Duốc	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 54"	106° 38' 10"					F-48-58-A-d
thôn Túng Nọi	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 48' 55"	106° 34' 03"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tùng Tày	DC	xã Tràng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 23"	106° 36' 59"					F-48-58-A-c
đường tỉnh 239	KX	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan							
thôn Bản Pảng	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 00"	106° 33' 41"					F-48-58-A-c
bản Bó Phan	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 48' 51"	106° 33' 40"					F-48-58-A-c
núi Cốc Tàu Phồi	SV	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 15"	106° 34' 06"					F-48-58-A-c
thôn Kéo Còi	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 33' 43"					F-48-58-A-c
núi Kéo Xốp	SV	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 48' 37"	106° 34' 46"					F-48-58-A-c
thôn Khau Thán	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 34' 52"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Cát	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 35' 10"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Làng	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 31"	106° 35' 07"					F-48-58-A-c
bản Khòn Thon	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 26"	106° 34' 12"					F-48-58-A-c
bản Lũng Hà	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 38"	106° 33' 05"					F-48-58-A-c
thôn Lùng Tàu - Lùng Pha	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 48' 37"	106° 34' 26"					F-48-58-A-c
bản Nà Hấy	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 41"	106° 33' 57"					F-48-58-A-c
thôn Nà Mu - Nà Lá	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 56"	106° 34' 16"					F-48-58-A-c
bản Phiền Mậu	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 29"	106° 34' 24"					F-48-58-A-c
núi Say Khau	SV	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 38"	106° 33' 06"					F-48-58-A-c
bản Thàng Tắm	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 38"	106° 34' 52"					F-48-58-A-c
bản Thí	DC	xã Tràng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 41"	106° 35' 22"					F-48-58-A-c
thôn Bản Bang	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 31"	106° 25' 54"					F-48-57-B-d
suối Bản Bang	TV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan			21° 47' 58"	106° 25' 47"	21° 47' 08"	106° 26' 34"	F-48-57-B-d
thôn Bản Châu	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 48"	106° 27' 44"					F-48-57-B-d
suối Bản Châu 1	TV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan			21° 46' 28"	106° 25' 36"	21° 47' 08"	106° 26' 34"	F-48-57-B-d
suối Bản Châu 2	TV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan			21° 45' 34"	106° 27' 53"	21° 47' 17"	106° 27' 23"	F-48-57-B-d
bản Bó Vú	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 54"	106° 25' 37"					F-48-57-B-d
bản Ca Hướng	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 32"	106° 25' 54"					F-48-57-B-d
đèo Canh Khuyết	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 40"	106° 27' 20"					F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Chọc Cỏi	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 28' 25"					F-48-57-B-d
núi Co Cam	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 28' 23"					F-48-57-B-d
bản Cốc Sa	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 08"	106° 25' 08"					F-48-57-B-d
đèo Cướm	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 06"	106° 28' 31"					F-48-57-B-d
thôn Đèo Luông	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 28"	106° 28' 19"					F-48-57-B-d
núi Keng Hán	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 33"	106° 28' 34"					F-48-57-B-d
núi Keng Lân	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 24' 23"					F-48-57-B-d
bản Kéo Chài	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 40"	106° 26' 55"					F-48-57-B-d
bản Khau Phai	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 07"	106° 27' 26"					F-48-57-B-d
núi Khòn Dăm	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 49' 03"	106° 26' 55"					F-48-57-B-d
thôn Khòn Vả	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 27"	106° 27' 44"					F-48-57-B-d
bản Khum Mần	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 26' 47"					F-48-57-B-d
núi Khum Mần	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 49"	106° 26' 38"					F-48-57-B-d
đèo Lân	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 06"	106° 25' 03"					F-48-57-B-d
bản Lọ Phải	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 42"	106° 25' 24"					F-48-57-B-d
đèo Lùng Chiếu	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 20"	106° 29' 22"					F-48-57-B-d
bản Lũng Phòn	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 43"	106° 24' 48"					F-48-57-B-d
thôn Lũng Phúc	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 31"	106° 26' 54"					F-48-57-B-d
bản Lũng Vàn	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 52"	106° 26' 28"					F-48-57-B-d
bản Lũng Ví	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 39"	106° 28' 04"					F-48-57-B-d
thôn Nà Bó	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 25' 29"					F-48-57-B-d
thôn Nà Chàu	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 20"	106° 25' 48"					F-48-57-B-d
thôn Nà Chuông	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 58"	106° 27' 56"					F-48-57-B-d
suối Nà Chuông	TV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan			21° 47' 17"	106° 27' 23"	21° 48' 40"	106° 27' 57"	F-48-57-B-d
núi Nà Hà	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 27' 08"					F-48-57-B-d
đèo Nà Khảo	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 52"	106° 26' 13"					F-48-57-B-d
bản Nà Lạt	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 10"	106° 26' 10"					F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Lày	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 19"	106° 27' 28"					F-48-57-B-d
bản Nà Lìn	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 27' 39"					F-48-57-B-d
bản Nà Loóc	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 27' 52"					F-48-57-B-d
bản Nà Mu	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 49"	106° 27' 57"					F-48-57-B-d
bản Nà Mục	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 21"	106° 27' 16"					F-48-57-B-d
bản Nà Pất	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 53"	106° 27' 27"					F-48-57-B-d
bản Phai Tềnh	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 30"	106° 28' 14"					F-48-57-B-d
bản Phấn	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 25' 19"					F-48-57-B-d
đèo Pò Chài	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 27"	106° 26' 23"					F-48-57-B-d
bản Quan Tài	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 47"	106° 27' 18"					F-48-57-B-d
núi Sa Thần	SV	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 09"	106° 28' 00"					F-48-57-B-d
bản Tát Lùng	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 27"	106° 26' 58"					F-48-57-B-d
thôn Thuồng Duống	DC	xã Tri Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 59"	106° 27' 12"					F-48-57-B-d
quốc lộ 1B	KX	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 50' 05"	106° 28' 09"	21° 51' 08"	106° 30' 42"	F-48-57-B-d
cầu Bản Giềng	KX	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 58"	106° 28' 28"					F-48-57-B-d
thôn Bản Mù	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 42"	106° 28' 44"					F-48-57-B-d
khe Bản Mù	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 52' 04"	106° 28' 51"	21° 51' 32"	106° 28' 44"	F-48-57-B-d
thôn Bó Cáng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 48' 54"	106° 28' 30"					F-48-57-B-d
cầu Bó Pia (Bó Pya)	KX	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 03"	106° 30' 26"					F-48-58-A-c
núi Cốc Càng	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 27' 55"					F-48-57-B-b
bản Giềng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 04"	106° 28' 47"					F-48-57-B-d
sông Hang	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 50' 01"	106° 28' 24"	21° 50' 44"	106° 29' 49"	F-48-57-B-d
thôn Hang Nà	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 29' 18"					F-48-57-B-d
núi Hin Phéc	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 15"	106° 29' 39"					F-48-57-B-d
núi Khau Phai	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 03"	106° 27' 16"					F-48-57-B-d
núi Khau Quan	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 48"	106° 27' 23"					F-48-57-B-b
bản Khòn Khoang	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 04"	106° 29' 11"					F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Khum Khinh	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 28"	106° 27' 49"					F-48-57-B-d
bản Khum Nhù	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 07"	106° 27' 46"					F-48-57-B-d
bản Khuổi Loỏng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 30"	106° 27' 40"					F-48-57-B-d
suối Khuổi Loỏng	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 49' 36"	106° 27' 48"	21° 49' 58"	106° 28' 24"	F-48-57-B-d
núi Lằng Ca	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 21"	106° 27' 26"					F-48-57-B-d
núi Lăng Đình	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 24"	106° 27' 56"					F-48-57-B-d
thôn Lũng Cải	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 17"	106° 30' 13"					F-48-58-A-c
núi Lũng Chiếu	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 48' 49"	106° 29' 19"					F-48-57-B-d
bản Lùng Noong	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 32"	106° 29' 11"					F-48-57-B-d
bản Lũng Phúc	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 25"	106° 30' 25"					F-48-58-A-c
núi Lùng Sláy	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 55"	106° 30' 38"					F-48-58-A-c
núi Mạ Tiếu Kha	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 05"	106° 30' 49"					F-48-58-A-c
sông Mô Pia	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 50' 44"	106° 29' 49"	21° 51' 10"	106° 30' 42"	F-48-58-A-c
bản Mù Trên	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 09"	106° 28' 46"					F-48-57-B-d
bản Nà Chèng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 28' 32"					F-48-57-B-d
suối Nà Chèng	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 48' 40"	106° 27' 57"	21° 49' 58"	106° 28' 24"	F-48-57-B-d
thôn Nà Đông	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 53' 13"	106° 29' 09"					F-48-57-B-b
thôn Nà Lốc	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 29' 43"					F-48-57-B-b
sông Nà Lốc	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 53' 53"	106° 29' 07"	21° 52' 15"	106° 29' 58"	F-48-57-B-d
núi Nà Ngần	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 53' 26"	106° 27' 20"					F-48-57-B-b
bản Nà Phường	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 11"	106° 28' 35"					F-48-57-B-d
bản Nà Quạng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 28' 57"					F-48-57-B-d
bản Pá Phấy	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 48' 54"	106° 28' 09"					F-48-57-B-d
bản Pắc Kéo	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 16"	106° 29' 11"					F-48-57-B-d
suối Phi Pha	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 54' 05"	106° 28' 44"	21° 53' 53"	106° 29' 07"	F-48-57-B-b
bản Phiêng Niểng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 46"	106° 29' 57"					F-48-57-B-d
bản Sào Thông	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 57"	106° 28' 20"					F-48-57-B-b
thôn Thanh Lạng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 53' 45"	106° 29' 11"					F-48-57-B-b
quốc lộ 1B	KX	xã Văn An	H. Văn Quan			21° 52' 46"	106° 34' 43"	21° 52' 58"	106° 37' 27"	F-48-58-A-a
thôn Bản Làn	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 10"	106° 36' 33"					F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bản Nhuần	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 28"	106° 35' 14"					F-48-58-A-a
núi Cốc Ngàn	SV	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 54' 26"	106° 35' 18"					F-48-58-A-a
khối Điềm He 1	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 40"	106° 35' 51"					F-48-58-A-a
thôn Đông Pha	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 52' 38"	106° 36' 58"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Háo	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 21"	106° 35' 35"					F-48-58-A-a
sông Kỳ Cùng	TV	xã Văn An	H. Văn Quan			21° 53' 03"	106° 37' 27"	21° 54' 30"	106° 35' 44"	F-48-58-A-a
đèo Lùng Pa	SV	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 34' 43"					F-48-58-A-a
thôn Nà Pàn	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 02"	106° 36' 36"					F-48-58-A-a
thôn Phai Cam	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 54' 02"	106° 35' 14"					F-48-58-A-a
núi Phai Và	SV	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 54' 04"	106° 35' 35"					F-48-58-A-a
đường tỉnh 232	KX	xã Vân Mộng	H. Văn Quan			21° 56' 26"	106° 33' 03"	21° 54' 42"	106° 33' 52"	F-48-58-A-a
đèo Cầu Tập	SV	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 54' 53"	106° 33' 46"					F-48-58-A-a
núi Cốc Min	SV	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 17"	106° 32' 02"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Cải	DC	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 06"	106° 33' 44"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Duông	DC	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 29"	106° 33' 06"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Lạn	DC	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 04"	106° 33' 17"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Tẩu Ư (Khòn Tẩu)	DC	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 52"	106° 33' 15"					F-48-58-A-a
núi Lăng Khuyên	SV	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 16"	106° 32' 29"					F-48-58-A-a
bản Lũng Lìu	DC	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 39"	106° 32' 29"					F-48-58-A-a
thôn Nà Pua	DC	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 00"	106° 32' 02"					F-48-58-A-a
núi Phai Lỷ	SV	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 55' 13"	106° 32' 57"					F-48-58-A-a
núi Tềnh Bó	SV	xã Vân Mộng	H. Văn Quan	21° 56' 32"	106° 33' 20"					F-48-58-A-a
đường tỉnh 232	KX	xã Việt Yên	H. Văn Quan			21° 56' 59"	106° 33' 59"	21° 56' 26"	106° 33' 03"	F-48-58-A-a
đèo Cốc Quân	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 45"	106° 32' 48"					F-48-58-A-a
đèo Đá	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 02"	106° 33' 52"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Bó	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 37"	106° 33' 07"					F-48-58-A-a
thôn Khòn Coọng	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 10"	106° 32' 36"					F-48-58-A-a
núi Lùng Pán	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 16"	106° 33' 52"					F-48-58-A-a
núi Lùng Tàn	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 34"	106° 32' 14"					F-48-58-A-a
bản Nà Lài	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 37"	106° 32' 49"					F-48-58-A-a
thôn Nà Lùng	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 13"	106° 33' 37"					F-48-58-A-a
thôn Nà Me	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 50"	106° 33' 26"					F-48-58-A-a
thôn Nà Rằng	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 57"	106° 33' 06"					F-48-58-A-a
suối Phả Lạn	TV	xã Việt Yên	H. Văn Quan			21° 56' 38"	106° 33' 15"	21° 58' 24"	106° 32' 59"	F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1B	KX	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan			21° 52' 44"	106° 33' 12"	21° 53' 01"	106° 34' 12"	F-48-58-A-a
thôn Bản Bác	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 52' 58"	106° 33' 14"					F-48-58-A-a
thôn Bản Lải	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 02"	106° 33' 36"					F-48-58-A-a
núi Bó Nộc	SV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 17"	106° 34' 29"					F-48-58-A-a
cầu Hát Bon	KX	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 14"	106° 34' 00"					F-48-58-A-a
sông Mô Pia	TV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan			21° 52' 46"	106° 32' 57"	21° 55' 12"	106° 34' 39"	F-48-58-A-a
thôn Nà Bung	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 22"	106° 34' 06"					F-48-58-A-a
thôn Nà Lộc	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 09"	106° 33' 35"					F-48-58-A-a
thôn Nà Pò	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 42"	106° 34' 47"					F-48-58-A-a
thôn Nà Súng	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 45"	106° 33' 44"					F-48-58-A-a
thôn Nà Tềnh	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 29"	106° 33' 55"					F-48-58-A-a
núi Phai SLuông	SV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 33"	106° 33' 22"					F-48-58-A-a
núi Tùng Lầy	SV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 52"	106° 33' 56"					F-48-58-A-a
thôn Bản Coóng 1	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 51' 22"	106° 31' 20"					F-48-58-A-c
thôn Bản Coóng 2	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 51' 34"	106° 31' 19"					F-48-58-A-c
thôn Bản Dạ	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 36"	106° 31' 50"					F-48-58-A-c
núi Bó Phi	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 32"	106° 33' 18"					F-48-58-A-c
sông Bó Xuất	TV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan			21° 49' 26"	106° 31' 41"	21° 51' 20"	106° 31' 39"	F-48-58-A-c
bản Cóc Loi	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 55"	106° 33' 07"					F-48-58-A-c
thôn Cưởm Dưới	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 55"	106° 32' 56"					F-48-58-A-c
thôn Cưởm Trên	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 16"	106° 33' 05"					F-48-58-A-c
núi Kéo Nòn	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 50' 28"	106° 32' 34"					F-48-58-A-c
thôn Khòn Khẻ	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 55"	106° 31' 37"					F-48-58-A-c
bản Lùng Khoang	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 42"	106° 32' 18"					F-48-58-A-c
khau Muồng	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 47' 49"	106° 33' 01"					F-48-58-A-c
thôn Nà Bảnh	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 50' 10"	106° 31' 23"					F-48-58-A-c
bản Nà Đa	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 13"	106° 32' 53"					F-48-58-A-c
núi Nặm Tấu	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 51"	106° 32' 39"					F-48-58-A-c
núi Pha Lầy Về	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 50' 54"	106° 32' 11"					F-48-58-A-c
quốc lộ 279	KX	xã Yên Phúc	H. Văn Quan			21° 47' 28"	106° 32' 12"	21° 45' 06"	106° 32' 33"	F-48-58-A-c
thôn Bắc	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 19"	106° 33' 09"					F-48-58-A-c
khau Cang	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 58"	106° 33' 09"					F-48-58-A-c
thôn Chợ Bãi	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 18"	106° 32' 17"					F-48-58-A-c
bản Cốc Mìn	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 32' 08"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Cốc Mỹ	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 03"	106° 32' 10"					F-48-58-A-c
bản Hùng Phác	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 04"	106° 32' 28"					F-48-58-A-c
bản Kéo Đẩy	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 22"	106° 32' 19"					F-48-58-A-c
bản Khau Kít	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 08"	106° 30' 33"					F-48-58-A-c
bản Khòn Am	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 27"	106° 31' 34"					F-48-58-A-c
bản Khòn Cạng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 44"	106° 31' 47"					F-48-58-A-c
bản Khòn Choòng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 33"	106° 32' 13"					F-48-58-A-c
bản Khòn Chùa	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 26"	106° 31' 54"					F-48-58-A-c
bản Khòn Kéo	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 11"	106° 30' 45"					F-48-58-A-c
bản Khòn Linh	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 23"	106° 32' 16"					F-48-58-A-c
bản Khòn Quặc	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 57"	106° 32' 28"					F-48-58-A-c
bản Khòn Săn	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 58"	106° 30' 47"					F-48-58-A-c
bản Khòn Sào	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 24"	106° 31' 10"					F-48-58-A-c
bản Khòn Sày	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 18"	106° 31' 53"					F-48-58-A-c
bản Khum Khẩu	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 49"	106° 32' 31"					F-48-58-A-c
bản Khum Lùng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 31' 24"					F-48-58-A-c
đèo Lũng Cất	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 16"	106° 28' 57"					F-48-57-B-d
bản Lùng Quân	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 39"	106° 30' 11"					F-48-58-A-c
suối Mơ	TV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan			21° 46' 37"	106° 31' 19"	21° 47' 05"	106° 32' 09"	F-48-58-A-c
bản Moòng Luông	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 13"	106° 30' 14"					F-48-58-A-c
bản Nà Bon	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 16"	106° 33' 15"					F-48-58-A-c
bản Nà Khau	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 34"	106° 32' 33"					F-48-58-A-c
bản Nà Lẹng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 15"	106° 32' 52"					F-48-58-A-c
bản Nà Mèo	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 32' 12"					F-48-58-A-c
bản Nà Om	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 32' 04"					F-48-58-A-c
bản Nà Thẳm	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 36"	106° 31' 34"					F-48-58-A-c
bản Nà Thướn	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 38"	106° 32' 26"					F-48-58-A-c
bản Nhà Trung	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 44"	106° 32' 12"					F-48-58-A-c
bản Pác Lùng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 59"	106° 31' 15"					F-48-58-A-c
bản Pắc Tặng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 57"	106° 32' 32"					F-48-58-A-c
bản Phai Ca	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 51"	106° 32' 14"					F-48-58-A-c
bản Phai Mới	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 15"	106° 32' 16"					F-48-58-A-c
núi Phai Tàn	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 39"	106° 33' 24"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Sa Bó	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 52"	106° 31' 48"					F-48-58-A-c
bản Sào Mạ	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 39"	106° 32' 51"					F-48-58-A-c
thôn Tây A	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 33"	106° 31' 59"					F-48-58-A-c
bản Thiên Tảng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 39"	106° 31' 30"					F-48-58-A-c
núi Xa Khế	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 32"	106° 29' 28"					F-48-57-B-d

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

www.LuatVietnam.vn